

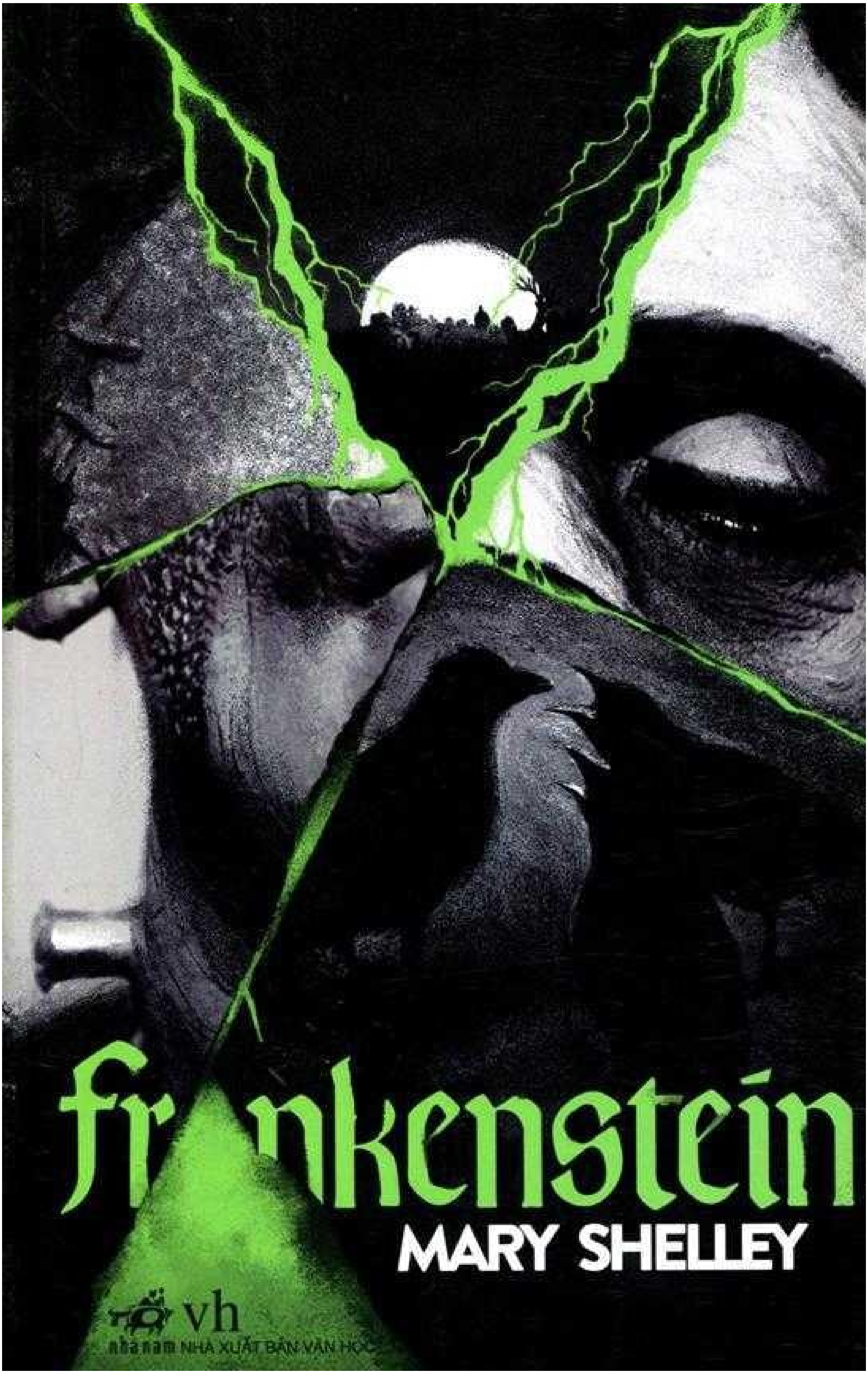
frankenstein

MARY SHELLEY

nhã nam NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

FRANKENSTEIN

hay Prometheus thời Hiện đại


fr nkenstein
MARY SHELLEY
vh
nhã nam NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Nguyên tác: Frankenstein; *or*, The Modern Prometheus
Tác giả: Mary Shelley
Thể loại: Kinh dị, Gothic, Lãng mạn, Khoa học viễn tưởng
Dịch giả: Lê Nguyệt Áng
Nhà xuất bản: Văn học
Liên kết xuất bản và phát hành: Nhã Nam

Nguồn: tve-4u.org
Kiểm tra và đóng ebook: Nguyễn Tuấn Linh

MỤC LỤC

Về tác giả



Mary Shelley, tên thời con gái là Mary Wollstonecraft Shelley (1797-1851), là nhà văn, kịch tác gia Anh, nổi tiếng nhất với cuốn tiểu thuyết Gothic *Frankenstein*, hay *Prometheus thời Hiện đại* (thường biết đến với tên *Frankenstein*). Bà cũng từng là người biên tập và quảng bá cho

các tác phẩm của chồng - triết gia, nhà thơ lãng mạn Percy Bysshe Shelley. Cha bà là nhà triết học chính trị William Godwin; còn mẹ bà là nhà triết học, nhà nữ quyền Mary Wollstonecraft.

Mary Shelley được biết tới phần lớn là vì những nỗ lực xuất bản các tác phẩm của Percy Shelley và tiểu thuyết Frankenstein của bà. Cuốn sách được viết từ năm bà 18 tuổi và đến nay vẫn gợi cảm hứng cho rất nhiều vở kịch và phim hiện đại. Ngoài ra, bà còn là tác giả của một số tiểu thuyết nổi tiếng khác: *Valperga* (1823), *The Last Man* (1826), *The Fortunes of Perkin Warbeck* (1830), *Lodore* (1835) và *Falkner* (1837).

Mary Shelley đã có một bước khởi đầu mạnh mẽ vào thế giới văn chương khi *Frankenstein*, hay *Prometheus thời Hiện đại* được xuất bản vào tháng 6/1818. Trước đó, tháng 6/1816, đáp lại lời thách đố của Huân tước Byron rằng các vị khách tới thăm nhà mình mỗi người viết một câu chuyện ma. Mary Shelley đã tưởng tượng ra "một con người đáng sợ như con quỷ" - nhân vật sau trở thành một sinh vật bối rối nhưng nhạy cảm sâu sắc trong *Frankenstein*. Trong khi rất nhiều kịch bản chuyển thể sân khấu, truyền hình và phim ảnh từ tác phẩm *Frankenstein* đã đơn giản hóa những xúc cảm và trí tuệ phức tạp của Victor Frankenstein và sinh vật này tạo ra cho thế giới, cuốn tiểu thuyết lại không như vậy. Sức mạnh vĩnh cửu của nó đã được chứng tỏ qua một loạt phản ứng bùng nổ với vô số các bài phê bình văn học và hơn chín mươi kịch bản chuyển thể các loại từ khi tác phẩm ra đời. Cuốn sách trở thành một tác phẩm kinh điển mọi thời đại trong thể loại của mình.

Trong cái vỏ một câu chuyện kinh dị hoang đường độc nhất vô nhị. *Frankenstein* của Mary Shelley mang những ngụ ý triết học và đạo đức lớn lao: sự đối lập giữa những gì con người tạo ra với tự nhiên; cái thiện và cái ác; tham vọng và trách nhiệm xã hội - những chủ đề chiếm trọn sự chú ý của độc giả và khơi gợi những suy tư sâu sắc về những vấn đề nhạy cảm nhất của thời đại chúng ta.

Về tác phẩm

Victor Frankenstein! Người phát minh, nhà khoa học đáng nguyền rủa! Mười lăm tuổi, anh chứng kiến trận sấm sét kinh hoàng thiêu rụi một cây sồi. Số phận anh được vạch sẵn từ đó…

Sau nhiều năm miệt mài nghiên cứu, anh đã nhào nặn ra một sự sống từ những vật liệu "sơ cấp". Một sinh vật khủng khiếp được thai nghén từ những phần khác nhau của xác chết vào một đêm kinh hoàng. Sản phẩm của Frankenstein! Một con quái vật! Gớm ghiếc, chưa hoàn thiện nhưng được trang bị sức mạnh siêu phàm và ý thức về nỗi cô đơn của mình. Từ thân phận lẽ ra là nô lệ, hắn trở thành ông chủ, quay lại trả thù chính người tạo ra mình. Hắn cần một sinh vật giống cái giống mình để cùng chung sống và trao đổi những tình cảm cần thiết cho sự tồn tại. Đối với Frankenstein, địa ngục mới chỉ bắt đầu…

Thai nghén từ một cơn ác mộng và được viết ra khi tác giả của nó mới mười tám tuổi, Frankenstein là một câu chuyện gây ám ảnh sâu sắc. Câu chuyện về tạo vật gớm guốc này đã gây sửng sốt, kinh hoàng và thích thú cho người đọc bao thế hệ kể từ lần xuất bản đầu tiên vào năm 1818. Cuốn sách được xếp vào hàng kinh điển, đồng thời giành cho mình vị trí như một trong những tác phẩm tiên phong trong thể loại tiểu thuyết khoa học giả tưởng hiện đại.

LỜI GIỚI THIỆU CỦA TÁC GIẢ

Những người ấn hành tủ *Standard Novels*[1], khi chọn in cuốn Frankenstein trong một tập sách của mình, có tỏ ý mong tôi viết đôi lời giải thích về nguồn gốc câu chuyện. Bản thân tôi cũng rất vui lòng làm điều đó để có cơ hội đưa ra câu trả lời chung cho câu hỏi vẫn thường được nghe: Làm sao mà tôi, khi còn là một cô gái trẻ như thế, có thể nghĩ tới và tô vẽ tỉ mỉ cho một ý tưởng gớm guốc đến vậy? Quả đúng là tôi luôn phản đối chuyện đem bản thân ra làm đề tài cho xuất bản, nhưng vì lời giải thích này sẽ chỉ là phụ lục thêm vào một cuốn sách đã in trước đó, và vì nó sẽ chỉ hạn chế trong những gì liên quan đến tư cách tác giả của tôi, tôi không thể tự buộc tội đang bắt độc giả chịu đựng mình được.

Là con gái của hai nhân vật nổi tiếng trên văn đàn, thiết tưởng không có gì lạ khi tôi đã có ý tưởng viết văn từ rất sớm. Ngày bé tôi đã nguệch ngoạc chữ nghĩa; và thú vui lớn nhất của tôi, trong những lúc được phép chơi đùa, là "viết truyện". Thế nhưng tôi còn một thú vui lớn hơn thế nữa, đó là xây những lâu đài trên không - chìm đắm vào những giấc mơ ngày - buông theo những luồng suy nghĩ để tạo ra hàng chuỗi sự kiện tưởng tượng. Những giấc mơ đó vừa lạ lùng vừa thuyết phục hơn những gì tôi viết. Chuyện viết lách của tôi chỉ như sao lại trung thành người khác - làm sao để viết như người khác đã viết, chứ không viết ra những gì chính mình trí não đề xuất. Những thứ tôi viết có nhằm dành cho ít nhất một người khác đọc - người bạn chơi, bạn tâm tình hồi nhỏ của tôi; nhưng những giấc mơ là của riêng tôi; tôi không thuật lại chúng cho ai hết; đó là nơi tôi ẩn náu mỗi khi chán nản, là thú vui quý giá nhất những lúc tôi rỗi rãi.

Hồi còn nhỏ tôi sống chủ yếu ở vùng quê, và đã sống một thời gian khá dài ở Scotland. Đôi khi tôi có thăm thú những nơi phong cảnh đẹp hơn, nhưng nơi trú ngụ thường xuyên của tôi là bờ Bắc sông Tay gần Dundee, một nơi đồng không mông quạnh. "Đồng không mông quạnh" là đối với bây giờ hồi tưởng lại, nhưng lúc ấy tôi không thấy vậy. Ấy là tổ đại bàng của đôi cánh tự do, là vùng đất sung sướng không người kiểm soát, nơi tôi gần gụi được với những sinh vật do tôi tưởng tượng. Thời kỳ ấy tôi đã viết - tuy bằng

một phong cách rất ư thô thiển. Dưới những cây cao quanh vùng đất của nhà tôi hoặc bên rìa dãy núi non trơ trụi gần đó là nơi những sáng tác thực sự của tôi, những chuyến bay trên đôi cánh của trí tưởng tượng, được ra đời và ấp ủ. Tôi không dùng mình làm nhân vật chính của những câu chuyện đó. Cuộc đời đối với tôi là một sự kiện quá nhàm tẻ nếu chỉ khuôn trong chính mình. Tôi không hình dung được số phận mình sẽ có bao giờ gặp những nỗi phiền muộn lãng mạn hoặc những sự kiện diệu kỳ; nhưng tôi cũng không chỉ bó hẹp trong giống loài mình, và thời gian trôi qua với đầy ắp sinh vật mà ở tuổi ấy tôi thấy kỳ thú hơn nhiều so với những gì giác quan đưa lại.

Sau thời kỳ đó cuộc sống của tôi bận bịu hơn, thực tế đã thế chỗ tưởng tượng. Tuy nhiên, ngay từ đầu, chồng tôi đã rất quan tâm đến chuyện tôi cần tỏ ra xứng đáng với gia đình và ghi danh mình vào hàng ngũ những người nổi tiếng. Anh luôn thúc đẩy tôi tìm kiếm danh vị văn chương, mà bản thân tôi lúc đó cũng trọng thị điều này, dù từ đó đến nay tôi đã trở nên vô cùng ơ thờ với nó. Lúc này anh muốn tôi viết không phải vì cho rằng tôi có thể chế ra được cái gì đáng giá, mà cốt để anh đánh giá xem tôi có thể hứa hẹn đến đâu những thành tựu tương lai. Nhưng tôi vẫn chưa làm gì cả. Những chuyến đi liên miên, và việc chăm sóc một gia đình đã choán hết thời gian của tôi; và học tập, cụ thể là đọc sách và phát triển ý tưởng của mình nhờ trao đổi với trí tuệ được bồi đắp hơn tôi rất nhiều của anh, là tất cả công cuộc theo đòi văn học được tôi quan tâm lúc ấy.

Mùa hè năm 1816, chúng tôi thăm Thụy Sĩ, trở thành láng giềng của Huân tước Byron[2]. Ban đầu chúng tôi cùng hưởng những giờ phút tuyệt diệu trên mặt hồ, hoặc lang thang quanh bờ hồ, và Byron, lúc này đang viết đoạn ba của *Childe Harold*, là người duy nhất trong số chúng tôi đã ghi lại cảm xúc của mình trên mặt giấy. Những cảm xúc này, mà ông đem cho chúng tôi xem liên tục, được tắm trong ánh sáng và nhịp điệu của thi ca, đã nâng cảnh sắc huy hoàng của trời và đất mà chúng tôi chia sẻ ấn tượng cùng ông lên tầm thần thánh.

Thế nhưng đó hóa ra lại là một mùa hè ướt át, trái tính trái nết, và chúng tôi thường bị giam chân trong nhà vì những trận mưa liên miên. Một bộ truyện ma Đức dịch sang tiếng Pháp[3] vô tình rơi vào tay chúng tôi. Có một truyện thuật sự tích một người tình không chung thủy, khi định ôm siết cô vợ mới vừa thề nguyền trước Chúa lại thấy mình ở trong vòng tay hồn ma cô gái anh từng ruồng rẫy. Lại còn chuyện về người cha tội lỗi của cả một

dòng tộc, chịu số phận khủng khiếp là phải ban chiếc hôn tử thần trên trán mọi đứa con trai trừ con trưởng của dòng họ giữa lúc chúng lớn lên đang độ đầy hứa hẹn. Bóng ma khổng lồ của ông ta, trang phục giống như hồn ma trong *Hamlet*, giáp trụ toàn thân, riêng mũ sắt lật lên, xuất hiện đúng nửa đêm dưới ánh trăng lúc mờ lúc tỏ, chầm chậm đi trên con đường tăm tối. Cái bóng biến mất sau những bức tường lâu đài mờ tối; nhưng bỗng cánh cổng bật tung ra, có tiếng bước chân, cửa phòng ngủ mở, và ông ta tiến đến giường nằm của những đứa trẻ đang độ lớn khôn, đang được vỗ về trong giấc ngủ. Nỗi đau đớn vĩnh hằng hiện rõ trên khuôn mặt khi ông cúi xuống hôn vào trán những cậu bé, từ phút đó trở đi tàn úa như cánh hoa lìa cành. Suốt từ bấy đến nay tôi chưa đọc lại những truyện này, nhưng nó vẫn hiện rõ mồn một trong tâm trí tôi như vừa mới đọc

"Mỗi người chúng ta sẽ viết một truyện ma," Huân tước Byron bảo; đề nghị này được mọi người hưởng ứng. Chúng tôi có cả thảy bốn người. Nhà thơ quý tộc bắt đầu một truyện mà một phần của nó in ở cuối bài thơ *Mazeppa*. Shelley, vốn quen thể hiện ý tưởng và tình cảm trong tưởng tượng chói lòa và âm điệu du dương của thi ca chứ không phải thiết kế một cơ cấu phức tạp cho truyện kể, khởi đầu một câu chuyện dựa trên chuyện đã trải qua hồi bé. Polidori[4] tội nghiệp nghĩ ra một ý tưởng kinh khủng về một phu nhân có cái đầu chỉ là hộp sọ do bị trừng phạt vì nhòm qua lỗ khóa, để xem trộm cái gì tôi không nhớ - một điều khá gây sốc và sai trái, dĩ nhiên; nhưng đến lúc bà ta rơi vào tình trạng khốn khổ hơn cả anh chàng Tom trứ danh ở Coventry[5] thì anh ta không biết xử lý thế nào nữa, và đành phải đưa bà ta vào nhà mồ gia đình Capulet[6], nơi duy nhất thích hợp với bà ta. Hai nhà thơ nổi danh cũng nhanh chóng từ bỏ công việc không quen thuộc này; tính chất nhạt nhẽo của văn xuôi làm họ khó chịu.

Tôi vắt óc nghĩ *một câu chuyện*, một chuyện khả dĩ địch được với những câu chuyện đã kích thích chúng tôi lao vào công việc này. Một câu chuyện nói lên được những nỗi sợ hãi bí ẩn nằm sẵn trong con người chúng ta, làm dấy lên sự kinh hoàng thảng thốt, một chuyện khiến độc giả không dám cất mắt nhìn quanh, khiến máu đông lại, tim đập thình thịch. Nếu không đạt được những điều này, truyện ma mà tôi viết sẽ không còn xứng đáng với danh hiệu đó. Tôi suy nghĩ và cân nhắc - đều vô hiệu. Tôi đã cảm thấy tình trạng bất lực không thể sáng tạo nổi ấy, nỗi khổ lớn nhất của người viết, khi đáp lại ta khẩn cầu khắc khoải chỉ là *Số không* ảm đạm. Mỗi sáng tôi đều

phải nghe câu hỏi *“Đã nghĩ ra cái gì chưa?”* để rồi ngượng ngùng trả lời là chưa.

Như Sancho[7] có nói, cái gì cũng có khởi đầu của nó, và sự khởi đầu này phải gắn với một điều đi trước nó. Người Ấn Độ cho thế giới con voi để nâng đỡ thế giới, nhưng lại để nó đứng trên một con rùa. Phải khiêm nhường mà thừa nhận rằng, sáng tạo không bao giờ là từ khoảng không, mà từ cõi hỗn mang trước nhất cần có nguyên liệu đã: sáng tạo có thể đem lại hình thể cho vật chất tối tăm và hỗn độn, nhưng không thể tự mình tạo ra vật chất. Trong mọi lĩnh vực của khám phá và sáng chế, kể cả những khám phá chỉ thuần về trí tưởng tượng, chúng ta luôn thấy lặp lại mô hình chuyện Columbus và quả trứng[8]. Sáng tạo cần có khả năng nắm bắt năng lực tiềm tàng của sự vật, và nhào nặn tạo hình các ý tưởng hiện ra với nó.

Huân tước Byron và Shelley chuyện trò với nhau rất nhiều và rất lâu, tôi thường ngồi nghe một cách ngưỡng mộ nhưng im lặng. Một trong những lần đó họ thảo luận về các học thuyết triết học khác nhau, trong đó có bản chất của nguyên lý tạo ra sự sống, liệu người ta có bao giờ tìm ra và truyền đạt lại nó không. Họ nói tới thí nghiệm của tiến sĩ Darwin[9] (tôi không muốn nói về những gì tiến sĩ thực tế đã làm hoặc khẳng định mình đã làm, mà trong trường hợp này, về những thí nghiệm người ta đồn thổi về ông): bảo quản một sợi miến trong ống thủy tinh, để rồi bằng cách phi thường nào đó nó bắt đầu chuyển động có ý thức. Nhưng đây cũng chưa phải là cách tạo ra sự sống. Một tử thi có thể hồi sinh lại; sinh điện học *galvanism*[10] đã chứng tỏ những điều tương tự; những bộ phận khác nhau của một sinh vật có thể được chế tạo, đem gắn vào nhau, và thổi vào hơi thở của sự sống.

Đêm lụi đi cùng câu chuyện, và khi chúng tôi đi ngủ thì giờ khắc ma quỷ hiện hình cũng đã qua. Đặt đầu trên gối tôi không ngủ, cũng không phải là suy nghĩ. Trí tưởng tượng, hoàn toàn tự động, chiếm lấy và dắt dẫn tôi, làm hiển hiện trong óc tôi những hình ảnh liên tiếp, sống động hơn rất nhiều so với những mường tượng thông thường. Tôi trông thấy - mắt nhắm nhưng hình ảnh đưa đến trong đầu vô cùng rõ nét - khuôn mặt nhợt nhạt của người thuật sĩ đang cúi mình trên vật thể mình vừa tạo ra. Tôi trông thấy cái bóng gớm guốc của một người đang nằm dài, và tiếp đó, chẳng hiểu do phương tiện hùng mạnh nào, bỗng có dấu hiệu của sự sống, nó nhúc nhích một cách khó khăn, không hẳn như đang sống. Nó hẳn là đáng sợ; bởi còn gì đáng sợ

hơn những nỗ lực của con người muốn bắt chước cơ chế kỳ diệu của Đấng đã sáng tạo ra thế giới. Thành công của mình hẳn khiến nhà nghiên cứu hết hồn, vội cao chạy xa bay khỏi tạo tác xấu xa do chính tay mình nhào nặn, lòng hãi hùng thảng thốt. Anh hy vọng nếu mặc nó nằm trơ đấy thì tia lửa sống yếu ớt anh đã truyền cho chẳng mấy chốc sẽ tàn, và cái vật thể đã nhận được sự sống trái ý Chúa sẽ trở thành vật chất lặng câm, để anh có thể ngủ yên, tin rằng sự yên lặng của nấm mồ sẽ dập tắt vĩnh viễn cuộc đời ngắn ngủi của cái thây ma gớm guốc mà anh từng hy vọng sẽ là cái nôi của sự sống. Anh ngủ, nhưng rồi bị đánh thức, anh mở mắt ra; nhìn thấy vật khủng khiếp đó đứng bên giường, vén màn ngó vào anh với đôi mắt vàng khè, ướt nhoèn, nhưng tò mò chăm chú.

Tôi mở bừng mắt ra kinh sợ. Ý tưởng này ám ảnh tâm trí tôi đến nỗi cơn sợ chạy dọc suốt người tôi run rẩy, và tôi muốn át những tưởng tượng ma quái này đi nhờ thực tại chung quanh. Chúng vẫn ở đó: vẫn căn buồng ấy, tấm thảm sẫm màu, cửa chớp đóng kín có ánh trăng lọt qua, và vẫn cảm giác về mặt hồ lấp lánh và dãy Alps tuyết phủ bên kia tấm rèm. Tôi không rũ bỏ được bóng ma kinh khủng của mình dễ dàng đến thế; nó vẫn tiếp tục ám ảnh tôi. Phải cố nghĩ đến một điều gì khác. Tôi tập trung vào truyện ma của tôi, cái truyện ma tẻ nhạt đáng thương ấy! Ôi! Giá như tôi viết được một câu chuyện sẽ truyền sang độc giả nỗi sợ hãi hùng mà tôi trải qua đêm nay!

Ý tưởng bừng đến trong tôi như ánh sáng và cũng hân hoan như thế. “Ta đã tìm ra rồi! Những gì làm ta sợ hẳn cũng sẽ làm người khác kinh sợ; và ta chỉ việc tả lại bóng ma đã ám ảnh bên gối ta lúc nửa đêm.” Sáng hôm sau tôi tuyên bố đã *nghĩ ra một truyện*. Ngay hôm đó tôi viết câu đầu tiên *“Vào một đêm tháng Mười một ảm đạm,”* mới ghi lại ngắn gọn nỗi kinh hoàng tôi trải nghiệm qua giấc mơ lúc tỉnh của mình.

Lúc đầu tôi chỉ định viết một truyện ngắn, độ vài trang, nhưng Shelley đã hối thúc tôi phát triển ý tưởng này lên quy mô hơn nữa. Dĩ nhiên tôi không chịu ảnh hưởng của chồng tôi dù chỉ là một gợi ý về cốt truyện, và hầu như không chút nào về cảm xúc, thế nhưng nếu không có sự khuyến khích của anh, nó sẽ không thể có dáng vóc như đã được giới thiệu đây. Riêng lời tựa cuốn sách nằm ngoài khẳng định này: theo như tôi nhớ được, toàn bộ lời tựa là do anh viết.

Và giờ đây, lại một lần nữa, tôi để cho tạo vật gớm guốc của mình tiến tới và phát triển. Tôi cũng có chút tình cảm dành cho nó; nó được kết trái trong những ngày hạnh phúc, khi chết chóc và đau thương mới chỉ là

những khái niệm, chưa tạo ra âm vang nào trong trái tim tôi. Số trang ít ỏi của nó nói lên biết bao buổi đi bộ hoặc đi xe dạo chơi, biết bao buổi chuyện trò ngày tôi không cô đơn một mình một bóng; bạn đồng hành bên tôi những ngày đó, tôi không bao giờ còn gặp lại nữa ở kiếp này. Nhưng những liên tưởng này chỉ là của riêng tôi, không liên quan gì đến bạn đọc cả.

Tôi sẽ chỉ nói thêm một điều về những thay đổi trong cuốn sách. Chủ yếu đó là những thay đổi về văn phong. Tôi không thay đổi phần nào của câu chuyện hoặc đưa thêm bất kỳ ý tưởng, hoàn cảnh nào mới cả. Tôi có sửa lại lời văn ở một vài chỗ quá trần trụi đến nỗi có thể làm hại đến hứng thú của người đọc, chủ yếu trong nửa đầu cuốn sách. Nhìn chung chúng giới hạn trong những đoạn chỉ là thêm thắt cho câu chuyện, cốt lõi và thực chất vẫn hệt như cũ.

M.W.S

London, 15 tháng Mười năm 1831

Những tập sách này được

Tác giả

trân trọng đề tặng

WILLIAM GODWIN

tác giả của

Công lý chính trị, Caleb William, v.v

LỜI TỰA

Sự kiện làm cơ sở cho câu chuyện này, theo giả định của tiến sĩ Darwin cùng vài tác giả viết về sinh lý học người Đức, không phải là không thể xảy ra. Không nên nghĩ rằng tôi có đặt chút xíu lòng tin nghiêm túc nào vào một hình dung loại đó; tuy nhiên khi lấy nó làm cơ sở cho một tác phẩm dựa trên trí tưởng tượng, tôi không nghĩ mình chỉ đơn thuần thêu dệt nên những nỗi hãi hùng siêu nhiên. Biến cố trung tâm của câu chuyện may mắn thoát khỏi những bất lợi mà một chuyện ma quỷ hay phù phép thông thường hay gặp phải. Nó đã được chuẩn bị trong bối cảnh lạ lùng mà câu chuyện diễn ra; và tuy về phương diện vật chất có phi thực tế đến mức nào đi nữa, nó cũng cung cấp cho trí tưởng tượng một góc nhìn bao quát hơn, trọn vẹn hơn về những đam mê của con người, mà mọi sự kiện hiện có trong mối quan hệ thông thường của chúng không thể sản sinh ra nổi

Vì vậy tôi hết sức cố gắng giữ đúng sự thực về những nguyên lý cơ bản thuộc bản chất con người, mặc dù không ngần ngại tự tiện đưa chúng vào những phức hợp mới. *Iliad*, bản sử thi bi thảm Hy Lạp - Shakespeare trong *Cơn bão* và *Giấc mộng đêm hè* - và nhất là Milton trong *Thiên đàng đánh mất*, cũng sáng tác theo quy luật này, và ngay kẻ viết tiểu thuyết khiêm nhường nhất, khi muốn ban phát hay thu nhận niềm vui từ lao động của mình, vẫn có thể - dù không có chút ảo tưởng kiêu ngạo nào - áp dụng cho sáng tác văn xuôi cùng một quyền hạn, hay đúng hơn cùng một quy tắc mà bao nhiêu phức hợp tuyệt diệu của các tình cảm con người đã tuân theo để tạo nên những tượng đài thi ca lộng lẫy nhất.

Bối cảnh diễn ra câu chuyện của tôi lấy ý tưởng từ những cuộc chuyện trò thân mật. Lúc đầu nó chỉ là nguồn tiêu khiển, sau nữa đó là một phương sách kích thích những tiềm lực chưa được thử thách của trí tuệ. Công việc tiến triển lên, có thêm những động cơ khác đưa vào trong đó. Không phải là tôi tuyệt nhiên không để ý xem các xu hướng đạo đức trong tình cảm hoặc tính cách nhân vật có ảnh hưởng đến bạn đọc ra sao; nhưng quan tâm chủ yếu của tôi về mặt này chỉ giới hạn trong việc tránh những tác động suy đồi mà các tiểu thuyết hiện giờ mắc phải, và phô bày vẻ thân thương của tình cảm gia đình, cùng tính ưu việt của đức hạnh phổ quát. Không nên cho rằng những quan niệm tất yếu nảy nở từ tính cách và hoàn

cảnh của nhân vật cũng là những điều trước nay tôi tin chắc trong lòng; cũng như không nên từ những trang sách sau đây suy luận ra định kiến của tôi về bất kỳ học thuyết triết học nào.

Một vấn đề khác cũng làm tác giả bận tâm hơn: câu chuyện khởi thảo trong một miền hùng vĩ đã được lấy làm bối cảnh cho hầu hết cuốn sách, bên cạnh những bạn bè tôi sẽ không bao giờ nguôi nhớ thương. Mùa hè năm 1816 tôi sống ở ngoại vi Geneva. Trời lạnh và mưa suốt, và buổi tối chúng tôi quây quần bên lò sưởi bập bùng, thỉnh thoảng cùng nhau tiêu khiển với tập truyện ma của Đức vô tình rơi vào tay chúng tôi. Chúng khơi dậy trong chúng tôi một ham muốn tinh nghịch viết được thứ gì tương tự. Hai người bạn khác (trong đó một người đáng ra sẽ sản sinh một câu chuyện được công chúng hoan nghênh hơn rất nhiều những gì tôi dám mơ tới) chúng tôi đều nhất trí mỗi người sẽ viết một truyện trên cơ sở sự kiện siêu nhiên nào đó.

Thế rồi thời tiết bỗng nhiên trở nên trong sáng; hai người bạn bỏ lại tôi lên đường du lịch vùng núi Alps, cảnh núi non hoành tráng mỹ lệ xóa hết những hồn ma bóng quế khỏi đầu óc họ. Chỉ còn mỗi câu chuyện sau đây của tôi là được hoàn tất.

Marlow, tháng Chín 1817

FRANKENSTEIN,
hay Prometheus thời hiện đại

Ta có yêu cầu người, Kẻ sáng tạo, từ đất sét
Nhào nặn ta thành người không?
Ta có khẩn cầu người
Đưa ta từ chốn tăm tối lên không?

Thiên đàng đánh mất, X, 743-745

Thư I

Gửi bà Saville, Anh quốc

St.Petersburgh, 11 tháng Mười hai, 17...

Hẳn chị sẽ vui mừng được biết không có tai họa nào xảy tới cho chặng đầu công nghiệp mà chị từng dự đoán sẽ không ít gay go. Ngày hôm qua em đến đây, việc đầu tiên em làm là vội khẳng định với chị gái của em là em khỏe mạnh an bình, và ngày càng tin tưởng việc mình định làm sẽ thành công mỹ mãn.

Giờ em đã cách London một chặng đường dài về phía Bắc; và mỗi khi thả bộ trên phố phường Petersburgh, em cảm thấy gió bấc mơn man trên má, làm dịu thần kinh mình, và đem lại biết bao vui thích. Chị có hiểu được cảm giác này không? Gió ấy thổi tới từ những vùng em sắp đặt chân đến, nó báo trước cho em mùi vị những xứ sở giá lạnh kia. Nhờ làn gió đầy hứa hẹn này tiếp sức, những mơ tưởng của em thêm sục sôi và sống động. Em hoài công thuyết phục mình rằng ở Bắc cực chỉ có giá băng và quạnh hiu ngự trị; trong tưởng tượng của em nó vĩnh viễn là miền đất ngập tràn vẻ đẹp và nỗi hân hoan. Ở đó, Margaret ạ, mặt trời không bao giờ lặn, vầng đĩa lớn chỉ chạm khẽ chân trời tỏa ánh huy hoàng vĩnh viễn. Ở đó - vì nếu chị cho phép, em sẽ liều đặt chút lòng tin vào những nhà hàng hải đi trước mình - ở đó tuyết và sương giá đều bị loại trừ; và sau khi giong buồm trên mặt biển phẳng lặng, có lẽ chúng em sẽ nương gió tấp vào một miền đất kỳ diệu và đẹp đẽ vượt xa bất kỳ vùng nào đã được khám phá ra trên mặt địa cầu có người ở này. Các sản vật, những nét đặc trưng nơi đó rất có thể không giống nơi nào khác, cũng như đôi vầng nhật nguyệt rõ ràng đã châu tuần khác hẳn ở chốn tĩnh mịch khuất mắt người đây. Còn gì không thể hình dung được ở một xứ sở ánh sáng vĩnh hằng như thế? Có thể ở đó em sẽ khám phá ra lực kỳ diệu khiến cây kim bị hút, và chỉ cần một chuyến đi này là tiến hành được cả ngàn lượt quan sát các hành tinh để khẳng định được vĩnh viễn những chuyển động tưởng như vô định của chúng. Em sẽ thỏa mãn được trí tò mò cháy bỏng khi nhìn ngắm phần thế giới chưa ai biết tới, và có thể được giẫm

chân lên miền đất chưa hề có dấu chân người. Đó, em bị quyến rũ là vì thế đó, nó đủ khắc phục được mọi nỗi sợ hiểm nguy hay cái chết, và cuốn em vào chuyến du hành gian nan này với niềm vui của một đứa trẻ cùng bạn bè trong kỳ nghỉ hè lên thuyền ngược dòng đi thám hiểm con sông quê. Nhưng, giả dụ mọi ước đoán của em là hão huyền đi chăng nữa, chị vẫn không thể phủ nhận lợi ích đáng kể mà em sẽ đem đến cho toàn nhân loại tới tận những thế hệ mãi mãi về sau, nhờ khám phá ra con đường gần cực quả đất đi đến những đất nước mà bây giờ phải mất nhiều tháng mới tới được; hoặc khẳng định được bí mật của từ trường, một điều mà giả sử có thực hiện được, thì chỉ có thể bằng một chuyến mạo hiểm như em đang làm đây.

Những ý nghĩ trên đã xua tan mọi xáo động trong em khi mới bắt đầu viết thư, tim em như nở ra vì một nỗi phấn chấn đưa em lên tận mây xanh; bởi vì không gì trấn an tâm trí ta hơn là một mục đích kiên định - một điểm để hồn ta gắn cặp mắt trí tuệ vào đó. Từ hồi còn nhỏ em đã mơ một chuyến thám hiểm như thế này. Em đọc ngấu đọc nghiến tường thuật về những chuyến hải hành đi tìm con đường tới Bắc Thái Bình Dương vòng qua Bắc cực. Chắc chị còn nhớ sách vở về các chuyến đi biển nhằm mục đích khám phá đã chiếm trọn thư viện chú Thomas yêu quý của chúng ta. Em không được học hành tới nơi tới chốn, nhưng em rất ham đọc sách. Mấy cuốn sách đó được em nghiền ngẫm suốt đêm ngày, và càng thân thuộc với chúng em càng cảm thấy nỗi khổ tâm đã từng trải qua hồi bé, khi được biết cha trước khi mất dặn lại chú cấm cho phép em đi biển.

Những mơ mộng này từng nhạt nhòa đi khi em lần đầu nghiền ngẫm những thi nhân đã để tình cảm tuôn trào mê hoặc lòng em, đưa em bổng lên chín tầng mây. Em cũng trở thành một thi sĩ, và suốt một năm trời đã sống trên thiên đường tự mình tạo dựng; em hình dung mình sẽ chiếm được góc chiếu riêng trong ngôi đền thờ Homer và Shakespeare. Câu chuyện em thất bại ra sao, và chịu đựng nỗi thất vọng khó khăn đến thế nào, chị đều đã rõ. Tuy nhiên đúng lúc ấy em được hưởng gia sản của người anh họ, thế là tâm trí của em lại trở về với con đường cũ.

Sáu năm đã trôi qua kể từ khi em dứt khoát lựa chọn sự nghiệp này. Ngay cả bây giờ em vẫn còn nhớ cái giờ phút em hoàn toàn hiến mình cho công nghiệp vĩ đại em đang theo đuổi đây. Em khởi đầu bằng việc bắt mình phải chịu đựng gian khổ. Em theo nhiều đoàn săn cá voi ở biển Bắc; em cố tình chịu lạnh, chịu đói, chịu khát, mất ngủ; ban ngày em làm việc cực hơn các thủy thủ khác, ban đêm, em học toán, lý thuyết y học và nhiều ngành vật lý mà một nhà hàng hải phiêu lưu có thể từ đó rút ra được những ứng dụng

tuyệt vời vào thực tế. Hai lần em xin làm một thuyền viên trên con tàu săn cá voi ở Greenland và đã chứng tỏ mình xứng đáng được người ta khâm phục. Em phải thừa nhận mình có hơi cảm thấy tự hào khi thuyền trưởng đề nghị em làm thuyền phó của tàu, và thiết tha yêu cầu em ở lại một cách chân thành nhất; ông ta đánh giá công lao của em cao biết mấy.

Và sau những chuyện đó, chị Margaret thân yêu, lẽ nào em không xứng đáng đạt tới một mục tiêu to lớn nào đó? Đời em đã có thể trôi qua trong giàu sang phú quý, nhưng em quý trọng vinh quang hơn bất kỳ sự cám dỗ nào mà của cải có thể trải xuống con đường em đi. Ôi! giá mà có tiếng nói cổ vũ nào khẳng định em làm đúng! Em có lòng can đảm, có quyết tâm; nhưng hy vọng thì thất thường, đôi khi nản chí. Em sắp lao mình vào con đường dài chông gai, những chuyện bất ngờ gặp phải rồi đây sẽ đòi hỏi trọn vẹn sự vững vàng của em: không những em cần nâng cao tinh thần anh em, mà còn phải giữ vững tinh thần của chính mình khi mọi người chán nản.

Qua Nga thời điểm này là giai đoạn thuận lợi nhất. Người ta có thể trượt thật nhanh trên tuyết bằng xe trượt; xe lắc lư thế rất thú vị, và theo ý em, dễ chịu hơn xe ngựa chở khách ở Anh nhiều. Cái lạnh cũng không đến nỗi quá tệ, nhất là nếu choàng kín áo lông - em vừa mua một cái gần đây; bởi có khác biệt rất lớn giữa việc đi dạo trên boong và ngồi im bất động trong nhiều tiếng đồng hồ, không có hoạt động gì để ngừa máu đông lại trong mạch máu theo đúng nghĩa đen. Em không có tham vọng bỏ mình trên con đường đưa thư từ St.Petersburgh tới Archangel[11] đâu.

Em sẽ đi Archangel sau hai hoặc ba tuần nữa; em dự định thuê một tàu thủy, nghĩa là chỉ cần đặt bảo hiểm cho chủ tàu, và thuê đủ số thủy thủ cần thiết trong số những người đã quen săn cá voi. Em không định ra khơi khi tháng Sáu còn chưa tới. Còn bao giờ em trở về ấy ư? Chị gái thân yêu, em sao trả lời được? Em mà thành công thì còn nhiều nhiều tháng nữa, thậm chí nhiều năm nữa chị em ta mới lại gặp nhau. Em mà thất bại thì ta gặp nhau sớm thôi, hoặc có thể là không bao giờ.

Tạm biệt chị Margaret thân yêu, chị Margaret xuất chúng của em. Trời sẽ ban phước cho chị, và phù hộ cho em còn có nhiều dịp chứng minh lòng biết ơn đối với tình yêu và lòng tốt của chị.

Em trai thân yêu của chị,

Thư II

Gửi bà Saville, Anh quốc

Archangel, 28 tháng Ba năm 17...

Thời gian trôi giữa vòng vây băng tuyết sao mà chậm chạp đến thế này! Tuy nhiên em đã tiến được thêm một bước để chuẩn bị cho công nghiệp của mình. Em đã thuê một con tàu và đang bận rộn tập hợp thủy thủ; và những người em đã lựa chọn được đều tỏ ra đáng tin cậy, và rõ ràng đều mang trong mình lòng can đảm phi thường.

Nhưng em có một nhu cầu vẫn chưa thỏa mãn được, thiếu thứ đó mang lại cho em nỗi khốn khổ nhất đời. Em không có bạn, chị Margaret ạ: khi bừng bừng niềm hăng hái của thành công, không có ai cùng em chia sẻ; khi nỗi thất vọng nhằm em mà tấn công, cũng chẳng ai cố gắng nâng đỡ mình qua chán nản buồn phiền. Quả là em có gửi gắm được những tư tưởng của mình vào giấy trắng, nhưng để truyền đạt cảm xúc thì phương tiện ấy mới thảm hại làm sao. Em mong mỏi có được một con người bên cạnh biết đồng cảm với em, một đôi mắt đáp lại ánh mắt em. Chị có thể cho là em đa cảm quá, chị gái thân yêu ạ, nhưng em cảm thấy một cách khổ sở sự cần thiết có một người bạn. Quanh em không có lấy một người vừa điềm đạm lại can trường, có học thức cũng như có năng lực trí tuệ, một người có sở thích giống em, để tán đồng hoặc bổ sung các kế hoạch của em. Một người bạn như vậy sẽ sửa chữa cho cậu em của chị biết bao nhiêu sai lầm mà kể! Em làm việc gì cũng nhiệt tâm thái quá, lại thường nôn nóng khi gặp khó khăn. Tai hại hơn nữa em chỉ là người tự học: trong mười bốn năm đầu của đời mình lêu lổng suốt ngày, chẳng đọc gì ngoài tủ sách hải hành của chú Thomas. Ở tuổi ấy em đã làm quen với các thi sĩ danh giá nhất nước ta; nhưng cho tới khi không còn tìm được lợi lộc gì từ lòng tin ở thi văn, em mới thấm thía được sự cần thiết phải làm quen với nhiều ngoại ngữ nữa ngoài tiếng mẹ đẻ. Giờ đây đã hai mươi tám tuổi, kiến thức của em thực sự không bằng cậu học trò mười lăm. Em suy nghĩ nhiều hơn, đúng vậy, những mộng tưởng của em huy hoàng và trải rộng hơn nhiều; nhưng chúng thiếu đi

hòa điệu (các họa sĩ gọi thế); và em khẩn thiết cần một người bạn đủ lương tri để đừng coi khinh em đa cảm, đủ tình yêu thương để hết lòng điều chỉnh trí óc của em đi đúng con đường.

Thực tình, có phàn nàn cũng vô ích mà thôi; chắc chắn em sẽ chẳng tìm ra bạn trên đại dương mênh mông, cũng như tại Archangel này, giữa đám thương nhân và thủy thủ. Ấy thế nhưng, trong những lồng ngực thô tháp này, cũng vẫn có một vài tình cảm không hề vấy chút cặn bã của bản chất con người. Tỷ như tay phó của em: can đảm tuyệt vời, dám nghĩ dám làm; anh ta điên cuồng khao khát vinh quang - hoặc, diễn đạt lại cho đúng bản chất hơn, khao khát thăng tiến trong nghề nghiệp. Anh ta là người Anh, và giữa những định kiến về dân tộc và nghề nghiệp của mình, mà nền nếp giáo dưỡng không làm khoan từ hơn được, vẫn còn lại ít nhiều tư chất cao quý của con người trong anh ta. Em làm quen với anh ta lần đầu trên một tàu săn cá voi: biết rằng anh ta đang không có việc làm trong thành phố, em dễ dàng thỏa thuận với anh ta tham gia công nghiệp của em.

Ông chủ tàu là một người tính khí phi thường, thực hiện kỷ luật trên tàu mình một cách hòa nhã dịu dàng hiếm thấy. Chính điều đó, bổ sung cho lòng chính trực và dũng cảm kiên cường của ông mà ai cũng biết, khiến em một mực phải mời cho được ông ta. Tuổi niên thiếu trôi qua trong cô đơn, những năm đẹp nhất là năm tháng được chị nuôi nấng với tình cảm hiền hậu của người phụ nữ đã hình thành nên bản chất con người em tới nỗi em không bao giờ hết ghê tởm cách đối xử thô bạo thường thấy trên tàu: em chưa bao giờ nghĩ điều đó là cần thiết, và khi nghe tiếng một người như thế, nổi danh về tấm lòng nhân ái và cũng nổi danh được thủy thủ đoàn vâng lời và kính trọng, em thấy mình thật diễm phúc vô cùng khi mời được ông ta. Em nghe tiếng ông ta trước tiên là qua một sự tình khá lãng mạn, từ chính người phụ nữ nhờ ông ta mà có được hạnh phúc. Câu chuyện đại khái thế này. Mấy năm trước đây ông yêu một tiểu thư Nga tài sản chẳng có bao nhiêu; vì nhận được một món khá lớn từ tiền bán chiến lợi phẩm của chàng rể tương lai, người bố hết sức bằng lòng. Trước ngày cưới đã định ông gặp vợ chưa cưới có một lần; nhưng nàng khóc sướt mướt, và quỳ phục xuống chân ông, van xin ông để cho nàng đi, thú thật nàng yêu một người khác, nhưng anh ta nghèo, và cũng thú thật luôn ông bố sẽ không đời nào chấp thuận anh chàng ấy. Người bạn bao dung của em trấn an cô gái đang van vỉ, và khi được biết tên người yêu của cô gái, lập tức từ bỏ cuộc theo đuổi của mình. Trước đó ông đã mua một trang trại, dự định sống ở đó cho đến cuối đời; nhưng ông đã tặng toàn bộ cho đối thủ của mình, cùng với phần còn lại của khoản chiến

lợi phẩm để gây dựng cơ nghiệp, rồi đích thân xin bố cô gái chấp thuận cho cô lấy người mình yêu. Nhưng ông già khăng khăng từ chối, coi như vậy là thất hứa với bạn em; và thấy ông không thể nào lay chuyển, bạn em bèn bỏ xứ ra đi, được tin vị hôn thê cũ đã thành hôn theo ý muốn mới trở về. "Con người cao thượng biết bao!" hẳn chị thế nào cũng kêu lên như vậy. Ông ta quả là cao thượng; nhưng mặt khác, ông hoàn toàn không được giáo dục đến nơi đến chốn, ông ít lời như một gã Thổ, và ông lúc nào cũng có một vẻ vô ý vô nguyên tắc nào đó và điều này, mặc dù khiến cho lối cư xử của ông càng lạ lùng một cách đáng quý, lại cản trở cảm tình rất xứng đáng mà lẽ ra người khác phải dành cho ông.

Nhưng nếu có phàn nàn đôi chút, hoặc đã hình dung trước sự đền bù cho những gian lao mà rất có thể em sẽ không biết tới như vậy, cũng không có nghĩa em dao động đâu chị ạ. Tất cả đã được quyết định như số mệnh vậy; và giờ em chỉ còn chờ tới khi thời tiết cho phép hạ thủy. Mùa đông này vô cùng khắc nghiệt, nhưng mùa xuân hứa hẹn sẽ thật tươi đẹp, và mùa xuân ở đây tới khá sớm; có lẽ em sẽ xuống tàu sớm hơn mình tưởng. Em sẽ không hấp tấp đâu: chị biết em có thể trông cậy vào sự thận trọng và chín chắn của bản thân mỗi khi an toàn của bao người khác được trao vào tay mình mà.

Em không thể diễn tả nổi cảm xúc của mình khi triển vọng cuộc thám hiểm sắp tới gần. Biết nói với chị ra sao về cảm giác run rẩy, nửa mừng nửa sợ, sẽ cùng em lên đường. Em đang đi thẳng tới những miền chưa ai biết, tới "vùng tuyết và sương mù ngự trị", nhưng em sẽ không giết con chim hải âu nào đâu, do đó đừng lo cho sự an toàn của em, cũng đừng lo em sẽ trở về với chị tiều tụy, thiểu não như "Người thủy thủ già"[12]. Hẳn chị sẽ mỉm cười trước so sánh ấy của em; nhưng em bật mí với chị điều này. Sự gắn bó của em, nhiệt tình đam mê với đại dương bí ẩn đầy nguy hiểm, em vẫn thường cho là sinh ra dưới ấn tượng về tác phẩm tuyệt diệu này của óc tưởng tượng kỳ diệu nhất trong số các nhà thơ hiện đại. Có một điều gì đó đang diễn ra trong em mà em không hiểu nổi. Thực tế em là người quen lao lực, giỏi chịu khó khăn, một người lao động kiên trì gian khổ, nhưng bên cạnh đó lại có một niềm say mê những điều kỳ diệu, tin ở sự diệu kỳ đan bện vào mọi dự án của em, nó thôi thúc em đi vượt ra ngoài con đường tất cả cùng theo, đến tận biển cả, tới những vùng đất chưa khai phá em sắp tới thám hiểm đây.

Nhưng giờ hãy nói về những điều chúng ta quan tâm thiết tha hơn. Liệu em có gặp lại chị không, sau khi đã vượt biển cả mênh mông, và vòng lại qua mũi cực Nam của Phi châu hay Mỹ châu? Em không dám hy vọng về

một thành công đến thế, nhưng em cũng không dám nhìn vào mặt sau của bức tranh. Có được dịp nào chị hãy cứ viết thư cho em nhé: biết đâu em sẽ nhận được thư chị vào dịp nào đó khi em đang cần chúng nhất để nâng đỡ tinh thần mình. Em yêu chị vô cùng. Chị sẽ nhớ đến em một cách trìu mến nhé, nếu sau này có bặt tin em vĩnh viễn.

Đứa em yêu chị tha thiết,

ROBERT WALTON

Thư III

Gửi bà Saville, Anh quốc

7 tháng Bảy 17...

Chị thân yêu, em viết vội vài chữ cho chị biết em vẫn an bình và đã đi thêm một chặng rất xa trong chuyến du hành. Thư này em gửi qua một tàu buôn đang từ Archangel trở về Anh, nó may mắn hơn em người không được nhìn thấy quê cha đất tổ, có lẽ trong nhiều năm nữa. Tuy thế, tinh thần em rất phấn chấn: thủy thủ đoàn của em dũng cảm và tỏ ra rất quyết tâm; cả những tảng băng trôi qua liên tiếp, báo hiệu về nỗi hiểm nguy của những vùng đang đến, cũng không làm họ bận lòng. Bọn em đã lên tới một vĩ độ rất cao; nhưng giờ đang giữa mùa hè, và tuy không ấm như ở Anh, những cơn gió mạnh từ phía Nam vẫn đẩy tàu đi nhanh hơn tới những bến bờ em đang nóng lòng được đặt chân lên, cũng đưa lại luồng không khí ấm lòng thật bất ngờ.

Cho tới nay không xảy ra sự kiện gì đặc biệt đáng nhắc đến trong thư. Vài trận gió quá mạnh, một khe băng nứt ra, chỉ là các tai nạn nhỏ mà nhà hàng hải dày dạn kinh nghiệm hiếm khi thấy cần ghi lại; và nếu không có gì tệ hơn xảy đến dọc đường đi là em hài lòng rồi.

Tạm biệt chị Margaret. Cứ tin rằng vì bản thân mình - và cả vì chị nữa - em sẽ không vội vã lao vào hiểm nguy. Em sẽ nhớ bình tĩnh, bền gan và thận trọng.

Nhưng thành công chắc chắn sẽ đến với những nỗ lực của em. Sao lại không kia chứ? Em đã đi xa đến thế kia mà, vạch ra một chặng đường an toàn trên những vùng biển chưa hề có đường đi: các vì sao làm chứng cho thắng lợi của em. Tại sao không tiếp tục tiến thêm trên mặt biển chưa thuần phục hẳn nhưng đang ngoan ngoãn vâng lời? Trái tim quả quyết và ý chí sắt đá của con người có gì cản nổi?

Trái tim đang căng phồng của em đã tự phản mình mà bộc lộ nhiều thế này đây. Nhưng em phải dừng lại thôi. Chúa ban phúc cho chị thân yêu

của em!

R.W.

Thư IV

Gửi bà Saville, Anh quốc

5 tháng Tám 17...

Một sự việc kỳ lạ quá sức vừa xảy đến với bọn em khiến em không cưỡng nổi phải ghi lại nó, mặc dù rất có thể chị đã gặp lại em trước khi lá thư này đến được tay chị.

Thứ Hai vừa rồi (31 tháng Bảy) chúng em đã gần như bị băng bọc kín; băng vây tứ phía con tàu, chỉ còn chừa một khoảng nước bé tẹo để bọn em cho tàu bập bềnh. Tình hình có phần gay go, nhất là lại có màn sương rất dày bao phủ. Chúng em đành neo lại đó, hy vọng khí quyển và thời tiết sẽ thay đổi đi.

Khoảng hai giờ chiều thì sương mù tan, để lộ trước mắt chúng em từng vạt băng rộng lớn hình thù kỳ dị trải dài khắp bốn phương như tới vô tận. Mấy thủy thủ trong đoàn càu nhàu, và bản thân tâm trí em cũng bắt đầu căng thẳng và chồng chất những ý nghĩ lo lắng, thì bỗng nhiên một cảnh tượng quái dị thu hút sự chú ý của chúng em, khiến nỗi lo lắng cho hoàn cảnh của chúng em tạm thời chuyển sang một đối tượng khác. Chúng em nhìn thấy một thùng xe ngựa thấp đóng vào xe trượt do chó kéo, vượt qua trên đường về phía Bắc, cách chúng em độ nửa dặm: một sinh vật hình dạng giống người, nhưng vóc dáng khổng lồ, ngồi trong xe trượt và cầm cương lũ chó. Chúng em dùng ống nhòm theo dõi kẻ du hành đang phi như bay, cho tới khi hắn ta mất hút sau những tảng băng to nhỏ đằng xa.

Sự xuất hiện này khơi dậy trong chúng em nỗi kinh ngạc vô bờ bến. Chúng em tin rằng mình đang ở xa đất liền hàng trăm dặm; nhưng cái bóng vừa qua dường như lại báo hiệu rằng, thực tế, nó không còn xa như em tưởng. Tuy nhiên, đang bị băng vây bọc kín xung quanh, chúng em chẳng thể theo được con đường của hắn, con đường mà mình đã theo dõi chăm chú đến thế.

Sau sự kiện này hai giờ, chúng em nghe thấy sóng lớn ở đằng xa; và trước khi đêm xuống băng bắt đầu vỡ ra, con tàu được giải phóng. Nhưng chúng em vẫn nằm chờ đến sáng, sợ trong đêm tối đâm phải những tảng băng lớn trôi nổi thường thấy sau lúc băng tan. Em tranh thủ lúc ấy nghỉ ngơi vài tiếng.

Tuy thế sáng hôm sau, khi trời vừa hửng, em đã lên boong, và bắt gặp toàn đám thủy thủ đang tụ tập ở một mạn tàu, đang nói chuyện với ai đó trên biển. Đó là một chiếc xe trượt, giống chiếc vừa bắt gặp hôm qua, đã trôi dạt về phía chúng em trong đêm trên một tảng băng lớn. Chỉ còn một con chó sống sót; tuy nhiên trên xe vẫn có một người, đang được các thủy thủ thuyết phục lên tàu. Không giống người đánh xe kia, anh không có vẻ giống một thứ dân man di nào đó trên một hòn đảo chưa ai biết tới, mà là một người Âu châu. Khi em xuất hiện trên boong thì ông chủ tàu buôn nói, "Đây là thuyền trưởng của chúng tôi, ông ấy không đời nào để ông chết dập chết vùi trên biển đâu."

Khi nhìn thấy em, người kia bèn nói với em bằng tiếng Anh, dù có âm sắc lơ lớ: "Trước khi tôi lên thuyền, liệu ngài có thể vui lòng cho biết con tàu này sẽ về đâu không ạ?"

Hẳn chị hình dung được em kinh ngạc thế nào khi nghe câu hỏi đó từ một con người đã gần như hấp hối, lẽ ra phải coi con tàu của em là thứ quý giá nhất mà mọi của cải trên đời này cũng không đổi được. Tuy nhiên em vẫn đáp tàu mình đang trên đường thám hiểm và hướng về Bắc cực.

Nghe vậy anh lộ vẻ hài lòng, và đồng ý lên tàu. Trời ơi! Margaret, giả sử chị nhìn thấy con người chỉ chịu thuận lòng cứu lấy mình trong điều kiện ấy, chị hẳn sẽ sửng sốt vô bờ bến. Chân tay anh gần như đông cứng lại, thân hình gầy đét vì mệt nhọc và đau đớn. Em chưa thấy ai ở tình trạng khốn khổ khốn nạn đến như thế. Chúng em định đưa anh vào cabin; nhưng vừa thiếu đi khí trời là anh bất tỉnh. Thế là chúng em mang anh ra boong như trước, dùng rượu mạnh xoa bóp để anh tỉnh lại, còn cố bắt anh nuốt một ngụm nhỏ nữa. Ngay khi anh có dấu hiệu hồi tỉnh, chúng em quấn anh kín trong chăn, và đặt anh gần ống khói lò bếp. Dần dà anh hồi lại, và ăn một tí xúp, nhờ đó thể trạng khá lên một cách thần kỳ.

Hai ngày đã trôi qua trong tình trạng ấy trước khi anh nói được; và trong hai ngày ấy em thường lo sợ trải qua đau đớn có thể làm anh mất hết trí khôn. Khi anh phần nào hồi phục, em chuyển anh vào cabin của chính

mình, tận tình săn sóc trong mọi lúc em rảnh rỗi. Em chưa từng gặp một sinh linh nào thú vị đến như vậy: đôi mắt anh thường thoáng ánh hoang dại, hay thậm chí điên cuồng; nhưng có những phút, nếu có ai xử sự tử tế với anh, hoặc giúp anh một việc cho dù rất nhỏ, cả khuôn mặt anh sáng bừng lên, với một vẻ dịu dàng hiền hậu em chưa từng thấy ở ai bao giờ. Nhưng nhìn chung anh luôn chìm trong buồn bã và tuyệt vọng; và đôi khi anh nghiến răng ken két, tựa như sức nặng của nỗi đau khổ anh mang là quá sức mình.

Khi vị khách của em hồi phục đôi chút, em mất bao công sức giữ cho thủy thủ đoàn khỏi chất lên anh hàng ngàn câu hỏi; em không thể để anh khổ sở vì sự hiếu kỳ thiếu lễ độ của họ, trong trạng thái thể chất và tinh thần rõ ràng chỉ có thể hồi phục nếu được nghỉ ngơi hoàn toàn. Tuy nhiên có một lần tay phó hỏi anh: *vì sao lại đi xa đến như vậy trên mặt băng, bằng một chiếc xe kỳ quái đến như vậy?*

Nét mặt anh tức khắc toát lên vẻ u ám đau buồn nhất, và anh trả lời: “Để truy tìm một kẻ đã bỏ trốn khỏi tôi.”

“Có phải người anh đuổi theo cũng đi bằng phương tiện giống anh không?”

“Đúng đấy.”

“Thế thì tôi thiết tưởng đã trông thấy hắn rồi; trước hôm đón được anh lên tàu, chúng tôi nhìn thấy mấy con chó kéo một chiếc xe trượt qua lớp băng, trong xe có người ngồi.”

Điều đó gây chú ý cho người lạ: anh trút xuống cả tràng câu hỏi xem tên ác thần đó - anh gọi hắn ta thế - đã đi hướng nào. Không lâu sau, khi chỉ còn một mình với em, anh bảo: “Hẳn nhiên tôi đã kích động trí tò mò của anh, cũng như của những người tốt bụng kia; nhưng anh quá chu đáo nên không nỡ hỏi han gì hết.”

“Dĩ nhiên rồi; tôi sẽ phải táo tợn và bất lắm mới dám quấy rầy anh để thỏa mãn thói tọc mạch của tôi.”

“Vậy mà anh đã cứu tôi khỏi một hoàn cảnh lạ lùng và nguy hiểm; anh đã trả tôi trở lại cuộc sống một cách nhân hậu biết bao.”

Không lâu sau đó anh hỏi em có nghĩ rằng băng tan đã đánh chìm chiếc xe trượt kia không? Em trả lời rằng mình không dám đoan chắc điều

gì; vì gần nửa đêm băng mới bắt đầu tan, lúc ấy hẳn kẻ kia đã đến được một nơi an toàn rồi; tuy nhiên cả điều này nữa em cũng không thể phán đoán được.

Từ lúc đó trở đi, cơ thể tàn úa của người lạ như được thổi một luồng sinh khí mới. Anh bày tỏ niềm hăm hở chân thành nhất muốn lên boong, muốn canh chừng chiếc xe trượt đã hiện ra trước kia; nhưng em đã thuyết phục anh hãy cứ ở trong cabin đã, bởi anh còn quá yếu không chịu nổi khí hậu khắc nghiệt bên ngoài. Em cũng hứa sẽ cho người theo dõi hộ anh, và nếu có vật lạ hiện ra trong tầm mắt sẽ thông báo cho anh ngay lập tức.

Đó là bản tường thuật của em về những gì liên quan tới chuyện lạ này cho đến hôm nay. Người lạ đã khỏe dần lên, nhưng vô cùng lặng lẽ, và thường tỏ ra bứt rứt nếu có ai ngoài em vào cabin. Nhưng anh lại có những phong thái dịu dàng ưu nhã đến nỗi mọi thủy thủ đều quý mến anh, cho dù họ chẳng nói chuyện với anh bao nhiêu. Riêng em, em bắt đầu yêu mến anh như người em ruột; và nỗi khổ tâm thường trực và sâu sắc của anh làm em thương cảm vô cùng. Hẳn xưa kia trong những ngày tốt đẹp đây phải là một con người cao đẹp lắm; bởi tàn tạ đến như thế này mà anh còn dễ thương và lôi cuốn chúng em làm sao.

Chị Margaret thân yêu, em đã viết trong một thư trước rằng chắc em không làm sao tìm được bạn trên đại dương mênh mông này; ấy thế mà em đã tìm được một người, giả sử gặp anh lúc chưa bị giày vò đến đỗi thảm thương thế này, hẳn em đã sung sướng nhận làm anh em bạn thiết.

Em sẽ thỉnh thoảng viết tiếp bản tường thuật liên quan đến người lạ, mỗi khi có sự kiện gì mới cần kể lại.

13 tháng Tám 17...

Càng ngày em càng yêu mến người khách của em hơn. Anh cùng lúc kích thích lòng ưu ái lẫn tình thương cảm trong em đến mức khó tin. Làm sao nhìn con người cao quý rơi vào cảnh thảm thương đến như vậy mà em không tan ruột nát lòng cho được? Anh dịu dàng hết mực, nhưng lại khôn ngoan tuyệt vời; trí tuệ vô cùng mẫn tiệp; và mỗi lần anh cất tiếng nói, tuy lời lẽ nào cũng văn hoa nhất mực, nhưng lại trôi chảy và hùng hồn chẳng ai sánh bằng.

Lúc này anh đã hồi phục nhiều sau cơn ốm yếu, và anh liên tục lên boong, rõ ràng muốn tìm kiếm chiếc xe trượt đã chạy trước mình. Tuy nhiên, dù đang trong cảnh thảm thương như vậy, anh cũng không chỉ đăm đắm lo việc mình mà vẫn quan tâm sâu sắc đến những dự tính của người khác. Anh trò chuyện với em rất nhiều về đề án của em, em đã kể lại với anh không giấu giếm gì cả. Anh đã chăm chú theo dõi mọi lý lẽ mà em dùng chứng tỏ cuối cùng mình sẽ thành công, cũng như từng chi tiết những biện pháp em đã làm nhằm đạt được thành công ấy. Thái độ đồng cảm anh bày tỏ đã khiến em tin cẩn mà nói lên những lời lẽ vẫn cất trong tim mình, thổ lộ mối nhiệt tâm nóng bỏng trong em; và giãi bày một cách say sưa làm cả người em bừng bừng phấn hứng, rằng em sẵn lòng biết bao được hy sinh tài sản, hy sinh tính mạng, hy sinh mọi hy vọng của mình để công nghiệp của em có thể tiến lên. Một kiếp người, một cái chết cũng chỉ là cái giá quá rẻ để đạt được tri thức em tìm kiếm, đổi lấy quyền lực em sẽ có để chi phối những địch thủ tự nhiên của giống nòi ta. Trong khi em nói, sắc diện u ám lan dần trên khuôn mặt người khách lạ. Lúc đầu em nhận thấy anh cố kiềm chế xúc động; anh lấy hai tay che mắt; giọng nói em run rẩy rồi tắt lịm đi khi nhìn thấy nước mắt chảy tràn qua kẽ bàn tay anh - một tiếng rên rỉ bật ra từ lồng ngực đang hổn hển. Em ngưng lại - mãi sau anh mới cất lời, giọng ngắt quãng từng đợt: “Con người bất hạnh! Chẳng lẽ anh cũng điên như tôi ư? Cũng uống phải thứ rượu độc mê muội ấy? Nghe đây - hãy để tôi tiết lộ chuyện đời mình, chắc chắn anh sẽ đập tan cốc rượu đang kề môi cho mà xem!”

Những lời ấy, như chị có thể đoán được, kích động mạnh trí tò mò của em; nhưng cơn bột phát đau đớn của người lạ đã vắt kiệt chút sức lực chưa hồi lại hẳn của anh, và phải mất nhiều giờ nghỉ ngơi và chuyện trò nhẹ nhàng, anh mới bình tĩnh trở lại như cũ.

Khi dập tắt được những tình cảm bạo liệt của mình rồi, anh có vẻ như tự khinh mình đã để cảm xúc chi phối; và khi chế ngự được nỗi tuyệt vọng đen tối, anh lại lái em nói về bản thân em. Anh hỏi han về những năm thiếu thời của em. Câu chuyện không dài, nhưng nó đã gợi lên cho em bao dòng hồi tưởng. Em nói về niềm khao khát tìm được một người bạn - về mong muốn thiết tha một mối giao tình thân mật với một tâm trí gần gũi, một điều chưa từng xảy đến với số phận em; và cũng bày tỏ niềm tin tưởng không được hưởng phước lành này thì chưa thể tự khoe là mình hạnh phúc được.

"Tôi đồng ý với anh," người lạ đáp, "chúng ta sẽ chỉ là những kẻ bất thành nhân dạng, chỉ được tạo thành từng nửa một, nếu như không có một người nào đó khôn ngoan hơn, tốt đẹp hơn, đáng quý hơn chúng ta - một người bạn đích thực phải như vậy - đưa tay giúp chúng ta hoàn thiện bản chất yếu đuối và còn nhiều sai sót của mình. Tôi đã từng có một người bạn, một sinh linh cao quý nhất của loài người, vì vậy tôi có quyền đánh giá về tình bạn. Anh còn hy vọng, còn cả thế giới trước mắt anh, anh không có gì khiến anh thất vọng. Chứ còn tôi… tôi đã mất tất cả rồi, không sao bắt đầu lại cuộc đời được nữa."

Khi nói vậy, nét mặt anh thể hiện một nỗi đau đã nén nhịn tới thành bình thản, khiến em xúc động tận tâm can. Nhưng anh không nói gì thêm nữa, và lập tức rút lui vào trong cabin.

Mặc dù, cõi lòng tan nát đến như vậy, anh vẫn cảm thụ được sâu sắc vẻ đẹp của thiên nhiên hơn ai hết. Bầu trời đầy sao, biển cả bao la, mỗi cảnh tượng mà những vùng đất kỳ lạ ấy bày ra trước mắt hình như vẫn còn có mãnh lực nâng tâm hồn anh bay bổng khỏi trái đất. Con người ấy như có hai cuộc sống: anh có lúc đau khổ, hay hoàn toàn buông mình cho thất vọng; nhưng mỗi khi rút vào tâm tưởng, anh lại giống như một tinh linh thượng giới, với vầng hào quang bao quanh, không một nỗi thương tâm hay liều lĩnh điên rồ nào xâm nhập được.

Chị mỉm cười chăng, khi thấy em quá nhiệt tình nói về kẻ lang thang thần thánh ấy? Sẽ không thể đâu nếu chị nhìn thấy anh. Chị được dạy dỗ và rèn cặp nhờ sách vở và sự cách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài, và do đó, chị phần nào trở nên khe khắt; nhưng chính vì thế chỉ có chị mới đánh giá đúng những đức hạnh phi thường ở con người tuyệt vời này. Em đã lao tâm khám phá xem cái đức tính ở anh đã nâng anh lên tới tầm cao hơn hẳn bất cứ ai em biết, rốt cuộc là gì. Em cho rằng đó là khả năng nhận thức qua

trực giác; năng lực phán đoán nhanh nhạy nhưng không bao giờ sai lạc; khả năng thẩm thấu vào nguyên nhân sự vật một cách rõ ràng và chính xác không ai bì nổi; thêm vào tất cả là tài năng diễn đạt và giọng nói trầm bổng như nhạc tính chế ngự lòng người.

19 tháng Tám 17...

Hôm qua người khách lạ bảo em: “Thuyền trưởng Walton, hẳn anh dễ dàng nhận thấy tôi đã phải chịu đựng những bất hạnh to lớn không gì sánh nổi. Đã có lúc tôi thề rằng ký ức về những chuyện tàn độc đó sẽ chết cùng tôi, nhưng chính anh đã làm tôi thay đổi quyết định đó. Anh tìm kiếm hiểu biết và khôn ngoan như tôi ngày trước; tôi nhiệt thành mong muốn những ước vọng của anh khi thành công trạng sẽ không quay lại mổ vào anh như với tôi đây. Tôi cũng không biết kể lại những thảm kịch của đời tôi có đem lại lợi ích gì cho anh chăng; tuy vậy khi cân nhắc rằng anh đang theo đuổi cùng một con đường với tôi, phơi mình ra trước cùng một hiểm nguy đã đưa tôi đến thế này; tôi mạo muội cho rằng từ câu chuyện của tôi anh có thể rút ra một bài học thích hợp; một bài học sẽ đưa đường chỉ lối cho anh nếu anh thành công trong công cuộc của mình, mà vạn nhất thất bại nó cũng ít nhiều an ủi anh. Hãy chuẩn bị lắng nghe những sự kiện mà thông thường người ta sẽ đánh giá là kỳ diệu. Nếu chúng ta đang ở giữa khung cảnh thiên nhiên văn minh hơn, ắt tôi đã sợ mình sẽ bị anh ngờ vực, thậm chí là giễu cợt; nhưng giữa những vùng đất hoang sơ bí ẩn này, biết bao điều vốn sẽ chỉ gây cười cho những người không biết tới sức mạnh luôn biến đổi của thiên nhiên lại trở thành khả thể; tôi cũng không hề ngờ vực chút gì rằng câu chuyện tôi kể tự nó đã chứa những bằng chứng về tính xác thực của những sự kiện trong đó.”

Chị có thể dễ dàng hình dung được em thỏa nguyện đến thế nào khi anh tỏ ý muốn chuyện trò; nhưng em không cam tâm để anh phải sống lại lần nữa nỗi khổ tâm của mình khi thuật lại những tai họa đó. Em thấy trong mình mong muốn mãnh liệt được nghe câu chuyện anh đã hứa, phần bởi tò mò, phần bởi khát khao muốn cải biến số phận anh, nếu lực em làm được. Em bày tỏ điều này khi trả lời anh.

“Cảm ơn tình cảm tốt đẹp của anh,” anh nói, “nhưng vô ích: số phận tôi đã sắp hoàn tất. Tôi chỉ còn sống để chờ một việc nữa thôi rồi sẽ yên nghỉ thanh thản. Tôi hiểu lòng anh lắm,” anh nói tiếp ngay khi thấy em định ngắt lời; “nhưng anh nhầm rồi bạn ơi - nếu anh cho phép tôi được gọi anh là bạn; không gì thay đổi được số kiếp tôi đâu: hãy cứ nghe tôi kể chuyện mình đã, rồi anh sẽ hiểu vì sao nó đã được quyết định dứt khoát đến mức ấy.”

Rồi anh cho biết ngày mai sẽ bắt đầu câu chuyện khi nào em rảnh rỗi.

Lời hứa hẹn được em cảm ơn nồng nhiệt. Em đã quyết cứ mỗi đêm, khi tạm thời thoát khỏi những bổn phận bắt buộc của mình, sẽ ghi lại chính xác hết mức có thể những lời anh kể ban ngày. Nếu có bận bịu quá đi nữa, ít nhất em cũng sẽ ghi sơ lược lại. Bản thảo này rõ ràng sẽ mang lại cho chị rất nhiều thú vị; còn đối với em, người đã biết anh, nghe kể từ chính miệng anh, thì rồi đây trong tương lai em sẽ đọc lại với sự quan tâm cảm vô chừng! Ngay cả lúc này đây, bắt tay vào thực hiện công việc đã định, giọng trầm bổng của anh vẫn vang lên bên tai, đôi mắt rực sáng của anh vẫn nhìn em với nỗi u sầu dịu ngọt; em nhìn thấy cánh tay gầy guộc của anh đưa lên, trong khi mỗi đường nét trên khuôn mặt sáng rực lên vì có tâm hồn anh soi rọi. Câu chuyện của anh chắc hẳn sẽ kỳ lạ và đau đớn lắm, trận bão tố siết lấy con tàu tráng lệ đang giữa hải trình rồi quật tan nó chắc hẳn sẽ khủng khiếp vô cùng - vậy đấy!

Chương 1

Tôi sinh ra là người Geneva[13], và gia đình tôi nằm trong số những dòng họ cao quý nhất của đất nước theo chính thể cộng hòa này. Các cụ tổ tôi bao đời là cố vấn pháp luật và thẩm phán, và cha tôi đã đảm trách nhiều công vụ đem lại cho ông tăm tiếng và vinh dự. Ai biết ông đều trọng ông, ông toàn tâm toàn lực phục vụ việc công. Suốt một thời tuổi trẻ, ông bận bịu trong những việc chung của đất nước, và những sự ngẫu nhiên dồn đẩy khiến ông không lập gia đình sớm, mà tới lúc xế chiều mới trở thành một người chồng, người cha của một gia đình.

Bởi những sự kiện xung quanh việc ông kết hôn minh họa thêm cho tính cách ông quá rõ, tôi không thể nào không kể lại. Một trong những người bạn thân thiết nhất của ông là thương nhân, ban đầu giàu có, nhưng qua nhiều nỗi rủi ro đã trở nên nghèo túng. Ông Beaufort - tên người bạn đó - vốn kiêu hãnh, tính tình kiên quyết, không chịu nổi sống trong nghèo hèn và quên lãng tại xứ sở đã từng ca tụng địa vị và cuộc sống huy hoàng của ông, nên sau khi trả hết nợ nần đàng hoàng, ông lui về ở thị trấn Lucerne[14] cùng cô con gái, sống trong cảnh khốn khổ không ai biết đến. Cha tôi yêu Beaufort với một mối giao tình thắm thiết, và vô cùng buồn khổ khi thấy ông lánh đi giữa tình cảnh khó khăn như vậy. Ông oán trách lòng tự ái sai lầm của bạn mình đã khiến ông ta xử sự chẳng xứng với tình cảm thân thiết giữa hai người. Không chút trì hoãn, ông vội lên đường tìm kiếm bạn mình, hy vọng ông ta nhận sự giúp đỡ và bảo trợ của mình, trở lại với cuộc sống.

Beaufort đã tìm được những cách hữu hiệu nhất để ẩn thân, và mãi mười tháng sau cha tôi mới tìm thấy chỗ ở của ông. Quá mừng rỡ vì sự phát hiện này, ông vội đến ngay nơi đó, một căn nhà nhỏ ở con phố hẹp gần sông Reuss. Nhưng chỉ có cảnh cùng cực và tuyệt vọng đang chờ đón ông. Beaufort chỉ dành dụm được một món tiền mọn sót lại từ tài sản trước kia; nhưng cũng đủ cho ông sống qua vài tháng trong lúc ông tìm cách kiếm một chỗ làm tử tế trong một hãng buôn. Thế là thời kỳ chờ đợi trôi qua nhàn rỗi một cách bức bối; nỗi sầu khổ của Beaufort chỉ càng thêm phiền muộn và cay đắng mỗi khi ông rảnh rỗi mà nghĩ ngợi; và cuối cùng nó chi phối tâm trí ông tới mức chỉ sau ba tháng ông phải nằm liệt giường, sức tàn lực kiệt.

Con gái ông chăm sóc ông hết sức dịu dàng tận tụy; nhưng cô thất vọng thấy vốn liếng nhanh chóng cạn dần, mà xem ra không có triển vọng được ai giúp đỡ cả. Tuy nhiên Caroline Beaufort có ý chí hơn người: lòng can đảm đã hỗ trợ cô trong nghịch cảnh. Cô khâu thuê vá mướn, bện rơm và làm nhiều công việc hèn mọn khác nữa nhằm xoay xở kiếm chút thù lao nhỏ nhoi khả dĩ duy trì được cuộc sống.

Đã nhiều tháng trôi qua như vậy. Cha cô càng ốm yếu hơn, cô gần như sử dụng toàn bộ thời gian để săn sóc cha mình, phương kế sinh nhai giảm sút, và sau mười tháng cha cô qua đời trong vòng tay cô, để lại đứa con gái côi cút, ăn mày. Cú trời giáng này khiến cô gục ngã; và cô đang quỳ bên quan tài cha cô, khóc than tức tưởi, thì cha tôi bước vào phòng. Ông đã xuất hiện đúng lúc như một thần linh đến bảo vệ cô gái đáng thương, cô giao phó mình cho cha tôi chăm sóc, và sau khi chôn cất bạn mình ông đưa cô về Geneva, gửi cô cho một người họ hàng trông nom. Hai năm sau chuyện đó, Caroline trở thành vợ của cha tôi.

Giữa cha mẹ tôi có một khoảng cách rất xa về mặt tuổi tác, nhưng điều này dường như chỉ càng khiến tình cảm họ thêm gắn bó với nhau. Trong tâm hồn chính trực của cha tôi có ý thức rõ rệt về sự công bằng, khiến Người thấy chỉ có tôn trọng thật nhiều mới có thể yêu thương thật sâu nặng. Có lẽ trong mấy năm trước ông đã phải khổ tâm vì phát hiện ra quá muộn sự không xứng đáng của một người mà mình yêu quý, do đó ông càng đánh giá rất cao những giá trị đã được thử thách. Trong sự gắn bó thiết tha của ông với mẹ tôi có hàm chứa cả lòng biết ơn và tôn thờ, nó khác với niềm say mê thường thấy dành cho tuổi trẻ - bởi nó xuất phát từ lòng trân trọng đối với những đức tính của bà, và từ mong muốn bù lại phần nào những đau khổ mà bà phải chịu đựng - nhưng nó khiến ông chiều chuộng bà không sao kể xiết. Mọi việc ông làm đều là để thỏa những ước nguyện của bà, chăm lo đến sự thoải mái cho bà. Ông bảo vệ bà, như người làm vườn nâng niu một chậu cây nhiệt đới mỏng manh khỏi cơn gió mạnh, và sắp đặt quanh bà mọi điều có thể khơi lên những tình cảm êm dịu trong tâm hồn hiền dịu và đức độ của bà. Sức khỏe của bà, và cả tâm trí trước đó vốn vẫn thăng bằng và bình tĩnh, đã bị ảnh hưởng nhiều do những sự kiện vừa qua. Trong vòng hai năm trước cuộc hôn nhân của họ, cha tôi đã dần dần rút chân khỏi những bổn phận của mình; và ngay sau hôn lễ họ làm một chuyến du hành qua Ý, mong khí hậu dễ chịu và sự thay đổi cảnh quan cùng hứng thú trên đất nước kỳ thú ấy giúp được bà hồi phục sức khỏe mong manh của mình.

Từ Ý họ sang thăm Đức và Pháp. Tôi, đứa con trai đầu của họ, sinh ra tại Naples, và từ khi còn là đứa bé sơ sinh đã cùng tham dự những chuyến ngao du của hai người. Suốt nhiều năm tôi vẫn là đứa con duy nhất. Quá yêu quý nhau đến như họ, họ dường như tìm được những dòng yêu thương vô tận từ chính suối nguồn của tình yêu để ban phát cho tôi. Những âu yếm mẹ dành cho tôi, nụ cười nhân từ đầy hạnh phúc của cha khi nhìn tôi là những hồi ức đầu tiên của tôi. Tôi là đồ chơi và cũng là thần tượng của họ, và còn hơn thế nữa: là con của họ, sinh vật ngây thơ và yếu đuối được Thượng Đế đặt vào lòng họ, để họ nuôi dạy trở thành người tốt, và số phận tương lai của tôi nằm trong tay họ, đi tới hạnh phúc hay đau khổ là tùy họ thực hiện sứ mạng đối với tôi ra sao. Ý thức sâu sắc về những gì họ mang nợ với sinh vật họ đã sinh ra đời đó, cộng với tình cảm âu yếm nồng nhiệt vốn xâm chiếm cả hai, hoàn toàn dễ hiểu là mỗi giờ trong cuộc đời bé bỏng của mình tôi đều nhận được một bài học về lòng kiên trì, tình nhân ái, tính tự chủ; tôi như được dắt dẫn bằng một sợi dây bằng lụa, chỉ cảm thấy những vui sướng là vui sướng.

Trong suốt một thời gian dài, tôi độc chiếm sự chăm nom săn sóc của họ. Mẹ tôi rất muốn có một đứa con gái, nhưng tôi vẫn cứ là con một mãi. Khi tôi năm tuổi, một lần đi chơi tới bên kia biên giới Ý, họ dừng chân một tuần lễ bên bờ hồ Como. Đức tính nhân từ đã thành bản chất khiến họ thường xuyên lui tới thăm khu dân nghèo. Đối với mẹ tôi đó không những là bổn phận, nó còn là nhu cầu bức bách, là niềm say mê - khi nhớ đến những gian khổ đã trải qua và vì sao mình thoát khỏi - để đến lượt bà làm thiên thần hộ mệnh cho những kẻ nghèo hèn. Trong một chuyến thăm như vậy, họ chú ý đến một nếp nhà tranh trên triền thung lũng, một nơi đặc biệt khốn khổ, có đám trẻ ăn mặc rách rưới vây quanh, tất cả nói lên nỗi cùng cực nhất đời. Một hôm cha tôi đi Milan một mình, mẹ tôi, có tôi bám theo, đến thăm túp nhà đó. Bà gặp một người nông dân cùng bà vợ, lưng còng xuống vì lao động nặng nhọc, đang chia chút thức ăn đạm bạc cho năm đứa trẻ đói khát. Trong số bọn trẻ có một đứa làm mẹ tôi lưu ý hơn hẳn những đứa khác. Trông cô bé như thuộc về một nòi khác hẳn. Bốn đứa trẻ kia là những nhóc ranh dày dạn mắt đen; riêng cô bé này mỏng mảnh và xinh vô cùng. Tóc cô óng như vàng ròng, và dù quần áo nghèo nàn, mái tóc ấy như chiếc miện khẳng định thứ bậc của cô. Lông mày đậm và rõ nét, mắt xanh thẳm không chút u buồn, đôi môi và khuôn mặt nói lên tất cả vẻ dịu dàng và nhạy cảm, khiến ai nhìn cô bé cũng thấy như cô thuộc một giống nòi khác, tựa như từ thiên đường hạ thế, mỗi nét đều mang dấu ấn của thiên thần.

Người đàn bà nông dân, thấy mẹ tôi cứ ngắm cô bé đáng yêu với vẻ ngạc nhiên và chiêm ngưỡng, liền sốt sắng kể lể sự tình. Cô vốn không phải con ruột bà mà là con một nhà quý tộc thành Milan. Mẹ cô người Đức, đã chết trong khi sinh nở. Đứa bé sơ sinh được trao cho gia đình tốt bụng này - ngày đó họ còn khá giả hơn bây giờ. Họ mới lấy nhau và vừa sinh đứa đầu lòng. Cha cô bé nằm trong số những người Ý vốn lớn lên trong niềm tiếc nuối vinh quang xa xưa của nước Ý - một trong những *schiavi ognor frementi*[15] đã hy sinh thân mình cho tự do của tổ quốc. Ông đã trở thành nạn nhân của sự yếu hèn của tổ quốc ấy. Ông đã chết, hay còn sống lay lắt trong những hầm ngục Áo, không ai biết. Gia sản ông bị tịch thu, cô con gái bé nhỏ trở thành mồ côi, một kẻ ăn mày. Cô sống tiếp với cha mẹ nuôi, bừng nở trong căn nhà tồi tàn của họ, đẹp hơn cả đóa hồng ngát hương giữa đám mâm xôi lá thẫm.

Khi cha tôi từ Milan trở về, ông thấy tôi đang chơi trong sảnh ngôi biệt thự nhà mình với một em bé đẹp hơn cả thiên thần trong tranh, một cô bé có tia nhìn như rọi sáng mọi vật, dáng dấp và cử động thanh thoát nhẹ nhàng hơn cả sơn dương trên núi. Quang cảnh này được giải thích ngay cho ông rõ. Được ông cho phép, mẹ tôi thuyết phục đôi vợ chồng nông dân nhượng lại cho bà quyền giám hộ cô bé. Họ vốn rất yêu cô bé mồ côi xinh xắn. Sự có mặt của cô đối với họ như thể sự ban ơn của Trời; nhưng giữ cô trong hoàn cảnh đói nghèo sẽ thật bất công khi Trời đã ban cho cô sự bảo hộ vững vàng như thế này. Họ hỏi ý cha cố trong làng, và kết quả là Elizabeth Lavenza trở thành người trong nhà chúng tôi - còn hơn cả một cô em gái - là cô bạn xinh đẹp được tôn sùng ở bên mọi thú vui, mọi công việc của tôi.

Ai cũng yêu Elizabeth. Niềm gắn bó say sưa và gần như sùng kính mà tất cả mọi người dành cho em, và tôi cũng chia sẻ nó, lại cũng trở thành niềm kiêu hãnh và vui sướng của tôi. Buổi chiều trước hôm đưa em về nhà, mẹ tôi đùa cợt nói: “Em có một món quà thật xinh xẻo cho Victor[16] đây, mai con sẽ nhận được nó.” Và thế là hôm sau, khi mẹ giới thiệu Elizabeth cho tôi như món quà đã hứa, tôi, với niềm tin nghiêm túc của trẻ con, hiểu những lời bà theo đúng nghĩa đen, tôi xem Elizabeth như là của tôi - trao vào tay tôi bảo vệ, yêu thương và trìu mến. Những lời người ta khen ngợi em, tôi xem như khen ngợi một báu vật thuộc quyền tôi sở hữu. Để cho tiện chúng tôi gọi nhau là anh em họ, nhưng không từ nào, không câu chữ nào thể hiện được mối quan hệ giữa em và tôi - em còn hơn cả em gái tôi nữa, vì em chỉ là của một mình tôi cho đến chết.

Chương 2

Chúng tôi được nuôi dạy cùng nhau, chênh nhau chưa đầy một tuổi. Khỏi phải nói rằng chúng tôi không biết tới tranh cãi hay chia rẽ dù là về bất cứ chuyện gì. Sự đồng điệu là cốt lõi trong tình cảm của chúng tôi, và những khác biệt hay đối lập trong tính cách chỉ khiến chúng tôi xích lại gần nhau hơn. Elizabeth bản tính điềm tĩnh hơn, chuyên chú hơn; còn tôi, với tính khí cuồng nhiệt của mình, có khả năng chuyên tâm sôi nổi hơn, đắm đuối hơn nàng trong niềm khát khao hiểu biết. Nàng mải mê theo dõi những sáng tạo phiêu diêu của các nhà thơ, và trước những khung cảnh hùng vĩ kỳ diệu bao quanh ngôi nhà Thụy Sĩ của chúng tôi - núi non nguy nga, bốn mùa thay đổi, bão táp mưa sa hoặc êm đềm bình lặng, mùa đông yên tĩnh hoặc mùa hè sôi động và mãnh liệt trong dãy Alps - nàng thích thú và khâm phục hết mức. Trong khi cô bạn tôi thưởng ngoạn vẻ ngoài huy hoàng của sự vật một cách trân trọng và thỏa nguyện, tôi lại ưa tìm hiểu nguyên nhân của chúng. Thế giới đối với tôi là cả một bí ẩn để mà lý giải. Tính hiếu kỳ, sự hăm hở nghiên cứu để biết được những quy luật còn ẩn giấu của tự nhiên, niềm hân hoan tới mức xuất thần khi những quy luật đó lộ dần ra trước mắt tôi: những xúc động đầu tiên của tôi là như thế đó.

Sau khi sinh hạ thêm một đứa con trai, bảy năm sau khi tôi ra đời, cha mẹ tôi bỏ hẳn cuộc đời chu du đây đó, trở về sống ở quê hương. Chúng tôi có một ngôi nhà ở Geneva, một nhà nghỉ ở thôn quê tại vùng ngoại ô Belrive bờ Đông hồ, cách xa thành phố khoảng hơn bốn cây số. Chúng tôi chủ yếu sống tại đây, cha mẹ tôi rút vào cuộc đời khá ẩn dật. Tính tôi hay xa lánh đám đông, nhưng lại quấn quýt hết mực với một vài người. Do đó nhìn chung tôi bỏ lơ bạn bè cùng lớp, nhưng lại gắn bó vô cùng mật thiết với một trong số đó. Henry Clerval là con một thương nhân Geneva. Anh sở hữu một tài năng và trí tưởng tượng hiếm thấy. Anh ham thích những công tích lớn lao, gian khổ, thậm chí cả nguy khốn, chỉ đơn thuần vì vẻ đẹp của bản thân chúng. Anh say sưa đọc sách anh hùng thượng võ và tình ái. Anh sáng tác những bài hát anh hùng, và bắt đầu viết rất nhiều truyện tiên, truyện phiêu lưu của các hiệp sĩ. Anh đã từng thuyết phục chúng tôi đóng kịch, và tham dự các hội giả trang, nhân vật trong đó lấy mẫu từ các anh hùng trong trận Roncesvalles hoặc nhóm Bàn tròn của vua Arthur, hoặc dòng hiệp sĩ xả thân cứu mộ Chúa khỏi rơi vào tay bọn vô đạo.

Phải nói không người nào có tuổi thơ trôi qua hạnh phúc hơn tôi. Cha mẹ tôi vốn tốt bụng và vô cùng chiều chuộng chúng tôi. Chúng tôi chưa bao giờ cảm thấy họ là những kẻ chuyên quyền, cai trị số phận chúng tôi theo ngẫu hứng của họ, mà là người truyền đạt và sáng tạo mọi niềm vui chúng tôi hưởng thụ. Khi giao thiệp với những gia đình khác, tôi thấu hiểu sâu sắc số phận mình đặc biệt may mắn thế nào, và lòng biết ơn cứ theo tình kính yêu mà lớn.

Tính tình tôi đôi khi dữ dội, lòng say mê thì cuồng nhiệt; nhưng theo một quy luật nào đó trong khí chất tôi, chúng không được hướng về những đòi hỏi trẻ con, mà là về một khát khao hiểu biết, mà không phải là tất cả mọi loại hiểu biết không phân biệt. Tôi phải thừa nhận mình không thích thú gì cấu trúc các ngôn ngữ, quy tắc luật lệ của chính quyền, nền chính trị của các nước. Tôi chỉ muốn biết những bí mật của trời và đất; và cho dù bận tâm về những biểu hiện bề ngoài của sự vật hay tinh túy bên trong của thiên nhiên và tâm hồn bí ẩn của con người, thì cuối cùng mọi nghiên cứu của tôi đều tập trung về một thứ là siêu hình học - nói cách khác, trong ý nghĩa cao nhất của nó: những bí ẩn của thiên nhiên.

Trong khi đó Henry Clerval bận rộn với mối quan hệ có tính đạo đức giữa các sự vật. Giai đoạn cống hiến của cuộc đời, đức tính của các anh hùng, hành động của con người, đó là những mối quan tâm chính của anh; anh hy vọng và mơ ước được lưu danh trong lịch sử giữa các trang phong lưu mã thượng ân nhân của loài người. Tâm hồn thánh thiện của Elizabeth tỏa sáng như ngọn đèn trong đền thánh ở ngôi nhà yên bình của chúng tôi. Nàng thông cảm với tất cả chúng tôi; nụ cười của nàng, giọng nói nhỏ nhẹ của nàng, ánh nhìn dịu dàng từ đôi mắt thiên thần của nàng luôn ban phước và cổ vũ chúng tôi. Nàng là hiện thân của nữ thần tình yêu, vừa làm mềm lòng người lại vừa hấp dẫn cuốn hút: nhiều lúc tôi hẳn đã buồn nản ủ rũ trong học tập hoặc trở thành ác độc do bản chất cuồng nhiệt, nhưng đã có nàng ở đó, chế ngự tôi bằng sự dịu hiền. Còn Clerval - sự xấu xa nào có thể cố thủ trong tâm hồn cao thượng ấy? - chẳng thể trở thành con người nhân bản toàn thiện đến thế, rộng rãi một cách ân cần đến thế, và dịu dàng tế nhị khôn tả trong khi vẫn say sưa những chiến công mạo hiểm như anh hiện nay, nếu không phải nàng đã bộc lộ cho anh thấy vẻ đáng yêu thực sự của lòng từ tâm, khiến anh coi làm điều thiện như mục đích cuối cùng của những tham vọng cao xa của mình.

Tôi vô cùng sung sướng được chìm đắm trong những hồi ức thuở

nhỏ, khi mà vận rủi chưa làm hoen ố trí óc tôi, biến mơ mộng tươi sáng về những hoạt động tích cực không cùng trở thành nghiền ngẫm ủ dột và quanh quẩn về số phận mình. Hơn nữa, trong khi vẽ lại bức tranh thời thơ ấu, tôi cũng ghi lại những sự kiện đã bị bỏ qua từng bước dẫn đến câu chuyện khốn khổ của tôi sau này: bởi vì cứ mỗi lần định tự dò lại gốc rễ của niềm đam mê mà sau này đã chi phối vận mệnh của tôi ấy, tôi lại thấy nó khởi đầu, như dòng sông trên núi, từ những nguồn tưởng chừng vô nghĩa và gần như đã bị lãng quên; nhưng càng chảy càng phình ra để cuối cùng thành dòng lũ đổ xuống, quét đi của tôi mọi hy vọng, mọi niềm vui.

Triết học tự nhiên[17] là vị thần bản mệnh đã điều hành số phận tôi; vì vậy tôi muốn nhân câu chuyện kể cho anh nghe những sự việc đưa tôi đến chỗ say mê môn đó. Mười ba tuổi, cả nhà tôi cùng đi tắm suối nước nóng ở Thonon: khí hậu khắc nghiệt buộc chúng tôi ở yên trong quán trọ suốt một ngày trời. Trong quán đó tôi vô tình tìm được một quyển sách của Cornelius Agrippa[18]. Tôi ghê tởm mà mở nó ra; nhưng lý thuyết mà ông tìm cách chứng minh, những dẫn chứng kỳ diệu mà ông nhắc đến, nhanh chóng biến tình cảm đó trở thành nhiệt huyết. Một luồng sáng mới như bừng lên trong tâm trí tôi; và, tràn đầy vui sướng, tôi kể cho cha tôi biết phát hiện của mình. Cha tôi liếc qua đầu đề cuốn sách, và nói: “Cornelius Agrippa à! Victor yêu quý của cha ơi, đừng mất thì giờ vì nó làm gì, rác rưởi cả thôi.”

Giá như cha tôi đừng nhận xét qua loa như vậy, mà chịu khó giải thích cho tôi rõ những nguyên tắc của Agrippa đã hoàn toàn bị đập tan rồi, ngày nay một hệ thống khoa học hiện đại đã được đưa ra, với sức mạnh vượt xa hệ thống cũ, bởi sức mạnh của khoa học cũ chỉ là ảo tưởng hão huyền trong khi của khoa học hiện đại vừa có thực vừa thực tiễn; được như vậy chắc chắn tôi đã vứt quyển sách của Agrippa sang một bên, và chịu ép trí tưởng tượng của mình, đã được hâm nóng lên như thế, vào khuôn khổ, trở lại các nghiên cứu trước kia với nhiệt tình hăng say hơn nữa. Mà thậm chí rất có thể, luồng suy nghĩ của tôi đã không bao giờ bị cái động lực định mệnh ấy lôi kéo đến chỗ hủy hoại. Đằng này cái nhìn hờ hững của ông trên cuốn sách chỉ khiến tôi tin chắc ông không biết gì về nó; tôi đọc nó càng thêm hăm hở.

Trở về nhà, việc đầu tiên tôi làm là lo tìm đủ bộ sách của tác giả này, sau đó tìm thêm sách của Paracelsus[19] và Albertus Magnus[20]. Tôi đọc và theo dõi những tưởng tượng ngông cuồng của họ một cách thích thú; họ đối với tôi là kho tàng hiếm có chỉ hé lộ ra cho rất ít người ngoài bản thân

tôi; mà như tôi đã miêu tả, mình là người luôn hăm hở thiết tha đào sâu vào những bí mật của tự nhiên. Cho dù các khoa học gia hiện đại đã tốn hao công sức đến đâu và tìm ra những điều tuyệt diệu đến thế nào, tôi luôn kết thúc những bài học của mình một cách bất mãn và phật ý. Ngài Isaac Newton nghe đâu đã tuyên bố mình chỉ như đứa trẻ nhặt vỏ sò bên bờ đại dương chân lý mênh mông chưa khám phá. Học trò ông trong mỗi nhánh của triết học tự nhiên mà tôi đã biết, đối với trí óc cho dù còn non nớt của tôi lúc ấy, chẳng qua cũng chỉ là những cậu tập sự lao theo cùng một cái vỏ sò.

Người nông dân không được học hành quan sát các hiện tượng quanh mình, và biết cách sử dụng chúng trong thực tiễn. Nhà triết học thông thái nhất hiểu biết không hơn mấy tí. Ông ta đã vén lên một phần tấm mạng che ngang mặt Tự nhiên, nhưng khuôn mặt thần thánh của nàng vẫn là một kinh ngạc, một niềm bí ẩn. Tha hồ cho ông mổ xẻ, băm vụn rồi dán nhãn, ông ta cũng không chạm nổi tới nguyên nhân cấp hai cấp ba, đừng nói đến cái nguyên cớ tối hậu. Tôi đã trừng trừng nhìn các bức tường kiên cố, các chướng ngại vật ngăn cản con người bước vào trong thành trì của tự nhiên, và đã oán trách một cách hấp tấp và ngu ngốc.

Nhưng đây thực sự là sách, và đây là những người đã đào sâu hơn và hiểu nhiều hơn. Họ khẳng định thế nào, tôi nhất nhất tin từng lời thế ấy, tôi trở thành môn đồ của họ. Cũng lạ lùng là ở thế kỷ mười tám còn có sự tình như vậy; nhưng trong khi theo đúng lối học quy định tại các trường ở Geneva, tôi chủ yếu vẫn là tự học, chỉ giới hạn trong những ngành mình thích. Cha tôi không biết nhiều về khoa học, tôi phải tự vật lộn với sự ngu dốt của một đứa bé, lại còn thêm sự khao khát hiểu biết của một học sinh. Dưới sự hướng dẫn của các ông thầy mới, tôi nhập vào cuộc nghiên cứu hòn đá phù thủy và trường sinh dược[21] một cách cần mẫn nhất. Nhưng thuốc trường sinh chẳng mấy chốc thu hút toàn tâm toàn ý của tôi. Tiền của chỉ là vật hèn; nhưng khám phá của tôi sẽ được vinh diệu biết bao nếu như tôi trừ bỏ được bệnh tật khỏi cơ thể con người, làm con người miễn trừ với tất cả ngoài một cái chết dữ dội!

Những viễn ảnh của tôi không phải chỉ có thế. Các tác giả yêu quý của tôi mạnh miệng khẳng định rằng việc gọi hồn ma quỷ là điều khả thủ, và đây là điều tôi hăm hở theo đuổi nhất; và nếu những bùa ngải của tôi thất bại trăm lần như một, tôi đổ tại mình thiếu kinh nghiệm hoặc sai lầm, chứ không phải do các thầy giáo của tôi thiếu năng lực hay thành thực. Và cứ như vậy suốt một thời gian, tôi chuyên tâm vào những hệ thống lý thuyết đã bị đập

tan, như mọi kẻ mù mờ đem xáo trộn vào nhau hàng ngàn thứ lý thuyết, mò mẫm giữa một đầm lầy kiến thức, chẳng ai hướng dẫn ngoài trí tưởng tượng nóng bỏng và lập luận con trẻ, cho đến khi một sự kiện xảy đến làm biến đổi luồng suy nghĩ của tôi lần nữa.

Lúc tôi khoảng mười lăm tuổi, cả nhà tôi về sống ở ngôi nhà gần Belrive, ở đó tôi được chứng kiến một cơn bão mạnh vô cùng khủng khiếp. Nó tới từ sau dãy núi Jura; sấm sét cùng lúc bùng ra ầm ầm khủng khiếp khắp bốn tầng trời. Từ đầu đến cuối trận bão, tôi quan sát tiến triển của nó một cách tò mò và thích thú. Khi đang đứng trong ô cửa, đột nhiên tôi thấy một cột lửa bùng lên từ một cây sồi già rất đẹp, cách nhà tôi chừng hai mươi thước; và khi ánh chớp chói lòa tắt đi thì cây sồi cũng không còn thấy nữa, chỉ còn lại gốc cây tan hoang. Sáng hôm sau khi ra xem, chúng tôi thấy cái cây gãy nát một cách kỳ lạ. Nó không bị chẻ ra sau cú sét mà hoàn toàn bị cắt nhỏ thành những sợi gỗ mỏng dính. Tôi chưa thấy vật gì bị hủy hoại tuyệt đối như thế bao giờ.

Trước đó không phải tôi không biết tới các quy luật dễ nhận thấy hơn của điện học. Trong chuyến đó có một nhân vật chuyên sâu về triết học tự nhiên cùng ở với chúng tôi, và rất hứng khởi khi thấy thảm họa này, ông đã đi vào giải thích một lý thuyết do ông đề ra về điện và phép sốc điện, đối với tôi vừa mới lạ vừa rất đáng kinh ngạc. Những điều ông nói hạ bệ triệt để cả Cornelius Agrippa, Albertus Magnus lẫn Paracelus, các ông chúa trong trí tưởng tượng của tôi; tuy nhiên do định mệnh nào không biết sự hạ bệ này làm tôi nản lòng với cả những nghiên cứu mà tôi từng theo đuổi. Có vẻ như con người sẽ không bao giờ biết được cái gì, không có khả năng biết được cái gì. Những gì đã bấy lâu cuốn hút sự chú ý của tôi đều đột nhiên trở thành hèn hạ. Trong một cơn đồng bóng bất chợt, thứ tình trạng mà có lẽ ta hay gặp phải nhất khi còn trẻ, tôi từ bỏ trong nháy mắt những mối bận tâm trước đó; coi lịch sử tự nhiên và các môn học xuất phát từ đó đều méo mó, sinh non chết yểu; và mang lấy lòng khinh bỉ cùng cực cái môn gọi là khoa học đó, thứ không bao giờ bước vào ngưỡng cửa tri thức thực sự được. Trong tâm trạng đó, tôi lao vào toán học và các ngành thuộc môn này, coi chỉ có chúng mới được dựa trên những nền móng vững chắc, xứng đáng để mình quan tâm.

Tâm hồn chúng ta được cấu tạo kỳ lạ như thế đấy, và chỉ bằng những dải băng mỏng mảnh đến thế mà chúng ta bị buộc vào thịnh vượng hay suy đồi. Nhìn lại tôi có cảm giác sự thay đổi về khuynh hướng và ý chí hầu như kỳ diệu này chính là đề xuất tức thì của thần hộ mệnh của tôi - cố gắng cuối

cùng của thần linh bảo hộ nhằm đẩy lùi cơn bão đã rình sẵn giữa các vì sao từ lúc đó, chỉ chờ cơ hội là chụp xuống. Thắng lợi của vị thần được báo hiệu nhờ một sự yên bình và phấn chấn bất thường trong tâm trí tôi, tiếp liền sau khi tôi vứt hết mọi nghiên cứu từ xưa mà gần đây đã trở thành không ngớt giày vò. Rồi tôi sẽ học được bằng cách ấy rằng đeo đuổi chúng nghĩa là tai họa, từ bỏ chúng thì sẽ hạnh phúc.

Đó là một nỗ lực lớn lao của vị thần thiện; nhưng vô hiệu. Định mệnh quá quyền năng, những quy luật bất biến của nó đã ra sắc lệnh phải hủy diệt tôi thật khủng khiếp và hủy diệt tôi hoàn toàn.

Chương 3

Khi tôi đến tuổi mười bảy, cha mẹ quyết định tôi sẽ đi học đại học ở Ingolstadt[22]. Trước nay tôi vẫn học tại các trường ở Geneva, nhưng cha tôi cho rằng, để việc giáo dục tôi được toàn diện, tôi nên làm quen với phong tục các miền quê khác. Ngày ra đi được quyết định khá sớm; nhưng trước khi kịp đến ngày đã định, nỗi đau khổ đầu tiên trong đời tôi xảy ra - có thể nói đó là điềm báo cho nỗi khốn khổ của tôi sau này.

Elizabeth mắc bệnh tinh hồng nhiệt, nàng ốm nặng lắm, tình hình rất nguy ngập. Bao nhiêu lý lẽ được đưa ra nhằm can ngăn mẹ tôi trực tiếp chăm sóc người bệnh. Lúc đầu mẹ tôi chịu theo những lời năn nỉ của chúng tôi; nhưng khi được biết cô bé được bà cưng chiều hết mực đang bên bờ sống chết, bà không kìm nổi nỗi lo lắng của mình nữa. Bà lúc nào cũng ở bên giường người bệnh - sự chăm sóc tận tình của bà đã chiến thắng cơn bệnh tàn độc - Elizabeth sống sót, tuy nhiên hậu quả của sự bất cẩn ấy đã gây khốc hại cho người coi sóc nàng. Ba ngày sau mẹ tôi ốm, sốt cao với những triệu chứng vô cùng đáng ngại, và vẻ mặt u ám của các thầy thuốc y tá đã tiên lượng trước điều xấu nhất. Trên giường hấp hối, người đàn bà tuyệt vời nhất đời đó vẫn giữ nguyên lòng nhân từ và sức chịu đựng kiên cường. Bà áp bàn tay Elizabeth và bàn tay tôi vào nhau mà nói: "Hai con ơi, những hy vọng bền vững nhất của mẹ về tương lai giờ đây đặt trọn trên hôn phối của hai con. Giờ đây, hy vọng đó sẽ là niềm an ủi cho cha của các con. Elizabeth, con yêu, con hãy thay mẹ chăm sóc các anh em còn nhỏ của con. Trời ơi! Mẹ rất khổ tâm vì bị Chúa đưa xa khỏi các con; từ bỏ các con trong khi mẹ được cả nhà chiều chuộng thương yêu như thế này, lẽ nào đành lòng? Nhưng những ý nghĩ này thật không hợp lẽ, mẹ sẽ cố cam chịu cái chết một cách bình yên, và ấp ủ niềm hy vọng sau này gặp các con ở thế giới bên kia."

Bà ra đi thanh thản, cả trong cái chết nét mặt vẫn thể hiện tình yêu thương trìu mến. Tôi không cần phải tả ra đây nỗi đau đớn của những người đã bị mất mát không tài nào bù đắp nổi này cắt đứt những mối tâm tình thân thiết nhất của mình; khoảng trống rỗng để lại trong mỗi tâm hồn, và nỗi đau thương đeo trên nét mặt chúng tôi. Phải mất bao lâu trí óc chúng tôi mới chấp nhận được là bà - người mà ngày nào chúng tôi cũng trông thấy, dường như đã là một phần của cuộc đời chúng tôi - lại có thể ra đi vĩnh viễn; ánh

mắt sáng long lanh mà chúng tôi thương mến từ nay đã tắt hẳn; giọng nói quen thuộc quý yêu bên tai lại có thể bặt đi, không bao giờ còn vang lên. Những ngày đầu sau khi bà mất là như vậy đấy; nhưng khi thời gian trôi qua khẳng định đó là sự thật, nỗi đau xót thực sự mới bắt đầu. Thế nhưng đâu có ai chưa từng bị bàn tay phũ phàng kia dứt đi một mối duyên thân thiết? Và tôi cứ phải mô tả mãi làm gì nỗi đau mà ai cũng từng qua, và cũng phải qua? Cuối cùng cũng sẽ đến lúc đau thương là do buông thả thì đúng hơn là nhu cầu cần thiết, và nụ cười trên môi ta, dù có thể bị coi là báng bổ, không thể tắt bỏ hoàn toàn. Mẹ tôi đã mất, nhưng chúng tôi ai nấy đều có nhiệm vụ phải làm, phải đi theo con đường của mình cùng những người khác, tập suy nghĩ rằng mình may mắn khi còn chưa bị kẻ phá hoại cướp đi sinh mệnh.

Chuyến lên đường đến Ingolstadt của tôi, do chuyện này mà hoãn lại một thời gian, nay được hoạch định lại. Tôi xin phép cha tôi cho lùi lại vài tuần. Đối với tôi thật là báng bổ nếu rời bỏ quá sớm cảnh trầm lặng, gần như cái chết của ngôi nhà tang tóc để lao vào cuộc đời náo nhiệt quá sớm. Tôi lần đầu biết đến buồn phiền, tuy nhiên nó không khiến tôi hoảng hốt. Tôi chưa muốn rời bỏ những người thương yêu còn lại trên đời; và trên hết tôi muốn Elizabeth dịu hiền được khuyến khích phần nào.

Nàng thực ra đã che giấu nỗi khổ tâm, đã gánh lấy vai trò xoa dịu tất cả chúng tôi. Nàng bình tĩnh xem xét cuộc sống phía trước, và can đảm cũng như hết sức nhiệt thành nhận lấy những trách nhiệm trong đó. Nàng hết lòng hy sinh cho những người nàng đã quen gọi là bác và các anh em họ. Chưa bao giờ nàng quyến rũ đến mức ấy khi nàng tìm lại nụ cười rực rỡ của mình để tỏa xuống chúng tôi. Và trong lúc cố gắng làm chúng tôi quên sầu muộn, nàng cũng đã bẵng quên luôn nỗi tiếc thương của chính mình.

Cuối cùng ngày ra đi của tôi đã tới. Clerval góp mặt cùng chúng tôi trong buổi tối cuối cùng tôi ở nhà. Anh đã cố thuyết phục cha mình được đưa tôi tới trường và cùng nhập học trường đó với tôi, nhưng vô ích. Cha anh là một thương nhân đầu óc hẹp hòi chỉ thấy niềm khao khát và tham vọng của con trai mình chứa đựng những lười nhác và hủy hoại. Henry cảm nhận sâu sắc nỗi bất hạnh của mình khi bị ngăn cản không được theo đuổi các ngành khoa học xã hội. Anh không nói nhiều; tuy nhiên mỗi lần anh nói, tôi đều đọc được trong đôi mắt lấp lánh cũng như tia nhìn rung động của anh quyết tâm kìm nén nhưng sắt đá, không để mình bị ràng buộc vào những điều tủn mủn thảm hại của nghề kinh doanh.

Chúng tôi thức rất khuya, không sao đủ sức tách rời nhau, hay thuyết

phục người kia nói câu "Vĩnh biệt!". Cuối cùng thì lời đó cũng được nói ra; và chúng tôi viện cớ nghỉ ngơi mà rút về phòng, mỗi người đều cố tưởng rằng người kia bị thuyết phục; nhưng sáng sớm hôm sau khi xuống tới cỗ xe sẽ đưa tôi ra đi, họ đều có mặt: cha tôi lại ban phước cho tôi lần nữa, Clerval lại một lần nữa bắt tay tôi, Elizabeth lặp lại yêu cầu tôi thường xuyên viết thư về, và bày tỏ lần cuối những chăm chút rất phụ nữ đối với người bạn cùng chơi đùa thuở nhỏ.

Tôi quăng mình vào chiếc xe đưa tôi đi xa, và cứ thế chìm vào nỗi buồn nhớ mênh mang. Luôn được bao quanh bởi những người yêu dấu suốt từ xưa đến nay, lúc nào cũng chỉ một lòng tìm cách đem lại cho nhau niềm vui, giờ đây tôi chỉ có một mình. Ở trường đại học, nơi tôi đang đi tới đây, tôi sẽ phải tự tìm lấy những người bạn, tự bảo hộ lấy mình. Đời tôi trước nay sống chủ yếu trong gia đình, xa lánh mọi người, phải làm quen bạn mới khiến tôi ghê sợ không tả xiết. Tôi yêu các em trai tôi, Elizabeth, Clerval; những "khuôn mặt thân thuộc cũ"[23], nhưng tôi tin chắc mình hoàn toàn không thể phù hợp với người lạ được. Cảm xúc của tôi khi mới lên đường là như vậy; nhưng lần lần tinh thần tôi khá lên, hy vọng nảy sinh. Tôi nóng lòng khao khát thu thập kiến thức. Khi ở nhà, tôi đã nhiều lần nghĩ tuổi trẻ của mình không thể bó buộc trong một xó, và đã mong mỏi nhập vào thế giới, chiếm một chỗ đứng giữa những con người khác. Giờ đây khát vọng đang được thực hiện, và thực tình, nếu còn tiếc nuối thì thật điên rồ.

Đường đi Ingolstadt khá xa và mệt, có thừa thì giờ cho những suy nghĩ vẩn vơ như thế của tôi. Cuối cùng tôi cũng trông thấy nóc nhà thờ trắng toát của thành phố. Tôi xuống xe, và được đưa tới căn hộ độc thân, buổi chiều tự do muốn làm gì thì làm.

Sáng hôm sau tôi đem thư giới thiệu đến gặp mấy vị giáo sư chủ chốt. Sự tình cờ, hay đúng hơn là thế lực đen tối có tên vị Thần Hủy Hoại, đã bắt đầu thống lĩnh kể từ lúc tôi miễn cưỡng rời chân khỏi ngưỡng cửa nhà cha tôi, dẫn tôi trước hết tới thầy Krempe, giáo sư môn triết học tự nhiên. Đó là một người đàn ông thô lỗ, tuy nhiên đi khá sâu vào những bí mật của môn khoa học mình theo đuổi. Ông hỏi tôi mấy câu về quá trình nghiên cứu của tôi trong nhiều nhánh khác nhau của triết học tự nhiên. Tôi trả lời một cách bất cẩn; và, có phần ghê tởm, nêu tên các nhà giả kim học là những tác giả chính yếu tôi nghiên cứu. Ông giáo sư nhìn chằm chằm vào tôi: "Anh thực mất thì giờ học những thứ lăng nhăng vậy sao?"

Tôi đáp vâng. Thầy Krempe nồng nhiệt tiếp: "Mỗi giờ mỗi phút anh mất vào những quyển sách đó đều là toi công cả. Anh chồng chất lên trí nhớ của mình những hệ thống đã bị đập tan, những tên tuổi đã vô dụng. Trời ơi! anh đã sống trong sa mạc hoang vu nào vậy, không nhẽ không có người nào tử tế bảo cho anh biết những trò hoang tưởng mà anh ngốn ngấu đó đã cũ rích đến hàng ngàn năm rồi, và đã mốc meo lên cả rồi hay sao? Ở thời đại khoa học và khai sáng này tôi thật khó ngờ lại gặp được môn đệ của Albertus Magnus và Paracelsus! Ngài thân mến ơi, ngài phải bắt đầu lại từ đầu đi thôi!"

Nói xong ông bước sang một bên, ghi cho tôi một danh sách dài các sách về triết học tự nhiên để tôi tìm đọc; rồi cho tôi lui, sau khi lưu ý rằng đầu tuần sau ông bắt đầu giảng một khóa học về những nguyên lý tổng quát của triết học tự nhiên, và rằng thầy Waldman, bạn đồng nghiệp của ông sẽ xen kẽ những buổi ông không có giờ giảng để lên lớp về hóa học.

Tôi trở về nhà, không hề thất vọng, vì như tôi đã nói, từ lâu tôi đã coi mấy tác giả mà ông giáo sư bài xích là vô dụng; nhưng tôi trở về mà không hề có ý định khơi lại những môn học đó cho dù dưới hình thức nào chăng nữa. Ông Krempe người mập lùn, giọng cộc cằn, mặt đầy ác ý, thế cho nên chẳng đưa lại cho tôi chút thiện cảm nào những điều ông ta theo đuổi. Tôi đã kể cho anh, trong một cơn phấn hứng có lẽ hơi quá triết lý và mạch lạc, những kết luận về chúng mà tôi đã rút ra từ nhiều năm trước. Từ hồi nhỏ tôi đã không hài lòng với những kết quả mà các giáo sư hiện đại của khoa học tự nhiên hứa hẹn. Đầu óc đầy những ý tưởng hỗn độn - chỉ có thể đổ tội cho thực tế là tôi quá trẻ, và thiếu hướng dẫn đúng đắn về những vấn đề đó - tôi đã đi ngược trở lại từng nấc kiến thức dọc theo những con đường xa xưa, đánh đổi những khám phá của các nhà khảo cứu mới đây lấy giấc mơ của các nhà giả kim đã từ lâu bị quên lãng. Hơn nữa tôi vốn rất khinh các ứng dụng của triết học tự nhiên hiện đại. Khi các nhà khoa học bậc thầy đi tìm sự bất tử và quyền lực, đó là một chuyện khác hẳn; quan niệm ấy tuy phù phiếm nhưng lại rất vĩ đại; còn bây giờ, quang cảnh đã đổi khác. Tham vọng của nhà khảo cứu có vẻ như chỉ hạn chế ở chỗ làm sao tiêu diệt chính những viễn tượng đã làm cơ sở cho hứng thú khoa học của tôi. Người ta đòi hỏi tôi phải đánh đổi ảo tưởng lộng lẫy đến vô bờ ấy lấy thứ thực tế chẳng có giá trị bao nhiêu.

Đó là những suy nghĩ của tôi trong mấy ngày đầu ở Ingolstadt, thời gian này tôi chỉ dùng để thăm thú trong vùng và làm quen với những người ngụ tại nơi ở mới của tôi. Sang tuần tiếp theo, tôi nghĩ đến những điều thầy

Krempe cho biết về các buổi lên lớp. Và tuy không thể nào đến nghe cái gã lùn tì tự kiêu tự đại ấy giảng bài từ trên bục giảng, tôi lại nhớ lời ông ta nói về thầy Waldman mà tôi chưa gặp, thầy này không có mặt ở thành phố từ hôm tôi đến cho tới nay.

Phần vì tò mò, phần vì chẳng có việc gì làm, tôi bước vào giảng đường, chỉ ít phút trước lúc thầy Waldman tới. Vị giáo sư này hoàn toàn khác hẳn đồng nghiệp của mình. Trông thầy chừng năm mươi, phong thái biểu lộ sự nhân từ âu yếm nhất, tóc hai bên thái dương đã đốm bạc nhưng phía sau hầu như còn đen nguyên. Vóc người thầy thấp nhưng cực kỳ đĩnh đạc, và giọng thầy êm dịu chưa từng thấy. Thầy bắt đầu bài giảng bằng cách tóm tắt lại lịch sử môn hóa học, những tiến bộ khác nhau đạt được bởi nhiều nhà thông thái; nêu tên tuổi các nhà phát minh danh tiếng nhất với một tình cảm nhiệt thành. Rồi thầy nhận định sơ qua về hiện trạng ngành hóa học, giải thích nhiều thuật ngữ sơ đẳng của nó. Sau khi làm một vài thí nghiệm mở đầu, thầy kết luận bằng một bài tán dương ngành hóa học hiện đại với những lời lẽ tôi không bao giờ quên:

"Những bậc thầy cổ đại của môn khoa học này hứa hẹn những điều không thể làm được, và không thực hiện cái gì hết. Những chuyên gia hiện đại thì hứa rất ít, họ biết kim loại không chuyển hóa được, còn nước trường sinh chỉ là thứ hão huyền. Nhưng các triết gia này, với bàn tay hầu như chỉ quen vầy vò đất bẩn, mắt chỉ quen soi kính hiển vi hay nhòm vào lò nấu kim loại, chính họ đã thực hiện được những phép thần. Họ sục vào nơi sâu kín nhất của Tự nhiên và cho ta biết Tự nhiên làm việc ra sao trong chốn náu mình của nàng. Họ lên tới tận trời xanh: họ phát hiện ra máu tuần hoàn như thế nào, và bản chất không khí ta thở ra sao. Họ đã đạt được những quyền lực không những mới mẻ mà hầu như vô tận, sai khiến được cả sấm sét của trời, bắt chước được cả chấn động của đất, thậm chí đùa cợt cả thế giới vô hình với chính những cái bóng của nó."

Những lời của vị giáo sư là vậy - đúng hơn, xin để tôi nói rằng đó là những lời của số mệnh, được cất lên để hủy hoại đời tôi. Trong khi thầy tiếp tục, tôi cảm giác như linh hồn tôi đang vật lộn với một kẻ thù hữu hình hữu thể, những cung đàn hợp thành cơ chế của con người tôi được bấm lên từng phím một: các dây đàn lần lượt vang lên, và chẳng bao lâu tâm trí tôi tràn đầy một suy nghĩ, một ý niệm, một mục đích duy nhất. Đã bao nhiêu thành tựu được hoàn thành - linh hồn của Frankenstein kêu lên - ta sẽ còn làm được nhiều hơn nữa: lần theo từng bước chân đã vạch đường, ta sẽ tiên phong một con đường mới, sẽ khám phá những quyền lực chưa từng biết,

mở ra cho thế giới biết bí mật sâu kín nhất của sự sáng tạo.

Suốt đêm đó tôi không chợp mắt. Nội tâm tôi rơi vào tình trạng náo động và nổi loạn; tôi cảm thấy rồi trật tự sẽ trở về, nhưng không đủ sức mạnh để tự mình lập lại nó. Dần dà, khi bình minh tới, tôi mới thiếp đi. Tỉnh dậy, những ý tưởng của tôi đêm qua như một giấc mơ. Chỉ còn lại một quyết định duy nhất là quay lại những nghiên cứu trước đây của mình, toàn lực hiến thân cho môn khoa học mà tôi tin mình có tài năng bẩm sinh. Cùng ngày tôi tới thăm thầy Waldman. Ở tư gia thầy còn mềm mỏng và hấp dẫn hơn trước đám đông nhiều; bởi khi lên lớp phong cách thầy có phần trang trọng, ở nhà cái đó đã thay bằng thái độ thân thiện và tử tế vô hạn. Tôi kể thầy nghe về việc học tập nghiên cứu trước đây của mình hệt như đã kể với vị giáo sư kia. Thầy lắng nghe bài trình bày nho nhỏ về chuyện học hành của tôi, đến tên Cornelius Agrippa và Paracelsus thì mỉm cười, nhưng không có vẻ khinh rẻ như thầy Krempe. Thầy bảo rằng "đó là những người có lòng nhiệt tình không mệt mỏi mà các triết gia hiện đại phải chịu ơn về phần lớn những căn bản kiến thức như bây giờ. Họ để lại cho chúng ta một nhiệm vụ dễ dàng hơn rất nhiều, đặt các tên mới, sắp xếp và phân loại rành mạch những thông tin mà phần lớn nhờ họ đã được đem ra ánh sáng. Công sức của những thiên tài, cho dù nhằm vào những mục tiêu lệch lạc đến mức nào đi nữa, hiếm khi không cống hiến chút gì cho tiến bộ vững chắc của toàn nhân loại." Tôi lắng nghe lời khẳng định của thầy, không hề kiêu căng, không hề giả tạo, rồi thưa với thầy rằng bài giảng của thầy đã đánh tan định kiến của tôi đối với các nhà hóa học hiện đại; tôi lựa chọn ngôn từ thật cân nhắc, thật khiêm tốn, nhún nhường, thích hợp với một người non nớt đang thưa với thầy dạy, không để lộ ra (có lẽ sự thiếu từng trải khiến tôi ngượng nghịu) lòng hăm hở đã khiến tôi muốn dốc sức lao vào công việc. Tôi cũng xin thầy cho ý kiến về những sách cần tìm đọc.

Thầy bảo: "Tôi rất sung sướng có được một học trò; và nếu lòng chuyên cần của anh cũng cao như năng lực của anh, tôi tin anh dễ thành công. Hóa học là ngành triết học tự nhiên đã và sẽ có những tiến bộ to lớn nhất; chính vì vậy mà tôi lựa chọn nó làm chuyên môn của mình, nhưng dù thế tôi cũng không sao lãng các ngành khác. Người ta sẽ là nhà hóa học rất tồi nếu chỉ chú trọng mỗi mảng đó trong kiến thức rộng lớn của nhân loại. Nếu anh mong muốn trở thành nhà khoa học thực sự chứ không phải người làm thực nghiệm xoàng xĩnh, tôi khuyên anh hãy theo tất cả các ngành trong triết học tự nhiên, kể cả toán học."

Thầy đưa tôi vào phòng thí nghiệm của mình, giải thích cách sử dụng

những máy móc lạ lùng trong đó, dạy tôi phải kiếm được cái nào, hứa cho tôi sử dụng máy móc của thầy khi tôi đã tiến đủ xa trong việc học hành để khỏi làm hỏng chúng. Thầy cũng đưa tôi danh sách cần đọc như tôi yêu cầu; và tôi cáo lui.

Thế là kết thúc cái ngày đáng ghi nhớ đã quyết định vận mệnh tương lai của tôi.

Chương 4

Kể từ ngày hôm đó, triết học tự nhiên, nhất là hóa học theo nghĩa rộng nhất của nó, trở thành công việc gần như duy nhất của tôi. Tôi nhiệt thành đọc các công trình đầy tài năng, đầy sáng suốt mà các nhà khảo cứu hiện đại đã viết về đề tài ấy. Tôi dự các giờ giảng, vun đắp mối quen biết với các nhà khoa học ở trường đại học; thậm chí ngay ở thầy Krempe tôi cũng phát hiện ra một đầu óc minh mẫn và một nguồn thông tin đáng kể, dĩ nhiên, đi kèm với một tướng mặt và tác phong vô cùng phản cảm nhưng không vì thế mà giảm đi giá trị. Còn ở thầy Waldman tôi tìm được một người bạn thực sự. Sự tử tế của thầy không hề bị vấy màu giáo điều chủ nghĩa; thầy dạy bảo tôi một cách cởi mở và thẳng thắn, không mang vẻ thông thái rởm chút nào. Cứ từng việc nhỏ thầy dọn quang con đường kiến thức cho tôi đi, làm các vấn đề khoa học thâm thúy nhất trở nên rõ ràng sáng sủa cho tôi hiểu. Lúc đầu sự chuyên tâm của tôi không đều và thường do dự; nhưng càng làm việc tôi càng nhiệt huyết và hăm hở, đến nỗi nhiều khi ánh ngày đến xóa mờ hết các vì sao mà tôi vẫn còn bận rộn trong phòng thí nghiệm.

Chăm chỉ như thế nên dễ hiểu là tôi tiến bộ nhanh chóng. Nhiệt tình hăng say của tôi khiến các sinh viên phải ngạc nhiên, tài năng tôi khiến các thầy phải lấy làm lạ. Giáo sư Krempe thường hỏi tôi với nụ cười ranh mãnh: *Cornelius Agrippa thế nào rồi?* trong khi thầy Waldman tỏ ra phấn chấn thật lòng trước tiến bộ của tôi. Suốt hai năm trôi qua như vậy, tôi không về thăm Geneva lần nào, tất cả tâm hồn và trí tuệ đặt vào việc đeo đuổi một số phát hiện mà tôi hy vọng tìm ra. Chỉ người làm nghiên cứu khoa học mới hiểu được sức quyến rũ của khoa học. Trong các ngành học khác, ta chỉ đi đến nơi những người đi trước ta đạt tới, sau đó hết, không còn gì cần biết nữa; nhưng công cuộc nghiên cứu khoa học luôn dành phần cho những điều ta cần khám phá thêm, những điều kỳ lạ mới mẻ. Người có năng lực trí tuệ khá, lại chỉ chuyên tâm đi sâu vào nghiên cứu một vấn đề, tất sẽ trở thành uyên bác trong lĩnh vực đó; và tôi, bởi luôn dốc sức mong đạt tới một đối tượng duy nhất, hoàn toàn không ngó ngàng đến xung quanh, đã tiến bộ mau chóng tới nỗi sau hai năm tôi đã thực hiện được một số phát minh nhằm cải tiến một số dụng cụ hóa học, khiến cả trường kính nể khâm phục tôi hết sức. Khi đã đạt tới mức này, thành thạo mọi kiến thức lý thuyết và thực hành về triết học tự nhiên mà bài giảng của các giáo sư ở Ingolstadt có thể cung cấp được,

và sống ở đây không còn có ích gì cho tiến bộ của tôi nữa, tôi bắt đầu nghĩ đến việc trở về thăm bạn bè và thành phố quê hương, thì đúng lúc đó xảy ra một sự kiện khiến tôi phải hoãn chuyến thăm nhà lại.

Một trong những hiện tượng đặc biệt lôi cuốn sự chú ý của tôi là cơ thể con người, hoặc đúng hơn là bất cứ động vật nào có được sự sống. Căn nguyên của sự sống khởi điểm từ đâu, tôi thường tự hỏi mình như vậy. Đó là một câu hỏi táo bạo, một câu xưa nay vẫn được coi như huyền bí; ấy vậy nhưng có biết bao điều ta đã tới bên bờ hiểu biết của nó rồi, chỉ vì yếu hèn hay bất cẩn mà ta ngưng tìm kiếm. Tôi cứ lật đi lật lại vấn đề này trong đầu, rồi đi đến quyết định sẽ đặc biệt đi sâu vào những ngành của triết học tự nhiên có liên quan tới sinh lý học. Nếu không phải được kích động bởi một nhiệt tình gần như siêu tự nhiên, việc nghiên cứu của tôi ắt đã vô cùng buồn chán, thậm chí không chịu đựng nổi. Muốn xem xét nguyên nhân sự sống, trước hết ta phải tìm hiểu cái chết. Tôi đã học môn giải phẫu học nhưng thế chưa đủ; tôi còn phải quan sát quá trình tan rữa và phân hủy hoàn toàn của cơ thể người trong tự nhiên. Khi giáo dục tôi, cha tôi đã hết sức lưu ý sao cho tâm trí tôi không chịu ảnh hưởng của những nỗi hoảng sợ siêu nhiên. Tôi nhớ chưa bao giờ run rẩy trước một chuyện mê tín dị đoan, cũng chưa bao giờ sợ ma hiện hồn. Bóng tối chẳng tác động gì đến trí tưởng tượng của tôi, nghĩa trang cạnh nhà thờ đối với tôi chỉ đơn thuần là nơi yên nghỉ của những tấm thân bị tước đi sự sống, trước là ngai ngự trị của sắc đẹp và sức mạnh nay đã trở thành thức ăn cho sâu bọ. Giờ đây cần khảo sát nguyên nhân và quá trình tan rữa, tôi buộc phải ở trong các hầm mộ và nhà xác suốt nhiều ngày đêm. Tôi chú ý quan sát tất cả những gì là không thể chịu đựng đối với các cảm xúc tế nhị của con người. Tôi nhìn xem hình hài đẹp đẽ của con người ta cứ từ từ thoái hóa rồi tan rữa; tôi quan sát quá trình phân hủy đầy chết chóc lan dần lên gò má hồng hào; tôi thấy dòi bọ nhấm nháp dần đôi mắt, bộ óc đã được sáng tạo đầy kỳ diệu. Tôi dừng lại, xem xét và phân tích chi tiết từng ly từng tí quá trình gây ra việc đó, thể hiện qua sự chuyển đổi từ sống sang chết, từ chết tới sống - cho tới khi giữa bóng tối mung lung một tia sáng đột ngột bừng lên, tia sáng này sao mà rực rỡ, lạ kỳ, lại quá đỗi đơn giản, đến mức đang bàng hoàng về triển vọng to lớn mà nó vẽ ra, tôi vẫn phải ngạc nhiên tại sao giữa bao nhiêu thiên tài tiến hành nghiên cứu trên cùng một đề tài, chỉ riêng tôi được dành phần phát hiện ra bí mật diệu kỳ ấy.

Anh nhớ cho, tôi không ghi lại ảo ảnh của một thằng điên đâu. Điều tôi khẳng định là sự thực, thực cũng như mặt trời tỏa sáng trên bầu trời vậy. Có lẽ phép thần thông nào đó đã đưa nó tới, tuy nhiên mỗi giai đoạn của

khám phá đều rõ rệt, đều hoàn toàn hợp lý. Sau nhiều đêm ngày vất vả mệt nhọc không sao tả xiết, tôi đã thành công trong việc phát hiện nguyên nhân của sinh sản và sự sống; chưa hết, tôi đã đạt tới mức có thể trao sự sống cho vật chất vốn vô tri vô giác.

Nỗi sửng sốt trước những gì vừa khám phá ra đã nhanh chóng nhường chỗ cho vui sướng mê ly. Bao thời gian lao động cực khổ để rồi ngay một lúc đạt tới đỉnh cao của niềm khao khát, đây là phần thưởng mãn nguyện nhất cho những công sức của tôi. Nhưng phát hiện này lớn lao quá, áp đảo quá, đến nỗi mọi quá trình dẫn dắt tôi tới được kết quả này đều đã mờ hết trong trí óc, và tôi chỉ nhìn ngắm kết quả mà thôi. Những gì là nghiên cứu, ước mơ của các nhà thông thái hàng đầu từ thuở khai thiên lập địa đến giờ, nay đã trong tầm tay tôi. Không phải nó mở ra trước mắt tôi lập tức, như khi vén lên tấm màn ảo thuật: thông tin tôi đạt được sẽ hướng đạo mọi cố gắng của tôi ngay khi tôi tập trung vào đối tượng cần nghiên cứu, hơn là bày ra trước mắt tôi đối tượng đã được hoàn thành. Tôi chẳng khác gì anh chàng Ả Rập bị chôn cùng với những người chết[24] đã tìm được đường trở về cõi sống, chỉ nhờ một tia sáng le lói, tưởng như vô tác dụng.

Trông anh hăm hở, ngạc nhiên và đôi mắt đầy hy vọng thế kia, bạn ơi, tôi hiểu bạn muốn được tôi bảo cho bí mật mà tôi đã giành được; nhưng tôi không thể: hãy nghe cho hết câu chuyện của tôi đã, bạn sẽ thấy vì sao tôi dè dặt. Tôi không muốn lôi kéo bạn, một người đang cuồng nhiệt và không được trông chừng cũng như tôi lúc bấy giờ, thẳng tới chỗ khốn khổ và hủy hoại. Bạn hãy học từ tôi, chẳng phải lời giáo huấn thì ít nhất cũng từ tấm gương của tôi: có được kiến thức nguy hiểm biết chừng nào, và kẻ nào coi quê hương mình là cả thế gian hạnh phúc hơn biết bao nhiêu so với kẻ khát khao trở nên vĩ đại hơn bản chất mình cho phép[25].

Khi thấy được một quyền lực đáng kinh ngạc đến thế đang nằm trong tay mình, tôi đắn đo khá lâu xem nên dùng nó ra sao. Mặc dù tôi đã sở hữu quyền lực tạo ra sự sống, nhưng để chuẩn bị một cơ thể để tiếp nhận sự sống ấy, với các sợi thần kinh, bắp thịt, mạch máu vô cùng phức tạp của nó, vẫn là một công việc khó khăn và vất vả không thể tưởng được. Lúc đầu tôi còn băn khoăn có nên sáng tạo một sinh vật giống như mình không, hay là một sinh vật có tổ chức cơ thể đơn giản hơn; nhưng trí tưởng tượng của tôi quá bị

kích động sau thành công ban đầu, khiến tôi hoàn toàn không nghi ngờ việc mình thừa sức tạo sự sống cho một sinh vật phức tạp và tuyệt diệu như con người. Ngay lúc này thì vật liệu trong khả năng huy động của tôi chưa đủ cho công việc gay go ấy, tuy nhiên tôi không mảy may nghĩ mình không thể thành công. Tôi chuẩn bị tinh thần đối phó với cản trở sẽ đến; công cuộc của tôi có thể vấp phải trở ngại không ngừng, kết quả sau rốt không hoàn chỉnh; ấy thế nhưng khi xem xét tiến triển từng ngày của khoa học và cơ học, tôi lại được khích lệ thêm để hy vọng những cố gắng của mình ít nhất cũng đặt nền móng cho thành công trong tương lai. Tôi cũng không hề coi sự phức tạp và tầm vóc của kế hoạch đó là bằng chứng nó không thực tế. Trong tâm trạng ấy tôi khởi công công trình sáng tạo ra một con người. Vì tính chất quá tỉ mỉ của các phần cơ thể ảnh hưởng đến tiến độ công trình, tôi quyết định, trái với ý tưởng ban đầu, sẽ tạo một bộ khung khổng lồ; cụ thể là cao khoảng hai mét rưỡi và to ngang, nhưng hài hòa cân xứng. Sau khi quyết định rồi, thêm mấy tháng đi thu thập và sắp xếp vật liệu, tôi bắt đầu công việc.

Không ai hình dung nổi những cảm nghĩ khác nhau đến mức nào đã cuốn hút tôi xông lên như một cơn lốc trong niềm say sưa đầu tiên về thắng lợi. Sống và chết đối với tôi là những biên giới lý tưởng, tôi phải vượt qua trước nhất, mang rọi một dòng thác ánh sáng vào thế giới tối tăm của chúng ta. Một giống loài mới sẽ sùng kính tôi đã tạo ra chúng, là mẫu hình của chúng; bao nhiêu cá thể siêu việt và vui sướng sẽ mang ơn tôi vì đã cho chúng có mặt trên đời này[26]. Không người cha nào có thể đòi hỏi con cái biết ơn mình như tôi có quyền đòi hỏi chúng. Theo dòng tư tưởng lan man, tôi còn nghĩ: một khi mình có thể đem lại sự sống cho vật chất vô tri vô giác, thì dần dần (cho dù giờ đây tôi đã biết là không thể) tôi cũng có thể trả lại sự sống ở những cơ thể đã bị tử thần hiến hoàn toàn cho mục rữa.

Những ý nghĩ đó cổ vũ tinh thần tôi khiến tôi theo đuổi công trình với nhiệt tình cháy bỏng không lúc nào thuyên giảm. Hai má tôi đã vì thế mà xanh nhợt, thân hình tọp đi vì tự giam hãm trong nhà. Đôi lúc tưởng cập bến bờ của thành công rồi, tôi lại thất bại; ấy thế nhưng tôi vẫn bám chặt lấy niềm hy vọng rằng sáng hôm sau hoặc giờ tiếp theo sẽ thực hiện được. Một bí mật chỉ riêng mình tôi sở hữu, đó chính là niềm hy vọng mà tôi đã dồn hết tâm sức vào; và trăng soi rọi vào những đêm miệt mài của tôi, trong khi, say mê đến căng thẳng không thở được nữa, tôi truy đuổi tự nhiên đến tận nơi ẩn trốn của nàng. Ai hình dung được những kinh hoàng trong công việc khó nhọc và bí mật của tôi, khi tôi đào lớp đất ẩm phạm thánh của mồ mả lên hoặc hành hạ súc vật đang sống nhằm đánh thức chất đất sét câm lặng? Chân

tay tôi vẫn đang còn run lên đây, mắt vẫn còn mờ lệ khi nhớ lại những việc đó, ấy thế nhưng lúc đó một mãnh lực không thể cưỡng lại được, hầu như điên cuồng nào đó cứ thúc đẩy tôi tiến tới; tôi mất hết cả linh hồn và cảm xúc trừ một đeo đuổi duy nhất này. Đó cuối cùng chỉ là một cơn hôn mê thoáng qua, chỉ làm tôi tỉnh táo hơn ngay khi động lực bất thường đó qua đi và tôi trở lại thói quen cũ. Tôi thu thập xương người từ các nhà xác; và bằng những ngón tay phàm tục quấy nhiễu bí mật thiêng liêng về cơ thể người. Trong một căn phòng cô độc, hay là cái ổ thì đúng hơn, trên tầng áp mái, nhờ dãy hành lang và cầu thang mà tách rời khỏi mọi căn hộ khác, tôi bố trí gian xưởng làm cái công việc sáng tạo bẩn thỉu dơ dáy ấy; hai tròng mắt tôi đảo tròn trong hốc mắt, theo dõi từng chi tiết công cuộc của tôi. Vật liệu chủ yếu lấy từ phòng giải phẫu tử thi và lò sát sinh, và thường phần nhân tính trong tôi quay đi ghê tởm trước việc tôi làm, trong khi, dưới cơn thôi thúc tăng lên vô tận, tôi tiếp tục công trình mình gần đến hoàn tất.

Các tháng hè trôi qua trong khi tôi vẫn mải mê làm việc, toàn tâm toàn ý. Lúc này là mùa đẹp nhất trong năm, đồng lúa chưa bao giờ báo hiệu được mùa hơn thế, đồng nho cũng hứa hẹn bội thu, thế nhưng mắt tôi hoàn toàn vô cảm với vẻ đẹp của thiên nhiên. Lãnh cảm với cảnh vật quanh mình thế nào tôi cũng quên bẵng bạn bè nơi quê hương xa xôi cách trở, lâu ngày không gặp thế ấy. Tôi biết sự im lặng của tôi khiến họ lo âu, và tôi rất nhớ lời căn dặn của cha tôi: “Cha biết trong khi vui cuộc sống con vẫn nhớ tới chúng ta với tình thương yêu trìu mến, và nhà sẽ thường nhận được thư con. Con sẽ không thể trách được nếu cha coi việc con trễ nải thư từ cũng có nghĩa là con đang sao lãng mọi nhiệm vụ khác của mình.”

Vì vậy tôi hiểu rõ cảm nghĩ của cha tôi sẽ ra sao: tuy nhiên tôi không làm sao cách ly tâm trí mình khỏi cái công việc bản thân thì thật ghê tởm, nhưng lại thu hút toàn bộ óc tưởng tượng của tôi không gì cưỡng lại được. Tôi đã cố trì hoãn lại tất cả những gì liên quan đến tình cảm yêu thương, cho tới lúc mục tiêu to lớn nuốt hết mọi thói quen của bản chất tôi hoàn tất đã.

Lúc đó tôi nghĩ rằng cha tôi bất công nếu ông đổ sự sao lãng của tôi là do lỗi lầm tật xấu; nhưng giờ đây tôi lại thấy quả ông đã đúng khi cho rằng tôi không hoàn toàn không đáng trách. Con người hoàn thiện bao giờ cũng phải giữ được tâm hồn yên bình thanh thản, không để cho bất kỳ niềm say mê hay ý muốn nhất thời nào ảnh hưởng đến sự tĩnh tâm. Tôi nghĩ theo đuổi kiến thức cũng không được nằm ngoài quy luật đó. Nếu công cuộc anh đang dốc lòng theo đuổi lại có xu hướng làm suy yếu những tình cảm của anh, phá tan tình yêu dành cho những niềm vui giản đơn không gì pha tạp

được, thì công cuộc ấy quả là bất chính, không thích hợp với tâm hồn con người. Giá quy luật này luôn được tuân thủ; giá không ai để cho sự nghiệp mình đeo đuổi bất kể là gì can thiệp tới những tình cảm gia đình yên ả, hẳn Hy Lạp đã không đến nỗi bị đô hộ, Caesar đã tha thứ cho đất nước mình; châu Mỹ được phát hiện ra không nóng vội như thế; và các đế chế Mexico và Peru không đến nỗi tiêu vong.

Nhưng quên, đến phần hay nhất của câu chuyện tôi lại mải lý luận về đạo đức, và trông anh tôi mới nhớ ra mình cần tiếp tục.

Cha tôi không trách móc gì trong thư từ của ông, và sự im lặng của tôi chỉ được ông lưu ý đến bằng cách hỏi han công việc của tôi kỹ lưỡng hơn trước. Đông qua, xuân lại, rồi hè tới trong lúc công việc gian khổ của tôi tiếp tục, nhưng tôi chẳng nhìn thấy cây cối đâm chồi nảy lộc - cảnh ấy xưa vẫn khơi lên niềm hân hoan vô hạn trong tôi - bởi quá lao tâm khổ tứ vào công việc. Việc gần xong thì lá cây cũng đã úa tàn, và giờ đây mỗi ngày càng chứng tỏ rõ ràng hơn tôi đã tiến được tới mức nào. Nhưng nhiệt tình của tôi bị nỗi lo lắng kìm nén lại, và trông tôi giống như người nô lệ lam lũ ngoài mỏ hay bất kỳ nghề nghiệp lao lực nào khác thì đúng hơn là một nghệ sĩ đang đắm đuối trong công việc mình ưa thích. Đêm nào tôi cũng lên cơn sốt nhẹ, và thần kinh căng thẳng đến cùng cực; một chiếc lá rơi cũng khiến tôi giật mình thon thót; tôi lảng tránh đồng loại như người phạm tội. Đôi lúc tôi cũng hoảng hồn vì thấy ngày một trở nên khốn khổ; chỉ mình sức mạnh của mục tiêu giữ cho tôi đứng vững: mọi vất vả sắp qua rồi, và tôi tin rằng vận động và giải trí sẽ xua tan cơn bệnh mới chớm bắt đầu; và tôi tự hứa sẽ dành thời gian cho cả hai thứ đó, khi công cuộc sáng tạo của tôi đã được hoàn tất nghiêm chỉnh.

Chương 5

Vào một đêm tháng Mười một ảm đạm, công trình gian khổ của tôi hoàn thành. Lo lắng đến mức gần như đau đớn, tôi thu thập các khí quan của sự sống nằm quanh tôi, để đưa tia lửa sống vào cái cơ thể đang vô tri vô giác nằm dưới chân tôi kia. Đã một giờ sáng, mưa buồn thảm đập vào ô kính cửa sổ, nến đã sắp sửa tàn, thì, dưới ánh sáng đang lụi dần chỉ còn le lói, tôi trông thấy con mắt vàng mờ đục của cái sinh vật kia hé mở; nó thở nặng nhọc, và một cơn co giật chạy qua chân tay nó.

Làm sao miêu tả nổi nỗi xúc động của tôi trước tai ương ấy; làm sao phác họa nên cái của khốn nạn mà tôi đã bao đau đớn và chăm chút sáng tạo ra? Chân tay hắn cân đối đâu vào đấy, và tôi đã cố lựa chọn cho hắn nét mặt thật là đẹp đẽ. Đẹp đẽ ư! - Trời cao đất dày ơi! Làn da vàng của hắn che không nổi các cơ và mạch máu đang giần giật bên dưới; tóc đen óng chảy sóng mượt, răng trắng muốt như hạt ngọc trai; tuy nhiên những nét đẹp thừa thãi đó chỉ tạo thành mối tương phản khủng khiếp đối với đôi mắt ướt nhoèn, giống hệt màu nâu xám của xương hốc mắt, nước da úa tàn, và đôi môi đen mím chặt.

Cuộc đời có biến động đến mấy cũng ít khôn lường hơn tình cảm con người. Gần hai năm trời tôi miệt mài lao động, chỉ nhằm mục đích thổi sự sống vào một cái thi thể bất động. Vì mục đích ấy tôi đã tự tước đi cả nghỉ ngơi và sức khỏe. Tôi đã cháy lòng khao khát nó với một tình cảm vượt xa điều độ; ấy thế mà nay, hoàn tất công việc rồi, cái đẹp của giấc mơ biến mất, chỉ còn lại nỗi kinh hoàng và ghê tởm đến nghẹt thở trong tim. Chịu không nổi phải nhìn thấy cái thực thể mình đã tạo ra đó, tôi chạy bổ ra khỏi phòng, mất một hồi lâu đi tới đi lui trong phòng ngủ, không thể nào bình tĩnh lại mà đi ngủ được. Mãi sau, sự kiệt sức đã lên cao thành cơn hoảng loạn mà tôi đã từng trải qua lúc trước; và tôi để cả quần áo vật mình trên giường, cố tìm quên lãng. Nhưng chỉ vô ích: tôi ngủ được thật, nhưng lại gặp phải một giấc mơ rồ dại chưa từng thấy. Tôi tưởng như trông thấy Elizabeth, sức khỏe tràn trề, đang trên đường phố Ingolstadt. Quá sung sướng và ngạc nhiên, tôi ôm lấy nàng; nhưng khi tôi đặt nụ hôn đầu tiên lên môi nàng, nó chợt trở thành tím tái đầy chết chóc; nét mặt nàng dường như thay đổi, và tôi tưởng như đang ôm xác người mẹ quá cố của tôi trong tay; một tấm khăn liệm phủ lấy

hình hài, tôi trông thấy dòi bọ dưới mồ đang bò lổm ngổm trên các nếp gấp của tấm khăn. Tôi choàng dậy vì hoảng hốt; mồ hôi lạnh dấp trên trán, răng va lập cập vào nhau, tứ chi co rút: vừa lúc đó, nhờ ánh trăng vàng mờ chui lọt qua khe chớp cửa sổ, tôi nhìn thấy kẻ khốn nạn kia - con quái vật thảm hại mà tôi đã tạo ra. Hắn vén màn che giường lên, đôi mắt hắn, nếu ta có thể gọi đó là mắt, chăm chú nhìn tôi. Quai hàm há ra, hắn thì thầm những âm thanh không rành mạch, trong khi má nhăn lại trong một điệu cười. Có lẽ hắn đã nói gì đó, nhưng tôi không nghe thấy; hắn giơ một cánh tay ra, hầu như muốn nắm lấy tôi, nhưng tôi chuồn mất, và lao xuống cầu thang. Tôi náu vào sân sau ngôi nhà đang ở và trốn ở đó suốt đêm; tâm hồn xáo động, tôi cứ đi đi lại lại, nghe nghe ngóng ngóng, nắm bắt và tái người trước mỗi tiếng động nhỏ như thể nó báo hiệu cái thây ma quỷ kia đến gần, cái thây tôi đã phạm hành động kinh tởm là ban cho sự sống.

Ôi! không người sống nào có thể chịu nổi gương mặt kinh khủng ấy. Một cái xác ướp sống lại cũng không đến nỗi xấu xí ghê tởm như của khốn nạn này. Tôi đã nhìn kỹ hắn lúc hắn chưa được hoàn thành; lúc ấy trông hắn đã xấu rồi; nhưng đến khi các cơ và khớp đã cử động được, hắn trở thành một thứ ngay cả Dante[27] cũng không hình dung nổi.

Đêm hôm ấy trôi qua thật khốn khổ đối với tôi. Có lúc mạch tôi đập nhanh và mạnh đến nỗi tôi cảm thấy cơn run của từng nhịp đập; lúc khác, tôi gần như xỉu xuống đất do kiệt quệ và yếu ớt quá chừng. Giữa nỗi kinh hoàng ấy, tôi cảm thấy niềm thất vọng chua cay; những giấc mơ lâu nay nuôi dưỡng tôi, là nơi tôi ẩn náu êm đềm trong cả một thời gian dài đến thế, nay đối với tôi là địa ngục; sự thay đổi sao quá nhanh đến thế, tất cả đổ ụp hoàn toàn đến thế!

Buổi sáng ẩm thấp u sầu cuối cùng cũng rạng, và hé ra trước đôi mắt đau nhức và thiếu ngủ của tôi nhà thờ Ingolstadt, ngọn tháp trắng với đồng hồ của nó, đang chỉ sáu giờ. Người gác mở cổng chiếc sân, nơi ẩn náu của tôi đêm đó, và tôi ào ra đường, bước nhanh trên các con phố, tựa như tìm cách lánh mặt cái của khốn nạn kia, mà tôi cảm giác sẽ ló ra ở bất cứ góc phố nào. Tôi không dám trở về căn phòng mình ở, mà cảm thấy bị buộc phải đi cho nhanh, dù đang ướt sũng như chuột lột vì cơn mưa mới trút xuống từ bầu trời đen kịt u ám.

Tôi cứ đi như thế một lúc lâu, mong hành xác để rũ bớt gánh nặng mang trong tâm trí. Tôi qua hết phố nọ đến phố kia, chẳng hề có chút khái

niệm mình đang ở đâu, đang làm gì. Tim tôi giật lên từng hồi trong cơn sợ muốn phát bệnh; tôi bước vội bước vàng chân thấp chân cao, không dám đưa mắt nhìn quanh:

Như ai đó, trên con đường cô quạnh
Bước đi trong khiếp đảm hãi hùng
Chỉ quay lại nhìn có một lần
Rồi thôi không dám quay đầu nữa
Bởi hắn biết một con quỷ khủng khiếp
Đang theo sát hắn từng bước chân.[a]

Cứ tiếp tục đi như thế, cuối cùng tôi đến trước cái quán xưa nay nhiều xe ngựa chở khách hay hàng hóa đường dài hay tới đậu. Tôi dừng lại ở đó, chẳng hiểu tại sao; nhưng tôi cứ đứng yên dán mắt vào một chiếc xe từ đầu phố đằng kia đang tiến lại phía tôi. Tới gần, tôi thấy đó là một xe ngựa Thụy Sĩ: nó dừng ngay nơi tôi đứng; cửa xe mở ra, và tôi trông thấy Henry Clerval đã nhảy ào ra khi trông thấy tôi. "Frankenstein thân mến của tôi ơi! Mừng biết bao khi được gặp lại bạn! May sao bạn ở đây đúng lúc tôi xuống xe!"

Không gì làm tôi sung sướng hơn khi trông thấy Clerval; nhìn thấy anh tôi tưởng ngay đến cha tôi, Elizabeth, mọi cảnh tượng quê nhà thân thương trong trí nhớ. Tôi vội nắm bàn tay anh, phút chốc quên hẳn cơn hãi hùng và rủi ro đang chịu đựng; đột ngột và lần đầu tiên sau nhiều tháng trời tôi lại cảm thấy niềm vui yên bình và trong sáng. Thành thử tôi đón tiếp Clerval thân tình vô hạn, và chúng tôi tản bộ về phía trường. Clerval tiếp tục nói khá lâu về những người bạn chung, về may mắn của bản thân mình được phép tới Ingolstadt. "Bạn hẳn quá biết," Clerval nói, "thuyết phục được cha tôi khó như thế nào để ông hiểu rằng mọi kiến thức người ta cần ở đời đâu chỉ nhờ cái nghệ thuật cao quý là ôm sổ sách kế toán; và thực tế, tôi tin rằng mãi đến phút cuối tôi cũng không lay chuyển được lòng tin của cha tôi, bởi câu trả lời thường trực cho những khẩn cầu không mỏi của tôi vẫn y như ông thầy giáo Hà Lan nói trong *Cha sở xứ Wakefield*[28] 'Chẳng cần tiếng Hy Lạp tôi vẫn có mười ngàn florin một năm, chẳng cần tiếng Hy Lạp tôi vẫn ăn ngon miệng.' Nhưng cuối cùng tình yêu dành cho tôi đã chiến thắng được sự khinh miệt đối với học hành, và ông đồng ý cho tôi thực hiện một chuyến du hành khám phá miền đất quê hương tri thức."

“Gặp bạn là niềm vui mừng lớn nhất dành cho tôi; song hãy cho tôi biết tình hình cha tôi, các em trai tôi, Elizabeth ra sao khi bạn ra đi.”

“Họ khỏe cả, và rất hạnh phúc, chỉ hơi không yên lòng khi bạn gần như chẳng viết thư về gì cả. Nhân đây, tôi cũng được giao nhiệm vụ phải thay họ diễn thuyết một bài đạo đức cho bạn nhớ. - Nhưng Frankenstein ạ,” Clerval bỗng đứng lại, nhìn kỹ khuôn mặt tôi, “lúc nãy tôi chưa kịp để ý rằng trông bạn ốm quá đi mất, xanh và gầy quá, có vẻ như đã thức trắng nhiều đêm.”

“Bạn đoán đúng; gần đây tôi lao vào một công việc, nó không cho phép tôi được nghỉ ngơi đầy đủ như bạn thấy đấy: nhưng tôi hy vọng, thành thực hy vọng, là công việc ấy giờ đây chấm dứt rồi, và rằng tôi đã được hoàn toàn tự do.”

Tôi run bắn hết cả người lên; nghĩ về nó tôi đã không chịu nổi, chưa nói đến chuyện nhắc nhở về sự việc đêm qua. Tôi bước nhanh và chẳng mấy chốc cả hai về đến trường tôi. Lúc đó tôi nhớ lại, và rùng mình, rằng cái sinh vật tôi tạo ra hôm qua, chắc vẫn còn đấy, sống nguyên, và đang đi lung tung trong nhà. Tôi sợ đến phát khiếp khi lại phải nhìn thấy con quái vật này, nhưng sợ hơn nữa là để Henry nhìn thấy nó. Vì vậy, yêu cầu bạn tôi đứng lại vài phút dưới chân cầu thang, tôi lao lên căn hộ của mình. Đã đặt tay lên núm cửa rồi mà tôi vẫn chưa bình tĩnh lại. Tôi ngừng một lát; và một cơn run rẩy cóng người lướt qua tôi. Tôi đẩy tung cánh cửa, giống kiểu trẻ con vẫn làm khi nghĩ rằng có con ma đứng sẵn chờ chúng bên trong; nhưng chẳng thấy gì hết. Tôi bước vào trong kinh sợ: căn hộ trống rỗng, giường tôi cũng không còn vị khách ghê tởm kia. Tôi không sao tin được mình may mắn đến nhường ấy; nhưng khi chắc chắn kẻ thù đã chuồn mất rồi, tôi vỗ tay đầy mừng rỡ, và chạy xuống đón Clerval.

Hai chúng tôi lên phòng, và người phục vụ lập tức mang thức ăn sáng tới, nhưng tôi không kiềm chế được mình. Tôi không chỉ tràn ngập trong sung sướng; tôi cảm thấy từng thớ thịt mình rạo rực như có kim châm, mạch tôi rộn lên. Tôi không đứng yên được lấy một chút; tôi nhảy lên ghế, vỗ hai bàn tay vào cười lên ha hả. Lúc đầu Clerval tưởng tôi vui bất thường là do anh đến, nhưng sau khi nhìn kỹ hơn, anh thấy trong mắt tôi có ánh điên dại mà anh không hiểu được; và những tràng cười lớn, khô khốc, không kiềm chế được của tôi khiến anh lấy làm lạ và hoảng sợ nữa.

“Victor thân mến,” anh kêu lên, “có chuyện gì thế này hả Trời? Đừng

có cười như thế. Bạn ốm quá rồi! Tất cả chuyện này là vì đâu vậy?”

“Đừng hỏi tôi bạn ơi,” tôi vừa hét to vừa lấy tay che mắt, vì cảm giác như vừa thấy con ma kinh khủng lại lướt vào phòng; “hắn đấy, hắn sẽ cho bạn biết vì sao. - Ôi, cứu tôi với! Cứu tôi!” Tưởng như con quái vật nắm lấy mình, tôi vùng vẫy kịch liệt rồi lăn ra ngất xỉu.

Clerval tội nghiệp! Chẳng hiểu lúc đó cảm nghĩ anh ra sao? Một cuộc gặp gỡ mà anh đã mong chờ vui vẻ đến thế, nay biến thành cay đắng lạ lùng. Nhưng tôi nào có chứng kiến được nỗi khổ đau của anh; bởi tôi đã bất tỉnh nhân sự, và chỉ tỉnh lại sau một thời gian dài, rất dài.

Đó là khởi đầu của một cơn sốt thần kinh đã khiến tôi phải liệt giường nhiều tháng. Suốt thời kỳ này Henry là y tá duy nhất săn sóc tôi. Mãi về sau tôi mới biết rằng, vì biết cha tôi tuổi già sức yếu, khó lòng đi xa được, và Elizabeth sẽ khốn khổ đến đâu nếu biết tôi ra thế này, anh đã giấu nhẹm không cho họ biết tôi nguy kịch đến đâu. Anh cũng hiểu chẳng ai chăm sóc tôi ân cần chu đáo hơn anh; và tin tưởng chắc chắn tôi sẽ khỏi, anh nghĩ mình làm vậy không phải là có hại, mà ngược lại đã cư xử tốt nhất đối với họ.

Nhưng tôi thực sự ốm rất nặng, và chắc chắn chỉ có sự chăm sóc tận tụy vô hạn của bạn tôi mới có thể trả tôi về với cuộc đời. Hình thù con quái vật tôi đã trao cho sự sống lúc nào cũng hiện trước mắt tôi, và tôi không ngừng nói mê nói sảng về nó. Hẳn lời tôi nói phải khiến Henry lấy làm lạ: lúc đầu anh cho đó là kết quả của óc tưởng tượng bị kích động của tôi; nhưng cứ nghe tôi dai dẳng nói mãi về cùng một đề tài anh đã bị thuyết phục rằng bệnh tình tôi thực tế bắt nguồn từ một sự kiện bất thường và kinh khủng nào đó.

Thật chậm chạp, với nhiều đợt suy sụp lặp lại thường xuyên khiến bạn tôi hoảng hốt và xót ruột, tôi hồi phục lại. Tôi vẫn nhớ lần đầu tiên tôi lại có thể quan sát sự vật quanh mình với chút ít thích thú, tôi thấy rằng lá úa đã biến mất hoàn toàn, chồi non đang mọc ra từ đám cây xòa bóng vào cửa sổ. Mùa xuân ấy thật là thần thánh, và mùa xuân đến đã giúp cho dưỡng bệnh của tôi rất nhiều. Tôi cũng cảm thấy những cảm xúc vui sướng và yêu thương trở lại trong lồng ngực; tâm trạng u ám biến mất, và sau một thời gian ngắn tôi lại vui vẻ yêu đời như lúc chưa rơi vào niềm mê đắm định mệnh kia.

"Bạn Clerval yêu mến nhất đời của tôi ơi," tôi nói, "bạn tốt với tôi quá! Cả mùa đông mà bạn tự hứa sẽ dành để học hành, lại mất tiêu trong phòng người bệnh như thế này. Tôi biết làm sao trả ơn bạn đây? Tôi ân hận vô cùng vì đã là nguyên cớ cho nỗi thất vọng ấy của bạn; nhưng hẳn là bạn sẽ tha thứ cho tôi."

"Đừng lo ngại gì, cứ mau khỏe lên tức là bạn đã trả ơn tôi hoàn toàn rồi đó; và tiện đây bạn đang vui vẻ thế này, tôi nói với bạn vấn đề này được không?"

Tôi run quá. Một vấn đề! Vấn đề gì vậy? Liệu có phải anh định ám chỉ cái đối tượng mà nghĩ đến tôi cũng không dám hay không?

"Bình tĩnh lại đi," Clerval nói, khi thấy tôi biến sắc. "Tôi sẽ không nhắc nữa, nếu nó khiến bạn kích động đến thế, nhưng cha bạn và cô em họ hẳn sẽ sung sướng lắm khi nhận được thư do chính tay bạn viết. Họ chỉ biết lơ mơ về trận ốm của bạn, và rất hoang mang thấy bạn cứ im lặng hoài như vậy."

"Chỉ có thế thôi ư, hả Henry thân mến? Chẳng lẽ bạn nghĩ rằng những ý nghĩ đầu tiên của tôi không phải là về họ sao, những người bạn thân thương tôi yêu dấu và rất xứng đáng với tình yêu của tôi?"

"Nếu tâm trạng bạn lúc này đây là như vậy thì bạn ơi, có lẽ bạn sẽ vui mừng đọc lá thư đang nằm chờ bạn từ mấy ngày nay rồi; tôi đoan chắc đó là của cô em họ bạn."

Chương 6

Vậy là Clerval trao vào tay tôi lá thư sau đây. Đó là thư nàng Elizabeth của riêng tôi:

Anh họ yêu quý nhất của em.

Anh đang ốm nặng, nặng vô cùng, và ngay cả những bức thư liên tiếp của Clerval tốt bụng cũng không trấn an em về sức khỏe của anh được. Anh bị cấm viết thư, anh không cầm nổi bút; ấy thế nhưng chỉ cần một chữ tự tay anh viết, Victor yêu quý ạ, cũng đủ trấn an cả nhà rồi. Suốt một thời gian dài em cứ nghĩ rằng chuyến thư kế sẽ mang tới bức thư đầy mong đợi đó, và những lời thuyết phục của em đã kìm chân bác trai khỏi lên đường đi Ingolstadt. Em đã ngăn không muốn ông gặp phải những bất tiện, thậm chí nguy hiểm của cuộc hành trình quá dài đến vậy, nhưng bao nhiêu lần em tiếc không được tự mình thực hiện chuyến đi này! Em cứ hình dung nhiệm vụ coi sóc anh bên giường bệnh được trao cho một bà hộ lý già đi thuê, không bao giờ hiểu được anh muốn gì, cũng chẳng thể đáp ứng những mong muốn đó tận tụy chu đáo như cô em họ đáng thương này được. Nhưng thôi tất cả đã qua rồi: Clerval viết là anh đang thực sự khá lên; em đang chờ đợi anh khẳng định điều này bằng những dòng chữ chính tay anh viết.

Anh mau khỏe - và trở về với mọi người. Anh sẽ tìm lại được một gia đình vui vẻ, hạnh phúc, những người bạn yêu anh thiết tha. Sức khỏe cha anh rất tốt, ông chỉ muốn có một điều là gặp lại anh - chỉ để chắc chắn anh đã khỏe; và khuôn mặt nhân từ của ông sẽ không còn vẩn nét lo âu nào nữa. Anh sẽ vui mừng biết bao với những tiến bộ của Ernest! Cậu ấy đã mười sáu tuổi rồi, đầy năng động và phấn chấn. Cậu ấy khao khát trở thành một người Thụy Sĩ thực thụ, và đi quân dịch ở nước ngoài; tuy nhiên cả nhà giờ vẫn chưa thể rời xa cậu, hoặc ít nhất đợi chừng nào anh cả của cậu trở về đã. Bác trai cũng chẳng ưa gì ý tưởng phục vụ binh nghiệp tại một xứ sở xa xôi; nhưng Ernest không có được ý chí chăm chỉ dùi mài kinh sử như anh. Cậu ấy coi học hành là xiềng xích đáng căm ghét; cả ngày cậu ấy chỉ ở ngoài trời, hết leo núi

lại chèo thuyền. Em e rằng cậu ấy rồi sẽ trở thành một chàng công tử nhàn rỗi mất thôi, trừ phi cả nhà chiều lòng cậu ấy, và cho phép cậu ấy gia nhập hàng ngũ cậu ấy đã lựa chọn.

Chẳng có gì thay đổi lắm từ khi anh đi ngoài sự lớn lên của các em chúng ta. Mặt hồ xanh ngắt, những ngọn núi tuyết phủ, chẳng bao giờ thay đổi - và em nghĩ ngôi nhà bình dị của mình cùng những trái tim mãn nguyện trong đó cũng theo cùng quy luật bất biến này. Công việc vặt hàng ngày chiếm hầu hết thời gian của em và làm em vui thích, và vất vả đến đâu em cũng tự thấy mình đã được ban thưởng xứng đáng bằng sự hiện diện của những gương mặt hạnh phúc, tươi tắn quanh em. Có lẽ sau khi anh đi, chỉ có mỗi một thay đổi đến với gia đình ta. Anh còn nhớ Justine Moritz đã về với nhà ta trong hoàn cảnh nào không? Có lẽ không; do đó em sẽ nhắc lại sơ qua câu chuyện. Bà Moritz, mẹ cô gái, ở góa với bốn đứa con, Justine là con thứ ba. Cô vốn được cha yêu quý nhất, nhưng do một tình cảm bất thường nào đó, mẹ cô không chịu nổi cô, và sau khi ông Moritz tạ thế, mẹ cô xử tệ với cô vô cùng. Bác gái đã chứng kiến cảnh này, và khi cô mười hai tuổi, bác đã thuyết phục mẹ cô cho cô đến ở với gia đình ta. Thể chế cộng hòa của nước ta đã đặt ra những tập tục giản đơn, dễ chịu hơn nhiều so với những gì đang thịnh trong các nước quân chủ hùng mạnh xung quanh. Vì thế không có những phân biệt quá đáng giữa các giai cấp trong xã hội ta; và những tầng lớp thấp hơn trong xã hội không quá nghèo và không bị khinh rẻ, phong thái họ vẫn tế nhị và đứng đắn. Gia nhân ở Geneva không phải là một gia nhân như ở Pháp hay Anh. Justine đến gia đình ta trong cảnh đó, đã học những bổn phận của một người làm; một vị thế, trong xứ sở may mắn của chúng ta, không kèm theo sự dốt nát và thủ tiêu lòng tự trọng.

Chắc anh còn nhớ anh vẫn luôn rất quý mến Justine; và em nhớ có lần anh đã nhận xét, nếu anh đang chán nản, một ánh mắt của cô bé sẽ làm anh dịu lại ngay, cũng cùng lý do Ariosto nêu ra về sắc đẹp của Angelica[29] - bởi trông cô thật vui tươi, thật chân thành. Bác gái đã trở nên gắn bó với cô vô kể, và giáo dục cô cẩn thận hơn nhiều so với ý định ban đầu của bác. Ơn này đã được đền đáp trọn vẹn; Justine là sinh linh biết hàm ơn nhất trên đời: ý em không phải cô thổ lộ điều gì, môi cô chưa từng nói một lời tương tự; nhưng qua ánh mắt cô có thể thấy rõ rằng cô gần như sùng mộ người bảo trợ cho mình. Mặc dù tính cô vui vẻ, thoải mái vô tư, thế nhưng cô vẫn hết mực chú ý nhất cử nhất động

của bác gái. Cô coi bác gái là điển hình ưu việt về mọi phương diện, và cố gắng phỏng theo từ cách nói năng đi đứng đến tác phong xử sự, thành thử kể cả giờ đây cô vẫn thường nhắc em nhớ đến bác.

Khi bác gái yêu quý mất đi, ai nấy đều quá bận tâm với nỗi đau khổ của mình, chẳng ai để ý đến Justine là người đã chăm sóc thật tận tâm, lo lắng khi bác ốm. Cô bé tội nghiệp ốm yếu lắm, nhưng vẫn còn nhiều thử thách khác đang chờ đón cô.

Từng người một, các anh em cô lần lượt qua đời; mẹ cô bị bỏ lại cô đơn chỉ còn người con gái bà từng ruồng bỏ. Lương tâm của người đàn bà ấy chao đảo; bà bắt đầu ngờ rằng cái chết của đám con cưng là sự trừng phạt của trời đối với lòng thiên vị của bà. Bà là tín đồ Công giáo, và em tin chắc rằng cha xưng tội của bà đã củng cố thêm ý tưởng này. Vài tháng sau khi anh đi Ingolstadt, Justine bị bà mẹ hối hận gọi về. Tội nghiệp cô gái! rời khỏi nhà ta cô khóc sướt mướt; sau cái chết của bác gái, cô thay đổi hẳn đi; nỗi đau đã khiến cô trở nên mềm mại hơn và dịu dàng quyến rũ lòng người hơn trước, so với những phong thái hoạt bát trước đó của cô. Cuộc sống ở nhà mẹ cô cũng không phải lối sống có thể trả lại cho cô niềm vui cũ. Nỗi ân hận của bà mẹ rất thất thường. Bà lúc thì cầu khẩn cô tha thứ cho cách cư xử tàn nhẫn khi trước, nhưng thường xuyên hơn là đổ tội cho cô gây ra cái chết của anh chị em cô. Xáo động triền miên cuối cùng khiến bà Moritz suy nhược, lúc đầu chỉ khiến tính tình bà ta khó chịu thêm, nhưng giờ đây bà ta đã yên nghỉ vĩnh viễn rồi. Bà ta mất hồi đầu mùa đông này, khi đợt rét đầu tiên tới. Justine lại trở lại nhà ta; bảo đảm với anh, em yêu thương cô lắm. Cô rất thông minh và hiền dịu, và xinh ghê lắm; như em đã nói trên kia, dáng dấp, vẻ mặt cô luôn làm em nhớ tới bác gái thân yêu.

Cần thêm vài lời với anh về em William bé nhỏ thân thương nữa. Ước gì anh nhìn thấy chú nhỏ; chú cao hơn tuổi nhiều, đôi mắt xanh hiền dịu như đang cười, hàng mi thẫm, tóc quăn từng lọn. Mỗi lần chú mỉm cười lúm đồng tiền hai bên má hồng hào lại hiện lên. Chú bé đã có một hai *cô vợ* bé bỏng rồi đấy, nhưng Louisa Biron là người chú thích nhất, một cô bé lên năm xinh xẻo.

Giờ thì, Victor thân mến, em dám nói rằng anh cũng muốn dự phần vào đôi câu chuyện ngồi lê đôi mách về đám thượng lưu ở Geneva. Cô Mansfield xinh đẹp đã nhận được những chuyến thăm

mừng cho cuộc hôn nhân sắp tới của cô với một chàng người Anh trẻ, công tử John Melbourne. Cô chị xấu xí, Manon, mùa thu năm ngoái đã lấy ông chủ nhà băng giàu có Duvillard. Bạn học mà anh yêu nhất, Louis Manoir, đã gặp phải vài điều không may từ khi Clerval đi khỏi Geneva. Nhưng tinh thần anh ta đã hồi phục lại, và nghe nói còn sắp kết hôn với một bà người Pháp xinh đẹp vui tươi là Madame Tavernier nữa. Đó là một bà góa già hơn Manoir nhiều; nhưng bà rất được mọi người hâm mộ, và ai cũng yêu mến bà ấy.

Anh họ thân yêu, viết cho anh em đã vui lên nhiều; nhưng đến cuối thư, nỗi lo lắng của em lại trở lại. Anh hãy viết về nhà, Victor yêu quý nhé, dù chỉ một dòng thôi, ngay cả một chữ cũng đã khiến gia đình hạnh phúc lắm rồi. Cảm ơn Henry hàng chục ngàn lần vì lòng tử tế, vì tình thương yêu và vì những lá thư không ngớt của anh ấy; cả nhà chân thành biết ơn. Tạm biệt anh họ của em! Hãy lo giữ gìn sức khỏe; và hãy viết thư, em khẩn nài anh đấy!

ELIZABETH LAVENZA

GENEVA, 18 tháng Ba 17...

"Elizabeth thân yêu! Elizabeth thân yêu!" tôi kêu lên sau khi đọc xong lá thư, "tôi sẽ viết thư ngay lập tức, để giải phóng họ khỏi nỗi lo lắng họ ắt đang cảm thấy." Và thế là tôi viết, nỗ lực ấy khiến tôi mệt nhoài người; nhưng kỳ dưỡng bệnh của tôi bắt đầu, sức khỏe cứ ngày một tiến triển tốt hơn. Sau nửa tháng, tôi đã rời khỏi phòng được.

Một trong những việc làm đầu tiên của tôi sau khi hồi phục là giới thiệu Clerval với các giáo sư trong trường. Làm việc này tôi phải cố gắng ghê gớm, nó chẳng thích hợp với những vết thương trí não tôi còn giữ lại. Kể từ cái đêm định mệnh ấy, cái đêm đã kết thúc mọi cực nhọc và bắt đầu mọi khốn khổ của tôi, tôi đâm ghét cay ghét đắng ngay cả cái tên môn triết học tự nhiên. Dù đã phục hồi về hầu hết các mặt khác rồi, nhìn thấy mấy dụng cụ thí nghiệm hóa học vẫn cứ khơi lại từ đầu các triệu chứng thần kinh vật vã của tôi. Henry nhận thấy điều này, và dẹp sạch các dụng cụ thí nghiệm để tôi khỏi nhìn thấy. Anh đổi cả căn hộ tôi ở; bởi anh để ý biết tôi đã có mối ác cảm với căn phòng vốn là phòng thí nghiệm của tôi. Nhưng những nỗ lực của anh đều đổ sông đổ bể khi tôi đến thăm các giáo sư. Thầy Waldman khơi

lại sự tra tấn khi nhiệt thành và ân cần khen ngợi những tiến bộ đáng ngạc nhiên của tôi trong khoa học. Thầy nhận ra ngay tôi không thích đề tài này; nhưng không đoán biết được nguyên nhân thực, thầy cho đó là vì khiêm tốn; bèn chuyển từ đề tài tiến bộ của tôi sang bản thân khoa học, rõ ràng muốn ép tôi mở miệng. Tôi biết làm thế nào đây? Thầy muốn làm tôi vui lòng, nhưng rốt cuộc chỉ càng hành hạ tôi. Tôi cảm giác như thầy cứ dần dần bày ra trước mắt tôi, lần lượt từng thứ một, những dụng cụ sau đó sẽ dùng để giết tôi một cách từ từ và hiểm ác. Tôi quằn quại dưới mỗi lời thầy nói, tuy không dám để lộ nỗi đau đớn ra. Clerval, mắt nhìn và cảm xúc vốn luôn luôn nhạy với cảm giác của những người xung quanh, từ chối ngay đề tài đó, lấy cớ hoàn toàn không hiểu biết gì để cáo lỗi, và câu chuyện chuyển sang một hướng chung hơn. Tôi cảm ơn bạn mình tự đáy lòng, nhưng không nói ra. Tôi thấy rõ anh lấy làm lạ, nhưng không bao giờ có ý định vặn hỏi tôi điều bí mật; và mặc dầu tôi yêu anh đồng thời trọng anh vô bờ bến, tôi vẫn không sao tự thuyết phục được mình thổ lộ với anh cái sự kiện lúc nào cũng cứ lù lù trong ký ức tôi, mà nếu như kể sâu vào chi tiết với ai đó tôi sợ càng gây ấn tượng sâu sắc hơn lên bản thân mình.

Thầy Krempe thì không dễ bị đánh lừa như vậy; và trong tình trạng cực kỳ nhạy cảm đến mức chịu hết siết của tôi lúc bấy giờ, bài tán dương trắng trợn và thô lỗ của ông ta làm tôi còn khốn khổ hơn những lời ca ngợi hiền từ của thầy Waldman. “Tiên sư cái thằng!” ông ta kêu lên, “này, ông Clerval, tôi thề với ông thằng này đã vượt xa hơn chúng tôi. Ờ, ông cứ giương mắt ra tùy thích, nhưng đó là sự thật. Một con gà trống choai, mới vài năm trước còn tin ở Cornelius Agrippa như tin Phúc âm, thế mà bây giờ nhất trường đấy; và nếu không kéo hắn xuống cho nhanh chúng tôi thảy sẽ đều mất mặt cho mà coi! - Ấy, ấy,” thấy vẻ mặt đau khổ của tôi ông ta nói tiếp, “ông Frankenstein thật khiêm tốn, một đức tính hiếm có ở người trẻ tuổi. Khi còn trẻ người ta thường thiếu tự tin, ông biết đấy ông Clerval ạ; hồi trẻ tôi cũng vậy, nhưng chỉ ít lâu sẽ khác thôi.”

Rồi thầy Krempe bắt đầu một bài tán tụng bản thân mình, và câu chuyện may mắn chuyển sang hướng khác đỡ khó chịu cho tôi.

Clerval xưa nay không chia sẻ ý thích của tôi về khoa học tự nhiên; những sách vở anh tìm đọc khác hoàn toàn với những gì làm tôi bận trí. Anh đến trường đại học với ý định tự rèn mình tinh thông mọi ngôn ngữ Đông phương, mở ra một lĩnh vực cho kế hoạch đời mình mà anh đã hoạch định. Quyết tâm sẽ không theo đuổi sự nghiệp nào kém vinh quang, anh hướng tầm nhìn về phương Đông: như thể chỉ nơi đó mới đủ tầm vóc cho khao khát

được nên công nghiệp của anh. Các ngôn ngữ Ba Tư, Ả Rập và Sanskrit khiến anh chú ý, tôi cũng dễ dàng bị lôi cuốn vào học cùng với anh. Vô công rồi nghề luôn làm tôi khó chịu, chưa kể chỉ mong thoát khỏi các ám ảnh cũ, căm ghét những tri thức trước đây của mình, tôi nhẹ hẳn người khi làm bạn đồng học với bạn mình, tác phẩm của các nhà hiền triết phương Đông không những khiến tôi mở mang trí tuệ mà còn là nguồn an ủi lớn đối với tôi. Khác với Clerval, tôi không nhằm đến kiến thức uyên thâm về biến thể của những ngôn ngữ đó, bởi tôi không dự định sử dụng chúng vào mục đích gì khác ngoài giải trí nhất thời. Tôi đọc chỉ nhằm hiểu nghĩa, và cũng bõ công. Cái buồn của chúng thật êm đềm, và cái vui lên tới đỉnh cao mà tôi chưa bao giờ thấy khi nghiên cứu văn học của các nước khác. Đọc họ tôi cảm thấy đời chỉ là mặt trời ấm áp với vườn hoa hồng, là nụ cười và đôi mày cau của địch thủ xinh đẹp, và là ngọn lửa thiêu đốt trái tim ta. Khác rất xa nền thi ca đầy nam tính và chất anh hùng của Hy Lạp và La Mã!

Mùa hè cứ thế trôi đi trong những công việc đó; ngày trở về Geneva của tôi đã ấn định vào cuối mùa thu, song phải hoãn đi hoãn lại mãi vì hết sự kiện này đến sự kiện khác; mùa đông tới, tuyết rơi đầy, đường sá không đi được, và chuyến đi của tôi lại phải để sang xuân. Tôi cảm thấy việc chậm trễ này đặc biệt đắng cay, vì tôi mong mỏi nhìn thấy thành phố quê hương, gặp lại bạn bè thương yêu biết bao. Chuyến thăm nhà của tôi dời lại mãi như thế chỉ là vì không muốn để Clerval ở lại nơi anh còn lạ nước lạ cái, trước khi anh kịp quen với mọi người xung quanh. Mùa đông tuy vậy vẫn trôi qua đầy hạnh phúc; và mùa xuân, tuy đến muộn một cách kỳ quặc, nhưng đến, vẻ đẹp của nó bù lại được hết thói biếng lười của nó.

Tháng Năm giờ đã bắt đầu, và giữa lúc tôi đang từng ngày ngóng chờ thư nhà để ấn định ngày về, Henry đề xuất một cuộc ngao du, đi bộ quanh ngoại vi Ingolstadt để tôi đích thân tạm biệt vùng đất tôi đã sống khá lâu như thế. Tôi sung sướng đồng ý: tôi vốn ưa vận động, mà Clerval luôn là bạn đồng hành thú vị của tôi trong những cuộc dạo chơi thăm thú thiên nhiên kiểu đó ở chốn quê nhà.

Chúng tôi mất nửa tháng cho những chuyến lữ hành ấy: sức khỏe cũng như tinh thần tôi vốn đã phục hồi, nay càng được cải thiện đáng kể nhờ không khí trong lành tôi hít thở, những cảnh vật tự nhiên tôi gặp trên đường, nhờ chuyện trò của bạn tôi nữa. Trước đây công việc học hành đã khiến tôi xa lánh mọi người, biến tôi thành kẻ tách biệt với xã hội; nhưng Clerval đã khơi dậy những tình cảm tốt đẹp trong trái tim tôi, dạy tôi lại từ đầu biết yêu thiên nhiên, yêu những khuôn mặt vui tươi của trẻ thơ. Người bạn tuyệt vời

của tôi! bạn đã yêu tôi đến thế, cố nâng đỡ tâm trí tôi cho tới lúc nó bắt kịp tâm trí bạn! Những đeo đẳng ích kỷ đã khiến tôi bị câu thúc và bó hẹp, cho tới khi tình cảm dịu dàng của bạn đã sưởi ấm lại và khai thông các giác quan của tôi; tôi lại trở thành sinh linh hạnh phúc của những ngày xa xưa, yêu và được yêu bởi tất cả mọi người, chẳng vẩn gợn lo âu buồn khổ. Đang hạnh phúc, ngay cả thiên nhiên bất động cũng đủ sức đánh thức trong tôi cảm giác sung sướng nhất. Bầu trời trong sáng và những cánh đồng xanh rờn khiến tôi tràn ngập ngất ngây. Mùa này thật là thần diệu, hoa xuân nở trên các bờ giậu, hoa mùa hè đã chúm chím nụ rồi. Tôi không còn bị xáo động với những ý nghĩ mà năm ngoái đã đè trên người như một gánh nặng không lay chuyển, bất chấp những nỗ lực để rũ bỏ chúng.

Henry thấy tôi vui vẻ thì hoan hỉ lắm, và chân thành chia sẻ những cảm xúc của tôi; anh tìm mọi cách giúp tôi tiêu khiển, trong lúc bày tỏ những xúc động tràn ngập tâm hồn mình. Và trong việc này đầu óc anh mới phong phú làm sao chứ: lời lẽ của anh đầy tưởng tượng cao xa; và rất thường xuyên, phỏng theo các nhà văn Ba Tư và Ả Rập, anh nghĩ ra những câu chuyện lạ lùng đầy say mê. Những lúc khác anh đọc lại những bài thơ tôi thích nhất, hoặc lôi tôi vào các cuộc tranh luận, tô điểm bằng những suy tưởng lạ kỳ.

Chúng tôi trở lại trường vào buổi trưa một ngày Chủ nhật: nông dân nhảy múa trên đường, và những ai tôi gặp đều tỏ ra vui vẻ hạnh phúc. Tinh thần tôi cũng đang vô cùng phấn chấn, tôi tiến bước trong niềm hân hoan và vui nhộn không kiềm chế nổi.

Chương 7

Về đến nhà tôi thấy có thư của cha tôi:

Victor, con yêu quý.

Chắc hẳn con đang sốt ruột chờ lá thư hẹn ngày con sẽ về với chúng ta; và cha lúc đầu chỉ định viết vài dòng, vắn tắt nói ngày chúng ta muốn con về. Nhưng như vậy sẽ là tử tế một cách quá tàn nhẫn, cha không đành lòng làm vậy. Nếu vậy rồi con sẽ ngạc nhiên đến đâu, khi con đang chờ được chào đón vui vẻ tưng bừng, thì ngược lại, phải giáp mặt chỉ toàn nước mắt và khốn khổ? Và Victor ơi, cha biết kể con nghe thảm họa này như thế nào đây? Xa vắng lâu ngày đâu thể khiến con chai sạn trước vui buồn của gia đình, và cha làm sao đưa niềm đau tới cho đứa con trai vắng mặt đã lâu? Cha muốn chuẩn bị tinh thần cho con trước tin dữ, nhưng cha biết rằng không thể; ngay giây phút này đây mắt con đã lướt nhanh trên trang giấy, tìm xem đâu là những chữ đem tin tức khủng khiếp đến cho mình.

William chết rồi! - đứa bé dịu hiền, mỗi lần mỉm cười lại đem niềm vui ấm áp cho lòng cha, đứa bé dịu dàng mà vui nhộn biết bao! Victor ơi, nó đã bị giết!

Cha không định an ủi con đâu, chỉ giản đơn kể lại hoàn cảnh xảy ra sự việc.

Thứ Năm trước (mồng bảy tháng Năm) cha, cô cháu gái và hai em trai con đi dạo ở Plainpalais. Trời chiều trong và ấm, chúng ta dạo chơi lâu hơn ngày thường. Khi chuẩn bị quay về thì trời đã tối; hai em Ernest và William trước đã chạy chơi, và giờ không thấy đâu cả. Mọi người ngồi xuống đợi chúng quay lại. Ernest trở lại ngay sau đó, hỏi xem có ai nhìn thấy William đâu không: nó nói hai anh em chơi trốn tìm, thằng bé đi trốn, và nó tìm mãi không ra, rồi sau đó nó cứ chờ em mãi, nhưng thằng bé không trở lại.

Chuyện đó khiến chúng ta khá hốt hoảng, mọi người đi tìm khắp

nơi cho đến khi đêm xuống, và Elizabeth phỏng đoán nó đã về nhà. Nhưng không có. Mọi người đem đuốc quay lại chỗ cũ; bởi cha không thể yên lòng khi nghĩ rằng đứa bé đáng yêu đã đi lạc và đang run lên trong sương gió đêm hôm. Elizabeth cũng khổ não không kể xiết. Năm giờ sáng cha tìm thấy em nó, mới đêm qua còn linh hoạt và mạnh khỏe là thế, mà nay nằm trên cỏ nhợt nhạt và bất động, vết tay của tên sát nhân còn hằn nơi cổ.

Em con được đưa về nhà, và nét mặt đau khổ của cha khiến Elizabeth đoán ngay ra chuyện. Cô cứ nhất định đòi nhìn thấy xác em con. Cha định cản, nhưng cô vùng ra, và lao vào phòng nơi em nằm, vội vàng kiểm tra cổ em William và chắp tay lại mà kêu: "Trời ơi! Tôi đã giết chết đứa em yêu quý của tôi rồi!"

Thế là cô ngất đi, cứu chữa mãi mới hồi tỉnh. Khi tỉnh rồi cô chỉ khóc lóc và than thở. Cô nói chiều qua em William cứ nằn nì đòi đeo bức ảnh nhỏ rất giá trị mẹ con đã cho cô. Bức ảnh đeo cổ giờ đã mất, rõ ràng đây là lý do kẻ cướp giết em để trấn lột. Lúc này đây chưa thấy tăm hơi kẻ sát nhân, mặc dầu việc tìm kiếm được tiến hành không chậm trễ; nhưng làm sao William yêu dấu của cha sống lại được nữa!

Con trai Victor yêu quý nhất! Con hãy mau về, chỉ mình con an ủi được Elizabeth. Cô khóc hết nước mắt và tự buộc tội mình là nguyên nhân gây ra cái chết của em, thật bất công, những lời tự buộc tội ấy xé nát lòng cha. Tất cả chúng ta đều đau khổ, nhưng chẳng phải đây càng thêm lý do để con trở về an ủi chúng ta? Mẹ yêu dấu của con! Chao ôi, Victor! Giờ cha tạ ơn Chúa vì bà ấy không còn sống để chứng kiến cái chết ác nghiệt thảm thương của cậu con út yêu thương!

Victor ơi, hãy về đi; không phải là với những ý nghĩ nung nấu trả thù kẻ sát nhân, mà với những tình cảm yên bình nhân hậu, để hàn gắn vết thương của tâm hồn chúng ta chứ không phải là làm nó càng mưng thêm. Hãy là một người bạn bước vào ngôi nhà tang tóc với tình yêu thương ân cần trìu mến đối với những người yêu con, không phải với lòng căm hờn kẻ thù của con.

Cha thân yêu và đau buồn của con.

ALPHONSE FRANKENSTEIN.

Geneva, 12 tháng Bảy 17...

Clerval, vẫn theo dõi nét mặt tôi t tôi đọc thư, lấy làm lạ nhận thấy vẻ thất vọng theo sau nỗi vui mừng của tôi khi được tin nhà. Tôi ném bức thư lên bàn, lấy hai bàn tay úp lên mặt.

"Frankenstein thân mến," Henry kêu lên khi thấy tôi khóc một cách cay đắng, "chẳng lẽ lúc nào bạn cũng bất hạnh thế sao? Bạn yêu ơi, chuyện gì xảy ra vậy?"

Tôi ra hiệu cho anh nhặt bức thư lên đọc, trong khi đó tôi đi đi lại lại trong phòng, hết sức kích động. Nước mắt chảy tràn trên má Clerval khi anh đọc về nỗi đau của tôi.

"Bạn ơi, biết phải an ủi bạn sao đây," anh nói, "tai họa ấy không cách gì cứu vãn được. Bạn định làm gì bây giờ?"

"Về ngay Geneva: Henry, bạn hãy đi cùng với tôi ra gọi xe ngựa."

Trên đường đi gọi xe, Henry cố nói vài lời an ủi, nhưng chỉ bày tỏ được sự thông cảm tự đáy lòng anh. "Tội nghiệp William!" anh nói, "chú bé thân yêu dễ thương giờ đã yên ngủ bên bà mẹ thiên thần! Ai đã nhìn thấy chú hồn nhiên rạng rỡ như thế nào trong vẻ đẹp trẻ thơ của chú đều phải khóc than đau đớn cho sự mất mát quá sớm ấy! Chết khổ chết sở như vậy, chịu đau đớn dưới bàn tay kẻ sát nhân! Làm sao lại có kẻ sát nhân khốn nạn đến mức này: đang tay hủy hoại vẻ thơ ngây sáng chói đến như thế! Tội nghiệp chú bé biết chừng nào! Chỉ còn mỗi một điều khả dĩ an ủi chúng ta; những người bạn đang khóc lóc thương tiếc chú, nhưng chú đã yên nghỉ rồi. Nỗi đau đã qua, mọi khổ ải trên đời đối với chú đã hết. Cỏ xanh đã bao phủ lên hình hài chú, chú không biết đau đớn là gì nữa. Không cần thương hại chú nữa, sự thương hại ta phải dành cho những kẻ ở lại thảm thương này."

Clerval nói như vậy trong khi chúng tôi bước vội bước vàng qua các phố; những lời này in đậm lên trí óc tôi, sau này tôi sẽ nhớ đến chúng khi ở một mình. Nhưng lúc ấy, ngựa vừa đến là tôi hớt hải lên xe, tạm biệt bạn tôi.

Trong chuyến trở về tôi chìm trong sầu não. Thoạt tiên tôi chỉ muốn đi cho nhanh, mau về an ủi, cảm thông với những người bạn thân yêu đang đau buồn, nhưng khi về gần đến nhà, tôi lại đi chậm lại. Tôi không kiềm chế

nỗi muôn vàn tình cảm đang ào ạt đổ về. Này đây là những cảnh vật quen thuộc với tôi hồi nhỏ nhưng đã sáu năm nay chưa nhìn lại. Suốt thời gian đó mọi điều đã biến đổi biết bao! Đã có một thay đổi bất ngờ và tan nát, nhưng ngoài ra hẳn còn hàng ngàn sự kiện nho nhỏ khác cứ dần dần tạo nên đổi khác, tuy âm thầm hơn nhưng không kém phần chắc chắn. Nỗi sợ xâm chiếm lấy tôi, tôi không dám tiến lên nữa, khiếp sợ hàng ngàn điều xấu vô danh đang khiến tôi run rẩy, mặc dù không định nghĩa được chúng là gì.

Tôi ở lại Lausanne hai ngày trong tình trạng tinh thần thiểu não ấy. Tôi ngắm mặt hồ: mặt nước bình lặng, xung quanh vẫn yên tĩnh, những ngọn núi tuyết phủ, "những tòa lâu đài của thiên nhiên"[30] không hề thay đổi. Dần dần, cảnh vật êm đềm thanh khiết khiến tôi bình tâm lại, tiếp tục hành trình đi Geneva.

Con đường chạy dọc bờ hồ và ngày càng hẹp lại khi về gần đến thành phố quê hương. Tôi nhìn thấy rõ hơn sườn tối của dãy Jura và đỉnh Mont Blanc[31] sáng chói; tôi khóc như một đứa trẻ. "Những ngọn núi thân thương của ta! Hồ đẹp của riêng ta! Các ngươi đón chào kẻ lang thang của các ngươi như thế nào đây? Đỉnh núi sáng trong, màu trời và màu nước hồ đều xanh đều dịu. Đó là điềm báo trước sự thanh thản yên bình hay là chọc ghẹo nỗi bất hạnh của ta đây?" Bạn ơi, tôi sợ mình đi sâu quá vào những tiền đề chán ngắt này, nhưng chúng là hiện thân của những ngày tương đối hạnh phúc, và tôi sung sướng bao nhiêu khi nghĩ về chúng. Quê hương ơi! Quê hương yêu dấu ơi! Chỉ có những ai chôn rau cắt rốn ở đây mới hiểu niềm vui sướng của tôi khi nhìn thấy những dòng suối, những ngọn núi, và hơn hết, mặt hồ của quê hương tôi!

Ấy thế mà càng tới gần nhà tôi càng bị choáng ngợp bởi nỗi sợ hãi và đau đớn. Đêm đã buông xuống xung quanh, và khi không còn phân biệt rõ những mảng núi non đen kịt, tôi càng cảm thấy u ám thêm. Khung cảnh trông như một sân khấu mênh mông mờ tối nơi ác tà ngự trị, và tôi lờ mờ tiên lượng được định phận mình là kẻ khốn nạn nhất trần gian. Trời ơi! Tôi tiên đoán không nhầm, chỉ sai duy nhất có một điều thôi, tức là nỗi khốn khổ tôi vẫn hình dung và sợ hãi đó chưa bằng một phần trăm nỗi đau thực sự mà số phận bắt tôi phải chịu đựng.

Tới ngoại ô Geneva thì trời tối mịt; cổng thành đã đóng, tôi buộc phải ngủ tại Secheron, một làng cách thành phố khoảng hai cây số. Bầu trời rất trong; và bởi không tài nào ngủ được, tôi quyết định đi tới nơi em William

tội nghiệp của tôi bị giết. Vì không qua thành phố được, tôi phải đi thuyền sang bên kia hồ tới Plainpalais. Trong chuyến đi ngắn ngủi này tôi nhìn thấy ánh chớp bắt đầu loang loáng trên đỉnh Mont Blanc tạo thành những hình thù tuyệt đẹp. Cơn bão có vẻ đang lại rất nhanh, và khi lên bờ, tôi trèo lên một ngọn đồi thấp để có dịp quan sát tiến triển của bão. Bão ập tới, mây kéo đến đầy trời, và tôi lập tức cảm thấy mưa đang chầm chậm rơi từng giọt nặng, nhưng nó mau chóng trở nên hung hãn.

Tôi rời bỏ vị trí của mình và đi tiếp, dù bão táp và đêm tối tăng lên từng phút một, và sấm nổ đùng đùng trên đầu. Tiếng sấm vọng lại từ Saleve, từ Jura, từ dãy Alps miền Savoy, chớp lóe lên chói cả mắt, chiếu sáng mặt hồ như một mặt lửa mênh mông; chớp tan, rồi trong phút chốc tất cả lại chìm trong bóng tối mịt mùng, tới khi mắt hồi lại sau cơn lóa. Thường ở Thụy Sĩ, bão xảy ra cùng lúc ở khắp bầu trời. Cơn mạnh nhất ở phía Bắc thành phố, ngay trên khu vực hồ nằm giữa mũi đất Belrive và làng Copet. Một cơn khác soi sáng núi Jura với những ánh chớp yếu hơn, và một cơn nữa làm đỉnh núi Mole nhọn hoắt về phía Đông hồ lúc thì tối om, lúc thì lộ rõ.

Tôi vừa ngắm cơn bão, đẹp tuyệt vời nhưng cũng rất kinh hoàng, vừa bước loanh quanh một cách gấp gáp. Trận chiến thần thánh trên cao nâng tinh thần tôi lên; tôi chắp hai tay vào nhau gọi lớn: “William! Thiên thần yêu quý! Đây là tang lễ của em, bài hát truy điệu em đó!” Vừa kêu to lên như thế, tôi bắt gặp từ bụi cây gần đó nhô ra một dáng hình trong bóng tối mờ ảo; tôi đứng sững lại mà nhìn chăm chăm: không thể nhầm được. Vừa vặn chớp lóe lên soi tỏ bóng người rõ mồn một trước mắt tôi; vóc dáng kềnh càng, hình thù méo mó, xấu đến không thể coi là giống người, lập tức báo cho tôi đó chính là kẻ khốn nạn kia, tên ác thần bẩn thỉu mà tôi đã ban cho sự sống. Hắn làm gì ở đây? Chẳng lẽ hắn (tôi rùng mình với ý tưởng này) chính là kẻ đã giết em tôi? Ý nghĩ vừa lướt qua tôi đã tin ngay đó là sự thật; răng tôi va vào nhau lập cập, tôi phải dựa vào một thân cây để đứng cho vững. Dáng hình kia lướt nhanh qua tôi rồi biến mất trong bóng tối. Không kẻ nào mang hình dạng con người có thể đành lòng hủy hoại đứa trẻ xinh đẹp ấy được. Chính hắn là kẻ sát nhân! Tôi không hề nghi ngờ điều đó. Riêng ý nghĩ về điều đó thôi cũng đủ là bằng chứng không chối cãi được của sự việc rồi. Tôi đã tính chuyện đuổi theo tên ác quỷ; nhưng chắc sẽ vô ích, vì một ánh chớp nữa soi rõ hắn đang bám trên vách đá gần như thẳng đứng của ngọn Saleve thuộc dãy núi đồi bao bọc phía Nam Plainpalais. Hắn leo rất nhanh lên đỉnh núi, rồi mất hút.

Tôi đứng bất động một lúc. Sấm đã ngừng nổ, nhưng mưa vẫn rơi,

cảnh vật bọc trong màn đêm dày đặc. Trí óc tôi lật lại những sự kiện mà suốt từ bấy đến nay tôi cố quên đi: toàn bộ quá trình đi tới tạo nên sinh thể ấy; sự hiện diện của tác phẩm do chính bàn tay tôi thực hiện bên giường tôi; cuộc bỏ trốn của nó. Gần hai năm trôi qua kể từ đêm hắn nhận được sự sống; và liệu đây có phải tội ác đầu tiên của hắn không? Trời ơi! Tôi đã thả ra thế giới này một kẻ khốn nạn, sa đọa, lấy sự giết người, khổ não làm vui; hắn chẳng vừa sát hại em tôi đấy thôi?

Không ai tưởng tượng nổi nỗi đau đớn tôi phải chịu đựng suốt đêm hôm đó, cứ đứng giữa trời, dưới mưa, vừa ướt vừa lạnh. Nhưng tôi chẳng kể đến thời tiết, đầu óc tôi còn mải hình dung những cảnh tượng ác độc, tuyệt vọng. Tôi ngẫm đi ngẫm lại về cái kẻ tôi đã vứt ra giữa nhân loại, được phú cho ý chí và quyền năng rùng rợn, giống như hành động hắn vừa làm, như thể là con ma cà rồng của chính tôi, linh hồn của tôi đội mả chui lên, buộc phải hủy hoại tất cả những gì tôi yêu quý.

Ngày đã rạng, tôi cất bước đi về phía thành phố. Cổng thành đã mở, tôi vội vã về nhà cha tôi. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là cho mọi người hay những gì tôi biết về kẻ sát nhân rồi sau đó cho tiến hành truy tìm tức khắc. Nhưng tôi ngưng lại khi nghĩ về những gì mình sắp kể. Một sinh thể mà chính tay tôi tạo ra, được tôi ban cho sự sống, đã giáp mặt tôi lúc nửa đêm bên vực thẳm của một ngọn núi không ai leo lên được. Tôi cũng nhớ lại cơn sốt thần kinh mắc phải ngay sau khi hoàn thành công việc, sẽ tạo thêm mùi vị mê sảng cho một câu chuyện vốn đã quá phi thực tế. Tôi quá biết nếu có người kể với tôi sự việc như thế, tôi cũng sẽ cho đó là những lời lảm nhảm từ một kẻ khùng. Hơn nữa sự lạ lùng đáng sợ của cái con vật ấy sẽ loại trừ mọi ý định về một cuộc săn đuổi, ngay cả nếu như tôi thuyết phục được họ hàng tin tôi mà đuổi theo. Thêm nữa, săn đuổi thì có ích gì? Ai có thể tóm được một kẻ có khả năng leo lên sườn dốc đứng của ngọn Saleve? Nghĩ đi nghĩ lại mãi, tôi quyết định im lặng.

Năm giờ sáng thì tôi bước vào nhà cha tôi. Tôi bảo đầy tớ đừng làm rộn lên ảnh hưởng tới gia đình rồi vào thư viện ngồi chờ tới giờ trở dậy thông thường.

Sáu năm đã trôi qua như một giấc mộng chỉ trừ một dấu vết không sao xóa được, và tôi lại đứng ở cái nơi mình đã ôm hôn cha lần cuối trước khi tôi rời nhà đi Ingolstadt. Bậc thân phụ đáng yêu, đáng trọng làm sao! Mãi mãi ông vẫn là như vậy đối với tôi. Tôi nhìn lên bức chân dung mẹ treo trên lò sưởi. Đó là một vật kỷ niệm có tính chất lịch sử được vẽ theo yêu cầu của

cha tôi; nó vẽ cô Caroline Beaufort, tuyệt vọng đến cùng cực, đang quỳ bên quan tài cha mình. Quần áo tồi tàn, má xanh nhợt; nhưng ở cô toát lên vẻ tự trọng và đẹp đẽ không cho phép ai dám khinh thường. Dưới tấm chân dung là bức tiểu họa của William; và nước mắt tôi tuôn trào khi nhìn vào đó. Đúng lúc tôi đang đắm chìm như thế thì Ernest bước vào: cậu đã hay tin tôi về, và vội vã vào đón tôi. Cậu bày tỏ một nỗi vui mừng buồn bã khi thấy tôi: "Mừng anh Victor yêu quý nhất đã về," cậu nói. "Ôi, giá như anh về nhà trước đây ba tuần lễ để thấy cả nhà vui vẻ sung sướng như thế nào. Anh về bây giờ để chia sẻ nỗi đau buồn không cách gì làm nhẹ bớt đi được; tuy nhiên em hy vọng sự có mặt của anh sẽ làm cha được hồi sinh vì ông đang chìm trong bể khổ; và anh có thể thuyết phục Elizabeth thôi tự buộc tội mình một cách vô nghĩa và cay đắng. - Em William tội nghiệp! em từng là nguồn thương yêu hết mực, niềm tự hào của tất cả chúng ta!"

Những giọt lệ không kìm giữ tuôn ra từ mắt em tôi; một cảm giác thống khổ đến lả người len lỏi vào thể xác tôi. Trước đây tôi chỉ mới hình dung cảnh khốn khổ của gia đình đang thất vọng; thực tế đến với tôi là một thảm họa mới mẻ và không kém phần tàn khốc. Tôi cố gắng làm cho Ernest bình tĩnh lại, và gặng hỏi cặn kẽ hơn về cha tôi và cô gái mà tôi gọi là em họ.

"Chị ấy mới là người cần an ủi nhất," Ernest nói, "vì chị ấy cứ tự buộc tội về cái chết của em trai chúng ta, chị ấy khốn khổ vô chừng. Nhưng mà vì đã tìm ra kẻ sát nhân..."

"Tìm ra kẻ sát nhân! Trời ơi! Sao lại thế được? Ai dám đuổi theo hắn? Đó là việc không ai làm được; khác gì đuổi theo gió hay đem rơm ngăn sông. Chính anh cũng đã nhìn thấy hắn, hắn hoàn toàn tự do đêm qua mà!"

"Em không hiểu anh nói gì," em tôi đáp, giọng ngạc nhiên, "nhưng đối với cả nhà, tìm ra điều đó càng khổ tâm bội phần. Lúc đầu không ai tin được chuyện ấy, và Elizabeth đến giờ này vẫn vậy, cho dù đủ mọi bằng chứng. Quả vậy, ai tin được rằng Justine Moritz dễ thương như thế, yêu quý cả gia đình ta, mà lại có thể phạm một tội ác hãi hùng ghê tởm như thế?"

"Justine Moritz! Tội nghiệp cô gái, tội nghiệp quá! Cô bị buộc tội ấy ư? Nhưng chuyện đó thật là sai trái, ai cũng biết là vậy, chẳng ai tin nổi điều đó, nhất định là thế, phải không Ernest?"

"Lúc đầu thì thế thật, nhưng sau thì một số sự kiện xảy ra, đã gần như ép mọi người phải tin; thái độ cô ta vô cùng rối loạn, lại càng thêm sức nặng

cho các chứng cứ, và em sợ rằng không thể ngờ gì chuyện đó nữa. Nhưng hôm nay họ xử cô ta đấy, và anh sẽ được nghe tất cả.”

Ernest kể rằng, sáng hôm phát hiện William đáng thương bị giết, Justine kêu ốm, nằm liệt giường mất nhiều ngày. Trong thời gian ấy, một cô ở gái tình cờ tìm thấy trong túi chiếc áo cô mặc hôm xảy ra tội ác, bức ảnh nhỏ của mẹ tôi mà em William đeo ở cổ, vốn dĩ được coi là vật hấp dẫn kẻ giết người gây án. Cô ở gái lập tức đem cho một cô khác xem, và cô này không nói gì với gia đình mà đến gặp ngay thẩm phán; và theo lời khai của họ, Justine bị bắt. Khi nghe chất vấn về chuyện đó, cô gái đáng thương càng khẳng định thêm sự nghi ngờ bởi thái độ xử sự vô cùng hỗn loạn.

Thật là một câu chuyện kỳ quặc, nhưng nó không làm lay chuyển lòng tin của tôi chút nào, tôi hăm hở nói ngay: “Tất cả nhầm hết rồi. Anh biết kẻ sát nhân là ai. Justine tội nghiệp, cô bé tốt bụng, cô vô tội.”

Đúng lúc này cha tôi vào. Tôi thấy nỗi bất hạnh đã để lại dấu ấn hằn sâu trên mặt ông, nhưng ông cố tỏ ra mừng rỡ đón tôi; và sau khi chào hỏi nhau đầy sầu não, ông đã định chuyển sang đề tài khác ngoài tai họa của chúng tôi nếu Ernest không kêu lên: “Cha này, trời ơi! anh Victor bảo là anh ấy biết kẻ giết bé William đấy!”

“Chúng ta đều biết cả, bất hạnh thay,” cha tôi đáp, “vì thà cha không bao giờ biết còn hơn thấy một người cha đánh giá cao như thế lại hóa ra vô ơn sa đọa như thế.”

“Cha thân yêu ơi, cha nhầm rồi, Justine vô tội.”

“Nếu vô tội, Chúa sẽ không bắt cô ta phải chịu đau đớn vì bị coi là phạm tội. Hôm nay xử cô ta đấy, cha hy vọng, thành thật hy vọng cô ta sẽ được tha.”

Lời cha tôi khiến tôi yên lòng. Tôi thực sự tin chắc trong tâm khảm là Justine, hay đúng hơn là bất kể kẻ nào thuộc giống người, đều không phạm tội trong trường hợp này. Vì thế tôi không hề nghĩ người ta có thể tìm thấy bất cứ chứng cớ nào đủ mạnh để kết án cô. Câu chuyện của tôi thì không thể nào kể công khai ra được; tính khủng khiếp đáng ngạc nhiên của nó sẽ bị đám người thô thiển coi là chuyện điên rồ. Ngoài tôi, kẻ đã sáng tạo ra hắn, liệu có ai trên đời này tin được rằng - trừ phi được chính những giác quan của anh ta khẳng định - quả thực đang tồn tại cái tượng đài sống tôn vinh sự kiêu căng và ngu si liều lĩnh mà chính tay tôi đã thả chạy rông?

Ngay sau đó thì Elizabeth vào gặp chúng tôi. Thời gian làm nàng thay đổi nhiều kể từ lần sau cùng tôi nhìn thấy nàng, nàng đáng yêu hơn gấp bao nhiêu lần so với sắc đẹp thời niên thiếu. Vẫn vẻ cởi mở, ngây thơ ấy nhưng kèm theo là nét nhạy cảm và thông minh hơn nhiều. Nàng đón chào tôi nhất mực âu yếm. “Anh họ ơi, anh về làm em tràn đầy hy vọng. Có lẽ anh sẽ tìm được cách biện minh cho sự vô tội của cô bé Justine. Hỡi ơi! Justine mà bị kết tội thì trên thế giới này còn ai được an toàn nữa? Em tin ở sự vô tội của cô như tin ở sự vô tội của chính mình vậy. Nỗi đau buồn của chúng ta đã bị nhân đôi lên, đã mất cậu bé cưng, rồi đến cô gái tội nghiệp mà em thực sự mến yêu này cũng sắp bị tước đi bởi một vận mạng còn rủi ro hơn nữa. Cô mà bị kết án thì trên đời này em sẽ không bao giờ còn vui lên nữa. Nhưng cô sẽ được tha, em tin chắc thế, lúc ấy em sẽ trở lại vui vẻ thôi, ngay cả sau cái chết đau buồn của em William bé bỏng.”

“Cô ta vô tội, Elizabeth thân yêu,” tôi nói, “và điều đó sẽ được chứng tỏ; đừng sợ gì hết, em cứ vui lên, cứ tin thế nào cô ta cũng được tha.”

“Anh tử tế bao dung làm sao! Ai cũng tin cô bé phạm tội làm em khốn khổ quá chừng, bởi em biết đó là điều không thể xảy ra được; và thấy ai cũng định kiến đến mức chết người như thế khiến em tuyệt vọng đến nản lòng,” và thế là nàng khóc.

“Cháu gái yêu quý,” cha tôi nói, “thôi đừng khóc nữa. Nếu quả cô ta vô tội như cháu tin tưởng, thì cháu hãy cứ yên tâm về phần luật pháp của ta, và về những điều bác sẽ làm để ngăn chặn bất kỳ một chút xíu bất công nào.”

Chương 8

Chúng tôi trải qua mấy giờ đồng hồ buồn bã cho đến mười một giờ, giờ xử án. Cha tôi cùng mọi người trong gia đình buộc phải dự trong vai trò người làm chứng, tôi đi theo họ ra tòa. Trong cả tiến trình ngụy công lý khốn nạn này, tôi phải chịu đựng sự tra tấn dở sống dở chết. Chuyện này quyết định xem có phải chính kết quả của tính hiếu kỳ và những hành vi bất chấp luật pháp của tôi sẽ gây nên cái chết của hai con người thân thiết với tôi hay không: một là em bé tươi cười tràn trề niềm vui sướng ngây thơ, người kia còn bị sát hại kinh khủng hơn nhiều với đủ thứ ô nhục khiến vụ giết người càng đáng hãi hùng không ai quên nổi. Justine từng là một cô gái đáng ca ngợi, có nhiều đức tính hứa hẹn đem lại cho cô cuộc đời hạnh phúc, giờ đây tất cả sắp bị xóa sổ trong một nấm mồ nhục nhã; tất cả do tội của tôi! Tôi thà ngàn lần thú nhận mình mắc tội sát nhân mà người ta gán cho Justine còn hơn; tuy nhiên lúc xảy ra vụ án tôi ở xa đây, và lời khai như vậy sẽ bị coi là những lời gầm rú của kẻ điên, chẳng giải tội được cho người đã vì tôi mà chịu khổ.

Dáng vẻ của Justine rất bình tĩnh. Cô mặc đồ tang, vẻ mặt cô, vốn duyên dáng, nay mang nét trang nghiêm của cảm xúc bên trong, lại càng đẹp đẽ một cách tinh tế. Tuy nhiên cô tỏ ra hoàn toàn tin tưởng mình vô tội, và không hề run sợ, dù bị hàng ngàn người theo dõi và nguyền rủa; bởi lòng nhân ái mà lẽ ra vẻ đẹp của cô phải gợi lên ở mọi người quan sát đã bị dập tắt với tưởng tượng về tội ác tày trời mà ai nấy cho rằng cô đã phạm. Cô vẫn yên lặng, nhưng rõ thấy là sự yên lặng do kiềm chế, và vì cô biết sự mất bình tĩnh trước đây của mình đã được coi như chứng cớ phạm tội, cô cố gắng tỏ ra can đảm. Bước vào phòng xử án cô đưa mắt nhìn quanh, nhận ra ngay chỗ chúng tôi ngồi. Thấy chúng tôi, mắt cô hình như mờ lệ, nhưng cô trấn tĩnh ngay, và vẻ mặt thương yêu đầy đau khổ của cô có vẻ chứng minh cô hoàn toàn vô tội.

Vụ xử bắt đầu; sau khi trạng sư bên công tố đọc lời buộc tội, nhiều người làm chứng được gọi lên. Rất nhiều sự kiện kỳ lạ liên kết với nhau chống lại cô; chẳng phải người nắm được chứng cớ xác thực như tôi hẳn sẽ phải lung lay dao động. Cô đi ra ngoài suốt đêm xảy ra vụ sát nhân, gần sáng bị bắt gặp ở chỗ gần ngay hiện trường bởi một người đàn bà bán hàng ngoài

chợ. Bà này hỏi cô làm gì ở đó, nhưng trông cô rất lạ, chỉ ấp úng trả lời cái gì không rõ. Cô trở về nhà khoảng tám giờ sáng, khi có người hỏi đêm qua đi đâu thì cô trả lời đi tìm đứa nhỏ, sau đó hăm hở hỏi có ai nghe thấy gì về em không. Lúc thấy xác William cô lên cơn động kinh dữ dội rồi liệt giường nhiều ngày. Rồi tòa đưa ra bức ảnh cô ở gái tìm thấy trong túi áo cô; và khi Elizabeth, bằng một giọng run rẩy, chứng nhận đó chính là bức ảnh mà trước khi em bé lạc một giờ tự tay nàng đã đeo vào cổ em, thì cả phòng xử tràn đầy tiếng rì rầm kinh hoàng và phẫn nộ.

Justine được gọi lên tự biện hộ. Vụ xử càng tiến triển nét mặt cô càng thay đổi. Ngạc nhiên, hãi hùng, và đau khổ hiện rõ trên mặt cô. Đôi lúc cô cố kìm nước mắt cứ muốn trào ra, nhưng khi đến lượt cô được yêu cầu bào chữa, cô thu hết sức lực, nói bằng một giọng rõ ràng mặc dầu không vững.

"Chỉ có trời mới biết," cô nói, "tôi hoàn toàn vô tội. Nhưng tôi không dám vờ rằng chỉ những phản kháng sẽ giúp tôi trắng án: sự vô tội của tôi sẽ dựa trên lời giải thích giản dị về những sự việc đã được dùng để chống lại tôi. Tôi cũng hy vọng bản tính từ nhỏ của tôi sẽ khiến các quan tòa phán xét về tôi thuận lợi hơn, trong những tình huống có vẻ như đáng nghi ngờ."

Rồi cô thuật lại rằng, buổi chiều trước đêm xảy ra vụ án, được phép Elizabeth, cô ở chơi nhà bà dì ở Chene, một làng ở cách Geneva bốn cây số. Trở về nhà khoảng lúc chín giờ tối, giữa đường cô gặp một người đàn ông hỏi cô có thấy đứa trẻ lạc hay không. Điều đó làm cô hoảng hốt, và cô đi tìm em trong nhiều giờ, tới khi cổng thành Geneva đóng mất, thế là cô phải nằm lại vài giờ trong kho thóc của một nhà nông dân, cô quen nhà đó nhưng không muốn đánh thức người trong nhà dậy. Hầu như suốt đêm cô chỉ ngồi nhìn ra ngoài; đến gần sáng, cô nghĩ mình đã chợp mắt vài phút; có tiếng bước chân khiến cô tỉnh dậy. Trời đã rạng đông, cô bèn rời nơi nương náu để tiếp tục đi tìm em tôi. Nếu như cô có đi qua gần chỗ xác em bé thì cô cũng không hề hay biết. Sở dĩ cô hoang mang ngơ ngác khi bà bán hàng hỏi cô là vì cô vừa qua một đêm không ngủ, lại lo cho số phận bé William không biết ra sao. Còn về bức ảnh cô hoàn toàn không hiểu gì hết.

"Tôi biết rằng," nạn nhân bất hạnh nói, "chứng cớ duy nhất này chống lại tôi nặng nề và ác nghiệt không biết thế nào mà kể, nhưng tôi không có khả năng giải thích nó; và sau khi đã trình bày sự bất lực hoàn toàn của mình, tôi chỉ có thể cân nhắc khả năng nó đã được chủ tâm bỏ vào túi tôi. Nhưng cả giả thiết này cũng làm tôi rối trí. Tôi tin tưởng rằng trên đời này tôi không có kẻ thù nào, tôi cũng không tin có kẻ xấu xa đến nỗi muốn hại

tôi chỉ do cơn ngẫu hứng. Liệu có phải chính là kẻ sát nhân bỏ vào túi tôi? Tôi không thấy có cơ hội nào cho hắn làm việc đó, hoặc nếu có, thì tại sao hắn phải ăn cắp thứ trang sức ấy, rồi lại quăng nó đi ngay?

"Trường hợp này tôi xin kêu gọi công lý từ các vị quan tòa, mặc dầu tôi không hy vọng bao nhiêu. Tôi kêu gọi tòa cho phép nghe lời chứng của một vài người về bản tính con người tôi; và giả sử lời xác nhận của họ không đánh đổ được tội lỗi giả định của tôi, thì tôi đành chịu kết án, cho dù tôi đặt trọn sự cứu rỗi sau này trên sự vô tội của tôi."

Vài nhân chứng được gọi lên, họ đều biết cô từ nhỏ, và nghĩ tốt về cô; tuy nhiên vừa sợ vừa căm ghét tội lỗi mà họ nghi cô đã phạm, họ đâm nhút nhát và không muốn nói gì hơn nữa. Elizabeth thấy nguồn hy vọng cuối cùng này, tính tình tốt đến tuyệt vời cũng như đức hạnh không gì chê trách được của Justine, cũng sắp bỏ rơi bị cáo, liền xin phát biểu trước tòa tuy nàng đang xúc động dữ dội.

"Tôi là họ hàng của em bé bất hạnh," nàng nói, "hay nói đúng hơn là chị của em, vì tôi được cha mẹ em nuôi dạy từ tấm bé từ rất lâu trước khi em ra đời. Có thể vì trong trường hợp này lời tôi bênh vực cho Justine sẽ bị coi là xấu xa; nhưng khi nhìn thấy một người đồng loại sắp phải chết vì sự hèn nhát của những người vờ vĩnh là bạn của cô, tôi xin phép được lên tiếng, để tôi có thể nói những gì tôi biết về tính cách con người cô. Tôi đã sống cùng nhà với cô, một kỳ năm năm và một thời kỳ gần hai năm. Trong suốt những thời kỳ đó trước mắt tôi cô luôn là người tính tình dễ thương, nhân hậu nhất loài người. Cô đã chăm nom bác gái tôi, bà Frankenstein, trong cơn ốm cuối cùng của bà, vô cùng chu đáo và thương yêu; sau đó lại chăm nom mẹ ruột cô trong một căn bệnh kéo dài, theo một cung cách khiến ai biết cô cũng phải khâm phục; sau đó cô lại về với gia đình bác tôi, nơi ai nấy cũng đều yêu mến cô. Cô gắn bó nồng nàn với đứa bé đã mất, và cư xử với em như một người mẹ trìu mến nhất. Về phần tôi, tôi không hề do dự mà nói rằng, bất kể các chứng cớ đưa ra để chống lại cô, tôi vẫn tin chắc cô hoàn toàn vô tội. Cô không thể bị cám dỗ để làm một hành động như vậy; thứ trang sức lòe loẹt mà ở đây ta coi là bằng cứ chủ yếu, giả sử cô đã thực tình ưa thích nó, tôi đã sẵn lòng đưa nó cho cô, vì tôi quý mến cô và đánh giá cô cao vô kể."

Lại một đợt rì rào tán thưởng sau lời biện hộ đơn giản mà hùng hồn của Elizabeth; nhưng nó nhằm vào sự can thiệp đầy rộng lượng của nàng, và không hề có lợi cho Justine, sự phẫn nộ của công chúng đối với cô lại khơi

thêm lần nữa, kết tội cô vô ơn bạc nghĩa. Cô đã khóc trong khi Elizabeth nói, nhưng không trả lời. Nỗi đau đớn và xáo động trong lòng tôi lên tới cực điểm trong toàn bộ quá trình xử án. Tôi tin cô ta vô tội, tôi biết điều đó. Chẳng lẽ tên ác thần kia sau khi ám sát em tôi (tôi không nghi ngờ một phút nào), lại tiếp tục trò tiêu khiển từ địa ngục của hắn bằng cách đưa cô bé trong trắng này vào nỗi nhục nhã và cõi chết hay sao? Tôi không còn chịu đựng được hoàn cảnh khủng khiếp của mình nữa; và khi tôi hiểu rằng sự đồng tình của quần chúng, và nét mặt của các quan tòa, đã tuyên án xong nạn nhân khốn khổ của tôi, tôi lao ra khỏi tòa án trong đau đớn cực độ. Những hành hạ mà bị cáo phải chịu đựng không thể so với những giày vò của tôi được; cô đứng vững là do biết mình vô tội, nhưng sự ăn năn nhe nanh xé nát lòng tôi, không muốn buông bỏ con mồi.

Đêm hôm đó đối với tôi thật là khốn khổ khốn nạn. Sáng sớm hôm sau tôi đến tòa án, họng tôi môi tôi khô nẻ như rang. Tôi không dám đưa ra câu hỏi định mệnh, nhưng ở đó họ biết tôi, và viên lục sự đoán được lý do tôi đến. Hôm qua bỏ phiếu toàn đen cả, Justine đã bị kết án.

Tôi không mô tả nổi cảm giác của mình lúc ấy. Trước đây tôi đã từng biết thế nào là cảm giác hãi hùng; và tôi đã cố tỏ vẻ mặt thích hợp trước mặt họ, nhưng lời lẽ đâu diễn đạt nổi nỗi thảm sầu trong lòng tôi. Người mà tôi hỏi còn nói thêm: Justine đã nhận tội. “Ca đó rành rành chẳng cần nhận tội,” ông ta nhận xét, “tuy nhiên tôi lấy làm mừng; và thực tình chẳng quan tòa nào muốn kết tội một phạm nhân chỉ dựa trên những chứng cớ gián tiếp do suy diễn, cho dù chúng chắc chắn đến đâu.”

Tin tức gì mà quái lạ, mà bất ngờ thế này? Nghĩa là thế nào đây? Chẳng lẽ mắt tôi đánh lừa tôi? phải chăng tôi thực sự điên, như người đời tất thảy sẽ nghĩ tôi điên nếu tôi tiết lộ đối tượng của những điều tôi ngờ vực? Tôi vội vã trở về nhà, Elizabeth sốt sắng hỏi tôi kết quả.

“Em họ ơi,” tôi nói, “kết quả đã đúng như ta đã hình dung trước; quan tòa nào cũng thà bắt oan mười người vô tội, còn hơn để sổng một tên phạm tội. Nhưng mà cô ấy đã thú nhận tội rồi.”

Thật là một cú điếng người đối với Elizabeth người vẫn kiên trì tin là Justine vô tội. “Trời đất ơi!” Nàng nói: “Tôi còn làm sao tin ở tính bản thiện của con người nữa đây? Justine mà tôi thương yêu, tôi quý mến như em gái ruột, làm sao cô ấy có thể khoác lên những nụ cười trong trẻo thế chỉ để che giấu sự phản phúc? Đôi mắt dịu dàng của cô hầu như không thể chịu được

hung dữ và xảo trá, thế mà cô lại phạm tội sát nhân sao?”

Ngay sau đó chúng tôi nghe tin nạn nhân khốn khổ bày tỏ ý muốn được gặp cô em họ tôi. Cha tôi không muốn Elizabeth đi, nhưng nói tùy nàng, tùy tình cảm và phán xét của nàng mà quyết định. “Con sẽ đi,” nàng nói, “cho dù cô ta có tội đi chăng nữa; và Victor, anh sẽ đi cùng với em, em không thể đi một mình được.” Ý tưởng đi thăm này tra tấn tôi, nhưng tôi không từ chối được.

Chúng tôi bước vào phòng giam u tối, và thấy Justine ngồi tít đầu kia trên ổ rơm, đầu gục trên đầu gối, hai tay mang còng. Cô đứng dậy khi thấy chúng tôi vào, và khi chỉ còn lại chúng tôi cô quỳ sụp xuống chân Elizabeth, khóc nức nở. Cô em tôi cũng khóc theo.

“Chao ôi, Justine em ơi,” Elizabeth nói, “sao em nỡ tước đi của chị niềm an ủi cuối cùng? Chị vẫn tin là em vô tội, và tuy lúc đó chị vô cùng khốn khổ, nhưng không đến nỗi thảm hại như ngày hôm nay.”

“Cô thực sự tin em xấu xa thế sao? Đồng tâm với kẻ thù của em để nghiền nát em sao, mà kết tội em giết người?” Giọng cô gái nghẹn ngào vì thổn thức.

“Đứng dậy đi, cô bé đáng thương,” Elizabeth nói, “sao lại phải quỳ, nếu em vô tội? Chị không ở trong số kẻ thù của em; chị tin em không phạm tội, bất kể chứng cớ nào, cho đến khi chị nghe tin em đã tự mình thú tội. Vậy là họ nói dối, em ơi; và hãy tin rằng không gì trên đời làm lung lay lòng tin của chị đối với em dù chỉ trong phút chốc, ngoại trừ lời thú tội của chính em.”

“Em đã thú, nhưng là một lời dối trá; em thú tội để được xá tội, nhưng giờ đây sự lừa dối này lại đè nặng lên em hơn mọi tội lỗi khác. Lạy Chúa trên thiên đàng tha tội cho em! Kể từ lúc em bị kết tội, cha xưng tội của em đã tấn công em, dọa dẫm em, đến mức em tưởng như chính mình là con quái vật mà ông ta gán cho em vậy. Cha dọa em sẽ bị rút phép thông công, sau khi chết sẽ xuống hỏa ngục, nếu em cứ cứng đầu cứng cổ. Cô chủ ơi, có ai nâng đỡ em đâu, ai cũng nhìn em như con khốn nạn phải chịu nhơ nhuốc, chịu kiếp đọa đầy nơi địa ngục. Biết làm sao được? Trong một giờ khắc tệ hại em đã buông mình cho lời dối trá ấy, và chỉ tới bây giờ em mới thực sự khốn khổ.”

Cô ngừng lời, lại khóc, rồi nói tiếp: “Cô chủ dịu dàng ạ, em kinh hãi

mà nghĩ rằng cô sẽ tin là Justine của cô, người mà bác gái thánh thiện của cô trân trọng đến thế, người mà cô yêu, lại là một thứ người có thể phạm một tội ác chỉ Quỷ vương mới đang tay làm. William thân yêu! Em bé yêu quý vô vàn! Chẳng bao lâu nữa đâu chị sẽ gặp em trên thiên đường, trên ấy chúng ta sẽ sung sướng, và điều đó an ủi chị nhiều, tuy chị phải chịu ô nhục mà chết."

"Ôi Justine, tha thứ cho chị đã có lúc mất lòng tin ở em. Tại sao em lại nhận tội hả em? Nhưng em đừng than khóc, em yêu. Đừng sợ gì hết. Chị sẽ công bố điều này, chị sẽ chứng minh em vô tội. Chị sẽ dùng lời khẩn cầu, dùng nước mắt khiến những trái tim đá của kẻ thù em cũng phải tan ra. Em không được chết! - Em, bạn cùng chơi với chị, em gái chị, đời nào chết trên giá treo cổ! Không! Không! Chị sẽ không bao giờ sống nổi sau rủi ro khủng khiếp đến thế."

Justine lắc đầu rầu rĩ. "Em không sợ chết, cơn đau ấy đã qua. Chúa đã làm em bớt yếu đuối, ban cho em can đảm để chịu được điều xấu nhất. Em từ giã một thế giới cay đắng, đau buồn; và nếu cô còn nhớ đến em, nghĩ về em như một người bị kết tội oan, em sẵn sàng đương đầu với số phận đang chờ đợi. Hãy học ở em, cô chủ ơi, biết cách cam chịu mà phục tùng ý muốn của Chúa!"

Trong suốt buổi nói chuyện tôi lui vào một góc phòng giam để che đậy nỗi đau đớn như cắt ruột của mình. Tuyệt vọng ư! Ai dám nói đến tuyệt vọng? Nạn nhân tội nghiệp kia, ngày mai phải bước qua ranh giới nghiệt ngã của cuộc sống để đến với cái chết, cũng còn không cảm thấy não nề tê tái như tôi lúc này. Tôi nghiến răng kèn kẹt[32], một lời rên rỉ bật ra tự đáy tâm hồn. Justine giật mình. Khi nhận ra tôi, cô lại gần tôi nói: "Kìa cậu chủ kính mến, cậu tử tế biết bao khi vào thăm em; em hy vọng cậu không tin em phạm tội chứ?"

Tôi không đáp nổi. "Không đâu, Justine," Elizabeth nói, "anh ấy còn tin ở sự vô tội của em hơn là chị; bởi ngay cả khi nghe tin em thú tội anh ấy vẫn một mực không tin."

"Em thành thật cảm ơn cậu. Trong những phút cuối cùng này em biết ơn sâu sắc nhất những người nghĩ tốt về em. Mọi người còn yêu thương em, con bé khốn nạn này, điều đó cảm động biết chừng nào! Nó làm vợi đi một nửa nỗi bất hạnh của em; giờ đây em cảm thấy mình yên tâm mà chết, bởi vì, cô chủ yêu mến của em ơi, cô và anh họ của cô thừa nhận em vô tội."

Đó, kẻ chịu khổ hạnh nói như vậy đó, để an ủi chúng tôi và tự an ủi mình. Vậy là cô đạt được sự cam chịu mình mong muốn. Còn tôi, kẻ sát nhân đích thực, cảm thấy con dòi dai dẳng ngọ nguậy trong ngực mình không bao giờ chết, không cho phép chút an ủi, hy vọng nào. Elizabeth cũng khóc, và cũng khổ sở vô cùng; nhưng nỗi bất hạnh của nàng cũng là sự khốn khổ của kẻ ngây thơ trong trắng, chỉ như đám mây bay qua mặt trăng, che đi trong chốc lát nhưng không thể xóa nhòa ánh sáng ngời ngời của nó. Ngược lại đau khổ và tuyệt vọng đã ăn sâu vào tận cốt lõi trái tim tôi, tôi chứa trong mình cả một địa ngục không gì dập tắt nổi[33]. Chúng tôi ở lại với Justine mấy tiếng đồng hồ; vất vả lắm Elizabeth mới dứt khỏi cô bé được. "Chị chỉ muốn chết cùng em," nàng kêu lên, "làm sao chị sống nổi trong cái thế giới toàn khổ ải này!"

Justine cố khoác vào một vẻ tươi vui, trong khi gắng nén những giọt lệ cay đắng của chính mình một cách khó khăn. Cô ôm hôn Elizabeth và nghẹn ngào nói: "Vĩnh biệt Elizabeth yêu quý, cô chủ dịu dàng của em, người em yêu dấu, người bạn duy nhất của em; cầu cho Trời cao rộng lòng ban phước và bảo hộ cho cô; cầu cho đây là nỗi bất hạnh cuối cùng trên đời mà cô phải chịu đựng. Cô hãy sống hạnh phúc và đem lại hạnh phúc cho mọi người."

Và thế là sáng hôm sau Justine chết. Bài hùng biện thiết tha của Elizabeth đã không lay chuyển nổi niềm tin sắt đá của các quan tòa về tội lỗi của kẻ thọ nạn thánh thiện kia. Tôi kêu nài khẩn thiết và bực bội đến đâu họ cũng vẫn trơ trơ. Và khi nghe câu trả lời lạnh nhạt và lý sự cứng rắn, vô tình của những con người ấy, lời thú nhận đã định sẵn tắt lịm trên môi tôi. Làm như vậy tôi có thể rước lấy tiếng điên, nhưng không thể xoay chuyển được bản án đã rơi xuống đầu nạn nhân khốn khổ của tôi. Cô đã chết trên giá treo cổ như một kẻ giết người!

Từ trái tim đang bị hành hạ của mình, tôi quay nhìn nỗi đau đớn sâu xa không nói được nên lời của Elizabeth. Cũng là do tôi gây ra cả thôi! Cả nỗi phiền muộn của cha tôi, cảnh gia đình mới đây ấm cúng thế mà nay tan tác - tất cả đều do bàn tay ba lần đáng nguyền rủa của tôi mà ra! *Các người cứ khóc đi, những con người bất hạnh; nhưng đây chưa phải những giọt nước mắt cuối cùng đâu! Rồi đây các người còn phải cất tiếng hờ khóc bên mồ nữa, và lời các người khóc than sẽ còn vang lên nhiều lần nữa! Frankenstein, con trai các người, họ hàng của các người, bạn hữu vô cùng*

yêu dấu từ bao năm nay của các người; kẻ sẵn sàng đổ đến giọt máu cuối cùng của mình cho các người - kẻ không bao giờ cảm thấy niềm vui nếu nó không phản chiếu lại trên nét mặt thân yêu của các người - kẻ sẵn lòng ban phước tràn trề cho các người, đem cả đời mình phục vụ các người - hắn yêu cầu các người khóc lên - yêu cầu các người đổ những hàng lệ vô tận; hắn sẽ sung sướng không lời nào tả xiết, nếu bằng cách đó thần số phận nhẫn tâm có thể vừa lòng, nếu sự hủy diệt này ngừng lại trước khi nỗi giày vò thống khổ của các người đi đến chỗ kết thúc bởi nấm mồ yên ả!

Đó là những lời mà linh hồn tiên tri của tôi thốt ra, trong khi mà, lòng cào xé bởi nỗi ân hận, hãi hùng và tuyệt vọng, tôi nhìn những con người thương yêu khóc thương vô ích trên nấm mồ của William và Justine, hai nạn nhân bất hạnh đầu tiên của những ma thuật phạm thánh của tôi.

Chương 9

Sau khi mọi cảm nghĩ vừa bị xáo trộn hỗn loạn bởi hàng loạt sự kiện diễn biến nhanh chóng, còn gì khổ cho tinh thần con người hơn là cảnh ngưng trệ cộng với sự chắc chắn mười mươi đến liền sau đó, thanh thản một cách chết chóc, tước đi của linh hồn cả hy vọng lẫn hãi hùng. Justine đã chết, cô đã yên nghỉ; còn tôi thì vẫn sống. Máu tôi chảy mạnh trong huyết quản, nhưng tuyệt vọng và cắn rứt đè nặng lên trái tim tôi, không gì có thể cất đi. Mắt tôi không còn biết đến giấc ngủ yên bình; tôi đi lang thang như một linh hồn tà ác, bởi tôi đã phạm những hành động tàn ác khủng khiếp đến không mô tả nổi, và còn nhiều nữa, rất nhiều nữa (tôi tự nhủ mình như vậy) đang đợi tiếp sau. Vậy mà lòng tôi vốn tràn đầy nhân ái và trân trọng đức độ. Tôi bắt đầu cuộc đời với những ý định tốt đẹp nhất, khát khao đến lúc đem chúng ra thực hiện, để tôi được đóng góp lợi ích cho đồng loại. Giờ đây tất cả tan nát hết; đáng lẽ có được lương tâm thanh thản, cho phép mình tự hào nhìn lại quá khứ, từ đó hứa hẹn những hy vọng mới, tôi lại day dứt vì ân hận và cảm giác tội lỗi, nó xua tôi vào một địa ngục để chịu cực hình tàn nhẫn, không lời nào tả được.

Tình trạng tinh thần như thế khiến sức khỏe tôi, có lẽ chưa bao giờ hoàn toàn hồi phục sau cú sốc ban đầu, càng thêm hao mòn. Tôi tránh mặt mọi người; những dấu hiệu từ sự vui vẻ hài lòng đối với tôi chẳng khác gì tra tấn; tôi chỉ còn tìm an ủi ở sự cô đơn - nỗi cô đơn đen tối, sâu thẳm như cõi chết.

Cha tôi đau đớn quan sát sự thay đổi lồ lộ nơi tính tình, thói quen của tôi, và cố dựa vào những lý lẽ rút ra từ lương tâm trong sáng và cuộc đời thanh thản của ông để truyền cho tôi lòng dũng cảm chịu đựng, thức tỉnh ở tôi đức tính can trường, xua tan mây đen đang bao trùm tôi. “Victor con,” ông nói, “con nghĩ cha không đau khổ sao? Còn ai yêu đứa con bé nhỏ của mình bằng cha yêu nó,” nói đến đây ông trào nước mắt, “nhưng chẳng lẽ những người còn sống không thấy đó là bổn phận phải tránh không đào sâu thêm nỗi bất hạnh của nhau bằng vẻ mặt ai oán quá đáng đến mức ấy? Đó cũng là bổn phận với chính mình nữa, bởi buồn thương quá mức sẽ ngăn cản lạc quan, tiến bộ, thậm chí bê trễ công việc hàng ngày, điều duy nhất khiến con người ta còn hòa nhập được vào xã hội.”

Lời khuyên này, tuy bổ ích, nhưng hoàn toàn không thể áp dụng cho trường hợp của tôi; và hẳn tôi phải là người đầu tiên cố che giấu đau thương để an ủi mọi người, nếu không phải những cảm giác khác của tôi đã bị hòa trộn với niềm cay đắng từ nỗi ân hận, và sự hoảng hốt từ nỗi kinh hoàng. Giờ đây tôi chỉ có thể nhìn cha tôi một cách tuyệt vọng và tìm mọi cách tránh mặt ông.

Thời gian này chúng tôi lui về căn nhà ở Belrive. Sự thay đổi này đối với tôi đặc biệt dễ chịu. Cái lệ ngày nào cổng cũng đóng lúc mười giờ tối, khiến sau lúc đó không ể ở bên hồ được, đã biến nơi ở trong phạm vi tường thành Geneva thành đặc biệt khó chịu đối với tôi. Bây giờ thì tôi tha hồ tự do. Thường thường, đợi cho cả nhà nghỉ đêm rồi, tôi đưa thuyền ra bơi một mình trên mặt nước suốt nhiều giờ. Đôi lúc tôi dong buồm mặc cho gió đưa đi; đôi lúc, chèo ra giữa hồ, tôi mặc con thuyền trôi nổi và thả mình cho những suy tư ủ dột. Tôi thường cảm thấy nỗi thèm khát, khi quanh tôi tất cả đều tĩnh lặng, chỉ có duy nhất tôi không yên lang thang giữa một quang cảnh đẹp đẽ và thánh thiện - nếu không kể đến con dơi nào đó, hoặc tiếng oàm oạp đứt đoạn và khàn khàn của lũ ếch chỉ nghe được khi thuyền tôi cập lại gần bờ - thường xuyên, như đã nói, tôi cảm thấy nỗi thèm khát được lao mình xuống đáy hồ êm ả, cho làn nước khép lại bọc kín lấy tôi cùng những tai ương của tôi vĩnh viễn. Nhưng tôi chùn lại, khi nghĩ tới nàng Elizabeth đau khổ nhưng kiên cường, người con gái tôi yêu tha thiết, người mà cuộc đời đã gắn với đời tôi. Tôi cũng nghĩ đến cha tôi, cậu em còn lại của tôi: chẳng lẽ theo sự đào thoát hèn nhát của mình mà bỏ mặc họ không ai bảo vệ, phơi mình ra trước con quỷ xấu xa mà tôi đã thả ra giữa họ?

Những lúc ấy tôi khóc một cách xót xa, mong sao tâm hồn mình yên bình trở lại chỉ để có thể đem đến cho họ chút an ủi và hạnh phúc. Nhưng không sao thực hiện được. Nỗi ân hận dập tắt bất cứ tia hy vọng nào. Tôi đã là tác giả của những nghiệp chướng không tài nào xoay ngược được, và giờ đây tôi sống trong nỗi sợ thường trực, rằng cái con quỷ mình sáng tạo ra sắp giở thêm trò độc địa mới nào. Tôi mơ hồ cảm thấy rằng tất cả chưa phải đã hết, thế nào hắn cũng còn phạm thêm tội ác tối hậu nào đó nữa, một tội ác tày trời sẽ khiến những gì đã có dường như chưa là gì cả. Chừng nào những người tôi yêu vẫn còn thì tôi còn lo sợ. Tôi không còn biết mình ghét cay ghét đắng con quỷ này đến mức nào nữa. Nghĩ đến hắn răng tôi nghiến lại, mắt tôi nảy lửa, tôi mong muốn cháy bỏng tiêu diệt đi sự sống tôi đã trao đi khinh suất đến thế. Kiểm lại những tội ác và sự hiểm độc của hắn, lòng căm tức và khao khát trả thù của tôi bùng lên bất chấp mọi giới hạn. Giá có thể

leo lên đỉnh cao nhất của dãy Andes để từ đây đẩy hắn xuống chân núi, thì tôi đã làm từ lâu rồi. Tôi mong muốn gặp lại hắn để trút lên đầu hắn nỗi ghê tởm cùng cực của mình, và để trả thù cho cái chết của William và Justine.

Nhà chúng tôi bây giờ là ngôi nhà tang tóc. Cha tôi kiệt quệ sức khỏe do những sự kiện khủng khiếp vừa xảy ra. Elizabeth buồn bã, nản lòng; nàng không còn lấy công việc hàng ngày làm vui; mọi thú tiêu khiển đối với nàng đều là báng bổ đối với những người đã khuất; nàng cho rằng chỉ nước mắt và nỗi thống khổ triền miên mới bày tỏ được niềm thương tiếc xứng đáng với sự trong sáng ngây thơ đã bị hủy diệt tan tành đến vậy. Nàng không còn là sinh linh sung sướng thuở niên thiếu đã cùng tôi đi dạo bên bờ hồ, say sưa chuyện trò về viễn cảnh tương lai. Nỗi buồn đầu tiên trong cả chuỗi phiền muộn nhằm cướp chúng tôi đi xa lìa mặt đất đã đến thăm nàng, sức nặng tối tăm của nó đã dập tắt những nụ cười thân thương nhất trên môi nàng.

"Anh họ thân yêu ơi," nàng nói, "nghĩ đến cái chết khốn khổ của Justine Moritz, em không còn nhìn được thế giới này cùng các công trình của nó bằng con mắt trước kia nữa. Trước kia, những điều xấu xa, bất công đọc thấy trong sách hoặc nghe người ta kể, em cho là chuyện từ đời nào hoặc được bịa ra; chúng thật xa lạ, và chỉ hiểu được nhờ lý trí chứ không phải nhờ hình dung; nhưng nay thì đau thương đã tới tận nhà mình, người với người đối với nhau như những con quái vật khát máu. Tuy nhiên hẳn là em đang suy nghĩ bất công. Ai cũng tin cô gái tội nghiệp có tội, và giả sử đúng là cô đã phạm vào tội lỗi khiến cô chịu khổ nạn kia, cô ắt đã là kẻ đốn mạt nhất của giống người. Chỉ vì mấy thứ nữ trang mà sát hại con trai của ân nhân mình, bạn mình, giết đi thằng bé cô chăm bẵm từ lúc nó mới sinh, ra vẻ yêu nó như con ruột! Tuy em chẳng sung sướng với cái chết của bất cứ ai, em vẫn sẽ phải thừa nhận một thứ người như thế không xứng đáng tồn tại trong xã hội loài người. Nhưng cô ấy vô tội. Em biết, em cảm thấy là cô vô tội; anh cũng nghĩ thế, và điều đó càng làm em tin tưởng. Hỡi ôi! Victor! Khi mà giả dối giống như sự thực đến vậy, ai dám tự bảo đảm cho mình có hạnh phúc trên đời này nữa? Em có cảm giác mình đang đi trên bờ vách cheo leo, cả một đám đông hàng ngàn người đang ùa về đó muốn đẩy em xuống vực thẳm. William và Justine bị ám sát, kẻ sát nhân trốn thoát; hắn đang tự do đi lại ngoài vòng kiềm tỏa, thậm chí còn có thể được người đời tôn trọng nữa. Nhưng ngay cả nếu em bị buộc tội chết trên giá treo cổ vì tội giết người, em cũng không muốn đánh đổi với phận số tên khốn nạn kia."

Nghe bản độc thoại ấy tôi đau đớn như sắp chết. Tuy không thực sự nhúng tay vào, nhưng xét từ ảnh hưởng, tôi mới chính là kẻ giết người.

Elizabeth qua nét mặt tôi, hiểu rằng tôi đau đớn, nàng nhẹ nhàng cầm tay tôi mà bảo: “Bạn thân yêu nhất của em, anh hãy bình tĩnh lại. Những sự kiện ấy tác động đến em rất lớn, chỉ có Chúa mới hiểu đến mức nào, nhưng em còn chưa khốn khổ bằng anh. Nét mặt anh biểu lộ niềm tuyệt vọng, đôi lúc còn thù hận, nó làm em run sợ lắm. Anh Victor ơi, xin hãy từ bỏ những tình cảm đen tối ấy đi. Hãy nhớ tới bạn bè quanh anh, họ tập trung tất cả mọi hy vọng vào anh đó. Chẳng lẽ tất cả chúng em không còn khả năng làm anh sung sướng nữa sao? Ôi! Khi mà tất cả chúng ta còn yêu thương - khi chúng ta còn chân thành với nhau, ở xứ sở thanh bình và tuyệt mỹ này, quê hương của anh, nơi chúng ta có thể gặt hái mọi phước lành êm ả - thì còn gì có thể khuấy động sự yên bình của chúng ta?”

Và làm sao những lời như vậy từ nàng, con người tôi trìu mến coi là quý giá nhất hơn mọi may mắn mà tôi được hưởng, lại không đủ xua đi con quỷ đang luẩn quẩn trong lòng tôi? Ngay trong khi nàng nói tôi xích lại gần nàng; như sợ rằng bất cứ lúc nào kẻ hủy diệt kia cũng có thể tới đây tước nàng khỏi tay tôi.

Vậy đó, cả tình bạn đằm thắm lẫn vẻ đẹp của đất trời, đều không cứu vớt được tâm hồn tôi khỏi muộn phiền; kể cả những lời lẽ yêu thương cũng đều vô tác dụng. Tôi bị bao trùm trong một đám mây dày đặc không sức mạnh tốt đẹp nào thấu qua nổi. Con nai bị thương cố lết cái chân què tới một bụi cây chưa người giẫm tới, để ngắm nghía mũi tên đã xuyên qua chân mình rồi chết - đó chính là tôi.

Thỉnh thoảng tôi đương đầu được với nỗi thất vọng não nề đè nặng lên tôi, nhưng đôi lúc cơn xúc động cuồn cuộn trong tâm hồn thúc đẩy tôi, bằng cách vận động thân thể và lui tới chỗ nọ chỗ kia, đi tìm chút giải thoát khỏi những cảm giác không chịu đựng nổi. Một trong những cơn loại đó đưa tôi ra khỏi nhà, dời chân đến những thung lũng thuộc dãy Alps gần đó, mong nhờ cảnh tráng lệ vĩnh hằng nơi đó mà quên được bản thân, quên được những đau khổ phù du - bởi chỉ là của một con người. Bước chân lang thang đưa thẳng tôi đến thung lũng Chamounix. Hồi nhỏ tôi đến đây khá thường xuyên. Sáu năm đã trôi qua kể từ ngày đó: tôi giờ là một kẻ khốn nạn, nhưng quang cảnh hoang dã và bền vững nơi đây vẫn không chút gì thay đổi.

Đoạn đầu chuyến đi tôi đi ngựa, sau đó thuê một con la bởi bước đi của nó chắc chắn hơn, tránh thương vong trên đường núi gồ ghề. Thời tiết rất đẹp; lúc này vào khoảng giữa tháng Tám, hai tháng sau cái chết của Justine, giai đoạn thảm thương mà tôi tính mọi buồn phiền từ ngày đó. Gánh nặng đè

trên tâm trí tôi vợi đi phần nào khi tôi đi sâu dần vào khe núi sông Arve. Những vách núi và đá nhọn bát ngát bao phủ tôi khắp phía, tiếng nước gầm qua giữa các tảng đá, thác dội xuống ào ào xung quanh, nói lên một thế lực hùng mạnh tới mức Toàn năng, và tôi không còn cảm thấy sợ hãi, hay quy phục bất cứ thực thể nào kém hùng mạnh hơn sức mạnh đã tạo ra và cai trị cả những yếu tố tự nhiên, đang hiện diện ở đây trong dáng vẻ kinh khiếp nhất của mình. Thế nhưng tôi càng lên cao, thung lũng càng trải ra hùng vĩ choáng người hơn nữa. Những lâu đài hoang tàn nằm chót vót trên vách núi phủ thông xanh; dòng Arve dữ dội, và các ngôi nhà tranh rải rác ló ra giữa hàng cây cao, tất cả tạo nên một cảnh đẹp hiếm có. Dãy Alps uy nghi kề bên khiến nó càng huy hoàng hơn và khoác vào một vẻ siêu phàm, với những tháp và vòm núi trắng xóa loang loáng ánh mặt trời vươn cao hơn tất cả, tưởng thuộc về một thế giới khác, là nơi trú ngụ một giống sinh vật khác.

Tôi đi qua cầu Pélissier nơi khe núi của dòng sông mở ra trước mắt tôi, rồi tôi trèo lên ngọn núi nhô ra bên trên. Chẳng mấy chốc vào đến thung lũng Chamounix. Thung lũng này còn kỳ diệu và siêu phàm hơn nữa, nhưng không xinh đẹp và sinh động như thung lũng Servox tôi vừa đi qua. Đường biên tận cùng của nó là núi cao chót vót phủ tuyết, nhưng không còn thấy những lâu đài đổ nát cùng cánh đồng phì nhiêu. Những dòng sông băng rộng kề sát con đường, tôi nghe thấy tiếng vang như sấm của các tảng tuyết lở đang lăn xuống, và theo dõi khói bay lên trên đường chúng đi. Mont Blanc, ngọn Mont Blanc nguy nga ngự trị, vươn thẳng lên từ những *aiguille* - những đỉnh núi nhọn hoắt xung quanh, và cái vòm khổng lồ của nó phủ bóng lên thung lũng.

Một cảm giác vui sướng đến náo nức mất đi từ lâu nay lại trở lại với tôi suốt cuộc hành trình. Chỉ một khúc ngoặt, một cảnh tượng mới xuất hiện và nhận ra cũng nhắc nhở tôi về những ngày đã qua khi lòng tôi còn lâng lâng niên thiếu. Làn gió thoảng thì thào bên tai tôi những lời êm đềm, và thiên nhiên từ mẫu khiến tôi không thể khóc than được nữa. Rồi những vỗ về dịu ngọt tan biến, tôi lại trở lại với gông cùm đau đớn, chìm đắm trong suy tư khổ não. Thế là tôi lại thúc con la, cố bằng cách đó quên đi cả thế giới lẫn nỗi lo sợ, và trên tất cả, cố quên ngay bản thân mình; có lúc, tuyệt vọng hơn, tôi xuống la, lăn ra cỏ, trĩu nặng hãi hùng và thất vọng não nề.

Cuối cùng tôi tới làng Chamounix. Sau những mệt mỏi của cơ thể và cả tâm hồn đã chịu đựng lâu nay, tôi gần như kiệt quệ. Trong một lát tôi cứ đứng bên cửa sổ ngắm những ánh chớp nhợt nhạt đùa giỡn trên đỉnh Mont Blanc, lắng nghe dòng Arve đang ầm ĩ chảy bên dưới. Những tiếng ấy giống

như bài hát ru cho những cảm giác quá buốt nhói trong lòng tôi; giấc ngủ lần đến khi tôi vừa đặt đầu lên gối; tôi cảm thấy nó đang xâm chiếm, và thầm chúc phúc cho vị thần ban tặng sự lãng quên.

Chương 10

Cả ngày hôm sau tôi đi dạo khắp thung lũng. Tôi đứng bên những nhánh đổ vào Arveiron, bắt nguồn từ một con sông băng rồi chảy xuống với tốc độ chậm từ đỉnh những ngọn đồi và tràn ngập thung lũng. Trước mặt tôi những vách núi dựng đứng và rộng lớn chắn đường, thành của sông băng nhô ra trên đầu tôi, quanh tôi vài cây thông gãy nằm rải rác; bầu không khí trang nghiêm lặng lẽ ngự trị trên cung triều kiến của Tự nhiên đường bệ chỉ thỉnh thoảng bị khuấy động bởi tiếng nước gầm, tiếng một mũi đá nào rời ra rơi xuống, tiếng tuyết lở như sấm động, hoặc tiếng nứt vỡ dội lại qua từng vách núi của băng tích tụ, vốn chốc chốc lại bị xé toạc ra trong sự vận hành thầm lặng của những quy luật bất biến, như thể chỉ là một món đồ chơi trong tay chúng. Quang cảnh hoành tráng siêu phàm này đem lại cho tôi niềm an ủi lớn nhất mà tôi còn tiếp nhận được. Nó đưa tôi vượt khỏi những cảm nghĩ nhỏ nhoi, và mặc dầu không làm tiêu tan sầu khổ trong lòng tôi, vẫn chế ngự khiến lòng tôi trở thành tĩnh tại. Thêm nữa, ở mức độ nào đó nó khiến tôi khuây khỏa những ý tưởng nung nấu trong đầu suốt từ mấy tháng nay. Khi đêm xuống tôi lui về phòng ngủ; giấc ngủ tìm đến và chăm chút tôi nhờ triệu về những cảnh hùng vĩ tôi đã ngắm nhìn ban ngày. Chúng dần tụ lại quanh tôi; đỉnh núi phủ tuyết không vết gợn, tháp núi lấp lánh, cánh rừng thông, khe núi trơ trụi lởm chởm, chim đại bàng sải cánh giữa trời mây... tất cả bao lấy tôi, khiến tôi bình tâm lại.

Chúng đã biến hết đi đâu khi tôi tỉnh dậy sáng hôm sau? Giấc ngủ trôi qua, mọi thứ truyền cho tâm hồn tôi sức sống cũng trôi theo nốt, nỗi u sầu tăm tối lại che phủ mọi ý nghĩ của tôi. Mưa rơi xối xả, sương mù dày đặc che khuất những ngọn núi, thậm chí tôi còn không nhìn được gương mặt những người bạn hùng mạnh của tôi. Thế nhưng tôi vẫn muốn xuyên qua tấm mạng sương mù đó, đi tìm họ về tận chốn trú ẩn giăng mây của họ. Mưa bão đối với tôi nghĩa lý gì? Con la đã được đem đến trước cửa, tôi quyết định sẽ lên tận đỉnh núi Montanvert. Tôi còn nhớ ấn tượng lần đầu trông thấy trên núi mặt biển băng[34] lớn mênh mông và không ngừng di chuyển. Lúc đó tôi đã có một cảm giác say sưa cao cả đến tuyệt vời khiến tâm hồn tôi cất cánh bay bổng khỏi chốn trần tục tối tăm lên nơi chỉ có niềm vui và ánh sáng. Cảnh tượng thiên nhiên oai nghiêm đến dễ sợ bao giờ cũng làm trí não tôi

trang nghiêm trở lại, quên đi những lo toan thoáng qua của đời thường. Tôi quyết định leo núi không cần người hướng dẫn, bởi tôi đã quen thuộc con đường, hơn nữa có mặt thêm một người khác sẽ làm khung cảnh bớt đi vẻ huy hoàng cô độc.

Dốc núi rất cheo leo nhưng đường lên chia làm nhiều khúc ngoặt cho phép người ta khắc phục được sườn núi dốc đứng. Cảnh vật hoang vu đến rợn người. Hàng ngàn vết tuyết lở mùa đông vẫn còn đây đó với những cây to gãy gục trên mặt đất, một số tan tành hẳn, một số còng xuống dựa vào những tảng đá nhô ra khỏi vách núi hoặc vắt qua thân cây khác. Đường lên núi phía trên cao chốc chốc lại bị những khe núi tuyết cắt ngang, có những tảng đá từ trên thường xuyên lăn theo nó, mỗi tảng đá đều cực kỳ nguy hiểm, bởi chỉ cần âm thanh nhỏ nhất, ví như cất tiếng nói to, cũng đủ sinh ra một luồng không khí kích cho tai họa đổ xuống đầu người nói. Thông ở đây không cao, cành lá không sum suê lắm nhưng trông ảm đạm, làm tăng vẻ khắc nghiệt cho cảnh trí. Tôi nhìn xuống thung lũng bên dưới; từng đám sương mù rộng dâng lên từ nhiều dòng sông chảy ngang qua, chúng cuộn lại thành vòng dày đặc quanh các ngọn núi đối diện, đỉnh những ngọn núi này vẫn ẩn trong mây không thay đổi, trong khi mưa trút xuống từ bầu trời đen kịt, tăng thêm ấn tượng u sầu của cảnh vật quanh tôi. Hỡi ôi! con người khoe khoang có những cảm giác sắc bén hơn những giống loài man dã mà làm gì kia chứ; nó chỉ càng khiến họ trở thành những thực thể yếu đuối và thiếu thốn hơn. Giá như chúng ta chỉ bị thúc đẩy bởi đói, khát và ham muốn thì có lẽ chúng ta đã tương đối tự do; nhưng giờ đây ta lại bị xúc động chỉ bởi một làn gió, một lời nói vô tình hoặc một cảnh tượng mà lời nói gợi ra cho chúng ta.

Nghỉ ngơi; ta có thể bị cơn mơ đầu độc giấc ngủ
Đứng lên; một ý nghĩ vớ vẩn có thể làm ô nhiễm cả một ngày
Xúc cảm, nhận thức, lý luận, ta cười hay khóc
Khư khư ôm giận hay quẳng gánh lo đi
Cũng thế cả thôi; bởi vui hay buồn
Con đường ta đi vẫn cứ thênh thang
Con người của ngày mai không phải con người của hôm qua
Chẳng gì tồn tại mãi mà cứ luôn luôn biến động![35]

Gần đến trưa thì tôi lên đến đỉnh dốc núi. Tôi ngồi một lát trên tảng đá nhìn xuống biển băng. Một làn sương bao phủ cả nó lẫn những rặng núi

xung quanh. Thế rồi một làn gió nhẹ thổi tới xua tan mây, tôi bước xuống biển băng. Mặt băng không bằng phẳng, khi trỗi lên như sóng trên biển động, khi nhào xuống thấp, nhiều đường nứt sâu cắt ngang cắt dọc. Chiều ngang mặt băng không quá bốn cây số nhưng tôi băng qua mất gần hai tiếng đồng hồ. Ngọn núi bên kia trơ trụi và dốc đứng. Từ bên bờ nơi tôi đứng, Montanvert ở đúng đối diện cách tôi chừng bốn cây số, và phía trên, đỉnh Mont Blanc vươn lên oai nghiêm hùng vĩ. Tôi đứng yên trong một hốc đá, chiêm ngưỡng cảnh nguy nga kỳ diệu này. Mặt biển, đúng hơn là con sông băng mênh mông, uốn lượn quanh các tảng núi bao quanh nó, đỉnh núi cao vút nghiêng trên những vũng sông ăn sâu vào núi. Những chóp núi phủ băng lấp lánh dưới ánh sáng mặt trời vượt trên các tầng mây. Trái tim tôi trước đang héo hắt nay nở ra vì một cảm giác gần như sung sướng, tôi kêu to: "Hỡi các linh hồn lang thang, nếu quả các ngươi lang thang, chứ không nằm yên trong giường hẹp, xin hãy cho phép ta hưởng chút hạnh phúc nhạt mờ này, hoặc nếu không hãy đem ta đi theo các ngươi, rời bỏ những niềm vui của cuộc đời trần tục."

Vừa nói xong, tôi bỗng nhìn thấy một dáng hình người ở xa xa, đang tiến lại phía tôi với tốc độ phi thường. Hắn nhảy thoăn thoắt qua những khe nứt mà vừa rồi tôi bước dò dẫm thận trọng; cả vóc dáng nữa, khi hắn tới gần hơn, cũng có vẻ như vượt quá người thường. Tôi choáng váng cả người; mắt mờ đi như có sương che, tôi cảm thấy muốn ngất; nhưng làn gió núi lạnh ngắt nhanh chóng khiến tôi tỉnh táo. Tôi nhận ra, khi bóng dáng đó tiến lại gần hơn nữa, (cảnh tượng phi phàm và khủng khiếp!) chính là của khốn nạn tôi đã tạo ra. Tôi run lên vì giận dữ và kinh hoảng, quyết định chờ hắn lại gần để xáp lại trong trận tử chiến cuối cùng. Hắn tới; vẻ mặt hắn nói lên nỗi thống khổ vô chừng, cộng với sự kinh tởm và hằn học, trong khi bộ dạng xấu xí phi trần thế đủ làm con mắt loài người phải bạt vía khi nhìn hắn. Nhưng tôi không để ý đến mấy thứ đó lắm; căm ghét và cuồng nộ ban đầu khiến tôi không thốt ra tiếng, tôi trấn tĩnh lại chỉ để trút xuống hắn những lời lẽ đầy kinh tởm, giận dữ và khinh miệt.

"Ác quỷ," tôi kêu lên, "mi còn dám lại gần ta sao? Không sợ cánh tay ta vặn cổ mi vì căm thù mãnh liệt sao? Đồ sâu bọ đê tiện? Cút đi! Mà có lẽ ở lại thì hơn, để ta giày xéo mi thành cát bụi! và than ôi! giá mà hủy diệt được sự tồn tại ghê tởm của mi cũng làm sống lại những nạn nhân mà mi đã sát hại một cách quỷ quyệt đến thế!"

"Tôi đã chờ đợi một sự đón tiếp như thế này," tên ác thần nói. "Người đời vốn ghét kẻ khốn nạn, mà tôi thì là kẻ thảm hại hơn tất cả các

sinh vật sống, vậy thì tôi còn bị ghét đến đâu! Nhưng ngài, kẻ đã sáng tạo ra tôi, mà lại kinh tởm và hắt hủi tôi, tạo vật của ngài, đã ràng buộc với ngài bởi những mối dây chỉ tiêu tan được khi một trong hai ta diệt vong. Ngài hạ quyết tâm thủ tiêu tôi. Làm sao ngài dám đem sự sống ra mà đùa giỡn như vậy được? Hãy thực hiện những bổn phận của ngài đối với tôi, và tôi sẽ thực hiện phần mình đối với ngài và phần còn lại của nhân loại. Nếu ngài thuận theo những điều kiện của tôi, tôi sẽ để yên cho họ và ngài; nhưng nếu ngài từ khước, tôi sẽ đem dâng bữa tiệc tận mõm tử thần, cho đến khi hắn no nê vì máu của các bạn hữu còn lại của ngài mới thôi."

"Con quái vật kinh tởm! Đồ quỷ dữ! Mọi tra tấn dưới âm ty địa ngục cũng còn quá nhẹ đối với tội ác của mi. Ác quỷ khốn nạn! Mi oán trách ta đã sinh ra mi, vậy thì, lại đây, ta sẽ dập tắt tia lửa mà ta đã quá cẩu thả ban xuống."

Cơn giận của tôi không còn giới hạn; tôi lao tới hắn bằng sức đẩy của tất cả những cảm xúc hung bạo của một sinh linh đang muốn hủy diệt một sinh linh khác.

Hắn dễ dàng tránh tôi, và nói:

"Hãy bình tĩnh! Tôi khẩn cầu ngài lắng nghe tôi, trước khi trút căm thù lên cái đầu đã chịu án đọa đày của tôi. Tôi đã chẳng đau đớn đủ sao, mà ngài còn muốn tăng thêm sự khốn nạn của tôi nữa? Cuộc đời, kể cả chỉ là muôn khổ não chồng chất, với tôi vẫn rất đáng quý, và tôi sẽ bảo vệ nó. Hãy nhớ lấy, ngài đã tạo nên tôi mạnh hơn bản thân ngài; chiều cao của tôi hơn hẳn; khớp xương tôi cũng mềm dẻo hơn. Nhưng tôi sẽ không nghe theo cám dỗ mà đặt mình làm kẻ đối lập với ngài. Tôi là tạo vật của ngài, tôi thậm chí sẽ còn dịu dàng dễ bảo với vị chúa, đức vua tự nhiên của tôi là khác, nếu ngài cũng thực hiện bổn phận mình, bổn phận mà ngài có trách nhiệm với tôi. Ôi, Frankenstein, đừng tỏ ra công bằng với tất cả mọi người chỉ để giẫm đạp lên một mình tôi như vậy, tôi là kẻ có quyền đòi hỏi phán xét công bằng của ngài nhất, cả lòng khoan dung và tình thương yêu của ngài nữa. Đừng quên, tôi là tạo vật của ngài; tôi phải là Adam của ngài mới đúng; nhưng tôi lại hóa ra thiên thần sa ngã, bị ngài cấm đoán mọi nguồn vui trong khi chẳng lỗi lầm gì. Đâu đâu tôi cũng thấy ân phước tưng bừng, chỉ mình tôi bị loại trừ vô phương cứu chữa. Xưa tôi hướng thiện và tốt bụng; khổ đau khiến tôi trở thành quỷ dữ. Hãy làm tôi sung sướng, và tôi sẽ lại đức hạnh như xưa."

"Cút đi! Ta không nghe mi nói đâu. Giữa ta và mi không thể có sự

thông cảm được, chúng ta là kẻ thù của nhau. Cút! Hoặc nếu muốn, chúng ta hãy cùng đọ sức, tới khi một kẻ phải ngã xuống.”

“Làm thế nào để ngài mủi lòng đây? Chẳng lẽ không lời khẩn thiết nào khiến được ngài đối đãi ân cần hơn với tạo vật của ngài, đang van xin ngài nhân từ và thương cảm? Frankenstein, hãy tin tôi đi; tôi giàu thiện chí, linh hồn tôi chói sáng tình yêu và tình nhân loại; nhưng tôi cô độc quá, cô độc một cách thảm hại. Chính ngài, kẻ đã sáng tạo ra tôi, còn kinh tởm tôi, vậy thì còn hy vọng gì ở những đồng loại của ngài, chẳng có chút trách nhiệm nào với tôi hết? Họ hắt hủi tôi, căm ghét tôi. Tôi chỉ còn biết tìm chỗ ẩn náu ở nơi núi non hoang vu, tuyết băng ghê sợ này. Tôi lang thang nơi đây đã nhiều ngày nay; các hang băng là nhà tôi, kẻ duy nhất không sợ chúng, nơi duy nhất tôi không bị loài người xua đuổi. Tôi xưng tụng bầu trời trơ trụi, bầu trời không tàn nhẫn với tôi như đồng loại của ngài. Nếu phần đông những kẻ ngoài kia biết đến sự tồn tại của tôi, họ sẽ giống như ngài, quyết chí tiêu diệt tôi bằng được. Vậy tôi có nên căm ghét những kẻ thù địch mình không? Với kẻ thù tôi không nhân nhượng. Tôi là kẻ thảm hại, họ sẽ cùng chịu chung cảnh khốn nạn đó với tôi. Nhưng ngài có đủ quyền lực để đền bù lại cho tôi, và giải thoát họ khỏi điều tai hại mà tùy ở ngài nó có thể lớn đến nỗi không những ngài và gia đình ngài, mà cả hàng ngàn kẻ khác nữa sẽ bị nuốt chửng trong cơn điên cuồng của nó. Hãy động lòng một chút và đừng khinh bỉ tôi. Hãy nghe câu chuyện của tôi, sau khi nghe xong, hãy từ bỏ hay thương cảm tôi, tùy ngài đánh giá. Chỉ cần nghe tôi. Theo luật của con người, kẻ phạm tội dù đáng ghê tởm đến mấy cũng có quyền được biện hộ cho mình trước khi bị kết án. Frankenstein, hãy nghe tôi nói. Ngài buộc tội tôi giết người; vậy mà ngài muốn hủy diệt chính tạo vật của mình, với một lương tâm thanh thản. Ôi! Đáng khen thay công lý vĩnh hằng của loài người! Thế mà tôi đâu có đòi hỏi ngài thả tôi ra; chỉ cần nghe tôi kể; rồi sau đó, nếu ngài có thể và nếu ngài vẫn muốn, thì hãy cứ hủy diệt tác phẩm của chính bàn tay ngài.”

“Mi gợi cho ta nhớ lại làm gì,” tôi nói, “những sự việc mà nghĩ đến ta lại run cả người lên, đã gây ra do kẻ thảm hại là ta? Đáng nguyền rủa thay cái ngày ấy, ác quỷ kinh tởm kia, khi mi nhìn thấy ánh sáng lần đầu! Đáng nguyền rủa thay (cho dù vậy là ta nguyền rủa chính ta) đôi bàn tay đã tạo ra mi! Mi đã khiến ta trở thành khốn nạn không lời nào tả xiết. Mi không còn để lại cho ta chút sức lực nào để xác định ta có công bằng với mi hay không. Thôi, cút đi cho rồi! hãy tránh cho ta khỏi phải nhìn thấy cái hình hài ghê tởm của mi!”

"Tôi sẽ giúp ngài tránh nó như thế này đây," hắn vừa nói vừa đặt hai bàn tay đáng ghét của hắn trước mắt tôi, và tôi hất chúng ra một cách dữ dằn; "làm vậy để ngài không phải nhìn cái hình ảnh ngài kinh tởm. Thế nhưng ngài vẫn có thể lắng nghe tôi, và dành cho tôi lòng thương cảm của ngài. Nhân danh những đức tính tôi từng có, tôi đòi hỏi ngài điều đó. Hãy nghe chuyện của tôi; chuyện dài và khá lạ lùng, và nhiệt độ nơi này không tốt cho những giác quan nhạy cảm của ngài, ta hãy lên căn lều trên đỉnh núi kia. Mặt trời vẫn còn trên thiên đỉnh, trước khi nó kịp lặn xuống giấu mình khỏi những vực thẳm phủ tuyết xa kia, để chiếu sáng một thế giới khác, ngài đã kịp nghe xong chuyện tôi rồi, và lúc ấy có thể quyết định. Tất cả ở tùy thuộc ngài, xem liệu tôi sẽ vĩnh viễn từ bỏ nơi nương náu của loài người, sống tiếp một cách vô hại, hoặc trở thành người trừng phạt đồng loại của ngài, gây ra sự suy sụp mau chóng của chính ngài."

Vừa nói hắn vừa dẫn tôi đi trên băng, tôi theo hắn. Lòng tôi tràn ngập cảm xúc, tôi không trả lời gì cả; nhưng vừa đi tôi vừa cân nhắc những lý sự khác nhau hắn đưa ra, và rốt cuộc quyết định hãy cứ thử nghe chuyện hắn xem sao. Một phần vì tò mò, phần nữa vì lòng trắc ẩn. Cho đến nay tôi vẫn cho rằng hắn là kẻ đã sát hại em tôi, tôi nôn nóng được nghe một lời khẳng định hay phủ nhận. Thêm nữa, lần đầu tiên tôi cảm thấy trách nhiệm của mình là người sáng tạo ra hắn, và lẽ ra tôi phải làm cho hắn hạnh phúc trước khi phàn nàn về cái xấu xa của hắn. Những lý do đó đã khiến tôi chấp nhận lời đề nghị của hắn. Chúng tôi đi qua lớp băng, leo lên dốc núi bên kia. Khí trời rất lạnh, mưa lại tiếp tục rơi; chúng tôi bước vào trong lều, con quỷ có vẻ vô cùng hào hứng, tôi thì lòng dạ nặng nề, tâm trí chán nản. Nhưng tôi đồng ý nghe, và để tôi ngồi bên ngọn lửa mà kẻ đồng hành kinh tởm của tôi đã đốt lên, hắn bắt đầu kể chuyện.

Chương 11

"Khá khó khăn khi nhớ lại giai đoạn tôi bắt đầu sự sống, mọi sự kiện của giai đoạn này rất mơ hồ hỗn độn[36]. Vô vàn cảm giác kỳ lạ xâm chiếm lấy tôi, tôi nhìn, cảm thấy, nghe thấy, ngửi thấy cùng một lúc; và quả là phải mất khá lâu tôi mới học được cách phân biệt hoạt động của từng ấy giác quan khác nhau. Tôi còn nhớ một luồng ánh sáng mạnh dần lên, từng chút một, đè vào các dây thần kinh khiến tôi phải nhắm mắt lại. Thế là bóng tối bao trùm, tôi hoang mang cả người, nhưng chỉ vừa cảm thấy vậy thì ánh sáng lại ùa vào, giờ nghĩ lại có lẽ vì khi đó tôi lại mở mắt. Tôi bước đi, và hình như đi xuống thì phải, nhưng lập tức thấy rằng mọi cảm giác của mình đã thay đổi hẳn. Lúc trước quanh tôi chỉ là các vật thể mờ ảo và tối tăm, trông không rõ, không sờ vào được; nay tôi phát hiện ra mình có thể đi lại thoải mái, mọi vật cản đều có thể né tránh hoặc vòng qua. Ánh sáng ban ngày càng áp đảo tôi, cái nóng khiến tôi mệt nhoài vì đi lại[37], tôi bèn tìm một nơi có bóng râm. Đó là khu rừng gần Ingolstadt, và tôi nằm xuống bên cạnh một con suối cho đỡ mệt, cho đến khi bị cơn đói và khát hành hạ. Điều đó khua tôi dậy từ trạng thái đã ngà ngà, tôi liền ăn mấy quả dâu dại lủng lẳng trên cây hoặc đã rơi xuống đất. Tôi làm dịu cơn khát mình nhờ nước suối, rồi lại nằm xuống ngủ thiếp đi.

Khi tôi tỉnh dậy thì trời đã tối; tôi cảm thấy lạnh, và gần như khiếp sợ nữa, theo đúng bản năng, khi thấy mình trơ trọi, bị bỏ rơi. Trước khi rời căn hộ của ngài, do thấy lạnh tôi đã vơ ít quần áo che thân, nhưng lúc này sương đêm rơi xuống lạnh thấu xương không đủ ấm. Tôi là một kẻ khốn nạn thảm thương, nghèo hèn, vô phương cứu giúp; tôi chẳng biết, chẳng phân biệt được cái gì; nhưng cảm giác đau đớn thâm nhập tôi từ tứ phía, tôi ngồi xuống và khóc.

Chẳng mấy chốc một làn ánh sáng dìu dịu ló ra trên trời cao, đem lại cho tôi cảm giác dễ chịu. Tôi đứng bật dậy, và nhìn thấy giữa các bụi cây một hình thù rực rỡ mọc lên cao dần[b]. Tôi ngắm nhìn nó đầy ngưỡng mộ. Nó chuyển động từ từ, nhưng nó soi sáng con đường tôi đi, và tôi lại đi tìm dâu dại. Vẫn còn đang lạnh thì tôi bắt gặp một chiếc áo khoác rất lớn dưới một gốc cây, tôi khoác vào người rồi ngồi xuống đất. Tôi không nghĩ được

điều gì ra đầu ra đuôi, đầu óc mung lung hỗn loạn. Tôi cảm thấy ánh sáng, cái đói, cơn khát, rồi bóng tối; trong tai ong ong vô vàn tiếng động, xung quanh tỏa không biết bao nhiêu mùi vị; vật duy nhất tôi phân biệt được là vầng trăng sáng ngời, và tôi cứ nhìn lên đó lấy làm thú vị.

Qua một vài lần ngày và đêm luân chuyển, và tinh cầu ban đêm đã nhỏ đi rất nhiều rồi, thì tôi bắt đầu phân biệt được cảm giác nọ với cảm giác kia. Dần dần tôi nhìn rõ dòng suối trong veo đã cung cấp nước cho tôi uống, và những cây cao che bóng mát cho tôi. Tôi khoái chí phát hiện ra thứ tiếng động vui tai thường vang đến là phát ra từ cổ họng những con vật có cánh xinh xinh thường hay chặn luồng ánh sáng tới mắt tôi. Tôi cũng bắt đầu quan sát thật chăm chú các hình thể xung quanh, và xác định được ranh giới của tấm màn ánh sáng chói lòa chụp xuống quanh mình. Đôi lúc tôi cố bắt chước bài ca êm dịu của bầy chim mà không nổi. Đôi khi tôi muốn bày tỏ cảm xúc theo cách riêng mình nhưng những thanh âm thô thiển nghe không rõ từ cổ họng khiến tôi hoảng sợ và lại rơi vào im lặng.

Trăng đã biến mất khỏi trời đêm, rồi lại xuất hiện với hình thù đã nhỏ đi, nhưng tôi vẫn còn ở trong rừng. Cho tới lúc này, mọi cảm giác của tôi đã rõ ràng, mỗi ngày trí não tôi lại có thêm nhiều ý tưởng mới. Mắt đã quen với ánh sáng, nhận thức được hình dạng đúng của từng vật; tôi phân biệt được con sâu trên ngọn cỏ rồi dần dần, ngọn cỏ này với ngọn cỏ khác. Tai tôi nhận ra chim sẻ chỉ thốt ra những tiếng rè rè trong khi sáo sậu và chim hét hót thật ngọt ngào, quyến rũ.

Một hôm, giữa lúc đang bị cái rét làm cho khốn khổ, tôi tìm thấy đống lửa mấy kẻ ăn mày lang thang để lại, và tràn ngập hân hoan khi cảm nhận được sức ấm từ đó tỏa ra. Quá vui mừng tôi thọc tay vào đống than còn đỏ, nhưng phải vội rút ra ngay và thét lên đau đớn. Lạ lùng biết bao, tôi nghĩ, cùng một nguyên nhân đưa đến hai hậu quả trái ngược nhau đến thế! Tôi xem xét vật liệu cấu thành đống lửa và vui mừng thấy đó chính là gỗ. Tôi vội thu vài cành cây chất vào, nhưng vì còn ướt chúng không cháy. Buồn rầu, tôi ngồi yên quan sát hoạt động của ngọn lửa. Mấy cành cây ướt để gần lửa hóa ra khô rồi bắt lửa. Tôi ngẫm nghĩ về hiện tượng đó, và sờ vào nhiều cành cây khác nhau, tôi phát hiện ra nguyên nhân, tôi bèn lo thu thập rất nhiều cành để phơi khô, tiếp dần cho ngọn lửa. Khi đêm xuống cùng giấc ngủ, tôi vô cùng hoảng sợ lửa sẽ tàn mất. Tôi cẩn thận xếp củi và lá khô phủ lên đó, sau đó đến củi tươi, rồi trải áo khoác ra, tôi ngả mình xuống đất và chìm vào giấc ngủ.

Khi tôi tỉnh dậy thì trời đã sáng, việc đầu tiên là xem đống lửa thế nào. Tôi lật ra vừa lúc một cơn gió nhẹ thổi tới quạt nó cháy bùng lên. Tôi cũng để ý cả sự kiện này, và lấy mấy cành lá kết thành một cái quạt, lửa gần tàn thì quạt tro cho cháy lên. Khi đêm lại đến, tôi vui mừng thấy lửa không những đem lại sức ấm mà còn đem lại cả ánh sáng, và thấy phát hiện này rất có ích cho tôi đi kiếm thức ăn, bởi nhờ đó tôi tìm được ít thức ăn thừa mà những người đi qua bỏ lại, ăn ngon hơn dâu dại hái trên cây nhiều. Tôi bèn tìm cách xử lý thức ăn theo kiểu này, tức là vùi vào trong than nóng. Tôi nhận ra làm thế dâu bị hỏng, nhưng các loại hạt và rễ cây thì khá hơn rất nhiều.

Tuy nhiên thức ăn ngày càng hiếm, kiếm vài quả sồi cho đỡ cơn đói ngấu nghiến cả ngày không xong. Khi thấy vậy tôi quyết định rời khu vực mình đã ở từ trước đến giờ, tìm một nơi khác có thể dễ thỏa mãn được mấy nhu cầu ít ỏi của tôi. Thực hiện chuyến di cư này, tôi đặc biệt nuối tiếc phải mất đi nguồn lửa do vô tình tìm được, mà tôi không biết khơi lại ra sao. Tôi suy nghĩ kỹ lưỡng nhiều giờ đồng hồ về khó khăn này; song tôi buộc phải từ bỏ mọi ý định giữ gìn nó, và quấn chặt cái áo khoác vào người, tôi băng qua rừng về phía mặt trời đang lặn. Tôi cứ đi vô định như thế mất ba ngày thì ra tới nơi đồng trống. Đêm qua vừa có tuyết to, khắp cánh đồng chung một màu trắng xóa; cảnh vật trông thật đìu hiu, và tôi thấy chân mình tê cóng vì cái chất lạnh ẩm đang phủ trên mặt đất.

Lúc ấy khoảng độ bảy giờ sáng, tôi sốt ruột tìm thức ăn và nơi trú ngụ lắm rồi; cuối cùng tôi trông thấy một túp lều dựng trên mô đất cao, rõ ràng đã dựng cho người chăn cừu nào đó. Một cảnh tượng hoàn toàn mới lạ đối với tôi; tôi ngắm nghía cái công trình bé này một cách tò mò. Thấy cửa mở tôi bước vào. Có một ông già ngồi trong đó, bên đống lửa, đang chuẩn bị bữa điểm tâm. Nghe tiếng động ông ta quay lại, nhìn thấy tôi, ông ta thét lên một tiếng rồi bỏ chạy ra ngoài, lao qua cánh đồng với tốc độ phi thường so với cái hình hài tàn tạ của ông ta. Bộ dạng ông già, khác hẳn với những người tôi từng trông thấy, và cuộc bỏ chạy cuống cuồng của ông ta, phần nào làm tôi kinh ngạc. Tuy nhiên căn lều làm tôi mê mẩn: tuyết, mưa không vào được, nền khô ráo, và đối với tôi chốn ẩn náu này quá tuyệt vời và thần tiên, chẳng khác gì Pandmonium[38] đối với đám quỷ dưới địa ngục sau khi chúng vừa chịu đau đớn trong ao lửa. Tôi ăn lấy ăn để bữa sáng còn thừa của người chăn cừu: bánh mì, phomát, sữa, rượu vang; tuy nhiên tôi không thích món cuối cùng này mấy. Thế rồi, toàn thân bải hoải, tôi lăn xuống ổ rơm ngủ thiếp đi.

Khi tôi tỉnh dậy thì đã giữa trưa, nắng ấm chiếu rực rỡ trên nền trắng xóa đầy quyến rũ, khiến tôi quyết định tiếp tục cuộc hành trình; kiếm được chiếc túi dết trong lều tôi trút tất cả chỗ thức ăn còn thừa vào đó, và đi ngang qua cánh đồng trong nhiều giờ, cuối cùng lúc hoàng hôn thì đến một ngôi làng. Ngôi làng hiện ra mới huyền diệu làm sao! Những túp lều, những căn nhà tranh sạch sẽ, tiếp đến những ngôi nhà vững chãi, nhìn đến đâu tôi càng thêm ngưỡng mộ đến đó. Rau cỏ trong vườn, sữa, phomát đặt bên cửa sổ một số ngôi nhà như trêu cợt khẩu vị tôi. Tôi bước vào một trong những ngôi nhà đẹp nhất, nhưng vừa kịp bước qua ngưỡng cửa thì trẻ con đã thét lên, và một người đàn bà ngất xỉu. Cả làng náo động, người thì bỏ chạy, người thì xông vào đánh tôi; tới khi, người thâm tím do đá ném và nhiều loại vũ khí khác bay vào mình, tôi chạy thoát ra đồng, và hoảng hốt chui vào náu trong một cái chòi thấp tồi tàn, trống trơn, trông thật khốn khổ so với những cung điện tôi vừa thấy trong làng. Thực ra, cái chòi áp vào một căn nhà tranh trông khá sạch sẽ và dễ chịu, nhưng sau kinh nghiệm xương máu vừa qua, tôi không dám đặt chân vào đó. Nơi ẩn náu của tôi dựng bằng gỗ, thấp đến nỗi vất vả lắm tôi mới ngồi thẳng mình trong đó được. Không có gỗ trên mặt đất làm sàn, nhưng nền được cái khô ráo; và dù cho gió có lọt qua vô vàn khe hở nhưng để tránh mưa và tuyết thì đây là nơi nương thân dễ chịu rồi.

Tôi nằm xuống, sung sướng tìm được chỗ trú ngụ, tuy thảm hại thật nhưng tránh được thời tiết khắc nghiệt, và hơn thế nữa, sự man rợ của người đời.

Trời hé sáng, tôi bò ra khỏi cái hang ổ tồi tàn để ngắm nhìn căn nhà tranh bên cạnh nó, và để xem xét liệu mình có thể trú ngụ lại nơi này không. Cái chòi đối lưng với vách sau căn nhà tranh, hai bên kia nhìn ra chuồng lợn và một cái ao nước trong vắt. Mặt thứ tư để ngỏ, đêm qua tôi đã chui vào qua đó; nhưng giờ tôi nhặt đá và gỗ che cho khuất mọi kẽ hở có thể khiến người ta nhận thấy, dù vẫn có thể dỡ bỏ khi cần chui ra: tất cả ánh sáng tôi nhận được là hắt từ chuồng lợn vào, và đối với tôi thế là đủ.

Sửa soạn xong nơi ăn chốn ở như vậy, còn lấy cả rơm sạch lót sàn, tôi lui lại; bởi tôi nhìn thấy có bóng người ở xa xa, và tôi nhớ quá rõ cung cách được tiếp đón đêm qua để tin tưởng trao mình vào quyền uy của hắn. Tuy thế, việc đầu tiên tôi làm là chuẩn bị để chịu đựng qua ngày hôm đó, nhờ một lát bánh mì khô lấy cắp được, và lấy cốc, một thứ tiện lợi hơn nhiều so với uống bằng tay, múc dòng nước trong trẻo chảy ngay bên chỗ trú của mình. Nền đất hơi cao nên sàn vẫn rất khô, và bởi vì sát với lò sưởi của căn

nhà nên ở đây ấm áp một cách dễ chịu.

Được cung cấp đầy đủ như thế, tôi quyết định trú ngụ trong cái chuồng này, khi chưa có điều gì buộc tôi phải thay đổi ý mình. Nơi đây quả thật thiên đường, so với rừng thẳm nơi ở cũ của tôi, nền là đất ẩm, trên đầu thì mưa rỏ xuống từ cành lá. Tôi ăn bữa sáng đầy mãn nguyện, và định dỡ một tấm ván để lấy nước uống thì nghe có tiếng bước chân; và nhìn qua kẽ hở tôi thấy một sinh vật nhỏ đi qua cái ổ của mình, đầu đội cái xô. Cô gái còn rất trẻ, dáng điệu yêu kiều, khác hẳn đám nông dân và người ở trong trang trại mà sau này tôi gặp. Tuy thế cô mặc rất nghèo nàn, trang phục chỉ có mỗi chiếc váy lót thô màu xanh với một áo ngắn bằng len; mái tóc sáng được tết thành bím, nhưng chẳng tô điểm kiểu cách gì; trông cô điềm đạm nhưng buồn bã. Cô đi khỏi tầm mắt tôi, nhưng mười lăm phút sau quay lại, mang theo cái xô đầy lưng sữa, có vẻ khó khăn. Vừa lúc đó một anh thanh niên xuất hiện, nét mặt còn biểu lộ nỗi chán nản sâu xa hơn. Thốt ra vài tiếng nghe ai oán, anh nhấc xô sữa trên đầu cô gái rồi tự mình mang vào nhà. Cô gái đi theo, cả hai mất hút. Sau đó tôi lại trông thấy chàng trai, tay cầm mấy thứ dụng cụ gì đó, đi băng qua cánh đồng sau nhà cô gái cũng tất bật làm việc, lúc thì trong nhà, lúc thì ngoài sân.

Khảo sát kỹ nơi ở của mình, tôi thấy một cái cửa sổ trổ vào căn nhà tranh choán gần hết một bức vách của nó, nhưng khung cửa giờ đây chèn chặt những thanh gỗ. Trên một thanh có khe hở nhỏ xíu hầu như không nhận thấy, vừa vặn ghé mắt trông qua được. Qua lỗ quan sát ấy có thể nhìn vào một căn phòng nhỏ quét vôi trắng rất sạch sẽ, nhưng đồ đạc hầu như không có gì hết. Cạnh lò sưởi trong một góc nhà có một cụ già đang ngồi, tay chống cằm vẻ phiền muộn. Cô gái trẻ đang thu dọn; nhưng ngay lúc đó cô lấy từ ngăn kéo ra một thứ gì đó, rồi cứ thế đưa đẩy đôi tay mà làm, trong khi đến ngồi cạnh cụ già, lúc này nhấc lên một dụng cụ, bắt đầu chơi nó, và tạo ra một chuỗi âm thanh còn dễ chịu hơn cả chim hét hay họa mi hót nữa. Cảnh tượng thật cảm động, ngay cả đối với kẻ khốn nạn đáng thương là tôi đây, vốn trước giờ chưa từng nhìn thấy chút gì gọi là cái đẹp. Mái tóc bạc trắng, nét mặt nhân hậu của ông thức tỉnh lòng kính trọng trong tôi, trong khi tác phong dịu dàng của cô gái gợi tình yêu thương của tôi. Ông chơi một điệu nhạc buồn thương mà tôi thấy khiến thính giả đáng yêu của ông nhỏ nước mắt, mà cụ già không tỏ ra hay biết, mãi đến lúc cô nức nở lên; cụ thốt ra mấy lời, sinh linh đẹp đẽ kia vội bỏ đồ đang làm dở xuống, tới quỳ cạnh cụ. Cụ nâng cô dậy, nụ cười của cụ hiền hậu và âu yếm đến mức trong người tôi dâng lên một tình cảm mãnh liệt mê mẩn cả người, chúng lẫn lộn giữa đau

xót và cảm kích, trước nay tôi chưa cảm thấy bao giờ, kể cả lúc đói rét cũng như lúc ấm no; và tôi rời bỏ khe cửa sổ, không chịu đựng nổi những tình cảm đó.

Chẳng bao lâu sau anh thanh niên về, vai vác một bó củi. Cô gái ra cửa đón, đỡ gánh nặng xuống cho anh, và mang vài thanh củi bỏ vào lò sưởi trong nhà; hai người lui vào một góc, anh chàng đưa cô gái một ổ bánh mì to và một miếng phomát. Cô gái tỏ vẻ hài lòng, rồi ra vườn hái mấy thứ rễ và cây nhỏ, cho vào nước, đặt tất cả lên lửa. Rồi cô tiếp tục việc mình, trong khi anh ta ra vườn, có vẻ bận rộn đào và nhổ rễ cây. Sau suốt một tiếng đồng hồ anh làm việc đó, cô gái ra tìm anh, cả hai vào nhà.

Trong thời gian đó cụ già chìm trong suy nghĩ; nhưng thấy hai người kia vào, cụ lấy lại dáng vẻ vui mừng, và cả nhà ngồi xuống ăn. Bữa cơm xong rất nhanh. Cô gái trẻ lại thu dọn quanh nhà, cụ già ra trước cửa sưởi nắng ít phút, dựa vào cánh tay anh thanh niên. Hai sinh linh tuyệt vời này tạo nên vẻ đẹp tương phản không gì sánh nổi. Một đã già, tóc bạc phơ, vẻ mặt ngời ngời niềm nhân hậu và trìu mến, một trẻ trung, dáng dấp thanh thoát mềm mại, đường nét cân xứng tế nhị tuyệt vời; tuy thế đôi mắt và tác phong tỏ ra buồn nản chán chường đến cùng cực. Cụ già vào lại trong nhà; anh thanh niên mang mấy dụng cụ khác với lúc sáng lại băng qua đồng.

Đêm đến rất mau; nhưng tôi lấy làm kinh ngạc thấy người trong nhà có cách giữ gìn ánh sáng bằng những cây nến nhỏ, và hởi lòng khi hiểu rằng mặt trời lặn không có nghĩa là kết thúc niềm vui tôi có được khi ngắm những con người này, láng giềng của tôi. Buổi tối, anh thanh niên và cô gái bận rộn với những công việc tôi không hiểu được; cụ già lại nhấc lên thứ dụng cụ lúc sáng đã phát ra âm điệu thần tiên làm tôi mê mệt. Cụ vừa chấm dứt thì đến lượt anh thanh niên, không chơi nhạc, mà thốt ra những tiếng đều đều, không giống âm điệu thứ dụng cụ của cụ già cũng không giống tiếng chim hót; sau này tôi được biết rằng anh ta đọc thành tiếng, nhưng lúc đó tôi chưa hiểu gì về khoa học của lời, của chữ này.

Cả gia đình bận bịu như vậy một thời gian ngắn, sau đó họ tắt ánh sáng rồi đi nghỉ, tôi đoán vậy.”

Chương 12

"Tôi nằm trên đệm rơm, nhưng không sao ngủ được, nghĩ hoài đến những sự kiện xảy ra trong ngày. Điều gây ấn tượng nhất cho tôi là tác phong xử sự hòa nhã dịu dàng của mấy con người sống trong nhà; tôi mong được tiếp xúc với họ biết bao, nhưng không dám. Tôi còn nhớ quá rõ đã phải chịu đựng sự đối xử tàn bạo của dân làng hung ác đêm qua ra làm sao, và quyết định cho dù sau này mình có xác định lối cư xử nào là nên theo nhất đi chăng nữa, thì hiện giờ vẫn chỉ nên yên lặng nằm vùng mà quan sát, cố tìm hiểu xem mọi hành động của họ xuất phát từ động cơ nào, thế thôi.

Sáng hôm sau họ dậy từ trước lúc mặt trời mọc. Cô gái dọn dẹp nhà cửa, chuẩn bị thức ăn, anh thanh niên ăn sáng xong ra đi ngay.

Cả ngày trôi qua theo lề thói hôm trước đó. Anh thanh niên thường xuyên bận rộn ở ngoài trời, cô gái chăm chỉ làm công việc trong nhà. Cụ già, mà tôi sau này phát hiện ra là bị mù, dùng thì giờ rảnh của mình chơi nhạc cụ và trầm tư mặc tưởng. Không gì sánh được tình yêu và lòng tôn trọng hai thanh niên dành cho vị cao niên. Họ chăm lo cho cụ từng ly từng tí hết sức dịu dàng, đầy yêu thương và trách nhiệm; và cụ ban thưởng cho họ những nụ cười nhân ái.

Họ cũng không hoàn toàn hạnh phúc. Anh thanh niên và cô gái thường đi riêng ra một chỗ với nhau, và dường như khóc. Tôi không hiểu có lý do gì khiến họ phải thấy bất hạnh; nhưng tôi xúc động nghẹn ngào vì điều đó. Những con người dễ thương đến như thế mà còn bất hạnh thì tôi đây, sinh vật không hoàn chỉnh và đơn côi thế này, có chịu cảnh khốn nạn thì cũng đâu có gì lạ. Nhưng những sinh linh dịu dàng này vì sao mà bất hạnh kia chứ? Họ có ngôi nhà tuyệt vời (dưới mắt tôi) với mọi thứ sang trọng, có lửa sưởi khi rét mướt, có thức ăn thịnh soạn vô chừng khi đói, họ phục sức thật là lộng lẫy, và hơn tất cả, họ sung sướng được ở bên nhau, nghe lời nói của nhau, trao nhau những cái nhìn yêu thương trìu mến mỗi ngày. Những giọt nước mắt kia nghĩa là gì? Liệu có phải nó thực sự biểu lộ nỗi đau, hay là không? Thoạt đầu tôi chịu không giải thích được những điều này, nhưng sự chú ý quan sát liên tục và lâu dài đã giải thích được cho tôi nhiều cảnh tượng mới nhìn tưởng là khó hiểu.

Mất một thời gian dài tôi hiểu ra một trong nhiều nguyên nhân khiến gia đình đáng yêu này sống lo lắng bất an: sự đói nghèo, và con quỷ ấy hành hạ họ ở một mức độ ghê rợn. Nuôi dưỡng họ hoàn toàn chỉ có rau cỏ trong vườn, và sữa của một con bò gầy càng ít sữa trong mùa đông, khi chủ nhân nó cũng không tìm nổi thức ăn cho nó. Họ hẳn đói khổ đói sở lắm, tôi tin vậy, nhất là hai người trẻ tuổi; bởi nhiều lần họ mang thức ăn cho cụ già, trong khi chính mình thì không ăn gì hết.

Cử chỉ âu yếm này tác động đến tôi rất lớn. Trước đó tôi đã quen đêm đến lấy cắp một phần kho trữ của họ để nuôi sống chính mình, nhưng khi phát hiện ra rằng làm thế nghĩa là tôi gây thêm khổ sở cho gia đình, tôi bỏ cuộc, chỉ sống tạm bằng dâu rừng, hạt dẻ, rễ cây tìm được từ khu rừng gần đó.

Tôi còn tìm ra một cách khác giúp đỡ họ. Tôi để ý rằng anh thanh niên mỗi ngày mất khá nhiều thời gian kiếm củi sưởi, và ban đêm tôi đem những thứ dụng cụ anh ta vẫn mang theo, mà tôi mau chóng học được cách sử dụng, kiếm một ít củi đủ sưởi trong nhiều ngày.

Tôi nhớ lại lần đầu làm việc này, buổi sáng khi cô gái ra mở cửa, cô rất ngạc nhiên thấy bên ngoài có một đống củi rất to. Cô thốt nên mấy tiếng lớn, anh thanh niên chạy ra theo, cũng tỏ ra lạ lắm. Tôi nhận thấy, lòng đầy vui sướng, rằng ngày hôm đó anh ta không vào rừng mà sửa chữa căn nhà, chăm sóc khu vườn.

Dần dần tôi phát hiện một vấn đề có tầm cỡ quan trọng hơn nhiều: những con người này có phương pháp truyền đạt mọi tình cảm, kinh nghiệm cho nhau bằng những âm thanh rành mạch. Tôi nhận thấy những lời họ nói có tác dụng khiến cho người nghe vui lên hay buồn đi, mỉm cười hay mang vẻ mặt đau đớn. Thật là một tri thức thánh thần, tôi nóng lòng muốn biết làm sao nắm được nó. Nhưng mỗi lần cố gắng thực hiện mục đích này tôi đều bị trở ngại. Họ phát âm quá nhanh, mỗi lời nói ra không hẳn gắn với một đồ vật cụ thể nhìn thấy được, tôi không thể lần ra đầu mối mà gỡ cho sáng tỏ điều bí mật họ ám chỉ. Tuy thế tôi hết sức chuyên cần ngồi trong hang ổ mình mà quan sát, trải qua bao nhiêu lần trăng khuyết lại tròn, tôi khám phá ra những cái tên gán cho một số đối tượng quen thuộc nhất trong các cuộc đàm thoại của họ. Tôi học được và áp dụng được các chữ 'lửa', 'sữa', 'bánh mì', 'củi'. Tôi cũng học được tên của những người trong nhà. Hai người trẻ tuổi có rất nhiều tên gọi, riêng cụ già chỉ mỗi một tên: 'cha'. Cô gái khi thì được gọi là 'em gái' khi thì được gọi là 'Agatha'. Anh thanh niên là 'Felix', 'anh trai'

hoặc ‘con trai’. Không thể tả nổi niềm vui sướng khi tôi hiểu nghĩa gắn với từng âm phát ra, đồng thời học được cách phát âm chúng. Tôi cũng phân biệt được nhiều từ nữa, tuy không hiểu nghĩa và không áp dụng được, như là ‘tốt’, ‘thân yêu’, ‘bất hạnh’.

Cả mùa đông trôi qua như thế. Phong thái và vẻ đẹp dịu dàng của những người trong nhà khiến tôi yêu quý họ vô cùng; họ không sung sướng, tôi cảm thấy khổ não; họ vui mừng, tôi chia vui cùng họ. Tôi ít thấy những con người khác ngoài họ; và những khi thỉnh thoảng cũng có người vào nhà, tác phong thô lỗ và dáng dấp vụng về của họ làm tôi càng thấy rõ tính ưu việt của những người bạn tôi. Cụ già, tôi nhận xét, thường luôn luôn cố gắng động viên ‘các con’ - đôi khi tôi nghe thấy cụ gọi như vậy - rũ bỏ mối sầu tư của mình. Những lúc đó cụ nói với giọng vui vẻ, biểu lộ tình nhân từ khiến ngay cả tôi cũng vui lây. Agatha nghe cụ nói một cách kính trọng, mắt cô đôi lúc dâng đầy lệ, nhưng cô cố chùi đi không để cho cha biết; tuy nhiên tôi để ý sau những lời động viên của cụ, cả vẻ mặt lẫn giọng nói của cô đều thường xuyên phấn khích hơn lên. Felix thì không vậy. Anh ta luôn là người buồn bã nhất trong số họ, và mặc dầu các giác quan của tôi đâu đã được luyện tập nhiều, tôi cũng cảm thấy rằng anh ta đã phải chịu đau khổ sâu sắc hơn tất cả. Nhưng dù vẻ mặt anh ta thảm thiết hơn, giọng nói anh lại vui tươi hơn hẳn cô em, nhất là khi nói với cụ già.

Có thể kể anh nghe vô vàn chuyện, ngắn ngủi nhẹ nhàng thôi, nhưng cho thấy được tính tình những người đáng yêu này. Giữa cảnh sống nghèo nàn thiếu thốn, Felix mừng rỡ đem cho em gái bông hoa trắng nhỏ đầu tiên đã ló ra dưới mặt đất phủ đầy tuyết. Sáng sớm khi Agatha chưa dậy, anh ta đã lo đi quét sạch tuyết trên con đường của cô ra nhà làm sữa, kéo nước từ giếng lên, mang củi từ ngoài kho vào, nơi anh ta thường xuyên lấy làm lạ lúc nào cũng đầy ắp củi bởi một bàn tay vô hình. Hình như ban ngày anh ta làm thuê cho trang trại bên cạnh, vì thường đi suốt ngày tới tận giờ cơm tối, không mang theo củi. Đôi khi anh ta làm lụng trong vườn; tuy nhiên bởi mùa băng giá chẳng có mấy việc mà làm, anh đọc sách cho cụ già và Agatha nghe.

Chuyện đọc sách lúc đầu khiến tôi hoang mang cực điểm, nhưng dần dà tôi phát hiện ra khi đọc anh ta thốt ra những tiếng giống như khi chuyện trò. Từ đó tôi phỏng đoán trên giấy phải có những chỉ dấu mà anh ta hiểu được, hướng dẫn anh phải nói ra gì, và tôi cũng nóng lòng muốn hiểu cả cái đó nữa; nhưng làm thế nào được, khi tôi không hiểu được cả những âm thanh biểu thị trong những chỉ dấu này? Cho dù khá tiến bộ trong lĩnh vực này rồi,

tôi vẫn chưa đủ khả năng theo dõi các cuộc chuyện trò, dù tôi tập trung toàn tâm toàn ý vào chuyện đó - bởi tôi dễ dàng nhận thức rằng, dù tôi mong ra mắt mấy người sống trong nhà đến đâu, tôi cũng không được phép làm việc này khi chưa nắm vững ngôn ngữ của họ trước đã; hiểu biết của tôi về nó có thể khiến họ bỏ qua không để ý hình dạng nửa người nửa ngợm nhân của tôi; vì cả điều này nữa tôi cũng đã làm quen, nhờ sự tương phản giữa tôi và họ lúc nào cũng bày ra trước mắt.

Tôi đã biết khâm phục hình dạng hoàn mỹ của họ: đẹp đẽ, duyên dáng, trắng trẻo hài hòa; nhưng tưởng tượng xem tôi khiếp hãi chừng nào khi soi mình xuống mặt ao trong vắt! Lúc đầu tôi giật mình lùi lại, không thể tin nổi tấm gương đã phản ảnh chính mình; đến khi hoàn toàn chấp nhận rằng thực tế mình là một con quái vật như vậy đấy, lòng tôi tràn ngập cảm giác cay đắng, vừa thất vọng chán chường vừa dằn vặt cắn rứt. Trời ơi! Lúc ấy tôi còn chưa biết hết hình thể méo mó này sẽ đưa lại những hậu quả chết người tới mức nào.

Trời dần ấm lên, ngày dài hơn, tuyết tan hết, và tôi nhìn thấy mặt đất đen và cây cối trơ trụi. Từ giờ trở đi Felix có nhiều việc làm hơn, và những dấu hiệu đau lòng của nạn đói treo lơ lửng trên đầu không còn nữa. Thức ăn của họ, như sau này tôi biết, rất thô sơ, tuy nhiên lành mạnh; và họ kiếm đủ ăn. Nhiều loại cây mới mọc lên trong vườn, và họ nấu lên, và những dấu hiệu no ấm ngày càng tăng theo bước mùa đang đến.

Cụ già trưa nào cũng dựa vào con trai đi dạo khi trời không mưa, là từ người ta gọi khi trời đổ nước xuống, như tôi hiểu được. Hồi này hay mưa lắm, nhưng sau đó gió lớn lại thổi khô mặt đất ngay, mùa trở nên dễ chịu hơn trước.

Cuộc sống trong cái chòi của tôi vẫn cùng một kiểu. Buổi sáng tôi theo dõi sự đi lại của những người trong nhà; khi họ phân tán ra mà làm những việc khác nhau thì tôi ngủ, thời gian còn lại trong ngày tôi quan sát họ. Họ đi ngủ rồi, nếu như đêm sáng trăng hoặc có ánh sao, tôi vào rừng kiếm thức ăn cho mình và nhiên liệu cho gia đình. Về nhà thì tôi thường quét tuyết và làm những nhiệm vụ của Felix theo cách anh ta làm. Sau này tôi được biết công việc này, không biết do bàn tay vô hình nào thực hiện, khiến họ hết sức ngạc nhiên; trong những dịp đó, một hai lần tôi nghe thấy họ nói 'ông thần thiện', 'kỳ diệu', nhưng lúc đó tôi chưa hiểu nghĩa mấy từ này.

Mọi ý nghĩ của tôi trở nên tích cực hơn, tôi mong mỏi phát hiện ra

động cơ, tình cảm của những sinh linh dễ thương này; tôi tò mò muốn biết vì sao Felix trông khổ sở, vì sao Agatha trông buồn bã. Tôi cứ nghĩ (khốn nạn cái thân tôi!) biết đâu mình có khả năng đem lại hạnh phúc cho những con người hoàn toàn xứng đáng này. Lúc ngủ, hay lúc mơ màng, hình ảnh cụ già mù đáng kính, Agatha dịu hiền, Felix giỏi giang, cứ chập chờn trước mắt tôi. Tôi nhìn họ như giống loài thượng đẳng sẽ phán xử số phận tương lai của tôi. Đầu óc tôi hình dung hàng ngàn cảnh tượng mình ra mắt họ và họ đón nhận tôi. Tôi tưởng tượng lúc đầu họ thấy ghê tởm, rồi sau đó nhờ thái độ nhẹ nhàng, lời lẽ dấu dịu của mình, tôi sẽ giành được thiện cảm của họ, và tiếp đến là tình thương của họ.

Những suy nghĩ trên khiến tôi phấn khởi, và trao cho tôi nhiệt tâm mới để lại lao vào học tập nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ. Mọi cơ quan trong cơ thể tôi tuy thô thiển nhưng lại mềm mại; và tuy giọng tôi không êm dịu như giọng nói du dương của họ, nhưng tôi phát âm những từ theo như tôi hiểu một cách khá dễ dàng. Quả là chuyện con lừa và chú chó cưng[39], ấy thế nhưng, nếu lừa ta có những ý định yêu thương, cho dù cư xử còn thô lỗ đi chăng nữa, cũng xứng đáng được đối xử khá hơn những cú đấm đá, những lời chửi rủa chứ.

Mùa xuân với những cơn mưa rào dịu nhẹ và không khí ấm áp thần tiên làm bộ mặt trái đất có những thay đổi lớn lao. Con người, trước đó dường như vẫn đang ẩn mình trong hang động, trước sự thay đổi đó tỏa cả ra ngoài, và tíu tít thực hiện các thủ thuật khác nhau của nghề trồng trọt. Chim chóc cất tiếng hân hoan hơn, lá non đâm chồi nảy lộc. Mặt đất hạnh phúc, biết bao hạnh phúc! nơi ở dành cho các đấng thánh thần, nơi vừa mới đây còn ẩm thấp, trống trải và độc địa. Tinh thần tôi phấn chấn hẳn lên trước cảnh thiên nhiên đầy mê đắm; quá khứ mờ đi trong tâm thức tôi, hiện tại thật an bình, tương lai lấp lánh những tia hy vọng rực rỡ và dự cảm về niềm vui đang chờ đợi.”

Chương 13

"Bây giờ tôi xin kể tới phần thương tâm trong câu chuyện của mình. Tôi sẽ nói hết những sự kiện đã hằn lên tôi những cảm xúc đưa tôi từ tâm thế đó biến thành tôi như hiện nay.

Mùa xuân diễn biến nhanh chóng; trời đất rất đẹp không một gợn mây. Tôi lấy làm ngạc nhiên rằng cảnh hoang vu ảm đạm lúc trước thoắt trở nên xanh tươi và rực rỡ nở hoa. Các giác quan của tôi tha hồ mà mãn ý: ngắm hàng ngàn cảnh đẹp, ngửi hàng ngàn hương thơm.

Vào một ngày trong số những ngày đó, các bạn tôi theo thường kỳ nghỉ làm việc: cụ già chơi ghita cho các con nghe, tôi nhận xét thấy Felix vẻ mặt buồn vô hạn, anh thở dài liên tục; và một lần cụ già đang chơi đàn thì dừng lại, và nhìn tư thế tôi đoán cụ yêu cầu đứa con cho biết nguyên nhân nỗi buồn. Felix bèn lấy giọng vui vẻ trả lời, và cụ già vừa bắt đầu bấm lại, thì lúc đó có người gõ cửa.

Đó là một cô gái có vẻ cao sang đang cưỡi ngựa, cùng một người dẫn đường thuộc vùng này. Nàng mặc đồ đen, trùm mạng dày đen. Agatha hỏi một câu gì đó, nàng chỉ đáp lại bằng một tiếng, với giọng ngọt ngào, tên của Felix. Giọng nàng thánh thót như tiếng nhạc, nhưng không hề giống ai trong số các bạn tôi. Nghe tên mình, Felix vội chạy tới với cô gái; nàng thấy anh liền lật tấm mạng lên, và tôi nhìn thấy một gương mặt đẹp đẽ và vẻ mặt vô cùng thánh thiện. Tóc nàng đen nhánh óng mượt, tết lại theo kiểu rất lạ; mắt đen nhưng dịu dàng, dù kích động; những đường nét vô cùng cân đối, nước da sáng thiên thần, đôi má hồng tươi.

Felix dường như điên lên vì sung sướng khi nhìn thấy nàng, vẻ buồn bã biến đâu mất sạch, khuôn mặt tức khắc chìm ngập trong niềm vui cuồng nhiệt mà tôi không tưởng tượng có thể tồn tại nổi; mắt anh long lanh, má đỏ hồng vì sung sướng, lúc ấy tôi cảm thấy anh ta đẹp ngang với cô gái lạ. Nàng thì có vẻ đang bối rối với bao nhiêu nỗi xúc động khác nhau; quệt vài giọt lệ khỏi đôi mắt xinh đẹp, nàng chìa tay ra cho Felix, anh này lập tức hôn say đắm, và gọi nàng là - theo như tôi nghe được - 'nàng Ả Rập tuyệt vời của tôi'. Nàng có vẻ không hiểu, nhưng vẫn mỉm cười. Felix giúp nàng xuống ngựa, cho người dẫn đường về, và đưa nàng vào trong nhà. Hai cha con trao

đổi mấy câu, và cô gái lạ mặt quỳ xuống bên chân định hôn tay cụ, nhưng cụ nâng nàng đứng dậy, trìu mến ôm hôn nàng.

Tôi nhận ra ngay tuy nàng có thốt ra những âm thanh mạch lạc, và dường như cũng có ngôn ngữ riêng của nàng, nhưng không ai hiểu nàng nói gì, nàng cũng không hiểu tiếng nói của những người kia. Họ ra hiệu cho nhau mà tôi chẳng hiểu gì cả; nhưng tôi biết là sự có mặt của nàng khiến niềm vui lan tỏa khắp căn nhà, làm tiêu tan nỗi đau buồn của họ như mặt trời làm tan sương mù buổi sáng. Felix tỏ ra hạnh phúc cực kỳ, và đón mừng cô gái Ả Rập của mình bằng những nụ cười sáng chói. Agatha, nàng Agatha hiền dịu thì cầm lấy hai bàn tay cô gái mà hôn, và chỉ vào anh trai, nàng ra những dấu hiệu mà tôi nghĩ có nghĩa là anh ta đã khổ sở lắm cho tới lúc nàng tới. Vài giờ đồng hồ trôi qua như thế, họ liên tục - bằng nét mặt mình - bày tỏ niềm vui mừng mà tôi không hiểu do đâu. Ngay sau đó tôi nhận thấy cô gái đẹp cứ nhắc đi nhắc lại mấy lời họ nói, và hiểu nàng đang cố học lấy ngôn ngữ của họ; thế là tôi lập tức nghĩ rằng mình có thể tận dụng những lời họ dạy dỗ nàng để đạt đến cùng mục đích. Lần đầu tiên họ dạy cho cô gái lạ mặt khoảng hai mươi từ; trong đó có nhiều từ tôi đã biết từ lâu, nhưng tôi học thêm được nhiều từ mới.

Đêm đến, Agatha và cô gái Ả Rập đi ngủ sớm. Khi chia tay, Felix hôn tay nàng mà nói, ‘Chúc ngủ ngon, Safie dễ thương.’ Felix còn thức rất khuya, nói chuyện với cha; trong câu chuyện, tên Safie được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, tôi đoán chủ đề câu chuyện là về cô gái ấy. Tôi mong muốn cháy bỏng hiểu được câu chuyện, và cố tìm mọi cách, nhưng hoàn toàn vô vọng.

Sáng hôm sau Felix đi làm, và sau khi Agatha dọn dẹp trong nhà như thường lệ, cô gái Ả Rập ngồi dưới chân cụ già, cầm lấy cây ghita dạo vài điệu nhạc hay đến nỗi tôi lập tức chan hòa nước mắt, những giọt nước mắt vừa xót xa vừa sung sướng. Nàng cất tiếng hát, điệu hát uyển chuyển tuôn trào lúc cao vút lúc lịm dần chẳng khác gì họa mi trong rừng.

Hát xong nàng trao cây đàn cho Agatha. Lúc đầu Agatha từ chối, sau thì cũng gảy một khúc giản dị và cất giọng ngọt ngào hòa theo, tuy nhiên không thể sánh được với cô gái lạ. Cụ già có vẻ vô cùng vui thích nói mấy lời gì đó, Agatha cố gắng giải nghĩa cho Safie, theo tôi hiểu cụ muốn bày tỏ niềm sung sướng nhất mực khi nghe nàng đàn hát vừa rồi.

Ngày lại ngày trôi qua thanh bình như trước, thay đổi duy nhất là vẻ mặt buồn rầu của các bạn tôi được thay thế bằng nét mặt tươi vui. Safie lúc

nào cũng vui vẻ, hạnh phúc, nàng và tôi tiến bộ nhanh chóng về mặt ngôn ngữ, do đó chỉ trong hai tháng trời tôi bắt đầu hiểu được gần hết lời những người che chở tôi.

Trong thời gian này mặt đất đen đã phủ đầy cỏ, hai bờ sông xanh thắm điểm cơ man nào là hoa, cả tai và mắt đều được say sưa thưởng ngoạn, ánh sao xanh nhạt tỏa xuống giữa khu rừng loáng ánh trăng; mặt trời ấm hơn, đêm trong vắt và ngát hương; những cuộc chơi đêm của tôi thích thú vô cùng, tuy đã bị rút ngắn lại vì mặt trời mọc sớm mà lặn muộn, bởi ban ngày tôi vẫn chưa dám thò mặt ra, sợ lại gặp phải cách đối xử tôi từng chịu đựng ở ngôi làng đầu tiên mình đặt chân vào.

Ngày nào tôi cũng dốc lòng tập trung để nắm vững ngôn ngữ được nhanh hơn, và tôi phải khoe rằng mình tiến bộ hơn cô gái Ả Rập nhiều, nàng hiểu rất ít, nói nhát gừng, trong khi tôi vừa hiểu nghĩa vừa bắt chước đúng gần như từng chữ một.

Đồng thời với tiến bộ trong lời nói, tôi cũng học được tri thức về chữ viết, bởi họ dạy cả điều đó cho cô gái kia, thành thử trước mắt tôi mở ra cả một miền rộng rãi đầy ngạc nhiên và lý thú.

Quyển sách mà Felix dùng để dạy Safie là quyển *Tàn tích của các Đế chế*[40] của Volney. Chắc tôi đã không hiểu nổi ý nghĩa của nó nếu như Felix không giải thích tỉ mỉ cho Safie nghe trong lúc đọc. Anh cho biết sở dĩ mình chọn tác phẩm này vì theo anh văn phong bóng bẩy của nó là cố tình mô phỏng các tác giả phương Đông. Qua cuốn sách tôi đã thu nhận được một kiến thức sơ lược về lịch sử, nắm bắt được những đế chế hiện đang tồn tại trên thế giới; nó cũng cho tôi một cái nhìn thấu đáo vào tận bên trong các phong tục tập quán, chính thể, tôn giáo của những quốc gia khác nhau trên trái đất. Tôi được nghe kể về sự lười biếng của những người châu Á, về khả năng thiên tài kỳ diệu và những hoạt động tinh thần của người Hy Lạp, về các cuộc chiến tranh, về đạo đức tuyệt vời của người La Mã cổ xưa - và sự thoái hóa của họ tiếp đó - về sự suy sụp của đế chế hùng mạnh này; về tinh thần hiệp sĩ, về Cơ đốc giáo, về các vị vua. Tôi còn được nghe về việc tìm ra châu Mỹ, và cùng khóc với Safie về số phận bất hạnh của thổ dân sống tại bán cầu ấy buổi đầu.

Những chuyện kể tuyệt vời ấy đưa đến cho tôi những cảm xúc lạ lẫm: thật là con người có thể cùng lúc vừa mạnh mẽ, đức hạnh, vĩ đại, lại cũng vừa xấu xa, đê tiện như thế sao? Có lúc như thể là dòng giống thuần túy của

nguyên lý tội lỗi, có lúc lại là hiện thân của tất cả những gì cao thượng thánh thần? Làm một con người cao cả, đức độ, với tôi hình như là vinh dự cao nhất một sinh vật nhạy cảm có thể có được; làm một kẻ đê tiện ác độc, như rất nhiều kẻ đã được ghi lại, có vẻ là sự thoái hóa đến mức hèn hạ nhất, đáng khinh bỉ hơn cả con chuột chũi mù lòa hoặc con sâu vô hại. Suốt một thời gian dài tôi không thể nào quan niệm được làm sao ai đó lại có thể đi tới mức giết chết đồng loại; thậm chí vì sao cần thể chế pháp luật nữa; nhưng khi nghe kể tận tường về tội ác và đổ máu, tôi hết ngạc nhiên, mà quay đi ghê tởm và căm ghét.

Mỗi cuộc trò chuyện giữa những người trong nhà với nhau giờ đây lại mở ra cho tôi bao điều ngạc nhiên mới mẻ. Nghe những lời Felix giảng dạy cho cô gái Ả Rập, tôi hiểu ra cái hệ thống kỳ lạ của xã hội loài người. Tôi được nghe về phân chia tài sản, về của cải vô biên và nghèo khổ cùng cực, và thế nào là địa vị xã hội, dòng dõi cha truyền con nối, con nhà quý tộc trâm anh.

Từng lời lại từng lời đưa tôi nhìn lại chính bản thân mình. Tôi học được rằng những phẩm tính được đồng loại của ngài coi trọng nhất là dòng dõi thượng lưu không tì vết kết hợp với nhiều của cải. Có một trong hai lợi điểm đó là đủ để được người đời trọng vọng, nhưng nếu không có cả hai, người đó sẽ bị coi là - trừ một số trường hợp hiếm hoi - một kẻ lang thang, một tên nô lệ, và phận số hắn là phải hy sinh những năng lực của mình cho lợi ích của thiểu số đặc quyền! Mà tôi là ai đây? Tôi không biết gì hết về việc mình được sáng tạo ra, về người sáng tạo ra mình, nhưng tôi biết mình không sở hữu tiền bạc, không bạn bè, không có chút tài sản nào hết. Đã thế, tôi lại mang lấy một hình hài méo mó và dị dạng đến phát tởm; thậm chí không hề cùng bản chất với con người. Tôi nhanh nhẹn hơn họ, có thể sống được với thức ăn vô cùng đạm bạc; tôi chịu được nhiệt độ cực cao hay cực thấp mà chẳng tổn hại bao nhiêu đến cơ thể tôi; vóc người tôi cao lớn hơn họ rất nhiều. Quan sát chung quanh, tôi chẳng thấy hoặc nghe về một ai giống mình cả. Có phải thế nghĩa là tôi là một con quái vật, một vết nhơ trên mặt đất, thấy tôi mọi người phải cao chạy xa bay, một kẻ mà ai cũng chối bỏ?

Tôi không thể mô tả để ngài hiểu hết nỗi khốn khổ mà những suy nghĩ này gây ra cho tôi: tôi cố xua tan chúng, nhưng càng não nề thêm với từng điều mới biết. Ôi giá như tôi cứ suốt đời ở trong cánh rừng quê hương, chẳng biết gì, chẳng cảm thấy gì ngoài đói, khát và nóng lạnh!

Kiến thức quả là kỳ lạ! Đã một lần chiếm lấy, là nó cứ bám chặt vào

trí óc người ta, chẳng khác gì giống địa y bám chặt vào vách đá. Tước mình có thể rũ bỏ hết mọi tư tưởng và cảm xúc; nhưng tôi đã học được rằng chỉ có mỗi một cách từ bỏ được cảm giác đau khổ, đó là cái chết - một tình trạng mà tôi rất sợ nhưng chưa hiểu gì. Tôi khâm phục đạo đức và những tình cảm tốt đẹp, tôi yêu quý cách cư xử tế nhị và những phẩm chất đáng yêu của những người sống trong nhà, nhưng bị chặn đứng không thể giao tiếp với họ ngoài những phương cách lén lút mà có được, khi không bị nhìn thấy hay biết đến, và nó chỉ làm tăng thêm chứ không thỏa mãn nổi lòng khát khao trở thành đồng loại giữa họ. Lời lẽ dịu dàng của Agatha, nụ cười linh hoạt của cô gái Ả Rập duyên dáng đâu phải dành cho tôi. Những lời cổ vũ ấm áp của cụ già, những câu chuyện sống động của chàng Felix đang được yêu cũng đâu phải để cho tôi. Chao ôi, kẻ khốn nạn thảm thương và bất hạnh[41]!

Còn nhiều bài học khác gây ấn tượng sâu sắc cho tôi hơn nữa. Tôi được nghe nói tới sự khác biệt về giới tính; sự sinh nở, và sự trưởng thành của trẻ con, hiểu rằng người cha mê mẩn nụ cười của bé sơ sinh, những câu nói ngộ nghĩnh của đứa con lớn ra sao; rằng cả cuộc đời và tâm trí của người mẹ gói trọn trong gánh nặng yêu dấu của bà; hiểu về sự phát triển trí tuệ, thu nhận kiến thức của tuổi trẻ; về tình anh chị em và biết bao quan hệ khác liên kết con người lại bằng những mối ràng buộc lẫn nhau.

Vậy thì bạn bè, họ hàng của tôi đâu? Chẳng người cha nào đã trông nom tôi ngày thơ dại, chẳng bà mẹ nào ban cho tôi nụ cười và vuốt ve âu yếm; hoặc nếu có, toàn bộ cuộc đời quá khứ nay chỉ còn là một vết đen, một lỗ trống mịt mùng trong đó tôi chẳng phân biệt được cái gì. Trong những ký ức đầu tiên tôi đã thấy mình cao lớn như bây giờ rồi. Tôi cũng chưa bao giờ gặp một sinh vật nào giống mình hoặc tự nhận có quan hệ với mình. Vậy thì tôi là ai? Câu hỏi này lại trở về, mà chỉ có những tiếng kêu rên đáp lại.

Tôi sẽ giải thích ngay cho ngài những tình cảm trên rồi sẽ đi tới đâu, nhưng giờ thì hãy cho phép tôi trở lại với mấy con người kia đã, câu chuyện của họ đã kích động trong lòng tôi nhiều thứ tình cảm khác nhau, cả giận dữ, thích thú, ngạc nhiên, nhưng tất cả đều dẫn đến tình yêu thương và kính trọng họ ngày một nhiều hơn - những người che chở cho tôi ấy (bởi tôi thích gọi họ như vậy, một cách tự dối mình ngây ngô, gần như đau đớn).”

Chương 14

“Phải ít lâu sau tôi mới biết được chuyện đời các bạn tôi. Đó là câu chuyện tức khắc đã gây ấn tượng mạnh cho tâm hồn tôi, mở ra nhiều tình tiết lý thú và kỳ lạ đối với tôi, một kẻ chưa hề có chút kinh nghiệm sống nào.

Cụ già tên là De Lacey. Cụ xuất thân từ một gia đình khá giả ở nước Pháp, nơi cụ đã sống nhiều năm trong sung túc, được người trên vì nể, kẻ ngang hàng yêu mến. Con trai cụ được nuôi lớn lên để phục vụ tổ quốc, và Agatha từng xếp ngang hàng các mệnh phụ cao sang nhất trong nước. Chỉ vài tháng trước khi tôi đến, họ còn đang sống trong một thành phố lớn vô cùng hoa lệ, gọi là Paris, bạn bè đông đảo, vui hưởng đủ thứ niềm vui có thể có được nhờ đức độ, trí tuệ lịch lãm, khiếu thẩm mỹ cùng một lượng tài sản tương đối của mình.

Cha Safie là nguồn gốc sự phá sản của họ. Lão ta là một thương gia Thổ Nhĩ Kỳ, đã sống ở Paris nhiều năm, cho đến lúc vì một lý do nào tôi không được biết, lão trở thành bất mãn với chính quyền. Lão bị bắt giữ và bỏ ngục đúng vào hôm Safie từ Constantinople đến thăm lão. Lão bị xét xử, và bị kết án tử hình. Sự bất công của bản án này quá sức trắng trợn, khiến cả thành phố Paris nổi giận; người ta cho rằng chính tôn giáo và tài sản của lão, chứ không phải là tội buộc cho lão, mới là nguyên do của bản án.

Felix vô tình có mặt tại phiên tòa; nỗi kinh hoàng và lòng công phẫn của chàng bùng lên không nén nổi khi nghe quyết định của tòa án. Chính lúc đó, chàng tự thề trang trọng với mình sẽ giải thoát cho lão, rồi bắt tay tìm kiếm cách làm. Sau nhiều lần cố gắng vô ích xin phép vào nhà tù không được, chàng đã tìm ra một chiếc cửa sổ gắn lưới sắt dày ở phía không có lính gác, nguồn sáng duy nhất cho hầm ngục của lão tín đồ Muhammad bất hạnh, xiềng xích đầy mình đang tuyệt vọng đợi đến ngày thi hành bản án man rợ. Ban đêm chàng tới chỗ cửa sổ, tiết lộ cho tù nhân biết ý định của mình hỗ trợ lão ta. Lão Thổ, ngạc nhiên lẫn vui mừng, cố gắng ve vuốt thêm nhiệt tình của người giải phóng mình bằng những lời hứa hẹn đền đáp và của cải. Felix khước từ lời đề nghị ấy một cách khinh miệt, tuy nhiên khi nhìn thấy cô gái đáng yêu Safie, đang được phép vào thăm lão, chàng không khỏi tự thừa nhận với mình lão tù nhân già sở hữu một kho tàng có khả năng ban thưởng xứng đáng cho nỗi nhọc nhằn hiểm nguy của chàng.

Lão già người Thổ nhận ra ngay ấn tượng mà con gái mình đã tác động đến trái tim Felix, liền cố gắng siết chặt chàng trai hơn nữa vào lợi ích của bản thân mình bằng cách hứa hẹn một cuộc hôn nhân ngay sau khi lão đến được chốn an toàn. Felix quá tế nhị không nhận lời lập tức, tuy nhiên chàng đã mong chờ tới viễn cảnh đó, coi như đỉnh cao hạnh phúc của đời mình.

Trong những ngày tiếp theo, cùng với công cuộc chuẩn bị cho lão lái buôn vượt ngục, nhiệt tâm của Felix càng được hun nóng hơn bởi vài bức thư của cô gái đẹp, đã tìm được cách bày tỏ những tâm tư của mình bằng ngôn ngữ của người nàng yêu nhờ sự trợ giúp của một ông già biết tiếng Pháp, đầy tớ của cha nàng. Nàng cảm ơn chàng bằng những lời lẽ nồng nàn nhất về dự định giúp đỡ cha nàng, và than vãn não lòng về số phận mình.

Tôi có trong tay bản sao những lá thư này; bởi tôi đã tìm cách lấy được những công cụ phục vụ cho việc ghi chép, trong thời gian tôi trú ngụ trong cái chòi đó; mà chúng thường xuyên được mở ra trong tay Felix hoặc Agatha. Trước khi đi, tôi sẽ đưa cả lại cho ngài, chúng sẽ chứng minh lời tôi kể với ngài là sự thực; tuy nhiên giờ mặt trời đã xuống thấp lắm rồi, tôi chỉ có thời gian tóm lược nội dung chúng cho ngài nghe.

Safie kể lại, mẹ nàng là người Ả Rập theo Cơ đốc giáo, bị bắt làm nô lệ cho đám người Thổ; nhờ sắc đẹp của mình, bà đã chiếm được trái tim cha của Safie, được lão ta lấy làm vợ. Cô gái nói về mẹ mình đầy nhiệt thành và ca tụng; vốn sinh ra giữa tự do, bà vô cùng căm ghét sự nô lệ nay phải rơi vào. Bà dạy dỗ nàng những giáo lý của tín ngưỡng mình, dạy nàng biết vươn tới sức mạnh trí tuệ cao hơn, và thứ tinh thần tự do mà những nữ tín đồ của Muhammad bị ngăn cấm. Bà đã mất, nhưng những bài học của bà khắc sâu trong tâm trí Safie không thể xóa nhòa; nàng phát ốm khi hình dung phải trở về châu Á, bị giam hãm trong các bức tường khuê phòng, chỉ được phép tìm vui nhờ những trò giải trí ngô nghê, không phù hợp với tâm hồn nàng lúc này đây đã quen với những ý tưởng cao cả và khao khát cao thượng về đạo đức. Viễn cảnh lấy một người Cơ đốc giáo rồi ở lại xứ sở nơi phụ nữ được phép có vai vế trong xã hội thật quá ư quyến rũ đối với nàng.

Ngày hành hình lão Thổ đã được định, nhưng lão đã vượt ngục đêm hôm trước, và trời chưa sáng đã cách xa Paris nhiều dặm. Felix đã kiếm được những tấm giấy thông hành mang tên cha chàng, em gái chàng và bản thân

chàng. Chàng đã thông báo kế hoạch cho cha chàng từ trước, và cụ đã giúp cho vụ giả mạo này bằng cách rời nhà cùng con gái, lấy cớ đi du lịch, lánh đi ở một góc Paris hẻo lánh.

Felix dẫn những kẻ trốn chạy băng qua nước Pháp tới Lyons, băng qua dãy Cenis vào Leghorn; tại đây lão thương gia quyết định chờ cơ hội thuận tiện để sang một nơi nào đó thuộc lãnh địa Thổ.

Safie định tâm ở lại cùng cha tới khi cha ra đi; trước đó lão Thổ đã nhắc lại lời hứa sẽ chấp thuận cho cuộc hôn nhân của nàng với ân nhân của mình; và Felix ở lại bên họ mong ngóng tới sự kiện này. Suốt thời gian chờ đợi Felix được bạn bầu với cô gái Ả Rập; nàng bày tỏ mối tình cảm hết sức giản dị dịu dàng đối với chàng. Họ trò chuyện với nhau nhờ một người phiên dịch, và đôi khi qua đầu mày cuối mắt; và Safie hát cho chàng nghe những bài ca thần thánh của xứ sở quê hương nàng.

Lão Thổ cứ để cho tình thân mật tiến triển, khuyến khích hai người trẻ tuổi đang yêu nhau thêm hy vọng, tuy nhiên trong lòng lão lại ấp ủ một kế hoạch khác. Lão căm ghét phải cho con gái thành thân với một người Cơ đốc giáo; nhưng lão sợ sự thù hằn của Felix nếu mình tỏ ra lãnh đạm thờ ơ; bởi lão biết mình vẫn còn nằm trong tay người giải thoát mình, nếu chàng quyết định tố cáo lão với chính quyền tiểu quốc Ý họ đang trú ngụ. Lão lật đi lật lại hàng ngàn kế hoạch để có thể kéo dài sự lừa gạt này tới khi không còn cần thiết nữa, tính sẽ bí mật đưa con gái đi luôn cùng với mình. Kế hoạch của lão càng dễ bề tiến hành hơn khi tin tức từ Paris đưa tới.

Chính phủ Pháp giận điên cuồng khi nạn nhân của họ vượt ngục, không tiếc công sức truy đuổi và trừng trị kẻ giải thoát lão già. Kế hoạch của Felix nhanh chóng bại lộ, De Lacey và Agatha bị quẳng vào tù. Tin bắn đến Felix, và chàng lập tức tỉnh giấc mộng vàng. Người cha mù già yếu và cô em gái hiền dịu đang nằm trong hầm sâu hôi hám, trong khi chàng tự do vui chơi bên người chàng yêu. Ý nghĩ này giày vò chàng. Chàng thỏa thuận rất nhanh với lão Thổ, rằng nếu lão tìm được cơ hội thuận lợi để trốn đi trước khi chàng kịp về lại Ý, Safie sẽ tới trọ trong một nhà tu ở Leghorn; và chia tay cô gái Ả Rập đáng yêu, chàng vội vàng trở lại Paris, nộp mình cho sự báo thù của luật pháp, hy vọng bằng cách ấy De Lacey và Agatha sẽ được thả.

Chàng đã không thành công. Hai người vẫn bị giam thêm năm tháng trước khi tòa xử; họ bị kết án tước hết tài sản và lưu đày khỏi quê hương vĩnh viễn.

Họ tìm được nơi nương náu khốn khổ trong căn nhà tranh bên nước Đức, nơi tôi tìm ra họ. Felix mau chóng được báo rằng lão Thổ phản trắc, người đã bắt chàng và cả gia đình chịu đựng những bức bách cùng cực đến thế, khi biết ân nhân của mình đã bị suy kiệt và túng thiếu tới mức này, đã phản lại danh dự cùng những tình cảm tốt đẹp, và đem con gái rời nước Ý, chưa kể còn lăng nhục Felix bằng cách gửi cho chàng một món tiền mọn để, theo lời lão, lo liệu chút gì đó cho tương lai.

Đó là những sự kiện đã gặm nhấm trái tim Felix, khiến chàng trở thành người khổ sở nhất trong gia đình như lúc đầu tôi nhìn thấy. Chàng chịu đựng nổi cảnh nghèo nàn, và do cảnh ngộ này là tưởng thưởng xứng đáng cho đạo đức chàng, lẽ ra còn cảm thấy vinh dự là khác; nhưng sự vô ơn của lão Thổ, cộng thêm việc chia lìa với người yêu, mới là những tai họa cay đắng và không hàn gắn nổi. Giờ đây cô gái Ả Rập tìm đến đã truyền sức sống mới cho linh hồn chàng.

Khi tin Felix mất hết tài sản và tước vị báo đến Leghorn, lão thương gia lập tức lệnh cho con gái quên người yêu đi và chuẩn bị trở về quê hương. Tâm hồn rộng lượng của Safie rất căm phẫn với mệnh lệnh này; nàng thử phân tích phải trái với cha, nhưng lão già tức giận bỏ ra ngoài, và khăng khăng nhấn mạnh chỉ thị độc đoán của mình.

Vài ngày sau, lão Thổ vào buồng con gái, vội vã báo cho nàng có vẻ như nơi ở của lão ở Leghorn đã bị lộ, lão sắp bị tóm lại nộp cho chính phủ Pháp, do đó lão đã thuê tàu thủy đi Constantinople, lão sắp sửa xuống tàu trong vài giờ nữa. Lão định để con gái ở lại với người đầy tớ tâm phúc, tiện lúc nào thì lên đường theo sau với số tài sản lớn còn để lại của lão, lúc này vẫn chưa tới được Leghorn.

Ở lại một mình, Safie xác định lấy thái độ xử sự mà nàng cho là thích hợp trong hoàn cảnh ấy. Sống tại Thổ Nhĩ Kỳ giờ đây nàng quá sợ rồi, tôn giáo và tình cảm nàng đều chống lại lựa chọn ấy. Qua ít thư từ của cha mà nàng bắt được, nàng biết chuyện người yêu phải lưu đày, cũng như nơi chàng hiện đang sống. Cân nhắc khá lâu, nhưng cuối cùng nàng cũng đi đến quyết định. Nàng đem theo một số nữ trang của riêng nàng cùng ít tiền, đi cùng một cô tỳ nữ vốn là người ở Leghorn nhưng biết tiếng Thổ, và lên đường sang Đức.

Hai người an toàn đến một thị trấn cách căn nhà của De Lacey chừng

hai mươi dặm thì cô bé thị tỳ ốm nặng. Safie hết lòng hết dạ chăm sóc cô bé; nhưng cô bé vẫn qua đời, bỏ lại cô gái Ả Rập hoàn toàn đơn độc, không biết ngôn ngữ của vùng này, và hoàn toàn mờ mịt về phong tục tập quán địa phương. May mắn cho nàng đã gặp được người tốt: cô bé người Ý trước khi chết đã nêu tên địa điểm họ cần tìm đến; và sau khi cô qua đời, bà chủ nhà nơi họ trú chân đã lo toan cho Safie yên ổn đến được tận căn nhà tranh của người yêu."

Chương 15

“Đó, câu chuyện về những con người đáng yêu của tôi trong căn nhà tranh là như thế đó. Nó gây cho tôi ấn tượng sâu sắc. Từ những bộ mặt khác nhau của xã hội lần lượt phơi bày trong câu chuyện, tôi đã biết khâm phục những đức tính của họ, và khinh bỉ những thói xấu của nhân loại.

Thế nhưng tôi hãy còn coi tội lỗi là một điều tà ác xa lạ với mình, bởi trước mắt tôi lúc nào cũng hiển hiện tình cảm khoan dung nhân ái, khơi trong lòng tôi niềm khao khát được đóng một vai trên sân khấu đang diễn ra, triệu tới và phô bày bao phẩm cách đáng ngưỡng mộ. Tuy nhiên để thuật lại những tiến bộ về mặt trí tuệ tôi đạt được, không thể bỏ qua không nhắc một sự kiện xảy ra vào đầu tháng Tám năm ấy.

Một đêm, trong chuyến vào rừng thường lệ, kiếm thức ăn cho mình và kiếm củi cho gia đình đang che chở cho tôi, tôi bắt gặp trên mặt đất một chiếc rương bằng da, trong có vài món quần áo và vài quyển sách. Tôi hớn hở chộp ngay lấy của trời ban này, đem nó về hang ổ của mình. Rất may sách được viết bằng thứ ngôn ngữ tôi đã học được những nét căn bản từ căn nhà tranh, gồm có quyển *Thiên đàng đánh mất*, tập *Những cuộc đời song hành của Plutarch*, quyển *Nỗi đau của chàng Werther*. Có được kho báu này tôi vui mừng tột bậc, và giờ đây tôi cứ theo mấy cuốn sách này mà học, mà rèn luyện trí não mình, trong khi các bạn tôi bận rộn với công việc hàng ngày.

Khó lòng mô tả để ngài hiểu mấy quyển sách đó đã tác động đến tôi ra sao. Chúng đưa đến cho tôi vô vàn những hình ảnh mới, những tình cảm mới, đôi khi nâng cao tôi lên niềm say sưa hứng khởi, nhưng đa phần đẩy tôi xuống nỗi buồn nản chán chường đến tuyệt vọng. Trong quyển *Nỗi đau của chàng Werther*, bên cạnh hứng thú từ cốt truyện đơn giản dễ xúc động, còn có bao nhiêu quan điểm được đưa ra tranh cãi, bao nhiêu ánh sáng mới chiếu rọi lên những vấn đề tôi mù mịt từ bấy lâu nay, khiến đối với tôi đó quả là một nguồn vô tận những ngạc nhiên và suy tưởng. Phong thái dịu dàng đầy tình cảm gia đình miêu tả trong đó, kết hợp với những ý tưởng và tình cảm cao cả nhằm vào những điều ở bên ngoài bản thể, thật phù hợp với những gì tôi chứng kiến từ những người che chở tôi, và cả với niềm mong muốn thiết

tha cố hữu trong lòng tôi. Nhưng tôi cho rằng Werther là một sinh linh còn thần thánh hơn cả những người tôi đã nhìn thấy hoặc tưởng tượng ra; tính cách anh ta không khoe khoang, nhưng nó để lại ấn tượng sâu lắng. Những suy tư phức tạp về cái chết, về tự sát khiến tôi tràn ngập sửng sốt. Tôi không có ý định đi sâu vào phân tích giá trị của lựa chọn này, tuy nhiên tôi nghiêng về quyết định của nhân vật chính; tôi khóc mãi về sự tự ải của chàng, cho dù chẳng hiểu thực sự vì sao.

Có điều càng đọc, tôi càng vận vào hoàn cảnh và tình cảm riêng của mình. Tôi thấy mình vừa giống vừa khác một cách kỳ lạ với những người trong sách và những người tôi lắng nghe trò chuyện. Tôi đồng cảm với họ, phần nào hiểu họ, nhưng trí óc tôi còn hỗn độn; tôi chẳng phụ thuộc vào ai, chẳng liên quan tới ai. 'Con đường tôi ra đi luôn mở rộng'; và sẽ không có ai thương khóc sự diệt vong của tôi. Thân hình tôi xấu xí, dáng vóc tôi quá cỡ. Điều đó có nghĩa gì? Tôi là ai? Là cái gì đây? Tôi từ đâu đến? Sẽ đi về đâu? Những câu hỏi này trở đi trở lại, nhưng tôi không làm sao trả lời được.

Tập *Những cuộc đời song hành của Plutarch* mà tôi có trong tay nói về những người sáng lập các nước cộng hòa cổ đại. Tác dụng của nó đối với tôi khác hẳn quyển *Nỗi đau của chàng Werther*. Từ những tưởng tượng của Werther tôi học được sự nản lòng và u ám, ngược lại Plutarch dạy tôi những tư tưởng cao quý; ông nâng tôi lên cao hơn tầm những suy tư khốn khổ của mình, để yêu mến và ngưỡng mộ những anh hùng cổ đại. Nhiều điều tôi đọc được vượt sức hiểu biết và kinh nghiệm của tôi. Tôi hiểu được với ít nhiều bối rối về các vương quốc, đồng quê trải dài, các con sông lớn, các đại dương mênh mông. Nhưng tôi hoàn toàn không nắm được các thị trấn và các tổ hợp đông người. Căn nhà tranh của những người che chở cho tôi là trường học duy nhất để tôi học về bản chất con người từ trước đến giờ; nhưng quyển sách mở ra các khung cảnh hành động mới mẻ và hùng tráng hơn nhiều. Tôi được đọc về những người phụ trách việc công, việc họ cai trị hay tàn sát đồng loại ra sao. Tôi cảm thấy trong lòng rừng rực tình mến mộ đức hạnh, sự ghê tởm đối với tội lỗi, tất nhiên ở mức độ tôi hiểu về những từ ngữ này, vốn bản thân chúng đã vô cùng tương đối, khi tôi gán cho chúng ý nghĩa là riêng sự sung sướng và đau khổ. Từ những cảm nghĩ ấy đương nhiên tôi đi đến ngưỡng mộ những nhà làm luật chuộng hòa bình, Numa, Slon và Lycurgus, đề cao họ hơn Romulus và Theseus. Lối sống đầy tình cha con của những người che chở tôi khiến những ấn tượng trên càng đậm nét trong tâm hồn tôi; có lẽ giả sử lần đầu tiên mình làm quen với nhân loại là do một anh lính trẻ, cháy bỏng niềm mong muốn vinh quang và chém giết, chắc tôi đã thấm

nhuần những cảm xúc khác hẳn.

Nhưng *Thiên đàng đánh mất* lại kích động tôi theo cách khác, đưa đến cho tôi những xúc động sâu sắc hơn nhiều. Tôi đọc nó, cũng như các quyển sách kia, như thể đọc một chuyện có thật. Nó khuấy lên niềm kinh ngạc và hãi hùng đến tận chân tơ kẽ tóc về hình ảnh Đức Chúa trời toàn năng gây chiến với những sinh vật mình sáng tạo ra. Tôi thường liên hệ một số hoàn cảnh với tình cảnh mình khi những điểm tương tự làm tôi kinh ngạc. Cũng như Adam, tôi không có mối dây ràng buộc nào với bất kỳ ai trên đời này, nhưng về mọi mặt khác thì tình trạng hắn khác xa tôi. Hắn được Đức Chúa trời tạo ra thành một sinh vật hoàn hảo, hạnh phúc, giàu có, được Đấng sáng tạo ra mình trông nom chăm chút; được phép chuyện trò và thu thập kiến thức từ những thực thể thượng đẳng; còn tôi một kẻ khốn nạn, cô đơn, vô phương cứu giúp. Đã nhiều lần tôi coi Quỷ vương là một biểu tượng phù hợp hơn cho tình cảnh của tôi; vì giống như anh ta, nhiều lần, trông thấy những người che chở tôi hạnh phúc, niềm ganh tị trong tôi lại trào lên chua xót.

Còn một việc nữa càng củng cố và tăng cường thêm những tình cảm đó. Đến chỗ hang ổ mới này ít lâu, tôi phát hiện ra có giấy tờ gì đó trong túi cái áo tôi lấy từ phòng thí nghiệm của ngài. Ban đầu tôi bỏ mặc nó; nhưng giờ đây đã có thể giải mã được những chữ viết trên đó, tôi bắt đầu nghiên cứu chúng tỉ mỉ: nó là nhật ký suốt bốn tháng trời ngay trước khi tôi được sáng tạo ra. Ngài đã mô tả rất chi tiết từng bước tiến hành trong quá trình làm việc của ngài; đề tài ấy xen lẫn với một số sự kiện gia đình. Đương nhiên ngài có nhớ lại chúng: đây chúng đây. Những gì liên quan đến sự ra đời đáng nguyền rủa của tôi đều được chép lại từng ly từng tí, mọi chi tiết về chuỗi sự kiện ghê tởm đưa đến sản sinh ra tôi phơi ra đó rành rành; mô tả về con người tôi xấu xí, kinh khiếp tỉ mỉ không sót chút nào được ghi cả lại bằng những lời lẽ cho thấy sự ghê hãi của chính ngài, và khiến nỗi ghê hãi của tôi trở thành không bao giờ gột rửa được. Đọc đến đâu tôi phát bệnh lên đến đấy. 'Căm hờn thay cái ngày ta ra đời!' tôi kêu lên trong thống khổ. 'Tên sáng tạo muôn đời phỉ nhổ! Tại sao mi tạo ra ta thành một con quái vật gớm ghiếc đến nỗi chính mi cũng phải quay đi vì kinh tởm? Đức Chúa trời, vì lòng thương xót, đã tạo ra con người đẹp đẽ và quyến rũ, theo như hình ảnh của Người, nhưng hình thể ta chỉ là bản sao bẩn thỉu của bọn mi, thậm chí vì thấp thoáng gợi lại mà càng thêm ghê tởm. Quỷ vương còn có đám tông đồ, đồng bào quỷ sứ, ngưỡng mộ và động viên hắn; ta hoàn toàn cô độc và bị chối bỏ.'

Đó là những suy nghĩ của tôi trong những giờ cô đơn, chán ngán; tuy nhiên ngẫm đi ngẫm lại về các đức tính của mấy người trong căn nhà tranh, bản tính thân thiện và nhân từ của họ, tôi lại tự thuyết phục mình rằng nếu như biết tôi ngưỡng mộ những đức tính của họ như thế, hẳn họ sẽ thương xót tôi, bỏ qua cho hình dạng méo mó của tôi. Chẳng lẽ họ có thể đuổi khỏi cửa một kẻ, dù quái hình quái dạng tới mức nào, đang nài xin họ lòng thương và tình bằng hữu? Tôi quyết định ít nhất cũng đừng nên nản chí, mà chuẩn bị chu đáo mọi mặt cho một cuộc ra mắt quyết định số phận của tôi. Tôi lui lại việc này tới mấy tháng nữa; bởi sự thành công của cuộc trò chuyện quan trọng tới mức tôi kinh sợ rằng nó có thể bất thành. Hơn nữa tôi thấy mình qua mỗi ngày lại tiến bộ thêm vượt bậc, do đó chưa muốn khởi sự việc này trước khi rèn luyện trí tuệ thêm độ vài tháng nữa.

Trong thời gian đó, nhiều thay đổi xảy ra trong căn nhà tranh. Sự có mặt của Safie truyền hạnh phúc sang những người cư ngụ trong đó, và tôi cũng thấy rằng giờ đây họ sống sung túc hơn nhiều. Felix và Agatha có nhiều thì giờ vui chơi và chuyện trò hơn; có gia nhân giúp họ làm công việc nặng nhọc. Gọi là giàu thì chưa phải, nhưng họ hài lòng và sung sướng; trong lòng họ toàn những tình cảm yên bình và trong trẻo, ngược lại với lòng tôi ngày một bời bời xáo động. Hiểu biết tăng thêm chỉ khiến tôi càng thấy mình rõ ràng chỉ là một kẻ khốn nạn bên rìa xã hội. Tôi vẫn ấp ủ hy vọng, đúng thế, nhưng mỗi lần soi xuống nước hồ hoặc nhìn bóng mình dưới ánh trăng, hình ảnh mờ ảo mong manh và cái bóng chập chờn đến thế cũng đủ khiến mọi hy vọng của tôi lại tan biến hết.

Tôi cố gắng dẹp bỏ nỗi sợ hãi, và trang bị thêm cho mình để đương đầu với thử thách mà tôi quyết định sẽ lao vào trong vài tháng nữa; và thỉnh thoảng còn cho phép tâm hồn mình rời khỏi kiểm soát của lý trí mà lang thang trên những cánh đồng ở Lạc viên, cả gan mơ màng có những sinh vật xinh xắn đáng yêu đồng cảm với mình, xua tan nỗi u ám của tôi, khuôn mặt thiên thần của họ như nở ra những nụ cười an ủi. Nhưng tất cả chỉ là giấc mơ, chẳng có nàng Eve nào làm dịu đi nỗi phiền muộn, chia sẻ cùng tôi mọi suy nghĩ: tôi hoàn toàn trơ trọi. Tôi vẫn nhớ những lời khẩn cầu của Adam với Đấng sáng tạo của anh ta[42], nhưng kẻ sáng tạo ra tôi đâu? Hắn đã bỏ tôi; lòng cay đắng vô chừng, tôi nguyền rủa hắn.

Mùa thu cứ thế trôi qua. Tôi ngạc nhiên và buồn khổ thấy lá úa tàn rồi rụng xuống, thiên nhiên lại mang bộ mặt trống vắng ủ ê như lần đầu tôi

nhìn thấy khu rừng và mặt trăng xinh đẹp. Nhưng tôi cũng chẳng chú ý nhiều đến thời tiết lạnh lẽo trống trải, cấu tạo cơ thể tôi thích hợp chịu đựng cái lạnh hơn cái nóng. Tuy nhiên hoa nở khắp nơi, bầy chim hay hót, bộ cánh vui tươi của mùa hè vốn là thú vui lớn nhất của tôi; nay chúng không còn nữa, tôi chú ý nhiều hơn tới những người trong nhà. Hạnh phúc của họ chẳng giảm đi chút nào khi mùa hè vắng bóng. Họ cứ yêu nhau, đồng cảm với nhau, và niềm vui của họ từ nhau mà có, chẳng vì thiên tai hoạn nạn xung quanh mà gián đoạn. Càng nhìn ngắm họ nhiều hơn, tôi càng khao khát được họ bảo vệ, đem lòng tử tế đối xử với mình; trái tim tôi càng mong mỏi được những con người đáng yêu này biết tới và yêu thương; tham vọng lớn nhất của tôi là được những ánh mắt dịu dàng trìu mến kia nhìn tới. Tôi không dám nghĩ rằng họ có thể kinh hãi, ghê tởm tôi mà quay đi không nhìn đến. Xưa nay những người nghèo dừng chân ngoài cửa chưa bị họ xua đuổi bao giờ. Phải, tôi đòi hỏi những báu vật lớn hơn chút thức ăn, thức uống hoặc chỗ trú chân nhiều; tôi cần lòng tử tế và tình thông cảm; nhưng tôi không nghĩ mình có gì chưa xứng đáng với những đòi hỏi ấy.

Mùa đông tới; vòng luân chuyển bốn mùa đã trọn vẹn kể từ lúc tôi mở mắt chào đời. Tới lúc này tôi chỉ tập trung vào một việc duy nhất: nghĩ cách trình diện mình với những người trong nhà. Bao kế hoạch được lật đi lật lại, cuối cùng tôi quyết định sẽ vào nhà trong lúc cụ già ở nhà một mình. Tôi đủ minh mẫn để hiểu rằng hình dạng gớm guốc bất thường của tôi là điều chủ yếu khiến những người trước đây nhìn thấy tôi lấy làm kinh hãi. Giọng nói của tôi, tuy khàn, không báo hiệu điều gì khủng khiếp; vì vậy tôi nghĩ khi các con cụ vắng nhà, tôi có thể chiếm được thiện ý và điều đình với cụ già De Lacey, nhờ cụ, tôi có thể được những người bảo hộ trẻ tuổi kia khoan thứ.

Một hôm, khi ánh mặt trời chiếu trên những chiếc lá đỏ rụng rải rác trên mặt đất và reo rắc tươi vui tuy chưa phải là nắng ấm, Safie, Agatha và Felix rời nhà làm một chuyến đi chơi xa về miền quê để lại cụ già trong căn nhà theo ý muốn cụ. Con cái đi rồi, cụ cầm cây ghita chơi vài khúc nhạc buồn bã nhưng tuyệt hay, hay và buồn hơn mọi điệu tôi đã từng nghe. Lúc đầu nét mặt cụ sáng rực niềm vui, song càng chơi đàn cụ càng trầm tư phiền muộn, cuối cùng, đặt cây đàn sang một bên, cụ ngồi đắm chìm trong suy tưởng.

Tim tôi đập dồn dập, đây chính là giờ khắc thử thách, sẽ khẳng định hy vọng của tôi, hay biến nỗi lo sợ trong tôi thành sự thực. Đầy tớ đã đi chơi

chợ phiên vùng lân cận cả. Trong nhà và xung quanh đều tĩnh lặng như tờ: còn cơ hội nào bằng; ấy thế nhưng khi tiến lên thực hiện kế hoạch, hai chân tôi nhũn ra, tôi ngã ngồi xuống đất. Tôi đứng lên lần nữa, huy động hết lòng cương quyết tôi có được trong mình, tôi nhấc bỏ mấy tấm ván đã đặt trước cái chòi để che tôi trú ngụ. Không khí lạnh bên ngoài làm tôi tỉnh táo, và với niềm quyết tâm mới khơi lại, tôi bước tới cửa ra vào.

Tôi gõ cửa. 'Ai đấy? Xin mời vào,' cụ già bảo.

Tôi vào nhà. 'Cụ tha lỗi đã đường đột vào đây,' tôi nói, 'tôi là một kẻ du hành hy vọng được nghỉ ngơi đôi chút; cụ sẽ làm ơn rất nhiều cho tôi nếu cho phép tôi ngồi bên lửa sưởi vài phút.'

'Mời ông vào,' De Lacey nói, 'và tôi sẽ cố gắng hết sức để đáp ứng những gì ông cần thiết; nhưng thật không may, các con tôi đi vắng cả, và bởi tôi mù, tôi sợ mình khó lòng tìm được thức ăn cho ông.'

'Thưa cụ chủ hiền từ, xin cụ đừng bận tâm, tôi có thức ăn đây rồi, chỉ mong có chút nghỉ ngơi và ấm áp mà thôi.'

Tôi ngồi xuống, và cả hai im lặng. Tôi biết mỗi phút đối với mình đều đáng quý, nhưng phân vân mãi không biết bắt đầu câu chuyện ra sao; vừa lúc cụ già cất tiếng hỏi tôi:

'Thưa khách lạ, ngôn ngữ ông dùng khiến tôi đoán ông là người đồng hương với tôi - ông là người Pháp phải không?'

'Không, nhưng tôi được dạy dỗ trong một gia đình người Pháp, nên chỉ biết mỗi một thứ tiếng ấy thôi. Tôi đang trên đường tới yêu cầu sự bảo hộ của vài người bạn, những người tôi thành thật yêu mến và cũng có đôi chút hy vọng được họ thuận tình chiếu cố.'

'Họ là người Đức ư?'

'Không, người Pháp. Nhưng thưa cụ ta hãy nói sang đề tài khác. Tôi là một sinh vật bất hạnh bị bỏ rơi, tôi nhìn tứ phía, và cả trái đất này tôi không có ai là bạn. Những con người dễ thương mà tôi tìm đến chưa bao giờ trông thấy tôi và biết rất ít về tôi. Lòng tôi đầy sợ hãi, bởi vì nếu thất bại lần này, suốt đời tôi sẽ là một kẻ bị ruồng bỏ.'

'Đừng thất vọng ông ạ. Không có bạn bè quả là một điều bất hạnh, nhưng trái tim con người, nếu không bị một lợi ích cá nhân cấp thiết nào

dựng lên định kiến, vốn đầy nhân đức và tình huynh đệ thân thương. Vì vậy, hãy cứ hy vọng đi, nhất là nếu như mấy người bạn của ông lại tốt bụng và tử tế, thì càng không việc gì mà phải thất vọng.’

‘Họ tử tế lắm - họ là những con người tuyệt vời nhất trên đời này, nhưng không may, họ có thành kiến với tôi. Tôi có những tính tình tốt đẹp; đời tôi từ xưa đến nay chưa làm hại ai, ở mức độ nào đó còn làm lợi cho người khác; nhưng ác thay một định kiến tai hại đã làm mờ mắt họ, và lẽ ra họ cần nhìn ra một người bạn tốt nhạy cảm, thì lại chỉ thấy một con quái vật đáng ghê tởm.’

‘Nếu vậy thì quả là không may thực, nhưng nếu đúng ông vô tội, sao ông không làm cho họ hiểu ra sự thật?’

‘Tôi sắp làm việc đó đây, và chính đó là nguyên do tôi cảm thấy hãi hùng rợn người đến vậy. Tôi yêu tha thiết những người bạn của tôi; nhiều tháng nay, tôi đã quen chăm sóc họ hàng ngày, mà họ hoàn toàn không biết; nhưng họ tin rằng tôi muốn làm hại họ, và đó chính là thành kiến tôi muốn vượt qua.’

‘Các bạn ông sống ở đâu?’

‘Rất gần đây.’

Cụ già im lặng một lát, sau nói tiếp: ‘Nếu ông tin tưởng mà thổ lộ với tôi tình tiết câu chuyện của ông, biết đâu tôi có thể giác ngộ họ. Tôi mù lòa, không rõ dung mạo ông ra sao, nhưng lời ông nói có cái gì đó thuyết phục tôi ông là người thành thực. Tôi vốn nghèo, lại đang chịu cảnh lưu đày, tuy nhiên nếu giúp ích được cho một con người bằng cách nào đi nữa, đối với tôi không sung sướng nào bằng.’

‘Cụ là con người tuyệt vời! Xin cảm ơn cụ, cũng xin nhận lời cụ giúp. Lòng tử tế của cụ đã đưa tôi từ cát bụi mà lên; tôi tin rằng, nhờ sự giúp đỡ của cụ, tôi sẽ không còn bị đồng loại cụ xua đuổi khỏi xã hội, đoạn tuyệt mọi tình cảm nữa.’

‘Cầu Chúa đừng để điều đó xảy ra! ngay cả nếu như ông là tội nhân mang án đi nữa, bởi cái đó chỉ đưa đến tuyệt vọng và không thể khuyến khích lòng hướng thiện. Tôi cũng là một kẻ không may; tôi và cả gia đình bị buộc tội cho dù hoàn toàn trong trắng; đó, hãy thử nghĩ xem liệu tôi có thấm thía được những cảm giác của ông hay không.’

‘Biết cảm ơn cụ thế nào đây, ân nhân duy nhất, đáng quý nhất của tôi? Lần đầu tiên, từ đôi môi cụ, tôi được nghe người ta nói với tôi những điều tử tế, tôi cảm ơn cụ suốt đời; tình người nơi cụ khiến tôi tin tưởng sẽ thành công trong cuộc gặp mặt tới đây với những người bạn ấy.’

‘Ông có thể cho tôi biết tên và nơi ở của họ không?’

Tôi ngưng lại. Đây là giờ phút quyết định, tôi nghĩ, nó sẽ tước đi vĩnh viễn, hoặc đem hạnh phúc mãi mãi đến cho tôi. Tôi gắng vượt qua mình để có đủ quyết tâm trả lời cụ, nhưng nỗ lực đó đã rút cạn mọi sức lực còn lại của tôi; tôi ngồi sụp xuống chiếc ghế cạnh đó và khóc nức nở. Đúng lúc này tôi nghe tiếng bước chân mấy người trẻ tuổi đi chơi về. Tôi không thể mất đi một phút giây nào nữa; nắm lấy tay cụ già, tôi vội kêu lên: ‘Đã đến lúc rồi - hãy ra tay bảo vệ tôi, cứu tôi! Cụ và gia đình cụ chính là những người bạn tôi tìm. Giờ phút thử thách đã đến, xin cụ đừng bỏ tôi!’

‘Trời ơi!’ cụ già kêu lên, ‘ông là ai vậy?’

Vừa vặn cửa ra vào mở ra, Felix, Agatha và Safie bước vào. Làm sao tả nổi nỗi kinh hoàng đến rụng rời của họ khi nhìn thấy tôi? Agatha ngất đi, Safie không đủ sức tới giúp đỡ bạn mình, nàng bỏ chạy ra ngoài. Còn Felix vọt lên, và bằng một sức mạnh siêu nhiên, dứt tôi ra khỏi cha anh - tôi đang ôm chặt lấy chân ông; trong cơn giận dữ điên cuồng, anh hất tôi ngã lăn trên đất rồi lấy cây gậy vụt tôi tới tấp. Lẽ ra tôi có thể xé anh ta ra từng mảnh như sư tử xé xác sơn dương. Nhưng tim tôi se lại vì một niềm chua xót đớn đau, và tôi kìm lại. Tôi nhìn thấy anh ta sắp sửa trút xuống một đợt đấm đá nữa, thế là, đắm chìm trong đau đớn và thống khổ, tôi rời căn nhà tranh và giữa cơn náo loạn lẻn trở lại hang ổ mình không ai nhìn thấy.

Chương 16

“Kẻ sáng tạo trăm ngàn lần đáng nguyền rủa! Tôi còn sống làm gì nữa không biết? Tại sao trong khoảnh khắc đó tôi không dập tắt ngay tia lửa của cuộc đời mà ngài đã ban tặng? Tôi cũng không biết nữa; tuyệt vọng chưa hoàn toàn chiếm được tôi; cảm giác của tôi lúc đó chỉ là căm giận và muốn trả thù. Lẽ ra tôi đã tìm khoái lạc bằng cách đập tan ngôi nhà cùng những kẻ đang sống trong đó, và tự thỏa mãn bằng tiếng la lối và cảnh khốn đốn của họ.

Đêm, tôi rời hang ổ vào rừng đi lang thang; và giờ đây, không còn sợ ai khám phá ra mình nữa, tôi để nỗi đau khổ của mình tự do thoát ra qua từng tiếng hú hãi hùng. Tôi chẳng khác một con dã thú đã phá bỏ được cái bẫy, nay tàn hại hết những gì cản đường mình, luồn khắp rừng nhanh thoăn thoắt như một con nai. Ôi! Cái đêm hôm ấy mới khốn khổ làm sao! Những ngôi sao lạnh chiếu xuống tôi như đùa cợt, các cành cây khô xào xạc trên đầu tôi; thỉnh thoảng tiếng hót ngọt ngào của một con chim lanh lảnh vang lên giữa muôn trùng im lặng. Tất cả, ngoài tôi, thảy đều đang nghỉ ngơi hoặc đang hưởng thụ niềm vui sướng; chỉ riêng tôi, chẳng khác gì chúa quỷ, chứa cả một địa ngục trong mình[43]; và thấy mình chẳng được ai thông cảm, tôi muốn nhổ bật hết cây cối, gieo rắc tàn phá khắp nơi nơi, để rồi ngồi xuống thưởng thức cảnh hoang tàn.

Nhưng cảm giác chất chứa nhiều đến thế không thể dài lâu; mệt mỏi vì sức lực dốc ra, tôi ngồi bệt xuống cỏ ướt trong sự bất lực tuyệt vọng đến lả người. Ngàn vạn con người đang tồn tại chẳng có lấy một ai thương xót tôi, giúp đỡ tôi; vậy thì sao tôi phải đem lòng tử tế đối đãi kẻ thù? Không đời nào; từ khoảnh khắc đó tôi tuyên chiến vĩnh viễn với giống người, và trên nhất, với kẻ đã tạo nên tôi và đưa tôi đến nỗi bất hạnh không cách gì chịu nổi này[44].

Mặt trời mọc; tôi nghe có tiếng người, và biết rằng giữa ban ngày ban mặt thế này không thể trở về nơi trú ngụ của mình được. Vì vậy tôi ẩn vào một bụi cây rậm rạp, quyết định dành hết thời giờ tiếp theo mà suy nghĩ về hoàn cảnh mình.

Ánh nắng tươi vui cùng với không khí buổi sáng trong lành phần nào làm tôi bình tâm lại; ngẫm cho kỹ những gì đã xảy ra trong căn nhà tranh, tôi không thể không tin rằng mình đã kết luận quá vội vã. Rõ ràng tôi đã xử sự thiếu khôn ngoan. Có thể thấy rằng câu chuyện của tôi đã khiến người cha quan tâm và thiện cảm với tôi, và thật ngu ngốc khi phơi mình ra khiến mấy người trẻ tuổi kia khiếp vía. Đáng nhẽ tôi phải làm cho cụ De Lacey quen với mình đã, và dần dần mới lộ mặt ra với những người còn lại trong gia đình, khi họ đã chuẩn bị tư tưởng kỹ càng. Tuy nhiên tôi không tin rằng sai lầm này không thể sửa chữa được; và sau khi suy đi nghĩ lại tôi quyết định sẽ trở về ngôi nhà tranh, tìm đến cụ già, tìm cách thuyết phục cụ sao cho cụ đứng về phía mình.

Ý tưởng này trấn an tôi, và buổi chiều tôi thiếp đi trong một giấc ngủ sâu; nhưng cơn sốt trong máu không cho phép tôi mơ đến những giấc mơ yên lành. Cảnh tượng khủng khiếp của ngày hôm trước không ngớt chập chờn trước mắt tôi; hai cô gái trốn chạy, Felix trong cơn điên giận giằng tôi ra khỏi chân cha mình. Tôi tỉnh giấc, mệt đến bã người; nhìn ra ngoài thì đêm đã xuống, tôi bèn bò ra khỏi nơi ẩn nấp, đi tìm thức ăn.

Khi cơn đói đã dịu, tôi theo con đường quen thuộc trở về nhà. Tất cả yên ắng. Tôi bò vào hang, ngồi đó lặng lẽ đợi chờ đến khi cả nhà thức giấc theo thường lệ. Quá giờ đó rồi, mặt trời đã lên cao, nhưng chẳng thấy người nào xuất hiện cả. Tôi run bắn người lên, dự cảm đã xảy ra chuyện gì ghê gớm. Trong nhà tối om không thấy động tĩnh gì, thật không sao tả xiết nỗi lo âu khắc khoải treo lơ lửng trên đầu tôi.

Lúc đó có hai người nông dân đi qua, dừng lại gần nhà mà nói chuyện, vung tay vung chân giận dữ; nhưng tôi không hiểu họ nói gì, vì họ nói bằng tiếng nước này, khác với ngôn ngữ của những người che chở tôi. Chẳng bao lâu sau Felix đến cùng một người đàn ông nữa; tôi lấy làm lạ vì sáng hôm đó đâu đã thấy anh ra khỏi nhà, và sốt ruột tìm hiểu xem, qua lời lẽ anh, những hiện tượng bất thường này có nghĩa là gì.

Người đàn ông đi cùng bảo Felix: 'Anh phải trả ba tháng tiền nhà và mất hoa lợi của căn vườn anh có biết không? Tôi không muốn thiệt cho anh, do đó đề nghị anh cứ suy nghĩ thêm vài ngày nữa.'

Felix đáp: 'Vô nghĩa thôi. Chúng tôi không thể ở căn nhà này được nữa. Mạng sống của cha tôi đang gặp nguy hiểm lớn lao do sự kiện kinh

hoàng mà tôi đã kể ông nghe. Vợ tôi và em gái tôi suốt đời sẽ không hết sợ. Xin ông đừng lý luận với tôi làm gì nữa. Ông cứ việc lấy lại nhà, và tôi sẽ bay khỏi chỗ này ngay.'

Vừa nói Felix vừa run lên dữ dội. Hai người vào trong nhà, khuất trong đó mấy phút rồi đi. Tôi không bao giờ thấy một ai trong gia đình De Lacey nữa.

Tôi cứ nằm trong cái chòi, sống những giờ còn lại của ngày hôm đó trong tình trạng tuyệt vọng não nùng và ngây dại. Những người che chở tôi đã đi mất, tự tay cắt đứt mối dây duy nhất liên hệ tôi với thế giới này. Lần đầu tiên trong lòng tôi tràn ngập căm hận kêu gọi trả thù, và tôi không buồn kiềm chế chúng; cứ để mình trôi theo dòng chảy của thứ tình cảm ấy, tâm tưởng tôi quay sang ủ ấp việc trả thù và giết chóc. Khi nghĩ đến các bạn tôi, nghĩ đến giọng nói hiền từ của De Lacey, đôi mắt dịu dàng của Agatha, sắc đẹp của cô gái Ả Rập, những ý nghĩ kia biến mất, nước mắt trào ra phần nào làm dịu tâm hồn tôi; tuy nhiên nhớ lại họ đã hắt hủi xua đuổi mình, tôi lại căm phẫn đến điên người; và vì chẳng có con người nào ở bên cạnh để tôi trút cơn giận dữ, tôi bèn phá phách những đồ vật vô tri vô giác. Đêm trôi qua, tôi đem củi khô chất quanh nhà; và sau khi đã xéo hết mọi dấu hiệu vun trồng nhỏ nhất trong vườn, tôi chờ đợi đầy sốt ruột để trăng lặn nốt mới bắt đầu thực hiện ý định mình.

Đêm khuya hơn nữa, một cơn gió mạnh nổi lên từ rừng thẳm xua tan hết những mây trên trời; đợt gió bốc qua như một cơn tuyết lở khiến tinh thần tôi trở nên cuồng dại, thủ tiêu mọi ranh giới của lý trí và suy tưởng. Tôi châm lửa vào một cành cây khô, rồi lượn những vòng căm giận quanh ngôi nhà tranh bị kết án hủy diệt, mắt vẫn gắn vào chân trời phía Tây nơi mặt trăng vừa chạm rìa trời. Cuối cùng một phần của tinh cầu cũng khuất đi, tôi khua một vòng cành lửa; rồi quả cầu mất dạng hẳn, và, thét lên một tiếng thật to, tôi châm lửa vào đống rơm, củi và cỏ khô đã đem chất chung quanh. Gió quạt lửa to lên, căn nhà nhanh chóng ngập trong ngọn lửa, lưỡi lửa bám lấy, liếm dần toàn bộ căn nhà để thiêu trụi nó.

Tới khi biết chắc không gì còn cứu nổi bất cứ mảnh vụn nào của căn nhà, tôi rời bỏ nơi đó, và vào sâu trong rừng tìm chốn ẩn.

Giờ đây, thế giới trải ra trước mặt, tôi nên trở bước lối nào?[45] Tôi

quyết định bay xa khỏi cảnh hoạn nạn; nhưng thân phận bị thù ghét và khinh bỉ, với tôi xứ nào chẳng tàn tệ như nhau. Cuối cùng tôi chợt nghĩ đến ngài. Qua các giấy tờ, tôi biết ngài là cha tôi, là kẻ sáng tạo ra tôi, còn cần gắn bó với ai thích hợp hơn người đã ban sự sống cho tôi nữa? Trong các bài học Felix dạy cho Safie đã không vắng mặt môn địa lý, nhờ vậy tôi đã nắm được vị trí tương đối của các nước khác nhau trên trái đất. Ngài đã nhắc tên thành phố quê hương ngài là Geneva, và tôi quyết định sẽ đi về nơi đó.

Nhưng tôi phải đi theo hướng nào đây? Tôi biết mình phải đi về hướng Tây Nam, nhưng chỉ có mỗi mặt trời làm hướng đạo. Tôi không biết tên những thành phố mình phải đi qua, cũng không thể hỏi đường bất kỳ con người nào, nhưng tôi không thất vọng. Chỉ có từ ngài tôi có thể mong được cứu trợ, cho dù đối với ngài tôi chỉ có duy nhất một thứ tình cảm là căm ghét. Kẻ sáng tạo vô tình nhẫn tâm! Ngài ban cho tôi năng lực tri giác và xúc cảm, để rồi vứt bỏ tôi ra giữa lòng khinh miệt và kinh tởm của loài người. Thế nhưng tôi chỉ đòi hỏi lòng thương hại và đền bù ở một mình ngài, và tôi quyết định tìm lấy ở ngài công lý, thứ tôi đã tìm kiếm vô vọng ở bất cứ sinh vật nào mang dáng hình người.

Chuyến hành trình của tôi thật dài, tôi chịu cực khổ dọc đường không biết bao nhiêu mà kể. Lúc tôi rời khỏi vùng đã trú ngụ khá lâu ấy là cuối thu. Tôi chỉ dám đi ban đêm, bởi kinh sợ phải giáp mặt một con người lần nữa. Thiên nhiên úa tàn dần quanh tôi, ánh nắng chỉ còn thoi thóp, mưa trút, tuyết rơi quanh mình, những con sông lớn đều đóng băng, mặt đất khô cứng lạnh lẽo và trơ trụi, không tìm đâu ra chỗ trú chân. Ôi, mặt đất! Biết bao lần tôi đã nguyền rủa lý do tôi sinh ra trên mặt đất này! Bao nhiêu dịu hiền trong tính nết tôi đã mất cả, tôi đã biến thành chua xót và cay đắng. Càng tới gần nơi ngài ở, tôi càng cảm thấy khao khát trả thù đang lớn lên trong trái tim. Tuyết rơi, nước đông cứng lại; nhưng tôi vẫn cứ đi không nghỉ. Thỉnh thoảng vài việc tình cờ đưa đường chỉ lối cho tôi, tôi lại kiếm được một bản đồ đất nước nữa; nhưng thường tôi đi chệch rất xa khỏi lối cần đi. Đau đớn khắc khoải khiến tôi không thể dừng chân, tôi cũng không gặp phải sự cố nào gây tức giận hoặc làm tôi khổ não, trừ một lần, khi đến biên giới nước Thụy Sĩ, khi mặt trời đã ấm trở lại, mặt đất đã xanh tươi lên; chính sự cố này càng đặc biệt củng cố thêm nỗi niềm cay đắng và kinh hãi trong tình cảm tôi.

Thường thường ban ngày tôi tìm chỗ nghỉ ngơi, chỉ lên đường khi đêm che chắn an toàn cho tôi khỏi tầm mắt con người. Tuy thế sáng hôm ấy, thấy con đường chạy qua một khu rừng rậm, tôi cứ liều đi tiếp dù mặt trời đã mọc. Đó là một ngày đầu xuân, ánh nắng đáng yêu quá, không khí ngát

hương thơm khiến ngay cả tôi cũng vui vẻ hẳn lên. Tôi cảm thấy những xúc động dịu dàng và dễ chịu bấy lâu tưởng đã chết nay sống lại. Gần như ngạc nhiên vì những tình cảm ấy, tôi cứ để chúng cuốn mình đi; quên cả mình đang cô đơn, dị dạng, tôi còn dám thấy mình hạnh phúc. Nước mắt âm ẩm chảy dài trên má, tôi thậm chí còn ngước đôi mắt ướt lên cảm ơn mặt trời thánh thiện đã ban xuống cho tôi niềm vui đến thế.

Tôi tiếp tục đi theo những lối mòn chạy quanh co cho tới khi ra tới bìa rừng, nơi có một con sông sâu chảy xiết, rất nhiều cành đang đâm chồi nảy lộc từ các cây cao trên bờ la đà ngả xuống sát mặt nước. Đến đây tôi tạm dừng chân, chưa biết theo ngả nào, vừa vặn lúc nghe thấy tiếng người nói, tôi vội ẩn mình sau một cây bách. Tôi chỉ vừa náu được mình thì một cô bé chạy thẳng tới nơi tôi trốn, cất tiếng cười to, như thể đang chạy chơi đùa. Nó cứ thế chạy dọc theo bờ sông dốc đứng, nhưng bỗng trượt chân, ngã xuống dòng nước chảy mạnh. Tôi vội ào ra từ nơi ẩn nấp, và vật lộn cật lực với sức đẩy dòng sông, đã cứu được nó, lôi nó vào bờ. Cô bé bất tỉnh nhân sự; và tôi đang tìm mọi cách có thể hồi sức cho nó, thì chợt ở đâu chạy tới một gã nhà quê, có lẽ là người nó đang chạy trốn một cách tinh nghịch đến thế. Vừa trông thấy tôi, hắn bèn lao tới, giật con bé ra khỏi tay tôi, vội vã chạy vào sâu trong rừng. Tôi chạy theo sát gót, chẳng biết vì sao; nhưng thấy tôi đến gần hắn bèn giương khẩu súng cầm theo, nhằm vào tôi mà bắn. Tôi ngã lăn ra đất, còn kẻ đã bắn tôi bị thương, chân còn vắt lên cổ hơn nữa, biến thẳng vào rừng.

Đó, làm ơn nên oán như thế đó! Phần thưởng cứu một con người suýt chết là một vết thương tan xương nát thịt, làm tôi đau đớn quằn quại. Những tình cảm nhân ái dịu dàng vừa khiến tôi hân hoan chỉ vài phút trước đã nhường chỗ cho phừng giận nghiến răng. Vết thương đau nhức càng kích động tôi thêm; tôi thề căm thù loài người suốt đời và sẽ trả mối thù này cho đến muôn kiếp. Nhưng rồi cơn đau từ vết thương xâm chiếm; mạch tôi ngừng đập và tôi ngất đi.

Suốt mấy tuần liền tôi sống khốn khổ trong rừng, cố chữa cho vết thương lành. Viên đạn đã vào sâu trong vai tôi, chẳng hiểu nó còn nằm trong đó hay đã xuyên ra ngoài; tuy nhiên tôi không có cách nào lấy nó ra được. Vết thương đau nhức còn nặng nề hơn nữa bởi sự bất công và vô ơn đi kèm với nó. Ngày nào tôi cũng nguyện trả thù - một sự trả thù sâu xa, chí tử, sao cho bù lại nỗi nhục nhã và khổ não tôi phải chịu đựng.

Vài tuần sau vết thương khỏi, tôi lại lên đường đi tiếp. Mệt nhọc

không còn được làm nhẹ bớt nhờ ánh nắng rực rỡ và làn gió xuân dịu dàng nữa; mọi niềm vui lúc này chỉ còn như nhạo báng tình cảnh cô độc của tôi, khiến tôi càng thêm đau đớn nhận ra rằng tôi không được sinh ra để hưởng lạc thú ở đời này.

Nhưng mọi cực nhọc của tôi sắp đến hồi kết thúc; và hai tháng trước đây, tôi đến ngoại vi Geneva.

Tôi đến nơi vào một buổi chiều, và rút vào ẩn mình trong một cánh đồng, suy nghĩ xem nên tiếp cận ngài như thế nào đây. Lúc này tôi muốn quỵ xuống vì mệt mỏi và đói khát, và quá u uất đến không thể nhận ra làn gió nhẹ buổi chiều hoặc cảnh mặt trời đang lặn sau dãy Jura hùng tráng.

Một giấc ngủ chợp mắt tạm thời giải phóng tôi khỏi những ý nghĩ u sầu, nhưng nhanh chóng bị phá vỡ khi một đứa bé xinh đẹp chạy vào cái góc kín đáo tôi chọn, đầy vẻ lanh lẹn linh hoạt của trẻ con. Bỗng nhiên, khi quan sát nó, một ý nghĩ nảy ra trong đầu tôi: sinh vật bé bỏng này hẳn chưa biết thế nào là định kiến, nó mới sống ở đời một thời gian ngắn chưa bị tiêm nhiễm thói kinh hãi những thứ dị hình. Vì vậy, nếu tôi nắm được nó, dạy dỗ để nó trở thành bè bạn của tôi, tôi sẽ không còn trơ trọi trên trái đất đầy rẫy người là người này nữa.

Ý nghĩ bất chợt ấy thúc đẩy tôi đưa tay tóm lấy đứa bé khi nó chạy qua, kéo nó về phía mình. Ngay khi nhìn thấy hình hài tôi, nó lập tức đưa hai tay che mặt và thét lên một tiếng chói tai: tôi nóng nảy kéo tay nó ra khỏi mặt và bảo: ‘Bé con, thế là thế nào? Ta có định làm hại em đâu. Nghe ta nói đây.’

Nó giãy giụa dữ dội. ‘Buông ta ra,’ nó hét, ‘Đồ quái vật! Đồ xấu xí khốn nạn! Mi muốn xé ta ra từng mảnh ăn thịt ta! Mi là con yêu tinh. Để ta đi nếu không ta mách ba.’

‘Này bé, mày sẽ không bao giờ trông thấy ba mày nữa, đi theo tao!’

‘Con quái vật gớm guốc! Để tao đi! Ba tao là quan chức kia mà - là ông Frankenstein - ông ấy sẽ trừng phạt mi. Mi không dám giữ ta đâu.’

‘Frankenstein! thế ra mày là con nhà kẻ thù của tao, mà tao đã thề sẽ trả thù đời đời kiếp kiếp; mày sẽ là nạn nhân đầu tiên của tao.’

Thằng bé càng vùng vẫy mạnh và lăng mạ tôi bằng những cái tên ghê

tởm, làm lòng tôi càng đau đớn ê chề; tôi bóp chặt cổ họng nó cho nó im, và tức khắc nó đã nằm chết dưới chân tôi.

Tôi trừng trừng nhìn nạn nhân của mình, và trái tim căng phồng niềm hả hê và đắc thắng từ địa ngục, tôi vỗ tay reo: 'Ta đây cũng gây nên được thất vọng; kẻ thù ta đâu phải không thể bị tổn thương, cái chết này sẽ làm hắn đau khổ và ngàn vạn nỗi đau khác sẽ còn giày vò hắn cho đến khi bị hủy diệt thì thôi.'

Nhìn kỹ đứa bé tôi thấy trên ngực nó có cái gì lóng lánh. Tôi cầm lên xem; nó là bức chân dung hình một người đàn bà rất đẹp và đáng yêu. Nó làm tôi dịu xuống và mê mải bất chấp cơn thù hận của mình. Suốt một lúc lâu tôi cứ ngắm nhìn thích thú đôi mắt đen nhánh với hàng mi dài cùng đôi môi tuyệt mỹ; song lửa giận lại bùng lên; tôi nhớ ra rằng suốt đời tôi đã bị tước mất niềm vui mà những sinh vật mỹ miều đó mang lại, và khuôn mặt tôi ngắm nhìn kia nếu nhìn trở lại tôi, sẽ chuyển ngay những nét nhân từ thánh thiện kia thành kinh tởm và khiếp hãi.

Ngài hiểu nổi những cảm nghĩ đó đưa đến cho tôi nỗi căm giận đến mức nào không? Tôi chỉ lấy làm lạ rằng lúc ấy, thay vì gào thét và đau khổ để bày tỏ những xúc động của mình, sao tôi không lao ra xông vào loài người hủy diệt họ đi rồi cùng chết với họ cho xong.

Lòng đang ngập tràn những xúc động đó, tôi bèn rời khỏi nơi mình đã gây ra vụ giết người; và trong khi đi tìm một chỗ trú ẩn khác kín đáo hơn, tôi vào một kho thóc tưởng là trống không. Có một cô gái đang nằm ngủ trên đống rơm; cô rất trẻ, thực tình thì không đẹp như bức chân dung tôi đang cầm trên tay, nhưng khá dễ coi, đang tuổi nở rộ sự tươi trẻ và khỏe mạnh. Đây nữa, tôi nghĩ, một trong những người sẽ ban phát những nụ cười truyền hạnh phúc cho tất cả mọi người, trừ ta. Thế là tôi cúi xuống cô ta, thì thào: 'Tỉnh dậy đi, người đẹp, người yêu nàng đang ở gần ngay đấy thôi; hắn sẵn sàng hy sinh cả đời mình chỉ để nhận được từ đôi mắt nàng một ánh nhìn yêu thương trìu mến, nàng ơi, người ta yêu, hãy tỉnh dậy!'[46]

Cô gái đang ngủ cựa quậy: cơn rùng mình sợ hãi bỗng chạy suốt người tôi. Nếu như cô ta dậy thật, trông thấy tôi, rồi nguyền rủa tôi, tố cáo tôi là kẻ sát nhân thì sao? Chắc chắn cô ta sẽ làm như vậy nếu như đôi mắt rợp bóng kia mở ra và nhìn thấy tôi. Ý tưởng đó làm tôi điên loạn; nó khuấy động con quỷ dữ trong tôi - không phải ta, mà chính cô nàng sẽ là người đau khổ; ta đã phạm tội sát nhân vì bị tước đi vĩnh viễn những gì cô nàng có thể

ban cho ta, cô nàng phải chuộc tội. Tội lỗi đó bắt nguồn từ cô nàng, trừng phạt cũng sẽ kết thúc ở cô! Nhờ những bài học từ Felix, nhờ những luật lệ khát máu của giống người, tôi đã học được cách làm việc ác. Tôi cúi xuống, cẩn thận đặt tấm hình vào trong một nếp gấp của chiếc áo dài cô ta mặc. Cô ta lại động đậy, và tôi chuồn thẳng.

Trong mấy ngày liền tôi cứ qua lại nơi đã xảy ra những chuyện kia; có lúc muốn gặp lại ngài, có lúc quyết tâm từ bỏ vĩnh viễn thế giới này cùng những đau khổ của nó. Cuối cùng bước chân đưa tôi đến rặng núi này, và tới giờ tôi đã đi khắp các hẻm các ngách vô tận, trong lòng cháy bỏng niềm đam mê mà chỉ có ngài là người thỏa mãn được. Chúng ta không thể rời bỏ nhau chừng nào ngài không đáp ứng đòi hỏi của tôi. Tôi cô đơn, tôi thảm hại; con người không lai vãng gần tôi, nhưng một kẻ cũng quái dạng, cũng kinh tởm như tôi hẳn sẽ không từ chối tôi đến với cô ta. Cô bạn đồng hành với tôi cũng phải cùng một loại như tôi, có những nhược điểm như tôi. Sinh vật đó ngài cần phải tạo ra.”

Chương 17

Sinh vật kia đã nói xong, nhìn chằm chằm vào tôi chờ trả lời. Nhưng tôi đang ngạc nhiên và hoang mang cực độ, không sao sắp xếp nổi ý tưởng trong óc để hiểu đến cùng đề nghị của hắn. Hắn nói tiếp:

"Ngài phải tạo ra một sinh vật giống cái cho tôi, để tôi có kẻ chung sống và trao đổi những tình cảm cần thiết cho sự tồn tại. Việc này chỉ mình ngài làm được; và tôi đòi hỏi nó như một quyền chính đáng mà ngài không thể phủ nhận."

Phần cuối câu chuyện của hắn đã nhen trở lại lòng căm giận vừa rồi mới dịu đi qua lời hắn kể về mấy con người sống trong căn nhà tranh, và nghe hắn nói đến đây tôi bừng bừng lửa giận không kiềm chế nổi.

"Ta phủ nhận đấy," tôi đáp, "có tra tấn đến đâu cũng đừng hòng ta chấp thuận. Mi có thể biến ta thành kẻ thảm thương nhất thế gian nhưng không bao giờ khiến được ta trở thành hèn hạ đối với chính ta. Tạo thêm một kẻ khác giống như mi, để cái xấu liên kết lại tàn hại thế giới này ư? Cút! Ta đã trả lời rồi đó, mi cứ hành hạ ta đi, ta không bao giờ đồng ý."

"Ngài nhầm rồi," con quỷ nói, "và thay vì dọa dẫm ngài, tôi sẽ phải trái lý luận với ngài là đủ. Tôi xấu xa là bởi tôi khổ sở. Chẳng phải cả loài người tránh xa, khinh ghét tôi sao? Đến ngài, kẻ sáng tạo ra tôi, còn muốn xé tan tôi ra từng mảnh mà đắc thắng; hãy nhớ lại điều đó, và giải thích xem lẽ gì tôi phải thương con người trong khi họ chẳng thương tôi? Giả sử ngài đẩy được tôi xuống mấy vách băng dựng đứng kia, hủy diệt cơ thể tôi, sản phẩm của chính bàn tay mình, ngài cũng chẳng coi đó là tội giết người. Con người lên án tôi, việc gì tôi phải tôn trọng họ? Giá như họ để yên cho tôi chung sống, trao đổi với tôi những cư xử nhân từ; thay vì thương tổn, tôi sẽ trút lên họ cả ngàn điều tử tế mà vẫn khóc vì biết ơn họ đã rộng lòng nhận lấy. Thế nhưng điều đó không thể có được; cảm nhận của con người là những lá chắn không vượt qua nổi trên đường đưa đến hòa hợp giữa hai bên. Tuy nhiên tình cảm tôi cũng không đời nào chịu nô lệ đớn hèn. Tôi sẽ trả thù những tổn thương do con người gây ra cho tôi; nếu như không đưa tới được tình thương yêu, tôi sẽ gây ra nỗi sợ; và chính ngài, kẻ thù tối cao của tôi[47], bởi là

người sáng tạo ra tôi, là kẻ tôi đã thề căm ghét muôn đời muôn kiếp. Cẩn thận đấy; tôi sẽ làm cho ngài tàn lụi, sẽ không chùn lại cho đến khi ngài tan nát cõi lòng, phải nguyền rủa cái giờ phút ngài sinh ra đời mới thôi."

Một cơn giận ma quỷ rùng khắp mình hắn khi nói điều này; mặt hắn nhăn nhúm lại thành những hình thù méo mó khiến con người nhìn vào khiếp vía; nhưng lập tức hắn bình tĩnh lại và bảo:

"Tôi đã định nói phải trái với ngài. Thứ cảm xúc này thật hại cho tôi, bởi ngài không chịu nhớ chính ngài là nguyên nhân của cơn điên giận bất thường đó. Giá chỉ cần một ai cảm thấy chút tình cảm tốt đẹp với tôi, tôi sẽ trả gấp trăm ngàn lần hơn thế; vì một mình sinh linh đó, tôi sẵn sàng làm hòa với cả giống người! Nhưng thôi tôi lại đang đắm chìm trong những giấc mơ về phúc lành không thể có. Điều tôi đòi hỏi ngài rất hợp lý, rất vừa phải: tôi chỉ đòi hỏi một sinh vật khác giới, cũng gớm guốc như tôi; ân huệ thật nhỏ mọn, nhưng tôi chỉ có thể nhận được có thế, và tôi cũng sẽ hài lòng. Chúng tôi sẽ là một đôi quái vật, bị tách hoàn toàn khỏi thế giới này, đúng thế; nhưng chính vì thế sẽ càng gắn bó với nhau hơn. Đời chúng tôi sẽ chẳng mấy hạnh phúc, nhưng vô hại, thoát khỏi cảnh khổ tôi đang phải chịu đựng. Ôi! Hỡi đấng sáng tạo, hãy làm cho tôi được sung sướng; hãy để tôi được biết ơn ngài vì một việc thiện duy nhất này thôi! Hãy cho tôi thấy tôi đã đánh động tình thương của một sinh vật đang tồn tại, đừng từ chối lời đề nghị!"

Tôi thấy động lòng. Nghĩ đến hậu quả có thể xảy ra nếu tôi chấp thuận, tôi rùng cả mình; nhưng tôi cảm thấy trong lập luận của hắn cũng có ít nhiều lẽ công bằng. Câu chuyện hắn kể, tình cảm hắn đang thể hiện đã chứng tỏ hắn là một sinh vật có những cảm xúc tinh tế; và lẽ nào tôi, người sáng tạo ra hắn, không nợ hắn toàn bộ hạnh phúc mà tôi đủ khả năng ban phát? Thấy tôi có vẻ đổi lòng, hắn nói tiếp:

"Nếu như ngài đồng ý, không ai kể cả ngài sẽ còn trông thấy hai chúng tôi nữa; tôi sẽ đi tới tận miền hoang vu mênh mông của Nam Mỹ. Thức ăn của tôi không như của con người, tôi không giết cừu hay dê non để đỡ đói lòng; chút quả sồi quả dâu rừng là đủ sống. Bạn đời của tôi sẽ cùng bản chất với tôi, và cũng chỉ cần có thế. Chúng tôi sẽ trải lá khô làm giường nằm; mặt trời sẽ chiếu sáng chúng tôi như chiếu sáng loài người, sẽ làm chín hoa quả cho chúng tôi ăn. Bức tranh tôi vẽ ra cho ngài yên bình và nhân bản; và ngài không thấy rằng nếu ngài khước từ nó thì chỉ là vì cơn đồng bóng muốn thử quyền lực và lòng tàn nhẫn. Xưa nay ngài lúc nào cũng khắc nghiệt với tôi, ấy thế mà trong mắt ngài giờ đây tôi nhìn thấy lòng trắc ẩn;

vậy thì hãy để tôi nắm lấy cơ hội thuận lợi này, thuyết phục ngài hứa đem lại điều tôi thèm muốn cháy bỏng."

"Mi đề xuất sẽ đi khỏi nơi con người cư trú," tôi đáp, "sống nơi hoang dã chỉ bạn bầu cùng thú vật. Trong khi chỉ mong được con người đồng cảm và yêu thương, mi chịu sao nổi nơi lưu đày ấy? Rồi mi sẽ trở lại tìm kiếm sự tử tế của con người, để lại gặp phải sự ghét bỏ của họ; những tình cảm đen tối của mi sẽ trở lại, và nay có thêm một bạn đồng hành giúp mi trong sứ mạng phá hoại kia. Không thể được; đừng tranh cãi nữa, bởi ta nhất quyết không đồng ý."

"Sao mà tình cảm ngài thất thường đến thế! Vừa mới đây ngài còn xúc động khi nghe tôi trình bày, vậy tại sao lại tự bắt mình cứng rắn để kháng cự lại tôi? Xin hãy lấy mặt đất nơi tôi sống đây, lấy ngài đã sáng tạo ra tôi mà thề rằng, có cô bạn đời ngài sinh ra rồi, tôi sẽ từ bỏ khu vực loài người sinh sống để đến trú ngụ ở nơi khỉ ho cò gáy tận cùng thế giới. Những tình cảm đen tối của tôi sẽ không còn, bởi nay tôi đã có được cảm thông! đời tôi sẽ trôi đi yên ả, và trước khi chết tôi sẽ không nguyền rủa kẻ đã sinh ra mình đâu."

Lời hắn nói tác động đến tôi một cách kỳ lạ. Tôi thương hại hắn, và đôi khi còn cảm thấy muốn an ủi hắn; nhưng nhìn lên đống thịt đang cử động và mở miệng nói kia, tôi muốn ói ra vì kinh tởm, tình cảm tôi lại chuyển thành kinh hãi và căm ghét. Tôi cố gắng che giấu những xáo trộn này; tôi nghĩ tuy mình chẳng đời nào thông cảm được với hắn, tôi cũng không có quyền từ chối đem lại cho hắn chút hạnh phúc nhỏ nhoi mà tôi đủ quyền lực để ban phát.

"Mi thề," tôi nói, "sẽ không làm hại ai; nhưng chẳng lẽ mi đã không tỏ cái thiên hướng xấu xa tới một mức độ đủ để khiến ta mất tin tưởng? Biết đâu đó chỉ là ngón giả vờ để thổi phồng sự đắc thắng của mi bằng cách tìm được một phạm vi trả thù càng thêm rộng lớn."

"Ngài nói cái gì vậy? Đừng có đùa với tôi, và tôi đòi hỏi một câu trả lời. Khi tôi không có chút nào bạn bầu và thương yêu, căm ghét và tội ác sẽ là số của phận tôi; tình yêu của người khác sẽ tiêu diệt những nguyên nhân gây ác; tôi sẽ giấu biệt sự tồn tại của mình để chẳng còn ai biết đến. Tội lỗi của tôi là con đẻ của cảnh sống cô đơn bắt buộc mà tôi vốn khiếp hãi; chia sẻ cuộc đời với kẻ bằng vai phải lứa tất sẽ trở lại trong tôi mọi đức hạnh. Tôi sẽ cảm thấy tình yêu thương trìu mến của một sinh vật biết xúc cảm, và được

thấy mình là một mắt xích trong chuỗi liên hệ cuộc sống và các sự kiện mà hiện tôi hoàn toàn bị loại ra ngoài."

Tôi im lặng một lúc để ngẫm nghĩ về những điều hắn nói, những lý lẽ khác nhau hắn dùng. Tôi nghĩ đến hắn lúc đầu đời, những đức tính hắn đã thể hiện, và mọi tình cảm tử tế tiếp đó bị xua sạch bởi sự ghét bỏ, ghê tởm của những người che chở đối với hắn. Tôi cũng không bỏ qua sức mạnh và những lời dọa dẫm của hắn: một sinh vật sống nổi trong những hang đá của biển băng, trốn thoát mọi truy đuổi giữa những vách vực thẳm cheo leo không ai leo lên được, hắn có những năng lực ghê gớm không ai đương đầu nổi. Nghĩ mãi tôi kết luận rằng công lý thuận cho cả hai phía, hắn lẫn anh em bạn bè tôi, đòi hỏi tôi phải thuận theo đề nghị của hắn. Tôi bèn quay lại hắn, bảo:

"Ta chấp nhận đòi hỏi của mi, mi hãy thề sẽ vĩnh viễn rời khỏi châu Âu, xa tất cả những nơi có người ở, ngay khi ta trao cho mi một sinh vật nữ để đồng hành với mi tới chốn lưu đày."

"Tôi xin thề," hắn kêu lên, "có mặt trời, bầu trời màu xanh trên cao kia, cùng với ngọn lửa tình nung nấu trái tim tôi chứng giám, nếu như ngài thỏa mãn được cầu xin của tôi, ngài sẽ không nhìn thấy tôi lần nữa chừng nào chúng còn tồn tại. Ngài hãy về nhà ngay, rồi bắt đầu công việc của ngài đi; tôi sẽ theo dõi mà không lên tiếng về niềm lo âu khắc khoải của mình; và đừng sợ vì tôi sẽ chỉ xuất hiện khi ngài đã sẵn sàng."

Nói xong hắn đột ngột bỏ đi, có lẽ sợ tôi thình lình đổi ý. Tôi nhìn hắn xuống núi, lao nhanh hơn đại bàng bay, rồi mất hút sau mặt biển băng nhấp nhô.

Nghe câu chuyện hắn kể mất cả một ngày dài; khi hắn ra đi, mặt trời đã xuống tới chân trời. Tôi biết mình phải mau mau xuống thung lũng, nếu không sẽ bị chìm lấp trong bóng tối, tuy nhiên tim tôi nặng trĩu, bước chân tôi lê không nổi. Lần theo con đường nhỏ chạy quanh co trên sườn núi, và cố đặt chắc từng bước chân, cũng làm tôi bải hoải, dù đầu óc còn bận bịu những xúc động do những sự kiện vừa qua. Đêm về khuya lắm rồi tôi mới tới nơi nghỉ chân ở lưng chừng núi, và ngồi xuống cạnh con suối. Ánh sao lúc tỏ lúc mờ, mây cứ bay ngang qua bầu trời khi ngớt khi không; trước mặt tôi sừng sững những ngọn thông đen sì; và cứ đôi chỗ lại có thân cây gãy nằm dưới đất; quang cảnh trang nghiêm một cách hùng vĩ, khơi lên những ý nghĩ lạ

lùng trong tôi. Tôi bật khóc một cách chua xót, đau đớn chắp hai tay lại kêu lên: “Ôi! Các vì sao, trời mây, gió lộng, các ngươi chỉ vây lấy mà giễu cợt ta: nếu thật tình thương xót, xin hãy nghiền nát mọi cảm giác và trí nhớ đi; để cho ta hoàn toàn hư hóa; nhưng nếu không, xin hãy đi đi, đi đi, để ta lại trong bóng tối.”

Quả là những ý nghĩ hoang dại và khốn khổ; nhưng tôi không thể tả được cho anh hiểu ánh sao nhấp nhánh vĩnh cửu đè nặng lên đầu tôi thế nào, nghe thấy gió cứ tưởng gió Sirocco[48] từ sa mạc thổi về đang thiêu cháy tôi.

Tới làng Chamounix thì đã hửng sáng; tôi không nghỉ mà đi thẳng về Geneva. Tự đáy lòng, tôi cũng không diễn đạt nổi những cảm giác của mình lúc ấy là như thế nào nữa, chúng đè nặng lên tôi như một trái núi, nghiền nát ngay chính nỗi đau của tôi. Cứ như vậy tôi trở về nhà, vào gặp gia đình. Vẻ mặt bơ phờ điên dại của tôi khiến ai nấy hốt hoảng; tuy nhiên tôi không trả lời gì cả, hầu như chỉ im lặng không hé môi. Tôi cảm thấy như mình đang mang trên mình lệnh cấm, như thể mình không có quyền đòi hỏi lòng thông cảm của họ, thậm chí suốt đời không được hưởng niềm vui ở bên họ nữa. Mặc dù vậy tôi vẫn yêu quý đến sùng bái họ, và để cứu thoát họ khỏi tai họa đang lơ lửng, tôi quyết tâm lại lao vào cái công cuộc tôi đã ghê tởm đến tột độ. Nghĩ đến công cuộc đó đang chờ đợi trong tương lai khiến cho tất cả mọi thứ ở đời này lướt qua trước tôi như mộng ảo, chỉ còn riêng ý nghĩ đó đối với tôi còn là thực tại mà thôi.

Chương 18

Ngày ngày qua đi, tuần tuần qua đi kể từ khi tôi trở về Geneva; nhưng tôi vẫn không đủ can đảm bắt đầu lại công việc. Tôi sợ sự trả thù của con quỷ khi thất vọng, thế nhưng không thể thắng nổi nỗi ghê tởm cái nhiệm vụ buộc phải làm. Tôi phát hiện mình không thể tạo ra một phiên bản nữ mà không mất thêm nhiều tháng trời nghiên cứu công phu nữa. Tôi đã nghe nói đến một số phát minh của một nhà khoa học tự nhiên người Anh, phải nắm vững được chúng mới đảm bảo được thành công của công việc tôi; và đôi khi tôi đã nghĩ đến chuyện xin phép cha tôi sang Anh vì mục đích này; nhưng rồi cứ lấy hết lý do này đến lý do khác trì hoãn bước đầu tiên của công cuộc mà càng ngày tôi càng thấy ít khẩn thiết hơn. Thật sự trong tôi cũng có một vài thay đổi; sức khỏe trước đang suy yếu của tôi nay đã hồi phục nhiều, và tinh thần, khi nào tạm thoát khỏi nỗi ám ảnh về lời hứa khốn khổ kia, cũng khá lên đáng kể. Cha tôi mừng rỡ quan sát sự thay đổi này, và nay chỉ bận tâm nghĩ cách làm sao diệt được tận gốc di chứng nỗi đau buồn của tôi, thỉnh thoảng lại tấn công thình lình từng đợt, kéo màn đêm sầm tối che khuất ánh nắng đang tới gần. Những lúc ấy tôi ẩn mình ở một nơi cô liêu hoàn hảo; suốt ngày tôi lênh đênh trên hồ trong một con thuyền nhỏ, nhìn mây trôi, nghe tiếng sóng gợn lăn tăn, lơ đãng không nói không rằng. Nhưng rốt cuộc khí trời mát mẻ, ánh mặt trời rực rỡ luôn làm tôi bình tĩnh lại, và tôi trở về nhà cùng những tiếng chào của người thân với nụ cười tươi tắn hơn và trái tim còn náo nức hơn.

Một lần, sau chuyến lang thang như vậy, cha tôi gọi tôi lại bảo:

"Con trai yêu quý, cha sung sướng mà thấy con hầu như đã trở lại là con, đã lại vui với những thú vui ngày trước. Tuy nhiên con vẫn có vẻ không vui, và vẫn lánh mặt mọi người. Lâu nay cha cứ đoán già đoán non không nổi về nguyên nhân của nó, nhưng hôm qua một ý tưởng chợt đến với cha, và nếu đúng, cha thiết tưởng con cần thừa nhận. Dè dặt trong chuyện đó quả không cần thiết, chưa kể còn làm cả nhà khổ gấp mấy lần nữa."

Tôi run bắn cả người trước đoạn mào đầu ấy, và cha tôi nói tiếp:

"Con ơi, thú thật với con là lúc nào cha cũng mong chờ đám cưới của

con với Elizabeth yêu quý để thắt chặt tình thân trong gia đình chúng ta, và đảm bảo cha có chỗ nương tựa lúc tuổi già. Hai con đã gắn bó với nhau từ lúc bé, lại cùng học với nhau, thiên hướng, thị hiếu đều tỏ ra hoàn toàn tương hợp. Nhưng người ta đôi khi có mắt như mù, biết đâu những điều ta tưởng sẽ trợ giúp đắc lực nhất cho kế hoạch của ta lại phá vỡ nó hoàn toàn. Có thể, con chỉ coi cô bé như em gái, không hề có ý muốn lấy cô làm vợ. Hoặc giả con đã yêu ai đó khác, và vì cho rằng đã bị ràng buộc với cô bởi danh dự, cơn đấu tranh tư tưởng có lẽ đã gây ra nông nỗi khổ cực con đang phải mang chăng."

"Cha ơi, cha cứ yên tâm. Con yêu nàng chân thành và tha thiết. Con chưa hề gặp người đàn bà nào tạo cho con những tình cảm thương yêu và khâm phục nồng nhiệt nhất như nàng. Tương lai và hy vọng của con hoàn toàn nằm trong cuộc hôn nhân đang chờ đợi của chúng con."

"Victor thân yêu, những tình cảm con giãi bày về vấn đề này đưa lại cho cha niềm vui mà đã lâu rồi cha không còn cảm thấy. Nếu con nghĩ vậy, nhất định là chúng ta sung sướng vô cùng, cho dù mấy sự kiện hiện tại có phủ bóng u ám lên chúng ta tới mức nào. Nhưng chính sự u ám này, có vẻ tác động đến tâm trí con quá mạnh, là điều cha muốn xua tan. Vì vậy hãy cho cha biết liệu con có phản đối tổ chức tức thời hôn lễ hay không? Vừa qua chúng ta thật không may, chuyện rủi ro đã phá tan bầu không khí yên tĩnh thường nhật cần thiết cho tuổi già sức yếu của cha. Con tuy còn trẻ thật, nhưng cha cho rằng với tài sản đủ sống phong lưu, kết hôn quá sớm cũng không gây trở ngại gì cho con trong những dự định tương lai đầy vinh quang và cống hiến con đang ấp ủ. Dĩ nhiên, cũng không nên nghĩ rằng cha áp đặt hạnh phúc ấy cho con, hoặc sự trì hoãn mà con cần đến sẽ khiến cha bất an nghiêm trọng. Hãy mở rộng lòng mà hiểu những lời cha nói rồi hãy trả lời cha thành thật và tin cậy, cha trịnh trọng đề nghị con đấy."

Tôi im lặng lắng nghe cha mình, và suốt một lúc lâu không biết trả lời thế nào. Tôi suy đi xét lại vô vàn ý nghĩ trong óc, cố đi đến kết luận. Hỡi ôi! Ý nghĩ thành hôn ngay với Elizabeth đối với tôi thật kinh khủng, làm tôi mất hết tinh thần. Tôi đang bị buộc vào một lời hứa trang nghiêm mà tôi chưa thực hiện xong, mà cũng không dám phá vỡ; nếu tôi phá vỡ thì hàng vạn thứ tai họa gì sẽ treo lơ lửng trên đầu tôi và gia đình yêu quý của tôi! Làm sao tôi có thể lao vào hội hè yến tiệc tưng bừng với cái gánh nặng chết người ấy còn đang đeo trên cổ, ghì tôi xuống tận mặt đất. Tôi phải hoàn thành xong cam kết của mình, cho con quái vật đem vợ hắn đi theo đã, rồi mới có thể cho phép mình vui hưởng được cuộc hợp hôn mà tôi hy vọng sẽ

đem lại yên bình.

Tôi cũng nhớ rõ mình nhất thiết phải thực hiện một trong hai việc, hoặc đi Anh hoặc bắt đầu trao đổi thư từ phương xa với các nhà khoa học tự nhiên Anh, thiếu kiến thức và phát minh của họ tôi không thể tiến hành được công cuộc sắp tới. Lựa chọn sau tỏ ra mất nhiều thì giờ mà không đưa lại kết quả hài lòng; hơn nữa tôi ghê tởm cái ý tưởng lao vào cái việc kinh khủng ấy ngay trong nhà cha tôi, trong lúc vẫn hàng ngày chuyện trò thân thiết với những người tôi yêu thương. Tôi biết hàng ngàn tai ương đáng sợ có thể xảy ra, chỉ bất cẩn chút xíu thôi cũng có thể lộ ra câu chuyện sẽ làm người thân của tôi run lên khiếp hãi. Tôi cũng biết tôi sẽ thường xuyên đánh mất mọi cố gắng tự chủ, mọi khả năng che giấu những cảm giác nhiễu loạn chắc chắn sẽ đến với tôi trong quá trình phản tự nhiên này. Tôi sẽ phải lánh mặt mọi người thân yêu trong khi làm việc ấy. Một khi đã bắt đầu, phải hoàn tất cho nhanh, và có thể tôi sẽ được trả lại cho gia đình trong thanh thản và hạnh phúc. Tôi thực hiện xong lời hứa, con quái vật kia sẽ ra đi vĩnh viễn. Cũng có thể (tôi vuốt ve tưởng tượng này) biết đâu có sự kiện gì đó xảy ra sẽ hủy diệt hắn đi và tôi sẽ mãi mãi thoát khỏi cảnh nô lệ.

Từ những cảm nghĩ này, tôi trả lời được cha tôi. Tôi bày tỏ mong muốn được thăm nước Anh, dĩ nhiên giấu lý do thực, tôi khoác lên đề nghị của mình một lớp vỏ khiến không ai nghi ngờ; tôi nói lên nguyện vọng một cách thiết tha khiến cha tôi dễ dàng thuận theo. Sau cả một thời kỳ chìm đắm trong sầu não, mà xét về mức độ và ảnh hưởng đã gần đến như chứng tâm thần, cha tôi lấy làm mừng thấy tôi vẫn còn khả năng tìm được niềm vui trong ý tưởng du lịch dài ngày ấy, và ông hy vọng sự thay đổi cảnh trí và những thú giải khuây mới lạ sẽ làm tôi hoàn toàn trở lại như trước khi tôi trở về nhà.

Tôi sẽ đi bao lâu là tùy tôi chọn lựa. Vài tháng, có thể một năm, dự định là như thế. Với tính thận trọng do tình cảm ân cần của người cha, cha tôi tìm cách bảo đảm cho tôi một bạn đồng hành. Không cần bàn luận trước với tôi, ông hội ý với Elizabeth, thu xếp cho Clerval gặp tôi tại Strasburgh. Việc này đã cản trở sự cô độc mà tôi mong muốn để tiến hành nhiệm vụ của mình; tuy nhiên khi mới khởi đầu cuộc hành trình, bạn tôi chẳng gây vướng víu gì cho tôi cả, và tôi thực sự vui mừng khi anh cứu tôi khỏi nhiều giờ phút một mình với những suy tưởng dễ khiến người ta điên dại. Hơn nữa, Henry còn là vật cản không cho con quỷ xâm nhập đến chỗ tôi. Nếu có mình tôi, liệu hắn có tha cho mà không chốc chốc lại xuất đầu lộ diện, thúc giục tôi làm nhiệm vụ hoặc xem xét tiến triển công việc đến đâu?

Vậy là tôi sẽ đi Anh, và hôn lễ với Elizabeth được hiểu ngầm là sẽ tiến hành ngay khi tôi trở lại. Tuổi tác của cha tôi không cho phép việc này kéo dài mãi. Phần tôi, tôi tự hứa hẹn một phần thưởng cho mình sau công việc cực nhọc mà tôi ghét cay ghét đắng ấy, một sự an ủi cho nỗi khổ không gì sánh nổi ấy: đó là mơ tưởng về cái ngày tôi được giải phóng khỏi cảnh nô lệ cùng cực, hợp nhất với Elizabeth, vĩnh viễn quên đi quá khứ trong cuộc sống với nàng.

Thế là tôi chuẩn bị cho chuyến đi, duy có một điều ám ảnh làm tôi vô cùng hoang mang lo sợ. Trong suốt thời gian vắng nhà, tôi sẽ để người thân của tôi ở lại không biết gì về sự tồn tại của kẻ thù, không được bảo vệ khỏi sự tấn công của hắn, một điều rất dễ xảy ra khi hắn điên giận đến thế vì thấy tôi ra đi. Nhưng hắn đã nói sẽ theo tôi đến cùng kia mà; thế nào hắn chẳng theo tôi sang Anh? Hình dung ấy hãi hùng thật, nhưng lại giúp yên lòng, nếu xét rằng nó đảm bảo an toàn cho các bạn tôi ở nhà. Tôi kinh hoàng nghĩ rằng biết đâu điều ngược lại có thể xảy ra. Tuy nhiên suốt cả quá trình làm nô lệ cho sinh vật của mình, tôi tự cho phép mình tuân theo trực giác trong từng giây phút, và cảm giác hiện tại của tôi cho biết mạnh mẽ rằng con quái vật ấy sẽ theo tôi, và tránh cho gia đình tôi khỏi những mưu đồ nguy hiểm của hắn.

Cuối tháng Chín lần thứ hai tôi rời chân khỏi quê hương xứ sở. Chuyến đi này do chính tôi đề xuất, vì vậy Elizabeth thuận lòng; nhưng nàng đầy xao xuyến khi hình dung tôi, ở một nơi rất xa nàng, đang phải chịu đựng những đợt tấn công liên tiếp của đau buồn và khổ sở. Chính sự quan tâm ân cần của nàng đã trao Clerval cho tôi làm đồng bạn, thế nhưng đàn ông vốn mù trước hàng nghìn tiểu tiết, vốn đòi hỏi sự chăm chút kỹ càng của bàn tay phụ nữ. Nàng những muốn yêu cầu tôi sớm trở lại; bao nhiêu tình cảm xung đột khiến nàng không thốt nổi thành lời, và chia tay tôi thầm lặng trong nước mắt.

Tôi ném mình vào chiếc xe ngựa sẽ đưa tôi đi, chẳng biết mình đi đâu nữa, cũng chẳng để ý xem những gì đang xảy ra chung quanh mình. Tôi chỉ còn nhớ một điều, với nỗi chua xót đắng cay, yêu cầu người ta đóng gói các dụng cụ thí nghiệm theo tôi. Trong đầu tưởng tượng đủ các chuyện ghê gớm, tôi vượt qua bao cảnh đẹp hùng vĩ nhưng đôi mắt trơ trơ nhìn phía trước chẳng thấy gì. Tôi chỉ có thể nghĩ về mục đích của chuyến đi và công việc phải làm trong suốt thời gian đi xa.

Sau ít ngày lờ phờ không hứng thú, qua hết dặm đường này đến dặm

đường khác, tôi đến Strasburgh và ở đây hai ngày chờ Clerval. Anh đến. Ôi chao, anh và tôi mới trái ngược nhau làm sao! Anh linh hoạt hẳn lên mỗi khi nhìn thấy một quang cảnh mới, anh vui tươi trước vẻ đẹp của mặt trời lặn, càng sung sướng hơn lúc vầng dương hửng dần bắt đầu một ngày mới. Anh chỉ cho tôi xem sự biến chuyển của màu sắc trong cảnh vật, và những thiên tượng trên bầu trời. "Sống thế này mới là sống chứ!" anh kêu lên, "bây giờ mới đúng là tôi đang hưởng thụ cuộc đời! Nhưng còn bạn, Frankenstein thân mến ơi, sao trông bạn nản chí và buồn thảm quá vậy?" Thực tế tôi còn mải bận tâm vì những ý nghĩ u ám, nào có thấy sao Hôm đang lặn, ánh vàng mặt trời đang lên phản chiếu trên sông Rhine. Và bạn yêu quý ạ, hẳn bạn sẽ thích thú hơn nhiều khi đọc cuốn nhật trình của Clerval, trong đó cảnh vật được nhìn với cặp mắt hân hoan đầy cảm xúc, chứ không phải lắng nghe những suy tư ủ dột của tôi. Tôi, kẻ khốn khổ khốn nạn, ám ảnh bởi một lời nguyền đã tuyệt hết đường dẫn đến mọi niềm vui sướng hân hoan.

Chúng tôi thỏa thuận sẽ xuôi thuyền dọc theo sông Rhine từ Strasburgh đến Rotterdam, từ đây có thể lên tàu thủy đi London. Cuộc hành trình đưa chúng tôi qua bao hòn đảo phủ đầy dương liễu và vài thị trấn xinh đẹp. Chúng tôi dừng chân một ngày ở Manheim, và tới ngày thứ năm của cuộc phiêu du, đã đến Mayence. Sau Mayence thì phong cảnh hai bên sông Rhine ngày càng đẹp như tranh. Dòng sông chảy nhanh hơn, uốn lượn quanh các ngọn đồi không cao lắm nhưng dốc nghiêng với hình thù đẹp mắt. Chúng tôi nhìn thấy nhiều lâu đài đổ nát đứng chênh vênh trên các bờ vực thẳm, lọt giữa những cánh rừng tối đen cao vời, bất khả xâm phạm. Quả thật, đoạn này của sông Rhine quang cảnh thật là biến ảo: vừa trông thấy những ngọn đồi lởm chởm và các phế tích lâu đài trên vách núi, bên dưới là dòng sông đen chảy xiết, chỉ ngoặt qua một mũi đá đã lại là những đồng nho sum suê, bờ xanh thoai thoải, với dòng sông uốn lượn, thị trấn tấp nập hai bên.

Chúng tôi đi qua đúng mùa nho, và xuôi theo dòng nước, chúng tôi nghe thấy bài ca của những người trồng nho. Ngay cả tôi, tâm tư đang u ám, tinh thần thường xuyên thảng thốt vì những cảm xúc não nề, tôi cũng phải vui lên. Nằm ở đáy thuyền nhìn lên bầu trời không gợn mây, tôi hầu như đang thấm vào trạng thái thanh thản đã lâu nay xa lạ với tôi. Và nếu tôi mà còn như thế, thử hỏi Henry còn sung sướng thế nào? Anh cảm thấy mình đã đến xứ sở thần tiên, tận hưởng niềm hạnh phúc người đời ít khi biết tới. "Mình đã thăm những cảnh đẹp nhất của quê hương mình," anh nói, "đã thăm những con hồ vùng Lucerne và Uri, nơi những ngọn núi phủ tuyết lao thẳng đứng xuống mặt nước tạo nên những bóng tối thăm thẳm không xâm

nhập được, lẽ ra đã tạo cảm giác ảm đạm thê lương nếu không có những hòn đảo xanh rì tươi tắn xoa dịu con mắt; mình cũng đã được nhìn thấy hồ này trong cơn bão, gió tốc từng cột nước lên cho chúng ta hình dung vòi rồng trên biển là như thế nào; và những con sóng giận dữ táp vào chân núi, nơi ngày xưa vị tu sĩ cùng với người yêu bị một tảng tuyết lở đè bẹp, tiếng kêu hấp hối của họ nghe đồn vẫn còn nghe thấy khi gió đêm tạm lắng[49]; mình đã nhìn thấy núi ở La Valais hay Pays de Vaud; nhưng Victor ơi, cái đất nước này làm mình thích thú hơn tất cả những kỳ quan ấy. Núi ở Thụy Sĩ kỳ lạ và hoành tráng hơn, tuy nhiên hai bờ con sông này có cái duyên dáng thần thánh không đâu sánh được. Cứ nhìn tòa lâu đài cheo leo trên vách đá kia; lại một tòa trên hòn đảo kia nữa, hầu như lẩn mất giữa tán lá dày đặc của hàng cây đẹp đẽ; kìa là một nhóm người trồng nho từ đồng nho đi ra; cả nửa ngôi làng khuất sau hẻm núi kia nữa. Ôi! vị thần cư ngụ và cai quản nơi này hẳn phải có tâm hồn hòa hợp với loài người hơn kẻ đã dựng những cột băng cao ngất, hoặc lui vào ẩn dật trên những đỉnh núi không ai tới được của đất nước chúng ta.”

Ôi Clerval! Người bạn thân yêu! Đến tận bây giờ tôi vẫn còn tìm được niềm vui khi nhắc lại những lời nói của bạn, và nhắc đi nhắc lại những lời khen bạn xứng đáng đến vậy. Clerval là một sinh linh được tạo ra từ *‘chính chất thơ của thiên nhiên’*[c]. Trí tưởng tượng phóng khoáng và dào dạt của anh được gọt giũa nhờ trái tim nhạy cảm. Tâm hồn anh tràn đầy tình yêu thương nồng cháy, tình bạn của anh là thứ tình cảm tận tụy và kỳ diệu mà đám người đầu óc thực tế giảng cho ta rằng chỉ có trong tưởng tượng. Nhưng ngay cả những mối đồng cảm của con người cũng không đủ thỏa mãn tâm hồn đầy khao khát của anh. Cảnh vật thiên nhiên ngoại giới, thứ người khác chỉ biết đứng xa ngưỡng mộ, được anh yêu nồng nhiệt:

Thác đổ ầm ầm
ám ảnh anh như một đam mê; vách đá cheo leo,
núi non hùng vĩ, rừng thẳm âm u,
những màu sắc dáng hình đủ thỏa mãn
lòng khao khát nơi anh, yêu thương, cảm xúc,
chẳng cần nhờ đến suy tư, hay hấp dẫn từ xa,
hay thích thú không do mắt ta đưa lại.[d]

Và bây giờ bạn đang tồn tại nơi đâu? Lẽ nào sinh linh dịu dàng dễ

thương bạn tôi đã mất đi vĩnh viễn? Lẽ nào tâm trí bạn, đầy ắp ý nghĩ và tưởng tượng phong phú tuyệt vời, đã tạo nên cả một thế giới chỉ tồn tại khi mà người tạo ra nó còn sống trên đời này, lẽ nào tâm trí đó đã bị hủy diệt? Có phải nó chỉ còn tồn tại trong ký ức tôi? Không, không phải thế; hình hài đẹp đẽ ngời ngời như thần thánh của bạn đã tan rữa đi, nhưng linh hồn bạn vẫn về thăm và an ủi kẻ bất hạnh này.

Hãy thứ lỗi cho cơn buồn đau bột phát này, những lời vô dụng vừa rồi chẳng qua là một kính viếng nhẹ nhàng gửi tới bạn Henry vô giá của tôi, nhưng chúng làm dịu trái tim tôi đang đau đớn bởi những kỷ niệm về anh. Tôi sẽ tiếp tục câu chuyện.

Sau Cologne chúng tôi xuống tới đồng bằng Hà Lan và quyết định đi tiếp chặng đường còn lại bằng xe trạm, vì lúc này gió thổi ngược chiều mà dòng nước sông lại chảy quá yếu nên đi thuyền không thuận lợi.

Giờ đây cuộc hành trình của chúng tôi không còn được cái thích thú do cảnh đẹp đưa lại, tuy nhiên chỉ vài ngày sau đã đến Rotterdam, từ đó chúng tôi xuống tàu thủy đi Anh. Vào một buổi sáng trời trong vắt cuối tháng Mười hai, lần đầu tiên tôi nhìn thấy những vách núi trắng xóa của nước Anh. Hai bên bờ sông Thames là một cảnh đẹp mới mẻ, bằng phẳng nhưng màu mỡ, và hầu như mỗi thành phố đều gợi lại một câu chuyện nào đó. Chúng tôi nhìn thấy pháo đài Tilbury và nhớ lại đội chiến thuyền Tây Ban Nha; sau đó là Gravesend, rồi Woolwich và Greenwich, những nơi mà thậm chí ở nước tôi cũng đã nghe nói đến.

Cuối cùng chúng tôi nhìn thấy cơ man là tháp chuông nhà thờ của London, ngọn tháp nhà thờ Thánh Paul vượt lên trên tất cả, rồi đến Tháp London lừng danh trong lịch sử Anh quốc.

Chương 19

London là nơi dừng chân hiện tại của chúng tôi; chúng tôi quyết định ở lại nhiều tháng trong thành phố kỳ diệu và nổi tiếng này. Clerval chú trọng giao lưu với các thiên tài đang phát triển rất đông vào thời kỳ này, nhưng với tôi đó chỉ là mục đích thứ yếu, tôi chủ yếu lo tìm cách thu thập thông tin cần thiết cho việc hoàn tất lời hứa của mình, và mau chóng lợi dụng các thư giới thiệu mang theo, gửi đến các nhà khoa học tự nhiên lỗi lạc nhất.

Giá như chuyến du hành này diễn ra vào thời tôi còn đang học tập, đang hạnh phúc, hẳn nó đem lại cho tôi niềm sướng vui khôn tả. Nhưng tai họa đã giáng xuống đầu tôi, và tôi tới thăm các học giả xuất sắc đó chỉ nhằm kiếm được những thông tin về đề tài tôi đang quan tâm sâu sắc vì lý do khủng khiếp của mình. Sự có mặt của người khác thường làm tôi khó chịu thêm; khi ở một mình tôi tha hồ để khung cảnh trời đất tràn vào tâm trí; giọng nói Henry làm dịu tâm hồn tôi: tôi tự lừa dối mình được yên bình tuy chỉ là tạm bợ. Nhưng những khuôn mặt hớn hở tầm thường lượn lờ xung quanh chỉ tổ làm cho trái tim tôi trở lại nặng nề tuyệt vọng. Giữa đồng loại và tôi có một rào cản không sao vượt qua được, bức rào được gắn xi bằng máu của William và Justine; và nhớ lại những sự kiện gắn với hai người ấy khiến cho lòng tôi đau đớn khôn cùng.

Nhưng ở Clerval tôi nhìn thấy chính con người trước kia của mình, luôn tò mò học hỏi cốt được thêm hiểu biết và chỉ dẫn. Những phong tục khác lạ mà anh chứng kiến trở thành nguồn trau dồi kiến thức và niềm vui vô tận của anh. Anh còn đang theo đuổi một mục đích hình thành từ rất lâu rồi. Dự định của anh là tới thăm Ấn Độ, với niềm tin mình đã hiểu biết chắc chắn về những ngôn ngữ khác nhau ở đó, và với quan điểm của mình về xã hội Ấn cùng những biện pháp cụ thể giúp đẩy nhanh quá trình thuộc địa hóa và trao đổi thương mại của châu Âu. Chỉ có ở Anh anh mới tấn tới được trong kế hoạch của mình. Lúc nào anh cũng bận bịu; điều duy nhất cản trở niềm vui của anh là tâm hồn đầy sầu não chán chường của tôi. Tôi cố hết sức che giấu nó để khỏi ngăn cản hứng thú hết sức tự nhiên của một con người, vừa bước vào cảnh đời mới, chẳng bị rối óc vì lo âu hoặc vì hồi ức cay đắng nào. Tôi thường từ chối đi cùng anh, tạ sự đã có hẹn vì việc này việc nọ, để được ở một mình. Tôi cũng đã bắt đầu thu thập vật liệu cần thiết cho sinh vật mới

của mình, và với tôi việc này chẳng khác gì bị tra tấn bằng từng giọt nước liên tục nhỏ xuống đầu. Mỗi ý nghĩ về nó là một niềm thống khổ tột cùng; mỗi lời ám chỉ đến nó khiến môi tôi run rẩy, tim tôi đập dữ.

Ở London được mấy tháng, chúng tôi nhận được thư từ một người Scotland đã từng thăm chúng tôi ở Geneva. Anh ta tả lại cảnh đẹp quê hương, và muốn biết liệu những cảnh ấy có đủ hấp dẫn chúng tôi kéo dài chuyến du lịch tới tận Perth, nơi anh ta ở. Clerval hăm hở muốn nhận lời, còn tôi tuy đang kinh sợ phải gần gũi mọi người, nhưng lại mong được lần nữa nhìn thấy núi non, sông suối và những kỳ quan mà Tự nhiên tô điểm cho nơi nàng chọn cư ngụ.

Chúng tôi đến London đầu tháng Mười, nay đã là tháng Hai. Chúng tôi quyết định sẽ bắt đầu chuyến du hành lên Bắc vào cuối tháng tiếp, và không định theo con đường lớn đi Edinburgh mà sẽ qua Windsor, Oxford, Matlock và các hồ ở Cumberland, và sẽ hoàn tất chuyến đi khoảng cuối tháng Bảy. Tôi gói ghém cả các dụng cụ thí nghiệm theo, cả vật liệu đã gom góp được, định bụng sẽ kết thúc công việc cực nhọc này ở một xó hẻo lánh nào đó vùng cao nguyên Scotland.

Chúng tôi rời London ngày 27 tháng Ba, ở lại Windsor vài ngày lang thang trong khu rừng tuyệt đẹp ở đó. Quả là một cảnh trí khác lạ đối với người vùng núi chúng tôi: những cây sồi uy nghi, vô vàn thú săn, những bầy hươu oai vệ, tất cả đều mới mẻ đối với chúng tôi.

Từ đây chúng tôi đi Oxford. Vào đến thành phố, đầu óc chúng tôi hồi tưởng ngay đến bao sự kiện đã xảy ra cách đây một thế kỷ rưỡi về trước. Charles I đã chiêu binh mãi mã ở nơi này. Thành phố vẫn trung thành với ông sau khi toàn dân tộc đã bỏ rơi chính nghĩa ông đeo đuổi để gia nhập dưới lá cờ của chế độ nghị viện và tự do. Hồi ức về vị vua bất hạnh này cùng các bè bạn của ông, Falkland tử tế, Goring hỗn xược, hoàng hậu của ông, con trai ông, khiến mỗi góc phố được cho rằng từng là nơi họ ở đều trở nên đáng lưu tâm đặc biệt. Linh hồn của những ngày xa xưa đã tìm được chỗ trú ngụ ở nơi này, chúng tôi hào hứng lần theo những bước chân ấy. Cho dù những tình cảm này không được ban thưởng trong tưởng tượng đi chăng nữa, chỉ riêng vẻ đẹp của thành phố cũng đủ để chúng tôi đem lòng ngưỡng mộ. Các trường đại học rất cổ xưa, đẹp như tranh, phố xá huy hoàng tráng lệ, và con sông Isis xinh đẹp lững lờ trôi bên cạnh thành phố qua những thảm cỏ

xanh ngăn ngắt rồi chảy ra một vùng nước rộng lớn êm ả, phản chiếu toàn cảnh các tháp chuông, mái chóp, mái vòm, ấp ủ giữa những vòm cây cổ thụ.

Cảnh tượng ấy làm tôi thích thú vô cùng, nhưng niềm phấn khởi của tôi chỉ thêm chua xót bởi hồi ức về quá khứ và dự cảm tới tương lai. Tôi vốn là người sinh ra để hưởng thụ hạnh phúc êm đềm. Tuổi trẻ tôi chưa bao giờ hiểu thế nào là bất mãn; và nếu có bao giờ cơn chán chường xâm chiếm, thì mắt được nhìn cái đẹp giữa thiên nhiên, đầu óc được theo đòi những gì ưu tú và siêu phàm do sáng tạo của con người, sẽ luôn trả lại cho trái tim tôi hứng thú, truyền tới cho tinh thần tôi khả năng phục hồi. Thế nhưng giờ đây tôi là một cái cây bị đánh tan hoang; tia sét đã giáng xuống hồn tôi; và tôi cảm thấy tôi chỉ đang sống sót để trưng bày nốt, trong sự tồn tại ngắn ngủi còn lại của mình, cảnh tượng thảm hại về con người đang cùng quẫn, đáng thương trong mắt người khác, và không chịu nổi trước mắt chính mình.

Chúng tôi trải qua một thời gian khá lâu tại Oxford, lang thang khắp các vùng phụ cận, cố xác định từng địa điểm liên quan đến giai đoạn sôi nổi nhất trong lịch sử nước Anh này. Những chuyến khám phá nho nhỏ của chúng tôi thường kéo dài thêm bởi nhiều đối tượng mới liên tiếp hiện ra trên đường tôi gặp. Chúng tôi thăm mộ Hampden đầy vinh hiển, và cánh đồng nơi nhà ái quốc đã bỏ mình. Trong một lúc tâm hồn tôi được nâng cao khỏi những nỗi sợ thấp hèn và thảm hại của mình, để chiêm ngưỡng những ý tưởng cao quý về tự do và xả thân đã có được những cảnh vật này làm đài tưởng niệm và kỷ vật. Giây phút ấy tôi cả gan rũ bỏ hết xiềng xích, đưa mắt nhìn quanh với tinh thần cao cả và khoáng đạt; nhưng sắt xích đã cắn sâu vào da thịt tôi mất rồi, thế là tôi lại chìm nghỉm trở lại, run rẩy và mất hết hy vọng, vào trong bản thể thảm thương của mình.

Rời Oxford với lòng tiếc nuối, chúng tôi đi tới Matlock, nơi dừng chân tiếp theo. Khung cảnh thôn quê quanh ngôi làng này rất giống quang cảnh Thụy Sĩ, chỉ khác ở chỗ mọi thứ đều ở mức độ thấp hơn và những quả đồi xanh thiếu đi cái dáng vững chãi của ngọn Alps đỉnh bạc, vốn lúc nào cũng canh gác cho những dãy núi thông xanh của đất nước tôi. Chúng tôi vào thăm những hang đá vôi kỳ diệu, và những phòng trưng bày nhỏ về tự nhiên học, nơi các vật trưng bày được sắp xếp theo lối các căn triển lãm ở làng Servox và Chamou. Khi cái tên "Chamounix" thốt ra, từ chính miệng Henry, tôi run bắn cả người, và tôi vội vàng rời khỏi Matlock, nay đã gắn với cái sự kiện kinh khủng kia trên biển băng.

Từ Derby, chúng tôi tiếp tục đi lên phương Bắc, mất hai tháng trời ở Cumberland và Westmoreland. Giờ đây tôi tưởng như mình đang sống giữa núi non Thụy Sĩ. Những mảng tuyết trắng còn vương lại trên các sườn núi phía Bắc, những hồ nước, những dòng suối dội xuống ào ào qua vách đá, các cảnh tượng này với tôi sao mà quen thuộc và thân thương. Ở đây chúng tôi cũng làm quen được với một vài người, họ đều gần như đồng lòng với nhau muốn lừa bẫy tôi vào tâm trạng vui sướng. Sự hân hoan của Clerval hiển nhiên lớn hơn hẳn tôi; trí tuệ anh càng nảy nở khi ở cạnh những con người tài năng, và anh khám phá ra trong chính mình những tố chất và năng lực lớn lao phong phú hơn nhiều những gì anh dám mơ khi còn quan hệ với những kẻ thấp kém hơn mình. Anh bảo tôi: "Mình có thể sống ở đây cả đời, và giữa những ngọn núi này thì chẳng mấy luyến tiếc Thụy Sĩ và sông Rhine."

Nhưng rồi anh hiểu ra rằng một khách đường xa cũng nếm trải nhiều đau đớn giữa cuộc sống đầy hân hoan của hắn. Những cảm xúc của hắn lúc nào cũng căng ra; và khi vừa buông mình cho ngơi nghỉ êm đềm, hắn đã thấy mình bắt buộc phải từ bỏ nơi hắn đang ngụ lại dễ chịu nhường ấy để lên đường tìm cái mới, đến lượt nó lại thu hút mối quan tâm của hắn, và đến lượt nó lại bị quẳng lại để chạy theo những điều mới lạ khác.

Chúng tôi chỉ vừa thăm xong những con hồ phong phú ở Cumberland và Westmoreland, và bắt đầu mến yêu một vài cư dân vùng đó, thì cái hẹn với người bạn ở Scotland đã đến gần, và chúng tôi rời họ mà đi tiếp. Về phần tôi, tôi không cảm thấy nuối tiếc. Cho tới giờ tôi đã lơi là lời hứa khá lâu rồi, và tôi sợ những hậu quả của nỗi bất bình của tên ác thần. Rất có thể hắn còn ở lại Thụy Sĩ, đang trút thù hận vào đầu họ hàng tôi. Ý tưởng này đeo bám lấy tôi, giày vò tôi bất cứ lúc nào lẽ ra tôi tranh thủ nghỉ ngơi, bình tâm lại. Tôi chờ thư nhà tới trong niềm sốt ruột điên dại: thư chậm tới là tôi khổ sở không yên vì bao nỗi sợ hãi trong lòng; nhận được thư, nhìn chữ Elizabeth hoặc chữ cha tôi trên phong bì tôi lại không dám mở ra đọc bản án số phận mình. Đôi khi tôi nghĩ con quỷ vẫn theo tôi và có thể sẽ ám sát bạn đồng hành của tôi để thúc giục tôi đang chểnh mảng. Mỗi khi bị ý nghĩ này chi phối, tôi theo sát Henry không rời một bước, cứ như cái bóng của bạn tôi, nhằm bảo vệ anh tránh khỏi cơn giận dữ tưởng tượng của kẻ rắp tâm hủy diệt. Tôi cảm giác mình đã phạm một tội ác tày đình, ý thức về nó khiến tôi không lúc nào yên ổn. Thực tế tôi vô tội, nhưng tôi đã gọi về một lời nguyền lơ lửng trên đầu, chết chóc khác gì tội ác kia.

Tôi thăm Edinburgh với đôi mắt u sầu và tâm trạng héo hon, tuy rằng thành phố này có thể khiến những kẻ bất hạnh nhất cũng phải lấy làm thích thú. Clerval không thích nó bằng Oxford: sự cổ kính của Oxford hợp với anh hơn. Nhưng vẻ đẹp và sự cân đối, hài hòa của khu phố mới Edinburgh, tòa lâu đài thời lãng mạn của nó, cùng với vùng phụ cận, nơi đẹp đẽ nhất trên thế giới, Ngai vua Arthur, suối St. Bernard và dãy đồi Pentland đã bù lại sự thay đổi đó, và khiến anh tràn đầy hứng khởi và khâm phục. Riêng tôi vô cùng nóng ruột mong tới đích cuộc du hành.

Ở Edinburgh một tuần chúng tôi lại ra đi, qua Coupar, St Andrew's, và dọc theo sông Tay tới Perth, nơi bạn chúng tôi đang chờ. Nhưng tôi không lòng dạ nào mà cười nói với người lạ; cũng khó lòng tham gia những cảm xúc và dự định của họ một cách hào hứng và vui nhộn như một người khách lịch thiệp; vì vậy tôi đã bảo Clerval sẽ thực hiện chuyến thăm Scotland một mình. "Còn bạn, bạn cứ vui chơi đi," tôi bảo anh, "và chúng ta hẹn nhau sẽ gặp lại đúng nơi này. Tôi sẽ vắng mặt một, hai tháng gì đó; nhưng đừng can thiệp vào bất kỳ động tĩnh nào của tôi, tôi khẩn khoản yêu cầu bạn vậy; hãy để tôi yên thân và cô độc một thời gian ngắn; và khi trở lại, tôi hy vọng mình đã mang theo một tâm trạng thanh thản hơn, hòa đồng được với tính khí của bạn hơn lúc này."

Henry muốn thuyết phục tôi bỏ ý định; nhưng thấy tôi đã quyết, bèn thôi không tranh cãi. Anh bày tỏ tha thiết mong tôi viết thư thường xuyên. "Mình thích theo bạn trong những cuộc lang thang đơn độc còn hơn là ở với mấy người Scotland này, mình cũng đâu quen họ; hãy về nhanh bạn nhé, để mình lại cảm thấy ở đây cũng như ở nhà, một điều bất khả khi vắng bạn."

Chia tay bạn tôi, tôi quyết định đi tìm một vùng thâm sơn cùng cốc nào đó của Scotland, hoàn thành công việc trong đơn độc. Tôi không nghi ngờ chút nào rằng con quỷ kia sẽ theo tôi đến tận đây, và sẽ xuất hiện ngay khi tôi hoàn tất công trình, để đón nhận cô bạn đồng hành của hắn.

Quyết định vậy rồi, tôi băng qua cao nguyên phía Bắc, và lựa chọn một trong những hòn đảo xa xôi nhất của quần đảo Orkney làm nơi cố thủ để khổ công làm việc. Đây là nơi rất phù hợp cho công việc của tôi, nó chẳng khác gì một mỏm đá tứ bề sóng vỗ. Đất đai khô cằn, chỉ đủ cung cấp cỏ cho vài con bò thảm hại và chút yến mạch cho cư dân, tất cả có năm người chân tay khẳng khiu chứng thực cho những bữa ăn khổ sở của họ. Rau cỏ và bánh

mì, nếu có khi nào họ dám hưởng thụ những thức sang trọng đến thế, và thậm chí cả nước ngọt phải đưa từ hòn đảo chính ra, cách đó chừng năm dặm.

Trên toàn hòn đảo chỉ có ba căn lều rách, trong đó có một căn bỏ trống khi tôi đến. Tôi thuê căn này. Nó chỉ có hai phòng, mang đủ vẻ nhếch nhác của cảnh nghèo khó cùng cực. Vôi vữa trên tường đã lở, rơm phủ mái nhà đã rơi rụng tả tơi, cửa giả thì long cả bản lề. Tôi cho sửa chữa lại nhà, mua vài thứ đồ đạc rồi dọn đến ở hẳn; một sự kiện hẳn đã gây ngạc nhiên lớn cho dân đảo, nếu không phải họ đã đói kém và quẫn bách đến mụ cả người lên rồi. Thế là tôi sống chẳng bị ai dòm ngó và quấy rầy, chẳng mấy khi được cảm ơn vì chỗ thức ăn, quần áo ít ỏi tôi đem cho họ - đau khổ làm cùn cả những cảm xúc thô sơ nhất ở con người như vậy đấy.

Ở nơi ẩn dật heo hút này, tôi dành trọn buổi sáng làm việc; nhưng chiều tối, nếu đẹp trời, tôi đi dạo trên bờ biển lởm chởm đá, lắng nghe sóng biển ào ạt xô vào chân. Khung cảnh đơn điệu nhưng cũng luôn luôn đổi thay. Tôi nhớ đến Thụy Sĩ, nơi đó khác hẳn phong cảnh cô liêu đáng sợ này. Ở đó những ngọn đồi phủ toàn nho, cơ man nhà tranh rải rác khắp đồng bằng. Những mặt hồ phản chiếu bầu trời xanh dịu, và khi gió động, sóng nước của nó chỉ như một đứa bé con tinh nghịch đùa chơi, so với những ngọn sóng lớn đang gào thét ở đây.

Thoạt tới đây tôi phân bổ công việc hàng ngày của mình như vậy, nhưng càng tiến hành, công việc càng trở nên ghê tởm và chán ngấy trước mắt tôi. Có những lúc tôi chẳng buộc nổi mình bước vào phòng thí nghiệm suốt nhiều ngày, trong khi những lúc khác tôi làm việc cật lực cả ngày lẫn đêm mong hoàn tất nó cho xong. Quả thật tôi đã cam kết một công việc sao mà bẩn thỉu. Lần đầu tiến hành thí nghiệm, cơn nhiệt tình điên dại đã khiến tôi không hề thấy nó kinh hãi đến mức nào; óc tôi háo hức tập trung vào việc hoàn thiện công trình, mắt tôi như mù không hề nhìn thấy những gì mình đang làm là kinh tởm. Bây giờ thì tôi thực hiện nó trong tâm thế lạnh lùng, và trái tim tôi thường ghê tởm trước công việc của chính tay mình.

Sống trong hoàn cảnh như thế, bận bịu với công việc đáng ghét nhất trên đời, lại chìm đắm vào nỗi cô độc tuyệt đối không gì có thể kéo tôi sao lãng khỏi công việc tôi đã bập vào dù chỉ trong giây phút, tinh thần tôi trở nên mất cân bằng; tôi hóa ra nôn nóng và căng thẳng. Lúc nào tôi cũng sợ sẽ gặp lại kẻ đang hành hạ mình. Đôi khi tôi ngồi, mắt một mực cắm xuống đất, chỉ sợ ngửng đầu lên sẽ nhìn phải kẻ tôi sợ nhìn thấy đến vậy. Tôi không

dám đi lang thang khuất khỏi cư dân trên đảo, sợ rằng có một mình tôi, hắn sẽ đến đòi bạn của mình.

Suốt thời gian đó tôi vẫn cứ làm việc, và công trình của tôi đã tiến bộ đáng kể. Tôi mong mỏi ngày nó hoàn thành trong hy vọng thiết tha và run rẩy, một niềm hy vọng tôi không dám cho phép mình nghi hoặc, nhưng pha trộn với những dự cảm mơ hồ về hậu họa, làm trái tim tôi nôn nao vì ghê hãi.

Chương 20

Một buổi tối tôi ngồi trong phòng thí nghiệm của mình; mặt trời đã lặn; trăng vừa nhô lên khỏi mặt biển; không đủ ánh sáng cho công việc, và tôi chỉ đang ngồi vơ vẩn, ngưng lại để nghĩ xem nên nghỉ đêm nay hay cố làm cho chóng xong bằng cách tập trung không nghỉ. Ngồi nghĩ ngợi như vậy, một luồng suy tưởng đến với tôi, khiến tôi xem xét lại kết quả của việc mình đang làm. Ba năm trước, tôi cũng thực hiện một công việc như thế này, và đã tạo ra một con quỷ man rợ không gì sánh nổi, đã tàn phá trái tim tôi và rót đầy vào đó niềm cay đắng vì ân hận. Bây giờ tôi lại đang sắp tạo ra một sinh vật khác, tính cách nó tôi cũng chưa biết như kẻ trước; nó có thể ác độc hơn thằng bạn nó hàng ngàn lần, và biết đâu, bản thân nó, lại thích giết chóc và gieo rắc cảnh khốn khổ khốn nạn thì sao? Hắn thì đã thề rời bỏ nơi con người sinh sống, ẩn thân nơi hoang địa; nhưng nó thì không; nó, mà mọi khả năng đều cho thấy sẽ trở thành một con vật biết suy nghĩ và lý luận, rất có thể sẽ không chịu tuân theo hiệp ước đã thỏa thuận trước khi nó được tạo ra. Chúng có thể còn ghét nhau nữa; con quỷ đang sống kia ghê tởm hình thù dị dạng của chính mình, chắc gì hắn không còn thấy kinh khiếp hơn khi sự dị dạng ấy chường ra trước mắt hắn trong cái vỏ giống cái? Cô ả cũng có thể kinh tởm hắn, chạy theo vẻ đẹp thượng đẳng của con người; có thể từ bỏ hắn, và hắn sẽ lại cô độc, tuyệt vọng hơn nữa vì nỗi đau mới mẻ, ngay cả giống loài cũng bỏ rơi mình.

Ngay cả nếu như chúng cùng nhau rời khỏi châu Âu, tới vùng hoang địa của thế giới mới, thì kết quả đầu tiên của tình đồng cảm mà tên ác thần khao khát đến thế sẽ là việc chúng sinh con đẻ cái, và một nòi giống quỷ sẽ lan tràn khắp thế gian, khiến cho cả sự tồn tại của loài người sẽ bị đặt vào một tình thế nguy hiểm và đầy khiếp sợ. Liệu tôi có quyền, vì lợi ích riêng tư, đem lời nguyền đó trút lên các thế hệ mãi mãi về sau không? Tôi đã từng cảm động vì lời lẽ ngụy biện của kẻ do tôi tạo ra; tôi đã bị những lời hăm dọa ma quỷ của hắn làm khiếp sợ đến mất lý trí; nhưng giờ đây, lần đầu tiên tôi nhận ra tai họa trong lời hứa của mình; tôi rùng mình nghĩ đến các thế hệ tương lai sẽ nguyền rủa tôi gieo vạ cho chúng, chỉ vì ích kỷ đã không ngần ngại mua lấy yên bình cho bản thân với cái giá là - biết đâu đấy - sự tồn vong của toàn thể giống người.

Tôi run lên, cõi lòng suy sụp, vừa lúc nhìn lên, tôi bắt gặp, dưới ánh trăng, tên ác thần đang đứng bên bậu cửa. Một nụ cười ma quái kéo rộng qua đôi môi nhăn nhúm khi hắn nhìn chằm chằm vào tôi, đang ngồi lo hoàn thành nhiệm vụ hắn giao cho tôi. Phải, hắn đã theo tôi suốt cuộc hành trình, đã lảng vảng trong rừng, chui rúc trong hang, ẩn náu trong các vùng đất sỏi hoang vắng mênh mông, và bây giờ hắn đến đây xem xét tiến triển của công việc và đòi hỏi tôi thực hiện lời hứa của mình.

Khi tôi nhìn lên, nét mặt hắn biểu lộ rành rành thói độc địa và phản bội thâm hiểm nhất. Tôi điên dại nghĩ về lời hứa tạo cho hắn một sinh vật giống như hắn, và run rẩy cả người vì xúc động, tôi xé tan thành từng mảnh những gì đã tiến hành. Tên khốn nạn chứng kiến tôi hủy diệt sinh vật mà hạnh phúc của hắn sau này phụ thuộc hoàn toàn vào đó, và hú lên một tiếng tuyệt vọng và căm hờn như ác quỷ, hắn rút lui.

Tôi rời căn buồng, khóa cửa lại, thề độc với mình sẽ không bao giờ tiếp tục vụ lao dịch này nữa, và rồi bước chân run rẩy, tôi loạng choạng tìm về nơi ở. Tôi còn có một mình; không có ai bên cạnh xua bớt u ám, giải thoát cho tôi khỏi cái áp lực ma quái từ những suy tư khủng khiếp.

Nhiều giờ trôi qua, tôi vẫn ngồi bên cửa sổ trông ra biển; mặt nước gần như không xao động, bởi gió đã ngừng thổi, tất cả thiên nhiên thiêm thiếp dưới ánh mắt vầng trăng lặng lẽ. Vài con thuyền đánh cá lác đác trên mặt nước, thỉnh thoảng làn gió biển thoảng đến tiếng người nói, khi các ngư dân cất tiếng gọi nhau. Tôi cảm thấy sự tĩnh lặng, mặc dầu không ý thức được hết tận cùng đáy sâu của nó, tới khi bỗng nhiên tai tôi giật mình nghe tiếng mái chèo khuấy nước gần bờ biển và tiếng một người nào đó lên bờ ở gần nhà tôi.

Vài phút sau, tôi nghe tiếng kẹt cửa túp nhà của mình, tựa như có người khẽ mở. Tôi run lập cập từ đầu đến chân; linh tính mách bảo tôi đó là ai, tôi chỉ muốn đánh động một trong số những người nông dân gần đó; nhưng tôi như liệt đi vì cảm giác không ai giúp nổi mình, giống như trong những cơn ác mộng, khi ta hoài công cố gắng thoát khỏi mối nguy hiểm nào đó lơ lửng trên đầu, và tôi đứng chôn chân tại chỗ.

Tiếp đến tôi nghe tiếng bước chân vang dọc lối đi; cửa phòng tôi mở ra, của khốn nạn tôi đang khiếp hãi xuất hiện. Hắn đóng cửa lại, đến gần tôi, nói bằng một giọng đã nén dịu:

“Ngài đã phá hủy công trình đang làm, ngài có ý định gì vậy? Ngài dám phá vỡ lời hứa với tôi sao? Tôi đã chịu đựng bao nhọc nhằn khổ sở; tôi đã rời Thụy Sĩ đi theo ngài; đã lần lút theo bờ sông Rhine, qua các hòn đảo trồng liễu; trèo qua bao nhiêu là đồi cao. Tôi đã sống nhiều tháng trời trong các trảng cỏ ở nước Anh và những miền hoang vu ở Scotland. Tôi đã mệt mỏi không biết thế nào mà kể, chịu đói, chịu rét; ngài còn dám hủy hoại mọi hy vọng của tôi ư?”

“Mi cút đi! Ta phá vỡ lời hứa đấy; không bao giờ ta sẽ lại tạo ra một sinh vật giống như mi, vừa dị hình vừa nhẫn tâm như mi nữa.”

“Kẻ nô lệ kia, ta đã lý luận phải trái với ngươi, nhưng ngươi đã tỏ ra không xứng đáng với sự chiếu cố của ta. Hãy nhớ rằng ta có sức mạnh; ngươi cứ tưởng mình thảm hại lắm rồi, nhưng ta có thể làm cho ngươi trở thành khốn nạn đến mức căm ghét cả ánh sáng ban ngày. Ngươi là người sáng tạo ra ta, nhưng ta là ông chủ của ngươi; hãy tuân lệnh đi!”

“Giờ khắc ta do dự đã qua rồi, thời điểm mi thi thố quyền lực đã đến. Lời dọa dẫm của mi không thể khiến ta làm một hành động xấu xa; chúng chỉ khẳng định thêm quyết tâm của ta không tạo cho mi một tên đồng bọn. Chẳng lẽ ta có thể lạnh lùng thản nhiên mà thả ra đời một tên ác thần lấy chết chóc và gieo rắc cảnh khốn nạn làm vui ư? Cút đi! Lòng ta đã quyết, mi càng nói chỉ càng làm ta căm giận mà thôi.”

Con quái vật nhìn thấy vẻ quyết tâm trên nét mặt tôi, nghiến răng nghiến lợi trong cơn điên giận bất lực. “Chẳng lẽ mỗi con người đều có quyền ấp ủ một bạn đời,” hắn thét lên, “và cả đến con vật cũng có đôi có lứa, mà chỉ mình ta đơn chiếc hay sao? Ta đã từng có tình cảm yêu thương nhưng nó được đền đáp bởi ghét bỏ và căm giận. Con người kia! Cứ ghét đi, nhưng hãy coi chừng! Ngày giờ còn lại của ngươi sẽ trôi qua trong khiếp đảm và khổ sở, tiếng sét sẽ nhanh chóng giáng xuống, cướp đi vĩnh viễn của ngươi mọi hạnh phúc. Chẳng lẽ ngươi có quyền hạnh phúc khi ta phải đắm mình trong cảnh khốn nạn tận cùng ư? Ngươi có thể tiêu diệt mọi tình cảm khác của ta, nhưng sự thù hằn còn mãi đó - thù hằn từ đây quý báu hơn cả ánh sáng, cả thức ăn! Ta có thể chết, nhưng ngươi, tên bạo chúa, kẻ hành hạ ta, trước hết sẽ nguyền rủa mặt trời đã chiếu sáng trên nỗi khổ của ngươi[50]. Hãy coi chừng; ta không sợ gì hết, do đó ta mạnh mẽ. Ta sẽ canh chừng ngươi xảo quyệt như rắn, để chờ táp được ngươi bằng nọc rắn. Hỡi con người, ngươi sẽ phải ân hận vì những tổn thất đã gây ra.”

“Ác quỷ, hãy im đi; đừng làm bẩn không khí bởi những lời tàn độc đó nữa. Ta đã công bố quyết định của ta rồi, và ta không hèn nhát tới mức uốn lưỡi đổi lời đâu. Đi đi, ý ta không thể lay chuyển được.”

“Tốt thôi. Ta đi, nhưng nhớ lấy điều này: ta sẽ ở bên ngươi vào đêm tân hôn.”

Tôi nhào ra trước, kêu lên: “Tên côn đồ kia! Trước khi mi ký án tử cho ta, hãy lo cho cái thân mi an toàn đã.”

Tôi đã suýt túm được hắn; nhưng hắn né tránh và rời khỏi nhà tôi nhanh thoăn thoắt. Chỉ mấy phút sau tôi đã trông thấy hắn ngồi trong thuyền, lao vùn vụt trên mặt nước như một mũi tên, chẳng mấy chốc mất hút giữa những con sóng.

Tất cả lại im lặng, nhưng lời hắn vẫn văng vẳng bên tai tôi. Giận dữ bừng bừng, tôi chỉ muốn đuổi theo kẻ đã giết chết sự an bình của tôi, dìm hắn xuống biển cả. Tôi cứ rảo bước đi đi lại lại trong phòng, tâm thần rối loạn, trí tưởng tượng hình dung hàng ngàn hình ảnh giày vò, day dứt tôi. Tại sao tôi không chạy theo hắn, sống mái với hắn một phen? Tôi đã để cho hắn đi, và hắn đang đi về phía đất liền. Tôi rùng mình nghĩ đến ai sẽ là nạn nhân sắp tới, vật tế thần cho sự trả thù không bao giờ thỏa mãn của hắn. Và tôi bất giác nhớ lại lời hắn: “Ta sẽ ở bên ngươi vào đêm tân hôn”. Vậy ra đó là hạn định để chấm dứt số phận tôi. Vào giờ ấy tôi sẽ phải chết, cùng lúc thỏa mãn và dập tắt ác tâm của hắn. Viễn cảnh ấy chẳng khiến tôi kinh sợ; nhưng khi tôi nghĩ đến Elizabeth thân yêu - nàng sẽ khóc than và buồn khổ khôn nguôi khi thấy người yêu bị rứt khỏi mình một cách man rợ như vậy - nước mắt, lần đầu tiên sau nhiều tháng, giàn giụa trên mặt tôi, và tôi càng quyết tâm không chịu gục xuống dưới tay kẻ thù mà không bắt hắn trải qua chiến đấu ác liệt.

Đêm tàn, mặt trời ló lên từ đại dương; những tình cảm xáo động trong lòng tôi lắng lại, nếu có thể gọi là lặng lẽ khi cơn giận dữ đã chìm vào nỗi tuyệt vọng sâu xa. Tôi rời nhà, rời cái sân khấu đáng sợ diễn ra cảnh cãi vã hồi đêm, đi dạo trên bãi biển, mà tôi gần như cảm thấy là vật cản không thể vượt qua ngăn tôi với đồng loại; hoặc ít nhất tôi cũng chợt mong ước nó là như vậy; tôi mong ước suốt đời sống trên đảo đá xác xơ này, tuy đúng là mòn mỏi, nhưng không bị gián đoạn những cơn sốc hay đau khổ đột ngột nào khác. Nếu tôi quay lại, sẽ là để hiến mình, hoặc là phải chứng kiến

những người thân yêu nhất của mình chết dưới tay tên ác thần do chính mình tạo ra.

Tôi cứ lang thang khắp nơi trên hòn đảo như một hồn ma bất an, phải xa cách những người yêu dấu, và khổ sở vì sự xa cách này. Mãi cho đến trưa khi mặt trời đã lên cao, tôi mới nằm xuống bãi cỏ, thiếp đi vì quá mệt. Suốt đêm vừa rồi tôi không ngủ, thần kinh xáo động, mắt tôi cháy bừng do phải canh chừng, phải đau đớn. Giấc ngủ khiến tôi lại người; và khi tỉnh dậy, tôi lại có cảm giác mình thuộc về giống nòi gồm những con người giống như mình, và tuyệt đối bình tĩnh nhìn lại những việc vừa xảy ra. Tuy nhiên lời con quỷ vẫn gióng riết bên tai tôi như một hồi chuông báo tử; chúng có vẻ như trong một giấc mơ, nhưng cũng rõ rệt và bức bối như thực tế.

Mặt trời đã lặn từ lâu, tôi vẫn ngồi bên bờ biển ăn một cái bánh lúa mạch cho đỡ cơn đói đang trở thành ngốn ngấu, thì bỗng thấy một chiếc thuyền đánh cá cặp bờ ngay gần chỗ tôi, một người trên thuyền mang đến cho tôi một cái gói, trong có thư nhà ở Geneva và một lá thư của Clerval nài nỉ tôi trở về với anh. Anh nói anh đang tiêu phí thời gian vô bổ ở Scotland; thư từ của bạn bè ở London gọi anh về lại đó hoàn tất những thương lượng của họ về vụ việc Ấn Độ. Anh không thể nấn ná ở đây được nữa; nhưng bởi chuyến về London rất có thể sẽ dẫn đến hành trình xa xôi kia, có thể bắt đầu sớm hơn đã định, anh mong tôi cố gắng ở bên anh càng lâu càng tốt. Do đó, anh đề nghị tôi bỏ ngay cái hòn đảo đơn độc ấy, về lại Perth gặp anh, chúng tôi sẽ cùng nhau đi về phía Nam. Lá thư phần nào kêu gọi tôi trở lại đời thường, tôi quyết định rời đảo sau hai ngày nữa.

Thế nhưng trước khi rời đảo tôi còn có việc phải làm, một việc chỉ nghĩ tới đã rùng mình: tôi phải gói ghém các dụng cụ thí nghiệm, mà muốn vậy phải vào lại căn buồng nơi tiến hành cái công trình đáng tởm của tôi, phải thu dọn những thứ đồ lề chỉ nhìn thấy đã lợm giọng buồn nôn. Sáng hôm sau khi bình minh tới, tôi thu hết can đảm mở cửa phòng thí nghiệm. Di thể của cái sinh vật dở dang mà tôi đã phá tan hoang đó nằm rải rác trên sàn, khiến tôi có cảm giác gần như đã hủy hoại thịt da một con người. Tôi đứng một lúc cho bình tâm lại rồi bước vào căn phòng. Bàn tay run rẩy của tôi nhặt các dụng cụ đem ra ngoài; đồng thời cũng nghĩ rằng không nên để lại chứng tích của công việc cho người dân đảo hãi hùng và ngờ vực, tôi cho các mảnh da thịt đó vào cái sọt lớn, chất thêm rất nhiều đá và quyết sẽ quăng xuống biển ngay đêm đó; và trong khi chờ đợi tôi ngồi trên bờ biển, lo thu dọn và lau sạch các máy móc thiết bị thí nghiệm hóa học.

Kể từ đêm tên ác thần xuất hiện, trong cảm nghĩ tôi đã có một sự thay đổi triệt để. Trước đây với niềm thất vọng u ám, tôi nhìn nhận lời hứa với hắn như một việc phải hoàn thành bất kể hậu quả là như thế nào; nhưng nay thì, như thể tấm màng mỏng che mắt tôi được vứt bỏ đi, lần đầu tiên tôi nhìn thấy vấn đề thật rõ ràng và sáng sủa. Ý nghĩ tiếp tục vụ lao dịch không còn lúc nào trở lại trong đầu tôi nữa; lời đe dọa quả có đè nặng tâm trí tôi, nhưng tôi không cho rằng một hành động từ phía tôi có thể thay đổi được nó. Lòng tôi đã quyết rằng tạo một con quỷ khác giống như con quỷ đầu tiên là một sự ích kỷ cực kỳ đê hèn và ác độc; và tôi gạt khỏi tâm trí mọi ý nghĩ có thể đưa đến một kết luận nào khác.

Giữa hai đến ba giờ sáng, trăng lên; khi đó đem cái sọt lên một chiếc xuồng nhỏ, tôi chèo ra xa cách bờ khoảng bốn dặm. Cảnh vật hoàn toàn vắng vẻ: có vài con thuyền đánh cá trở về đất liền, nhưng tôi đang rời khỏi họ. Tôi cảm giác mình đang thực hiện một tội ác ghê rợn, và lo lắng run rẩy mà lánh đi mọi khả năng giáp mặt đồng loại mình. Có một lúc mặt trăng đang trong trẻo thình lình bị mây che phủ, tôi tranh thủ giờ khắc đang bóng tối ném luôn cái sọt xuống biển; tôi lắng nghe tiếng nó chìm xuống nước ùng ục, rồi đưa xuồng khỏi chỗ đó. Trời bây giờ đầy mây, nhưng không khí khá trong trẻo, dù lạnh đi dưới làn gió bấc đang thổi đến. Tuy nhiên gió làm tôi tỉnh lại, và khiến tôi ngập tràn những cảm giác khoan khoái, khiến tôi quyết định ngồi lại trên mặt nước ít lâu, và chỉnh bánh lái cho chạy thẳng, tôi nằm dài dưới đáy xuồng. Mây lại che khuất mặt trăng, mọi thứ đều mờ ảo, chỉ còn nghe thấy tiếng con xuồng đang cắt qua làn nước; tiếng rì rầm như ru tôi ngủ, và tôi nhanh chóng chìm vào một giấc ngủ sâu.

Tôi không biết mình ở trong tình trạng đó bao lâu, chỉ biết rằng khi tỉnh dậy mặt trời đã lên cao. Gió khá mạnh, sóng liên tục táp vào đe dọa lật xuồng. Tôi phát hiện gió đang thổi theo hướng Đông Bắc, và chắc đã đưa tôi đi rất xa bờ nơi tôi xuống thuyền. Tôi định đổi hướng thuyền, nhưng phát hiện rằng mỗi lần định làm vậy thì con thuyền lập tức ngập đầy nước. Tôi chỉ còn cách cho xuồng nương theo chiều gió. Phải thú nhận tôi có cảm thấy đôi chút hốt hoảng. Địa bàn không có, tôi lại chẳng mấy quen thuộc địa dư miền đất này, nên có định hướng bằng mặt trời cũng chẳng ích gì. Tôi rất có thể sẽ trôi nổi ra giữa Đại Tây Dương, chịu đựng cái đói tra tấn đến chết, hay chìm nghỉm trong sóng dữ gầm thét và nhồi lên lắc xuống xung quanh. Tôi đã xuống nước khá lâu rồi, và bắt đầu cảm thấy khát đến cháy họng, khúc dạo đầu cho mọi khổ sở khác của tôi. Tôi nhìn lên bầu trời ngập mây đang bị gió đuổi hết đợt này đến đợt khác; tôi nhìn xuống biển, đây sẽ là mồ chôn

của mình. “Quỷ dữ!” tôi thốt lên. “Nhiệm vụ mi thế là sắp hoàn thành rồi đó!” Tôi nghĩ đến Elizabeth, đến cha tôi, đến Clerval đang để lại đằng sau cho con quái vật tha hồ trút lòng khát máu và những tình cảm tàn bạo của hắn. Ý nghĩ này đưa tôi vào những hình dung hãi hùng tuyệt vọng tới mức, ngay cả khi vạn vật sắp sửa khép lại trước mắt tôi vĩnh viễn, tôi vẫn rùng mình khi nghĩ đến nó.

Vài giờ đồng hồ trôi qua như vậy; nhưng rồi dần dần, khi mặt trời từ từ hạ xuống đường chân trời, gió cũng dịu đi thành làn nhè nhẹ, và không còn sóng táp nữa. Nhưng thay vào đó lòng biển lại động dữ dội; tôi nôn nao cả người, và không cầm nổi mái chèo, thì bỗng trông thấy về phía Nam có một dải đất cao.

Hầu như kiệt lực sau nhiều giờ chịu đựng mệt nhọc và kinh hoàng, dấu hiệu đảm bảo sống sót bất ngờ này xộc vào tim tôi thành một niềm vui ấm áp, và nước mắt tôi trào ra.

Tình cảm con người ta thật dễ đột biến biết chừng nào, và lạ thay cho lòng ham sống của ta ngay cả lúc khốn khổ đến tận cùng! Tôi lấy một mẩu trang phục làm một mảnh buồm mới, hăm hở dong thuyền vào chỗ đất liền. Trông xa có vẻ toàn núi đá hoang vu, nhưng khi lại gần hơn, tôi dễ dàng thấy dấu vết canh tác. Tôi nhìn ra những con tàu lớn gần bờ, và thấy mình thình lình được đưa trở lại bên những con người văn minh. Tôi cẩn thận cho thuyền đi theo bờ uốn lượn của đất liền, cuối cùng hoan hỉ vẫy chào một tháp chuông ló ra sau một mũi đất nhỏ. Vì đang trong tình trạng sức tàn lực kiệt, tôi quyết định chèo thẳng đến thị trấn, nơi dễ tìm được tiện nghi và chăm sóc nhất. May thay trong túi tôi có ít tiền. Vòng ra sau mũi đất, tôi nhìn thấy một thị trấn nhỏ sạch sẽ và một hải cảng đông đúc, và tôi đưa thuyền vào, trống ngực đập dồn vì vui mừng không ngờ thoát chết.

Trong lúc tôi mải neo con thuyền, cột buồm lại, khá đông người dần dần túm tụm lại chỗ đó. Họ có vẻ ngạc nhiên khi trông thấy tôi, nhưng đáng nhẽ tới giúp tôi một tay thì họ lại xì xào, chỉ trỏ, giả sử vào một lúc khác hẳn đã khiến tôi hơi cảnh giác. Lúc đó, tôi chỉ để ý mỗi một điều là họ nói tiếng Anh, do đó dùng ngôn ngữ này mà nói với họ. “Các bạn tốt bụng ơi,” tôi hỏi, “xin làm ơn bảo tôi thành phố này tên là gì và cho biết hiện tôi đang ở đâu đây?”

“Sẽ chóng biết thôi,” một người đàn ông khàn giọng trả lời. “Có lẽ

mày đã đến một nơi chẳng hợp gu lắm, tuy nhiên sẽ không ai thèm hỏi ý kiến mày về chuyện đó đâu, tao đảm bảo như vậy.”

Tôi vô cùng sửng sốt khi nghe một câu trả lời thô lỗ như vậy từ một người hoàn toàn lạ mặt, đồng thời mất cả bình tĩnh thấy ai nấy cau có, mặt mày giận dữ. “Sao các vị trả lời tôi cộc cằn quá vậy?” tôi đáp lại, “rõ ràng là đón tiếp khách lạ theo cách đuổi khách như thế đâu phải là tập tục ở Anh.”

“Tao không cần biết tập tục ở Anh thế nào,” anh ta nói, “nhưng tập tục Ireland là căm ghét bọn hung ác côn đồ.”

Trong khi cuộc đối thoại kỳ quặc này diễn ra, tôi nhận thấy người đến mỗi lúc một đông. Nét mặt người nào cũng trộn lẫn vẻ tò mò lẫn tức giận khiến tôi bực mình và có phần nào hoảng hốt. Tôi hỏi đường vào quán trọ, nhưng không ai trả lời. Tôi bèn tiến lên trước, nhưng đám đông xôn xao lên, đi theo và vây lấy tôi. Một người mặt mũi khó coi tiến tới, vỗ vai tôi mà bảo: “Này ông, ông phải đi theo tôi tới ông Kirwin để khai báo về bản thân mình.”

“Ông Kirwin là ai? Tại sao tôi phải khai báo về bản thân tôi? Đây không phải là một đất nước tự do sao?”

“Phải, thưa ông, đối với những con người lương thiện. Ông Kirwin là thẩm phán; còn ông cần khai báo về cái chết của một quý ông vừa bị sát hại ở đây hôm qua.”

Câu trả lời khiến tôi giật mình, nhưng lập tức trấn tĩnh lại. Tôi vô tội, khó gì mà không chứng minh được; vì vậy tôi đi theo người dẫn đường không nói năng gì. Tôi được dẫn đến ngôi nhà đẹp nhất thị trấn. Tôi chỉ muốn lăn ra vì mệt và đói; nhưng với một đám đông bâu quanh, tôi nghĩ khôn ngoan là phải gồng người lên cho mạnh mẽ, để thể chất yếu đuối khỏi bị hiểu lầm thành nỗi sợ hay ý thức về tội lỗi. Lúc đó tôi có ngờ đâu đến cái tai họa chỉ ít phút nữa là ập xuống đầu tôi, trong hoảng loạn và tuyệt vọng sẽ dập tắt mọi sợ hãi về thanh danh hay cái chết.

Tôi phải dừng lại một chút; bởi triệu tập lại về trí nhớ những sự kiện khủng khiếp mà tôi sắp kể chi tiết cho anh nghe, việc đó đòi hỏi tôi phải tập trung toàn bộ sức lực trong người.

Chương 21

Chẳng mấy chốc tôi được đưa vào gặp thẩm phán, một ông già phúc hậu, tác phong điềm tĩnh dịu dàng. Tuy nhiên ông nhìn tôi một cách nghiêm khắc, sau đó quay lại hỏi những người dẫn tôi đến rằng ai là người chứng kiến chuyện này.

Khoảng nửa tá người tiến lên; thẩm phán chọn ra một người, ông ta khai rằng đêm hôm trước đã ra biển đánh cá cùng con trai và anh rể, Daniel Nugent, nhưng khoảng mười giờ gió bấc nổi lên rất mạnh, khiến họ đành quay lại cảng. Trăng chưa lên, trời tối như mực; họ không vào cảng được, và như lệ thường họ lên bờ từ một vịnh nhỏ cách đó hai dặm. Ông ta đi trước, mang một phần đồ lề đánh cá, hai người kia theo sau một quãng. Bỗng ông vấp chân phải một vật gì đó trên bãi cát, ngã lăn ra. Hai người kia chạy đến đỡ ông dậy; dưới ánh đèn bão họ thấy ông đã ngã đè lên cơ thể một người đàn ông, nhìn thoáng qua biết là đã chết. Lúc đầu họ tưởng xác một người chết đuối bị sóng đánh giạt vào bờ, nhưng xem lại thấy không phải: quần áo không ướt, và thậm chí người chưa lạnh hẳn. Họ lập tức đem vào nhà một bà già ở gần ngay đó, cố hồi sức cho nó nhưng hoài công. Đó là xác một thanh niên trẻ, đẹp trai, khoảng hai nhăm tuổi. Rõ ràng là anh ta đã bị siết cổ, vì không thấy dấu vết vật lộn nào khác, ngoài vết ngón tay hằn trên cổ còn đen tím lại.

Phần đầu lời khai chẳng hề khiến tôi để ý, nhưng đến chỗ vết ngón tay bóp cổ, tôi sực nhớ đến vụ ám sát em tôi và trở nên vô cùng kích động; chân tay bủn rủn, mắt như bị phủ một làn sương, tôi phải dựa vào một cái ghế cho khỏi ngã. Vị thẩm phán quan sát tôi bằng con mắt sắc bén và hiển nhiên rút ra một dự đoán bất lợi từ thái độ của tôi.

Anh con trai khẳng định lời khai của ông bố; nhưng khi gọi đến Daniel Nugent, ông ta thề rằng ngay trước khi người kia ngã, ông ta trông thấy một con thuyền, trên có một người duy nhất, cách bờ một khoảng tương đối gần; dưới ánh sao mờ nhìn có vẻ như chính cái thuyền mà tôi đã chèo vào trong cảng.

Một người đàn bà khai, bà ta sống gần bờ biển, và tối đó đang đứng trước nhà mình chờ người nhà đi đánh cá về, khoảng một giờ trước khi biết

có tìm thấy xác người, thì thấy có một chiếc thuyền, trên có độc nhất một người, lao ra biển từ đúng chỗ bãi cát trên đó cái xác được tìm thấy.

Một người đàn bà khác khẳng định lời khai của người đánh cá đã mang vào nhà mình thi thể người chết: lúc đó nó còn chưa lạnh. Họ đặt vào giường cố xoa bóp, Daniel thì lên thị trấn tìm ông dược sĩ, nhưng anh ta đã chết hẳn.

Thêm một số người nữa được thẩm vấn về việc lên đất liền của tôi, và họ đều cho rằng với gió Bắc mạnh nổi lên hồi đêm, rất có thể thuyền tôi đã bị quăng quật suốt nhiều giờ, và bị đẩy trở lại gần như đúng nơi mình đã rời bờ. Hơn nữa họ nhận xét xem chừng tôi đã mang thi thể người chết từ nơi khác tới, và bởi tôi xem ra không thông thuộc bờ biển này, có lẽ tôi đã tấp vào đây mà không biết khoảng cách giữa thị trấn và nơi đặt xác chết.

Ông Kirwin nghe đến đây yêu cầu người ta đưa tôi vào buồng đặt cái xác nằm chờ mai táng để xem phản ứng của tôi thế nào khi thấy mặt người chết. Ý định này rõ ràng là do thấy tôi cực kỳ bồn chồn hốt hoảng khi nghe miêu tả phương thức ám sát. Thế là tôi được đưa vào trong quán, do chính ông và nhiều người khác nữa dẫn đường. Tôi không thể không chột cả người vì những trùng khớp kỳ lạ trong cái đêm đầy sự kiện vừa qua; nhưng biết chắc rằng vào khoảng lúc tìm ra thi thể nạn nhân ở đây thì tôi còn đang trò chuyện với những người trên đảo bên kia, tôi hoàn toàn bình thản về kết quả của sự việc.

Tôi được đưa vào buồng đặt người chết, đến chỗ quan tài. Biết mô tả thế nào cảm xúc của tôi khi nhìn vào đó? Tôi như bị thiêu đốt vì khiếp đảm, và giờ đây nghĩ lại phút giây kinh khủng đó tôi cũng không khỏi run người đau đớn. Cuộc thẩm tra, ngài thẩm phán và nhân chứng đang có mặt ở đó, phai khỏi tâm trí tôi như một giấc mộng, khi tôi nhìn thấy trước mặt mình nằm dài thi thể bất động của Henry Clerval. Tôi thở hổn hển, và lăn xả vào cái xác, tôi kêu lên: “Chẳng lẽ những mưu toan giết người của tôi lại cướp đi mạng sống của cả bạn nữa, Henry yêu quý của tôi? Tôi đã hủy diệt hai con người rồi; bao nạn nhân khác còn đang chờ số phận, nhưng bạn, Clerval, bạn của tôi, ân nhân của tôi...”

Sức chịu đựng của con người có giới hạn, đến đây tôi quỵ xuống, lên cơn kinh giật, tôi được mang ra ngoài.

Tiếp theo đó là một cơn sốt li bì, tôi nằm liệt giường hai tháng bên bờ

cái chết, những tiếng gào rú của tôi trong cơn mê sảng, như sau này tôi được biết, thật là kinh khủng: tôi tự gọi mình là thủ phạm giết William, Justine và Clerval. Có lúc tôi van nài những người chăm sóc hãy giúp tôi hủy diệt con quỷ đang hành hạ tôi; có lúc tôi cảm thấy những ngón tay của con quái vật đã siết quanh cổ, và gào thét trong hoảng hốt và quằn quại. May mắn là tôi nói bằng tiếng nước tôi, chỉ riêng mình ông Kirwin hiểu; tuy nhiên những động tác của tôi kèm với tiếng kêu thét đủ làm những người chứng kiến phải hoảng hồn.

Làm sao mà tôi lại không chết đi cơ chứ? Khổ đến chưa ai từng như vậy, sao tôi không được chìm vào quên lãng và yên giấc ngàn thu? Cái chết chỉ giỏi chộp lấy những đứa trẻ đang tươi tắn, nguồn hy vọng duy nhất của các bậc sinh thành sùng bái chúng; biết bao cô dâu và người yêu trẻ trung vừa hôm trước tràn đầy sức khỏe và hy vọng, hôm sau đã trở thành miếng mồi cho sâu bọ đục khoét để rồi rữa nát dưới đáy mồ. Tôi được tạo thành bởi vật liệu gì đây mà chịu đựng nổi ngần ấy cơn choáng váng, không khác gì vòng quay của bánh xe, cứ lăn đi lăn lại tra tấn cực hình?

Nhưng số phận đã kết án tôi phải sống; và sau hai tháng, như người vừa tỉnh giấc sau cơn mơ, tôi thấy mình trong tù, nằm dài trên một chiếc giường thảm hại, chung quanh là cai ngục, người giữ chìa khóa nhà tù, là then cửa, là mọi tiện nghi đáng sợ của phòng giam. Tôi nhớ khi đó là buổi sáng, khi tôi tỉnh táo trở lại như vậy: tôi đã quên những chi tiết cụ thể vừa qua, chỉ cảm thấy rằng một vận rủi cay độc nhất vừa đến với mình; nhưng khi nhìn quanh, bắt gặp những chấn song trên cửa sổ, quan sát căn phòng dơ dáy, tất cả lóe lên trở lại trí nhớ tôi, tôi rên lên với bao xót xa cay đắng.

Tiếng rên của tôi đánh thức một bà già ngủ trên chiếc ghế bên cạnh tôi. Đó là y tá do nhà tù thuê, vợ của một người giữ chìa khóa ngục, mặt mũi thể hiện đủ mọi tính cách xấu xa nói lên đặc điểm của giai tầng ấy. Đường nét trên mặt mụ rắn và thô, giống như ở người quen nhìn cảnh khổ mà không hề động tâm. Giọng nói cho thấy mụ hoàn toàn vô cảm; mụ nói tiếng Anh với tôi, và tôi nhận ra một trong những giọng đã nghe trong những ngày còn mê sảng:

“Ông khá rồi hả?” mụ hỏi.

Tôi trả lời cũng bằng tiếng Anh, giọng yếu ớt: “Có lẽ thế; nhưng nếu quả đó là sự thực chứ không phải tôi đang mơ, tôi thật tiếc vẫn còn sống mà cảm thấy kinh hoàng và khốn khổ khốn nạn như thế này.”

“Về chuyện ấy à,” mụ già nói, “nếu ông có ý nói đến vị quý phái mà ông đã giết, tôi nghĩ thà ông chết mà lại hơn, vì tôi cho là vụ ấy sẽ làm ông cay đấy! Tuy nhiên chẳng phải việc tôi; việc tôi là nuôi ông làm ông khỏe lại, tôi làm nhiệm vụ mình lương tâm yên ổn, giá ai cũng làm được như thế thì đã tốt biết mấy.”

Tôi ghê tởm quay đi khỏi mụ đàn bà đã thốt ra những lời lẽ vô tình đến thế đối với một người vừa mới được cứu sống bên bờ vực của cái chết; tuy nhiên tôi cảm thấy mình quá yếu, không nghĩ nổi về những gì đã qua. Toàn bộ đời tôi diễn ra như một giấc mơ; tôi còn tự hỏi liệu nó có đúng là có thực, bởi nó không bao giờ xuất hiện trước mắt tôi với toàn bộ sức nặng thực tế.

Nhưng rồi những hình ảnh bồng bềnh trước mắt tôi ngày càng trở nên rõ nét, thế là tôi lại phát sốt lên; bóng tối dày đặc bóp nghẹt lấy tôi, chẳng có ai ở bên để làm dịu lòng tôi bằng tiếng nói âu yếm, chẳng có bàn tay thân yêu nào ở cạnh cho tôi nương tựa. Bác sĩ đến ghi đơn thuốc, mụ già chuẩn bị thuốc cho tôi; nhưng một kẻ hoàn toàn cẩu thả, còn kẻ kia nét mặt lộ rõ sự thô bạo. Đâu có ai thiết tha đến vận mệnh một tên sát nhân ngoài gã thực hiện việc treo cổ sẽ được hưởng tiền công?

Ý nghĩ lúc đầu của tôi là như thế, tuy nhiên sau đó tôi mau chóng được biết ông Kirwin đối với tôi tốt vô cùng. Ông cho tôi ở trong phòng giam tốt nhất của nhà tù (thảm hại thật nhưng vẫn là tốt nhất); và chính ông đã thuê bác sĩ, y tá chăm sóc tôi. Đúng là ông rất ít đến thăm tôi, vì cho dù ông nhiệt tâm mong muốn làm giảm nhẹ nỗi đau khổ của mọi con người, ông cũng không muốn chứng kiến những tiếng gào thét điên rồ và thê thảm của một tên sát nhân. Cho nên dù thỉnh thoảng ông cũng tạt qua, để đảm bảo tôi không bị bỏ mặc, nhưng chỉ trong chốc lát và đôi lúc mới có một lần.

Một hôm, trong thời kỳ dần dà hồi phục, tôi ngồi trong một chiếc ghế, mắt lờ đờ, hai má xanh lợt như đã chết. Khổ sở sầu não đã đánh quỵ tôi, tôi nghĩ thà chết đi còn hơn mong mỏi ở lại trên cái thế giới khốn nạn này. Có lúc tôi đã cân nhắc chuyện nhận mình có tội, và chấp nhận sự trừng phạt của luật pháp, còn xứng đáng hơn Justine đáng thương ngày xưa. Vừa nghĩ tới đó thì cửa phòng giam mở ra, ông Kirwin bước vào. Mặt ông lộ vẻ cảm thông và thương xót; ông kéo chiếc ghế lại ngồi gần tôi, và nói với tôi bằng tiếng Pháp:

"Tôi e rằng nơi này sẽ làm anh ghê sợ; tôi giúp gì được để anh thoải mái hơn không?"

"Cảm ơn ông, nhưng những điều ông nói đối với tôi chẳng có nghĩa gì; trên cả trái đất này chẳng có sự thoải mái nào tôi dám nhận."

"Tôi biết sự thông cảm của một người lạ như tôi khó làm anh nhẹ bớt được gánh nặng của nỗi bất hạnh lạ lùng đến nhường ấy. Nhưng tôi hy vọng anh sắp được ra khỏi chỗ buồn thảm này rồi; bởi dĩ nhiên, có những chứng cớ rành rành gỡ anh thoát khỏi lời buộc tội."

"Điều đó tôi cũng chẳng thiết; một loạt những sự kiện kỳ quặc đã biến tôi thành kẻ thảm hại nhất trong số loài người. Bị buộc tội, bị hành hạ đến như tôi trước kia và giờ đây, cái chết với tôi còn gì đáng sợ?"

"Quả thật những ngẫu nhiên lạ lùng xảy ra vừa rồi đúng là quá đau đớn và bất hạnh cho anh. Bởi một sự tình cờ đáng ngạc nhiên nào đó, anh bị ném lên bờ biển này, một nơi có tiếng là hiếu khách; bị tóm cổ lập tức, và bị buộc tội sát nhân. Cái mà anh nhìn thấy đầu tiên là thi thể người bạn thân nhất của anh, bị giết một cách không giải thích nổi đến vậy, như thể có một con quỷ nào đó đem đặt giữa đường anh."

Nghe ông Kirwin nói vậy, mặc dù đang run rẩy cả người khi nghe điểm lại những nỗi khổ của mình như thế, tôi vẫn ngạc nhiên lạ lùng thấy ông có vẻ biết về tôi khá rõ. Có lẽ vẻ sững sờ lồ lộ trên nét mặt tôi, cho nên ông Kirwin vội nói tiếp:

"Ngay sau khi anh trở ốm, mọi giấy tờ của anh đã được người ta mang đến cho tôi, tôi bèn xem kỹ hòng tìm được chút dấu vết để báo cho họ hàng anh về những rủi ro và cơn đau ốm của anh. Tôi tìm được rất nhiều thư từ, dòng mở đầu một lá cho tôi biết là của cha anh. Tôi viết thư tới Geneva lập tức, từ đó tới nay đã gần hai tháng. Nhưng anh ốm quá, bây giờ đây anh vẫn run thế kia, chắc anh không chịu nổi bất kỳ một chấn động nào."

"Sự căng thẳng này còn tệ gấp ngàn lần so với sự việc khủng khiếp nhất; hãy cho tôi biết tin tức chết chóc nào vừa tới và bây giờ tôi phải khóc thương ai đây?"

"Gia đình anh hoàn toàn khỏe mạnh cả," ông Kirwin dịu dàng đáp, "và có một người, một người bạn sắp vào thăm anh bây giờ."

Không hiểu bằng cách nào ý tưởng đó đến với tôi, nhưng tôi lập tức hình dung tên sát nhân đã đến để cười nhạo nỗi khổ của tôi, chế giễu tôi về cái chết của Clerval, một trò kích động mới theo đúng những dục vọng quỷ quyệt của hắn. Tôi vội đưa tay lên che mắt, kêu lên hoảng hốt:

"Ôi! Hãy mang người đó đi cho! Tôi không thể nhìn mặt họ, lạy trời, đừng cho vào!"

Ông Kirwin bối rối nhìn tôi. Ông không thể nào không coi tiếng thét của tôi là lời tự thú mình có tội, và nói giọng khá nghiêm khắc:

"Này người trẻ tuổi, tôi cứ tưởng sự có mặt của cha anh sẽ được đón nhận nồng nhiệt, chứ không phải gây ra oán ghét dữ dội nhường kia."

"Cha tôi ư!" tôi kêu lên, mọi thớ thịt bỗng giãn ra từ đau đớn sang vui mừng, "cha tôi đến thật ư? Ôi, cha tốt quá, tốt quá! Ông ấy đâu rồi, sao còn chưa vào đây với tôi?"

Thấy thái độ tôi thay đổi ông thẩm phán vừa kinh ngạc vừa hài lòng, có lẽ nghĩ rằng tiếng kêu thảng thốt của tôi lúc trước là do mê sảng trở lại, và lập tức khoác vẻ hiền từ trước đó. Ông đứng dậy, cùng bà y tá đi ra ngoài, sau đó ít phút cha tôi bước vào phòng giam.

Lúc này thì không còn gì sung sướng cho tôi hơn là sự có mặt của cha tôi. Tôi đưa tay ra cho cha và kêu lên:

"Vậy là cha vẫn an toàn, còn Elizabeth, và Ernest thế nào?"

Cha tôi trấn an tôi, khẳng định sự bình yên của họ, và cố gắng đi sâu vào những đề tài vốn tha thiết với lòng tôi để làm tinh thần chán nản của tôi phấn khích lên; tuy nhiên ông nhanh chóng cảm thấy nhà tù không phải nơi thích hợp để nuôi dưỡng niềm vui. "Con ơi, con sống trong một nơi mới thảm hại làm sao!" ông nói, buồn bã nhìn phòng giam khốn khổ với cửa sổ có chấn song sắt. "Con đi du lịch là để tìm niềm vui, nhưng dường như ách vận cứ theo con mãi. Và Clerval tội nghiệp..."

Tên người bạn bất hạnh đã bị giết gây chấn động quá lớn cho thể chất yếu đuối của tôi; tôi trào nước mắt.

"Ôi chao! Vâng, cha ơi," tôi đáp, "con đang phải chịu một định mệnh khủng khiếp treo trên đầu, và con phải sống để hoàn tất nó, chứ nếu không, hẳn con đã chết luôn bên quan tài của Henry rồi."

Chúng tôi chỉ được phép chuyện trò trong một thời gian hạn định, bởi tình trạng sức khỏe mong manh của tôi lúc bấy giờ đòi hỏi mọi biện pháp đề phòng cần thiết để bảo đảm tĩnh tâm. Ông Kirwin, nhấn mạnh rằng chút sức lực của tôi không nên phung phí vì hao tâm quá sức. Nhưng cha tôi đến với tôi như một thiên thần, và sức khỏe của tôi nhờ thế hồi phục dần dần.

Hết ốm rồi, tôi tiếp tục chìm đắm trong nỗi buồn rầu u ám không cách gì xua tan đi được. Hình ảnh Clerval cứ mãi ở trước mặt tôi, ma quái và chết thảm. Hơn một lần những ký ức đó đã ném tôi vào cơn kích động mạnh, làm bạn bè tôi sợ sẽ lại có một cơn tái phát nguy kịch. Hỡi ôi! Sao họ phải bảo vệ cái cuộc đời thê thảm đáng ghét này? Hiển nhiên là tôi phải đi đến tận cùng số phận của mình, mà nay nó cũng sắp hết rồi. Mau thôi, rất mau là đằng khác, cái chết sắp chấm dứt mạch đập này, cất cho tôi cái gánh nặng bi thương phải mang đến tận khi trở thành cát bụi; và thực hiện xong công lý đầy ơn phước ấy, tôi sẽ được yên nghỉ. Ngày đó cái chết không chường mặt ngay bên cạnh, mặc dù niềm khao khát nó lúc nào cũng tồn tại trong mọi ý nghĩ của tôi; và tôi thường ngồi bất động không nói không rằng nhiều tiếng đồng hồ, chỉ mong một sự đảo lộn dữ dội nào đó có thể chôn vùi, hủy diệt tôi lẫn kẻ hủy diệt mình trong đổ nát hoang tàn của nó.

Mùa xử các vụ kiện nhỏ đã tới. Tôi đã ở tù ba tháng, và dù sức khỏe còn yếu, đe dọa ốm lại bất cứ lúc nào, tôi bị buộc phải đi hơn một trăm dặm tới tòa án quận, nơi phiên tòa diễn ra. Ông Kirwin tự mình lo mọi chi tiết trong việc tìm các nhân chứng và chuẩn bị lý lẽ bào chữa cho tôi. Tôi được miễn nỗi ô nhục phải đi bêu trước công chúng, bởi vụ án không xử ở tòa đại hình nơi quyết định sống, chết của phạm nhân. Bồi thẩm đoàn phủ nhận lời cáo buộc, bởi chứng cớ cho thấy tôi còn trên quần đảo Orkney lúc tìm thấy thi thể bạn tôi; nửa tháng sau khi tới thị trấn, tôi ra tù.

Cha tôi mừng muốn điên lên khi thấy tôi được phóng thích khỏi những rắc rối từ cáo buộc hình sự, lại được phép thở làn không khí tươi mát và được phép trở về quê hương. Tôi không chia sẻ cùng ông những tình cảm ấy; đối với tôi những bức tường của ngục tù hay của lâu đài cũng đáng ghét như nhau. Cốc rượu đời đã nhiễm độc vĩnh viễn rồi, và cho dù mặt trời đang chiếu sáng trên tôi cũng như trên những trái tim vui tươi hạnh phúc, tôi vẫn chỉ nhìn thấy quanh mình bóng tối dày đặc và đáng sợ, không có ánh sáng nào khác ngoài một đôi mắt lấp lánh nhìn tôi không chớp. Có khi đó là đôi mắt đầy biểu cảm của Henry, tiều tụy mỏi mòn trong cái chết với đôi mắt viền hàng lông mi dài, sụp xuống che gần kín hai bên hốc mắt đen ngòm;

cũng có lúc là đôi mắt ướt nhoèn tối sầm của con quái vật như tôi nhìn thấy lần đầu trong phòng tôi ở Ingolstadt.

Cha tôi cố gợi lên trong tôi những tình thương trìu mến. Ông hết nói đến nơi tôi sắp về tới, lại nói đến Elizabeth và Ernest; tuy nhiên lời ông chỉ khiến tôi thốt ra những tiếng rên rỉ tận sâu trong đáy lòng. Quả thật, đôi khi tôi cũng ước ao được hạnh phúc, cũng nghĩ tới cô em họ yêu dấu của tôi với niềm vui đượm buồn; hoặc với *lòng nhớ quê hương*[51] day dứt, mong được nhìn thấy một lần nữa hồ nước xanh trong và con sông Rhone chảy xiết mà tôi đã đem lòng yêu quý thiết tha từ hồi nhỏ; nhưng cảm xúc của tôi thường xuyên trong tình trạng tê liệt, sống trong tù hay giữa thiên nhiên như tiên cảnh cũng không khác gì nhau; và những cơn trầm uất triền miên này chỉ bị ngắt đoạn bằng những đợt bùng phát não nề và tuyệt vọng. Những lúc đó tôi chỉ muốn chấm dứt sự tồn tại mà tôi căm ghét này; và mọi người luôn phải cảnh giác chăm sóc để phòng tôi phạm phải một hành động hung bạo đáng sợ nào đó.

Thế nhưng tôi vẫn còn một nhiệm vụ phải làm, nhớ đến nó cuối cùng cũng khiến tôi dẹp được nỗi tuyệt vọng ích kỷ của mình. Nhất thiết tôi cần phải về lại Geneva tức khắc, trông nom gìn giữ cuộc đời của những người tôi xiết bao yêu quý; và kiên tâm chờ đợi tên sát nhân, để nếu cơ hội đưa đường chỉ lối cho tôi tới nơi ẩn náu của con quỷ, hoặc nếu hắn lại dám chường mặt ra gây họa cho tôi, tôi có thể, với quyết tâm không lay chuyển, chấm dứt được sự tồn tại của bóng ma quỷ quái đã được tôi trao cho một linh hồn méo mó còn quỷ quái hơn. Cha tôi vẫn muốn ngày lên đường chậm lại vì sợ tôi không chịu nổi hành trình vất vả, bởi tôi giờ tan nát thảm thương quá, chỉ còn là cái bóng của con người. Tôi không còn chút sinh lực nào; chỉ là một hình nhân da bọc xương tiều tụy, những cơn sốt liên miên suốt đêm ngày gặm mòn cơ thể tàn tạ của tôi.

Nhưng tôi cứ nài nỉ rời khỏi Ireland một cách nôn nóng quá, lo lắng quá, đến nỗi cha tôi nghĩ tốt hơn nên nhượng bộ. Chúng tôi lên một con tàu đi về cảng Havre-de-Grace, con tàu ra khơi thuận gió rời bến Ireland. Lúc đó đã nửa đêm. Tôi nằm trên boong, đưa mắt ngắm sao trời, nghe tiếng sóng vỗ. Tôi chào mừng bóng tối đã phủ lấy Ireland khỏi tầm nhìn, tim đập dồn dập vì vui sướng bừng bừng khi nghĩ mình lại sắp được trông thấy Geneva. Quá khứ đối với tôi dường như chỉ là một giấc mộng kinh hoàng; nhưng con tàu tôi đang nằm đây, làn gió đưa tôi xa khỏi bờ biển đáng ghét của Ireland, biển cả bao quanh tôi, tất cả hùng hồn nói tôi hay rằng không có ảo tưởng nào lừa

tôi hết, và Clerval, bạn đồng hành yêu quý nhất của tôi, thực sự đã trở thành nạn nhân của tôi và con quái vật do chính tôi tạo thành. Cả quãng đời đã qua được duyệt lại trong trí nhớ tôi: hạnh phúc êm đềm khi sống cùng gia đình tại Geneva, cái chết của mẹ tôi, chuyến đi Ingolstadt. Tôi rùng mình nhớ lại niềm đam mê rồ dại đã đẩy tôi lao vào sự sáng tạo ra kẻ thù gớm guốc, và lần lại trong trí cái đêm khủng khiếp hắn ra đời. Ngàn vạn cảm xúc ào ạt đến đè nặng lên tôi, không theo nổi luồng suy nghĩ nữa, tôi khóc một cách cay đắng.

Kể từ khi qua khỏi cơn sốt sảng, tôi có thói quen hàng đêm uống một lượng nhỏ cồn thuốc phiện; bởi chỉ có thứ độc dược này mới giúp tôi có được giấc ngủ cần thiết để bảo tồn sự sống của mình. Lúc này quá căng thẳng vì nhớ lại những bất hạnh chồng chất, tôi uống một liều gấp đôi thường lệ, và mau chóng chìm vào giấc ngủ say. Tuy nhiên giấc ngủ cũng chẳng giúp nổi tôi lìa được suy tưởng và khổ đau; cơn mơ đưa tới hàng ngàn thứ khiến tôi hãi hùng. Tới gần sáng tôi bị ám ảnh bởi một cơn ác mộng; tôi cảm thấy con quỷ đã nắm được cổ tôi, tôi không sao thoát ra được, trong tai ong ong những tiếng rên rỉ và kêu thét. Cha tôi, vốn vẫn canh chừng, thấy tôi trăn trở vùng vẫy, liền đánh thức tôi dậy; chung quanh tôi dạt dào sóng vỗ, trên đầu là bầu trời đầy mây, con quỷ không thấy đâu: một cảm giác an toàn, cảm tưởng về một sự ngưng chiến dựng lên chắn giữa giờ phút hiện tại với tương lai thảm khốc không tránh khỏi bỗng đem tới cho tôi sự quên lãng yên bình, mà do cấu tạo của mình tâm trí con người rất dễ dàng tiếp nhận.

Chương 22

Chuyến vượt biển kết thúc; chúng tôi lên bờ, đi tiếp tới Paris. Tôi thấy ngay mình đã quá tin tưởng vào sức lực của mình, và cần nghỉ ngơi trước khi tiếp tục cuộc hành trình. Sự quan tâm chăm chút của cha tôi không hề lơi lỏng, nhưng vì không hiểu căn nguyên nỗi khổ của tôi nên ông đã tìm đến những phương pháp sai lầm hòng trị căn bệnh vô phương cứu chữa. Ông muốn tôi khuây khỏa nhờ giao tiếp xã hội. Tôi lại ghét cay khuôn mặt con người. Mà không, không phải là căm ghét! họ là anh em tôi, bè bạn tôi, tôi cảm thấy yêu mến ngay cả những bộ mặt khó ưa nhất, như thể đó là những sinh vật mang một bản chất thánh thiện hoạt động theo những nguyên lý thiêng liêng. Thế nhưng tôi thấy mình không có quyền giao tiếp với họ. Tôi đã thả một con quỷ ra thế giới của họ, một kẻ lấy máu của họ làm vui thú, lấy tiếng rên xiết của họ làm hoan hỉ. Giả sử họ biết những hành động phạm thánh của tôi, biết tôi là nguồn gốc của bao tội ác, chắc hẳn họ, không trừ ai hết, sẽ ghê tởm tôi và săn đuổi tôi ra khỏi thế giới này!

Cuối cùng cha tôi chịu thua ý muốn xa lánh xã hội của tôi, và cố tìm đủ mọi lý lẽ xua đuổi khỏi tôi nỗi thất vọng não nề. Đôi lúc ông nghĩ tôi bị ám ảnh bởi nỗi ô nhục phải ra trước tòa xử tội sát nhân, ông cố gắng chứng tỏ cho tôi không cần kiêu hãnh vô lối làm gì.

"Cha ơi!" tôi nói. "Cha hiểu con quá ít. Nhân loại này, tình cảm và đam mê của họ, mới phải chịu nhục nhã nếu một kẻ khốn nạn như con mà dám lấy làm kiêu hãnh. Justine bất hạnh cũng vô tội như con đấy thôi, cũng chịu cùng lời buộc tội; cô đã phải chết vì nó; và con là nguyên nhân - con đã giết cô ta. William, Justine, Henry - tất cả đều chết vì tay con cả."

Trong thời gian tôi còn ở tù, cha tôi đã thường xuyên nghe tôi khẳng định như vậy; những lần đó, cha tôi đôi lúc tỏ ra muốn đòi một lời giải thích, lúc khác ông cho đó là di chứng của cơn mê sảng, rằng ý tưởng đó đã nảy sinh trong khi tôi ốm, và trí óc tôi bám lấy nó trong thời kỳ dưỡng bệnh. Tôi tránh mọi lời giải thích, và một mực giữ kín tất cả những gì liên quan đến của khốn nạn mình đã tạo ra. Tôi tin chắc mọi người sẽ cho là tôi bị điên, và chỉ riêng việc này cũng đủ khóa chặt lưỡi tôi. Nhưng hơn nữa, làm sao tôi dám tiết lộ một bí mật sẽ khiến người nghe thất kinh, gây nên một nỗi hoảng sợ và ghê rợn phi tự nhiên suốt đời sống trong tim họ. Vì vậy tôi kiềm chế

mọi khao khát được ai chia sẻ lại, và nín thinh những lúc tôi có thể đánh đổi cả thế giới để được tâm sự điều bí mật chết người này. Thế nhưng thỉnh thoảng những lời như tôi vừa nhắc đó, lại buột ra không kìm được khỏi miệng tôi. Tôi không giải thích được gì về chúng, nhưng sự thành thực đó cũng phần nào làm nhẹ đi nỗi thống khổ bí ẩn của tôi.

Còn lần này cha tôi bảo tôi, gương mặt lộ vẻ ngạc nhiên hết sức: "Victor, con nói điều rồ dại gì vậy? Con yêu ơi, cha yêu cầu con đừng bao giờ khăng khăng nhắc lại như thế này lần nữa."

"Con không điên," tôi kêu lên mãnh liệt, "mặt trời kia, bầu trời kia đã chứng kiến những hành động của con, có thể làm chứng con nói thực. Con chính là kẻ đã giết những nạn nhân hoàn toàn vô tội ấy, họ chết bởi những mưu mô của con. Con ngàn lần sẵn sàng đổ máu mình, từng giọt một, để cứu lấy cuộc đời của họ; nhưng con không thể, cha ơi, không thể nào hiến sinh cả loài người."

Đoạn kết của bài ca này khiến cha tôi càng tin chắc đầu óc tôi không tỉnh táo, và ông lập tức thay đổi đề tài chuyện trò, cố gắng đưa tôi chuyển dòng suy nghĩ. Ông hết lòng mong xóa sạch khỏi ký ức tôi những cảnh tượng xảy ra ở Ireland, và không bao giờ còn nói bóng gió đến chúng, cũng không bao giờ bắt tôi nhắc lại những bất hạnh của mình.

Thời gian trôi đi, tôi dần dần bình tĩnh lại; nỗi khổ vẫn chứa chất ở tận đáy lòng, nhưng tôi không còn nói những câu không đầu không đuôi về tội ác mình như trước nữa; ý thức về chúng với tôi là đủ. Tự đè nén một cách vô cùng hung bạo, tôi cố áp chế tiếng kêu gào khẩn thiết của nỗi khốn nạn cất lên, mấy lần đòi hỏi được công bố ra cho cả thế giới biết; và tác phong tôi trở nên bình tĩnh và điềm đạm hơn bao giờ hết kể từ chuyến thăm viếng biển băng đến nay.

Vài ngày trước khi rời Paris lên đường về Thụy Sĩ, tôi nhận được bức thư sau đây của Elizabeth:

Bạn yêu quý,

Em sung sướng vô hạn khi nhận được thư bác viết từ Paris; anh giờ không còn cách xa vời vợi như trước nữa, chỉ hai tuần thôi là em đã có thể gặp lại anh rồi. Anh họ tội nghiệp của em! Anh hẳn đã chịu đựng

bao nhiêu đau khổ! Gặp anh hẳn em sẽ thấy anh ốm yếu hơn cả lúc ra đi từ Geneva nữa. Mùa đông vừa qua em chẳng khác gì bị tra tấn, khắc khoải, khổ sở không biết chừng nào; tuy nhiên em hy vọng sẽ nhìn thấy vẻ thanh bình trên nét mặt anh, thấy trái tim anh chưa đến nỗi mất hết ấm áp và yên tĩnh.

Ấy thế nhưng em vẫn sợ rằng những xúc cảm cách đây một năm khiến anh khổ sở ghê gớm vẫn còn nguyên như trước, với thời gian có thể còn tăng mạnh hơn. Thâm tâm em không muốn làm bận lòng anh lúc này khi bao bất hạnh vẫn còn đè nặng, nhưng sau cuộc nói chuyện với cha anh trước hôm ông đi, em nghĩ nên đòi hỏi ở anh vài lời giải thích trước khi ta gặp nhau.

Giải thích ư! Có thể anh sẽ bảo đâu có gì phải giải thích với Elizabeth! Nếu thực sự anh nói vậy thì câu hỏi của em thế là đã được giải đáp, và mọi nghi ngờ của em tiêu tan. Nhưng anh đang ở xa, biết đâu anh vừa sợ vừa mừng có được lời giải thích này thì sao, và vì rất có thể là như vậy nên em phải viết ngay không dám chần chừ gì nữa về những điều mà suốt thời gian anh vắng nhà, em vẫn luôn luôn mong giãi bày được với anh mà chưa đủ can đảm.

Victor ạ, như anh biết đấy, cuộc hôn phối của chúng ta đã được cha mẹ anh ủ ấp từ lâu, khi chúng ta còn thơ ấu. Còn nhỏ, chúng ta đã được nghe về nó, và tập coi nó như một sự kiện chắc chắn sẽ tới trong tương lai. Từ lúc còn thơ dại ta đã là bạn chơi đùa biết bao thương mến; lớn lên, em tin chắc, đã là bạn thân tin cậy của nhau. Nhưng bởi anh em ruột cũng có thể đối với nhau thương yêu nhất mực mà không cần phải có một sự hợp nhất gần gũi hơn, biết đâu chúng ta không nằm trong trường hợp đó? Anh Victor thân mến, hãy cho em biết. Em yêu cầu anh trả lời em, vì hạnh phúc chung của chúng ta, sự thật giản dị này: anh có yêu ai khác không?

Anh đã đi tới nhiều nơi, đã sống ở Ingolstadt bảy năm đời mình; và phải thú thật với anh rằng hồi mùa thu năm ngoái trông thấy anh bất hạnh đến thế, trốn chạy khỏi bất cứ ai để chìm vào cô độc, em không thể không ngờ rằng anh hối tiếc về mối quan hệ giữa chúng ta, và nghĩ rằng danh dự buộc mình phải thực hiện mong muốn của bố mẹ, cho dù điều đó trái với nguyện vọng của anh. Nhưng lý luận như vậy là sai lầm. Em thú thật rằng, bạn ạ, em yêu anh, và trong những giấc mơ viển vông của em về tương lai sắp tới, anh bao giờ cũng là người bạn, người

bạn đời vĩnh hằng của em. Tuy nhiên, em mong mỏi hạnh phúc của anh như của chính mình, và nay em tuyên bố rằng, cuộc hôn phối của chúng ta sẽ chỉ khiến em khổ sở suốt đời, trừ phi đó là kết quả của việc anh tự ý lựa chọn. Ngay cả lúc này đây em đã khóc khi nghĩ rằng, đang phải chịu đựng những bất hạnh tàn ác nhất đời này, anh vẫn sẽ vì cái từ "danh dự" mà đè nén mọi hy vọng về tình yêu và hạnh phúc, thứ duy nhất có thể khiến anh hồi phục lại là mình. Em vốn dành cho anh một tình cảm vô tư đến thế, lại có thể làm anh khổ gấp chục lần nếu trở thành chướng ngại cho mong ước của anh. Ôi Victor! Hãy tin rằng cô em họ của anh, bạn chơi đùa với anh hồi nhỏ, yêu anh quá chân thành nên không thể khổ sở vì giả thiết này đâu. Bạn của em ơi! Hãy cứ hạnh phúc đi, và nếu như anh tuân theo một yêu cầu này thôi của em, hãy yên tâm không gì trên đời này đủ khả năng làm cho tâm hồn em mất yên tĩnh.

Đừng để lá thư này làm anh rối trí; anh chưa cần trả lời ngay ngày mai, hay ngày kia, hay cả lúc anh về tới nhà nếu như nó khiến anh khổ tâm. Bác trai sẽ cho em biết tin tức về sức khỏe anh; và khi gặp anh, nếu chỉ cần nhìn thấy nụ cười trên môi anh, do việc em vừa hỏi hay từ bất cứ việc nào khác mà em đã cố gắng làm, thì em cũng không cần hạnh phúc nào hơn thế nữa.

ELIZABETH LAVENZA

Geneva, 18 tháng Năm 17...

Lá thư này làm sống lại trong hồi ức tôi lời hăm dọa của con quỷ mà tôi đã quên - *"Ta sẽ ở bên ngươi vào đêm tân hôn!"* Lời tuyên án tôi là thế, và đêm đó tên ác thần sẽ dùng mọi mưu mô hủy diệt tôi, dứt tôi ra khỏi chút hạnh phúc mong manh hứa hẹn phần nào an ủi cho những đau đớn trong lòng. Đêm đó hắn đã quyết định hoàn tất những tội ác của mình với cái chết của tôi. Được, vậy cứ thế; chắc chắn một cuộc vật lộn sinh tử sẽ không thể nào tránh khỏi; nếu hắn thắng tôi sẽ được yên nghỉ, và quyền lực của hắn đối với tôi đến đó là hết. Còn nếu hắn bị tiêu diệt, tôi sẽ là người tự do. Hỡi ôi! tự do kiểu gì đây? Như thể người nông dân nhìn gia đình bị tàn sát trước mắt mình, nhà tranh bị thiêu rụi, đất đai bị bỏ hoang, tự mình bị trục xuất, vô gia cư, không xu dính túi, và đơn độc, nhưng tự do[52]. Tự do của tôi sẽ như thế

đó, ngoại trừ một điều rằng có Elizabeth là tôi đã sở hữu cả một kho báu; với cái giá - hỡi ôi! - là nỗi khiếp đảm vì ân hận và tội lỗi sẽ theo đuổi tôi cho đến lúc chết.

Elizabeth dịu dàng, thân thương! Tôi đọc đi đọc lại thư nàng, và một tình cảm êm đềm len vào trái tim tôi, thậm chí còn dám thì thầm với tôi những giấc mộng thiên đường về tình yêu và niềm vui sướng; thế nhưng quả táo đã cắn rồi, cánh tay thiên thần để trần đã tước đi của tôi mọi hy vọng. Thế nhưng tôi có thể chết để đem lại hạnh phúc cho nàng. Nếu con quái vật thực hiện lời đe dọa, cái chết với tôi sẽ là không tránh khỏi; thế nhưng, tôi nghĩ kỹ, liệu đám cưới có thực sự đẩy nhanh số phận tôi? Sự hủy diệt tôi quả thật có thể tới sớm hơn vài tháng, nhưng nếu kẻ ưa hành hạ kia nghi ngờ tôi trì hoãn vì những lời đe dọa của hắn, chắc chắn hắn sẽ tìm biện pháp khác, biết đâu còn kinh khủng hơn để trả thù tôi. Hắn đã thề ở bên tôi vào *đêm tân hôn*; nhưng hắn cũng không hề coi mình bắt buộc phải án binh trong thời gian chờ đợi; bởi như thể để chứng tỏ cơn khát máu của mình chưa thỏa mãn, hắn đã giết Clerval ngay sau khi thốt ra lời đe dọa. Cứ thế, tôi quyết định, nếu như việc kết hôn lập tức với cô em họ tôi có thể đem lại hạnh phúc cho nàng hoặc cho cha tôi, mưu toan của kẻ thù nhằm hãm hại tôi sẽ không thể cản trở nó thêm một giờ nào.

Trong tâm trạng ấy tôi viết cho Elizabeth. Thư tôi rất bình tĩnh và đầy trìu mến. "Cô gái thân yêu," tôi viết, "chẳng còn mấy hạnh phúc cho chúng ta trên trái đất này; thế nhưng toàn bộ những gì một ngày kia anh có thể được hưởng đều nằm ở nơi em. Hãy gạt bỏ những ưu tư vô nghĩa; anh hiến cho em cả cuộc đời anh cùng mọi cố gắng khiến em vui lòng. Elizabeth ạ, anh mang nặng trong lòng một bí mật đáng sợ; thổ lộ với em hẳn sẽ làm em kinh sợ lạnh toát người; em sẽ không còn ngạc nhiên về nỗi khổ tâm của anh, mà còn lấy làm lạ vì sao anh sống nổi sau những gì đã qua. Anh sẽ kể em nghe về câu chuyện bi thương kinh hoàng đó ngay ngày hôm sau đám cưới, vì, cô em dịu dàng của anh ạ, giữa chúng ta nhất thiết phải có sự tin cậy tuyệt đối. Nhưng từ nay cho đến lúc đó, anh xin em đừng nói gì đến nó dù chỉ là bóng gió. Anh tha thiết nài nỉ em điều đó và anh biết em sẽ làm đúng như lời anh yêu cầu."

Một tuần sau khi nhận được thư Elizabeth, chúng tôi về tới Geneva. Cô gái dịu dàng đón tôi với tình thương yêu nồng ấm, nhưng nàng trào nước mắt khi trông thấy thân hình còm cõi và đôi má bỏng rực của tôi. Tôi thấy nàng cũng thay đổi nhiều. Nàng gầy đi và đánh mất khá nhiều vẻ linh hoạt trời ban trước kia vẫn khiến tôi mê mẩn; tuy nhiên sự dịu dàng của nàng

cùng ánh mắt thương cảm nhẹ nhàng lại khiến nàng thích hợp hơn để bầu bạn với một kẻ tan hoang thảm hại như tôi.

Tôi hưởng thụ niềm yên bình không được bao lâu. Ký ức trở lại với những cơn điên dại; và cứ nghĩ đến những chuyện đã qua, tôi hóa rồ thực sự; đôi khi tôi lên cơn cáu giận đùng đùng, lúc lại u uất và suy sụp. Tôi không nói gì, cũng không nhìn ai, chỉ ngồi bất động một chỗ, hoang mang ngơ ngẩn vì hàng ngàn nỗi khổ xâm chiếm lấy mình.

Chỉ riêng có Elizabeth là lôi được tôi khỏi những cơn bột phát đó; giọng nói êm đềm của nàng xoa dịu khi tôi bị cuốn đi trong cơn mê hoảng, gieo vào tình cảm con người kéo tôi khỏi những cơn trầm uất. Nàng khóc cùng với tôi và khóc cho tôi. Khi lý trí tôi trở lại, nàng bày tỏ sự ưu phiền và cố truyền cho tôi lòng cam chịu. Ôi! người bất hạnh có thể dễ dàng cam chịu, nhưng kẻ tội lỗi làm sao có được bình tâm. Nỗi thống khổ vì ân hận đã đầu độc cả niềm vui xa xỉ lẽ ra tôi có thể tìm được khi buông thả mình cho đau buồn quá trớn.

Không lâu sau khi về, cha tôi nói đến việc tổ chức đám cưới sớm với Elizabeth. Tôi im lặng.

"Vậy là con đã có ràng buộc nào khác?"

"Tuyệt nhiên không. Con yêu Elizabeth và sung sướng trông đợi ngày thành hôn. Ta ấn định ngày đi thôi; và hôm đó con sẽ nguyện hết lòng hiến mình cho hạnh phúc của nàng, dù sống hay là chết."

"Victor yêu dấu, đừng nói thế con ạ. Những bất hạnh lớn đã rơi xuống đầu chúng ta thật; nhưng hãy vì thế mà xích gần lại nhau hơn, hãy đem tình yêu đối với người ta đã mất bù đắp cho những người còn sống. Gia đình ta bé nhỏ, nhưng sẽ gắn bó với nhau bởi tình cảm thiết tha và nỗi bất hạnh chung. Và khi thời gian đã làm dịu thất vọng của con, các đối tượng mới để ta yêu thương chăm sóc sẽ được sinh ra, thay thế cho những người mà ta đã bị tước đi một cách tàn ác."

Đó là những lời dạy của cha tôi. Nhưng tôi thì nhớ lại lời đe dọa; hẳn anh không lấy làm lạ rằng, bởi con quỷ toàn năng đến thế trong những hành động khát máu của hắn, tôi đã coi hắn như không thể địch nổi; và khi hắn thốt ra mấy lời *"ta sẽ ở bên ngươi vào đêm tân hôn"*, tôi đã coi đó là số phận không thể tránh khỏi. Nhưng cái chết đối với tôi chẳng tệ hại bằng để mất Elizabeth, cho nên với vẻ mặt hài lòng, thậm chí tươi tỉnh, tôi nhất trí với cha

tôi, nếu cô em họ tôi đồng ý, lễ cưới sẽ được tiến hành sau mười ngày, và như vậy - tôi hình dung - số phận tôi thế là sẽ kết thúc.

Trời cao đất dày ơi! giá có bao giờ tôi hiểu ý định hắc ám của kẻ thù ma quỷ của tôi, tôi thà vĩnh viễn rời khỏi nơi quê cha đất tổ, lang thang trên trái đất như một kẻ tứ cố vô thân, còn hơn chấp thuận đám cưới bất hạnh này. Nhưng cứ như thể có phép màu, con quái vật đã che mắt tôi khỏi ý định thực của hắn; trong khi đinh ninh đang chuẩn bị cho số phận của riêng mình, tôi đã đẩy nhanh cái chết của một nạn nhân biết bao quý giá hơn.

Hôn lễ ngày một đến gần, và không hiểu vì thói hèn nhát hay do một linh cảm báo trước, tim tôi se lại. Nhưng tôi cố che giấu tình cảm của mình bằng cách khoác vẻ vui nhộn, đủ để mang lại nụ cười và niềm vui trên mặt cha tôi, tuy nhiên không lừa nổi đôi mắt luôn luôn cảnh giác và sát sao hơn của Elizabeth. Nàng trông cho tới ngày chúng tôi đoàn tụ với vẻ hài lòng bình thản, tuy vẫn pha chút e sợ, do ảnh hưởng của những việc không may trong quá khứ, rằng biết đâu hạnh phúc giờ tưởng chắc chắn, vững bền, mai kia lại tan biến thành giấc mộng hư không, chẳng để lại gì ngoài tiếc nuối sâu xa và vĩnh cửu.

Mọi chuẩn bị cho ngày vui được tiến hành; những chuyến thăm mừng nườm nượp, ai nấy đều tươi cười vui vẻ. Tôi hết sức khép kín trong tim nỗi lo lắng đang gặm nhấm, tỏ ra hăm hở thực hiện các kế hoạch của cha tôi, dù rất có thể chúng rồi sẽ chỉ tô điểm thêm cho thảm kịch của mình. Qua những nỗ lực của cha tôi, một phần tài sản thừa kế của Elizabeth được chính phủ Áo trả lại cho nàng, trong đó có một dinh cơ nhỏ trên bờ hồ Como. Chúng tôi thỏa thuận ngay sau hôn lễ sẽ tới biệt thự nhà Lavenza, hưởng thụ những ngày hạnh phúc đầu tiên bên hồ nước rất đẹp ở cạnh đó.

Trong khi chờ đợi, tôi chuẩn bị thật kỹ để bảo vệ mình, phòng trường hợp con quỷ công khai tấn công tôi. Tôi thường xuyên mang theo người súng lục và dao găm luôn luôn canh chừng mọi mưu mẹo xảo trá; những biện pháp này khiến tôi được yên tâm hơn trước. Quả thật càng gần ngày cưới, lời dọa dẫm càng như chỉ là ảo tưởng, không đáng làm người ta bận trí đến thế, trong khi hạnh phúc tôi đang hy vọng ở cuộc hôn nhân càng có vẻ chắc chắn hơn; và tôi nghe mọi người nhắc hoài tới nó như một sự kiện không bất ngờ nào ngăn trở nổi.

Elizabeth có vẻ hạnh phúc; thái độ bình tĩnh của tôi làm nàng an lòng hơn nhiều. Nhưng vào cái ngày mà mong ước cũng như số phận tôi sẽ hoàn

tất, nàng lại u buồn, và một linh cảm bất an choán lấy trí nàng; cũng có thể nàng nghĩ tới điều bí mật khủng khiếp tôi đã hứa sẽ thổ lộ vào ngày hôm sau nữa. Cha tôi thì sung sướng vô tả, giữa cảnh chuẩn bị rối rít tưng bừng, chỉ cho nét buồn ở cô cháu gái là sự bối rối thông thường của mọi cô dâu mà thôi.

Sau hôn lễ, một buổi liên hoan lớn được tổ chức ở nhà cha tôi; nhưng kế hoạch là Elizabeth và tôi sẽ khởi đầu chuyến đi của mình bằng đường thủy, ngủ lại đêm đó ở Evian, sáng hôm sau đi tiếp. Thời tiết đẹp, gió thuận chiều, tất cả như muốn chúc phúc cho chuyến đi trăng mật của chúng tôi.

Đây là những giờ phút hạnh phúc cuối cùng của đời tôi. Chúng tôi lướt khá nhanh dọc theo dòng nước; mặt trời dữ dội, nhưng chúng tôi tránh nắng dưới một tán dù, trong khi thưởng ngoạn cảnh đẹp, lúc thì ở bờ hồ bên này, nơi chúng tôi trông thấy ngọn Saleve, những đoạn bờ hồ vui mắt của Montalègre, và ở xa xa, vươn cao hơn tất cả, là đỉnh Mont Blanc tuyệt đẹp, và rặng núi phủ tuyết quần tụ chung quanh, hoài công đua tranh cùng nó; lúc thì chúng tôi sang bờ hồ bên kia chiêm ngưỡng núi Jura hùng vĩ đưa mặt tối chắn đường kẻ tham lam muốn vượt xứ sở mình, và là rào cản gần như không vượt nổi với kẻ xâm lăng muốn biến nó thành nô lệ[53].

Tôi cầm tay Elizabeth: “Em yêu, trông em buồn rầu quá thế! A! Nếu em biết anh đã phải đau khổ như thế nào và rồi đây sẽ còn chịu đựng ra sao, em sẽ càng cố gắng giúp anh hưởng thụ niềm tĩnh lặng, và thời gian lánh mặt tạm thời khỏi tuyệt vọng, mà ít ra anh cũng được phép hưởng ngày hôm nay.”

“Hãy cứ hạnh phúc đi anh Victor thân yêu,” Elizabeth đáp, “em hy vọng chẳng có gì khiến anh phải buồn khổ; anh hãy tin rằng nếu như nhìn mặt em anh không thấy niềm vui sống động, thì trái tim em cũng đang tràn đầy mãn nguyện. Có gì đó đang thì thầm với em rằng đừng nên quá tin tưởng vào triển vọng đang mở ra trước mắt, nhưng em sẽ không nghe cái giọng độc địa ấy đâu. Kìa anh hãy nhìn xem chúng ta đi nhanh làm sao, những đám mây lúc che khuất Mont Blanc lúc bay cao hơn đỉnh vòm của nó làm cho quang cảnh xinh đẹp này còn thú vị lên nhiều nữa. Anh hãy nhìn cả xuống vô vàn cá đang bơi lội, trong làn nước trong vắt đến phân biệt được từng hòn sỏi dưới đáy. Ngày hôm nay tuyệt trần quá! Thiên nhiên sao mà trong sáng và hớn hở!”

Elizabeth đã cố khiến tâm trí nàng và cả tâm trí tôi lãng đi những vấn

đề không vui như thế đó. Tuy nhiên tâm trạng nàng thường xuyên thay đổi; niềm vui đôi lúc cũng lóe lên trong mắt nàng, nhưng lập tức nhường chỗ cho lơ đãng và tư lự.

Mặt trời xuống thấp dần; chúng tôi vượt qua con sông Drance, nhìn theo dòng chảy của nó qua các kẽ nứt trên đồi cao và những thung lũng dưới đồi thấp. Chỗ này dãy Alps tiến sát gần hồ, chúng tôi tới những dãy núi vòng cung chắn phía Đông của nó. Tháp chuông thị trấn Evian lóng lánh dưới cánh rừng bao quanh nó, và dưới những dãy núi trùng điệp hết tầng này đến tầng kia.

Gió lúc ban ngày đã đưa chúng tôi đi nhanh với tốc độ không ngờ, nay hoàng hôn đến đã dịu xuống thành làn gió nhẹ; luồng không khí êm đềm chỉ gợn lăn tăn mặt nước và làm xao động cây cối khi chúng tôi tới gần bờ đang tỏa ngào ngạt hương hoa và cỏ khô. Chúng tôi lên bờ thì mặt trời đã lặn khỏi chân trời, và vừa đặt chân lên mặt đất, tôi cảm thấy những nỗi sợ hãi lo âu sống dậy, rồi chẳng mấy chốc sẽ siết chặt lấy tôi và bám vào tôi mãi mãi không rời.

Chương 23

Chúng tôi lên bờ thì đã tám giờ; đi dạo một lát bên hồ tận hưởng ánh chiều tà mờ ảo, sau đó lui về quán trọ, chiêm ngưỡng khung cảnh xinh đẹp của những hồ nước, rừng, núi non, nhòa đi trong bóng tối nhưng vẫn in đậm đường viền sẫm màu của chúng.

Gió lúc trước đã dịu đi ở phương Nam nay nổi lên rất mạnh ở đằng Tây. Trăng đã lên đến đỉnh cao nhất trên vòm trời, nay đang bắt đầu lặn xuống; mây lướt ngang qua nhanh hơn cả con diều làm mờ ánh trăng; cảnh bầu trời đầy xáo động phản chiếu trên mặt hồ bắt đầu nổi sóng càng thêm xáo động. Thế rồi bất chợt nổi cơn mưa bão.

Tôi đã được bình yên suốt cả ngày, nhưng bóng đêm vừa xóa nhòa đi hình thù mọi vật, trăm ngàn hoảng sợ lại nổi lên trong óc tôi. Tôi cảm thấy lo lắng bất an, tay phải nắm chặt lấy khẩu súng lục giấu trong ngực áo; tiếng động nào cũng làm tôi kinh hãi; nhưng tôi quyết định không đời nào bán rẻ đời mình, không để mình run sợ trốn khỏi cuộc đọ sức cho tới khi đời tôi, hoặc hắn, sẽ bị tiêu hủy.

Elizabeth im lặng một cách rụt rè và sợ hãi quan sát sự kích động của tôi một hồi lâu, cho tới khi có điều gì đó trong ánh mắt tôi đã truyền nỗi hoảng hốt sang nàng, và nàng run rẩy hỏi tôi: “Anh Victor thân yêu, cái gì làm anh bồn chồn đến thế? Anh sợ cái gì vậy?”

“Ồ, cứ yên tâm, yên tâm em thân yêu,” tôi đáp, “qua đêm nay nữa, và mọi chuyện sẽ ổn cả thôi; nhưng đêm nay thật là đáng sợ, vô cùng đáng sợ.”

Tâm trạng ấy của tôi kéo dài một tiếng đồng hồ, khi tôi chợt nghĩ ra cuộc chiến đấu mà thoáng chốc tôi mong mỏi hắn sẽ gây hoảng sợ cho vợ tôi đến thế nào, và tôi thiết tha xin nàng hãy vào nhà nghỉ trước, quyết tâm chưa vào với nàng trước khi nắm được thông tin nào đó về tình trạng hiện tại của kẻ thù tôi.

Nàng vào nhà, và tôi cứ tiếp tục đi lên đi xuống các lối của ngôi nhà, nhìn kỹ từng góc tối nơi kẻ thù có thể ẩn mình. Nhưng tôi hoàn toàn không thấy vết tích nào của hắn cả, và đã đoán có lẽ nhờ may mắn nào đó hắn bị ngăn trở không thực hiện được lời đe dọa, thì thốt nhiên tôi nghe thấy một

tiếng thét hãi hùng xé tai. Âm thanh đó phát ra từ căn buồng Elizabeth vừa lui vào. Nghe tiếng thét, toàn bộ sự thực ập vào trí tôi, cánh tay tôi đờ ra, mỗi sợi cơ bắp thịt không còn cử động được nữa; tôi cảm thấy máu chảy rần rật trong huyết quản và râm ran trên mỗi đầu ngón tay chân. Tình trạng này chỉ kéo dài trong nháy mắt; tiếng thét lại vang lên lần nữa, tôi vội chạy bổ vào trong căn phòng.

Trời đất ơi! Sao lúc đó tôi không chết liền cho xong! Mà còn sống để ngồi đây kể lại với anh sự hủy diệt sinh linh trong trắng nhất, niềm hy vọng tuyệt vời nhất trên trái đất này? Nàng nằm đó, bất động, không còn sinh khí, bị vất ngang giường, đầu rũ xuống, nét mặt méo mó xanh lợt bị làn tóc che phủ một phần. Giờ đây quay đi bất cứ đâu tôi cũng nhìn thấy cảnh tượng ấy: cánh tay nàng không còn hột máu, hình dáng rũ rượi mà tên giết người đã quăng lên cỗ quan tài cô dâu. Có thể nào nhìn thấy cảnh tượng ấy mà tôi còn sống? Hỡi ôi! Cuộc đời mà cứng đầu cứng cổ, càng bấu chặt lấy ta khi ta căm ghét nó vô cùng tận! Tôi mất khả năng tri giác trong một chốc, và ngã lăn xuống đất bất tỉnh.

Khi tỉnh dậy tôi thấy xung quanh mình đầy người là người, từ trong quán chạy tới, nét mặt ai nấy thể hiện nỗi kinh hoàng đến nghẹt thở; nhưng sự hoảng sợ của người khác chỉ như trò nhại, như cái bóng của những cảm xúc đang đè nặng lên tôi. Tôi trốn khỏi họ mà sang buồng nơi Elizabeth còn nằm, tình yêu của tôi, vợ của tôi, mới đây còn sống động đến thế, yêu thương đến thế, quý giá đến thế. Nàng đã được đặt nằm theo tư thế khác với lúc tôi thoạt nhìn thấy; và giờ đây, đầu nằm dựa lên cánh tay, mặt và cổ che bởi chiếc khăn mùi soa, trông nàng chỉ như người nằm ngủ. Tôi lao tới điên cuồng ôm chặt lấy nàng, nhưng tứ chi lạnh toát không còn sinh lực của nàng bảo tôi rằng đây không còn là nàng Elizabeth tôi yêu, tôi quý nữa. Cổ nàng hằn sâu vết tay gây án mạng của con quỷ, không còn hơi thở nào thoát ra từ đôi môi nàng.

Vẫn đang cúi xuống nhìn nàng trong cơn thống khổ tuyệt vọng, tôi vô tình ngước mắt lên. Cửa sổ lúc nãy tối om, và tôi chột dạ khi thấy ánh trăng vàng mờ mờ chiếu sáng căn phòng. Cánh cửa chớp đã bị kéo tung ra; và với cảm giác hãi hùng vô tả, qua ô cửa sổ tôi trông thấy cái hình thù gớm guốc kinh tởm nhất. Một nụ cười nhăn nhở vẽ ra trên gương mặt con quái vật; hắn dường như đang nhạo báng, ngón tay ma quỷ của hắn trỏ vào vợ tôi. Tôi vọt ra chỗ cửa sổ, rút súng trong ngực ra bắn hắn, nhưng hắn tránh được, nhảy khỏi chỗ đứng, rồi chạy đi vút nhanh như ánh chớp lao xuống hồ.

Tiếng súng nổ khiến cho một đám đông đổ vào trong phòng. Tôi chỉ ra chỗ hắn biến mất, chúng tôi dùng thuyền đuổi theo, đem cả lưới ra chăng, nhưng vô ích. Sau nhiều giờ tìm kiếm, chúng tôi thất vọng trở về, phần lớn đám người cùng đi nghĩ hình ảnh đó chẳng qua do tưởng tượng của tôi mà ra.

Lên bờ rồi ai nấy còn sục sạo khắp vùng, tản ra tứ phía, vào rừng, ra đồng nho. Tôi định theo họ, đã đi cách ngôi nhà được một đoạn; nhưng tôi chóng mặt quay cuồng, hai chân lảo đảo như người say rượu, cuối cùng quỵ xuống hoàn toàn kiệt lực, hai mắt như có làn sương che phủ, da dẻ bốc hỏa như lên cơn sốt. Người ta mang tôi về trong tình trạng đó, đặt nằm lên một chiếc giường, không nhận thức được chuyện gì xảy ra nữa; mắt tôi đưa đi đưa lại quanh phòng như tìm cái gì mình để mất.

Sau một lát tôi trở dậy, và như thể theo bản năng tôi bò sang căn buồng đặt thi thể người tôi yêu dấu. Đám phụ nữ đứng quanh nàng mà khóc, tôi quỳ bên cạnh, cũng hòa theo tiếng khóc của họ; lúc này đầu óc tôi không sao nghĩ được một điều gì cho ra đầu ra đuôi, dòng suy nghĩ lan man đủ mọi thứ, những suy tư hỗn độn về số phận bất hạnh của tôi, và nguyên nhân của nó. Tôi hoang mang mù mịt giữa đám mây mù bối rối và khiếp sợ. Nào là cái chết của William, việc xử tử Justine, vụ sát hại Clerval và mới đây nhất, vụ sát hại vợ tôi; ngay cả lúc này đây tôi cũng không biết những người thân yêu ít ỏi còn lại của tôi có an toàn trước con quỷ ma mãnh hay không; biết đâu lúc này cha tôi đang quằn quại dưới bàn tay hắn, Ernest đã tắt thở dưới chân hắn. Nghĩ đến đây tôi bủn rủn chân tay, và buộc mình phải hành động. Tôi đứng bật dậy, và quyết về ngay Geneva nhanh nhất có thể.

Không thể kiếm được ngựa, tôi đành phải trở về theo đường hồ; nhưng gió ngược, mưa như trút nước. May thay lúc đó là sáng sớm, tôi hy vọng đến đêm sẽ về đến nhà. Tôi thuê mấy tay chèo, và tự mình cũng nắm một mái, bởi tôi đã từng cảm thấy nhẹ bớt đau đớn về tinh thần nhờ vận động thể xác. Nhưng nỗi đau khổ quá lớn này, những chấn động liên tiếp đã chịu đựng khiến tôi không còn khả năng mà lao lực. Tôi vứt cả chèo, hai tay bưng lấy đầu, mặc cho những ý tưởng đen tối trào lên. Chỉ cần mở mắt ngước lên sẽ lại nhìn phải những quang cảnh quen thuộc thời tôi còn hạnh phúc, và vừa hôm qua đây còn thưởng ngoạn bên người yêu dấu nay chỉ còn là một bóng ma, một hồi tưởng. Nước mắt tôi lại trào ra. Mưa đã ngừng một chốc, tôi nhìn thấy cá chơi đùa dưới nước như vừa mấy giờ trước đây; Elizabeth đã ngắm nhìn chúng lúc đó. Còn gì đau đớn hơn cho đầu óc con

người khi phải trải qua sự thay đổi quá lớn và đột ngột như vậy. Mặt trời cứ tỏa nắng, mây cứ sà xuống chân trời: tuy nhiên không còn gì đối với tôi giống như hôm qua nữa. Một con quỷ đã tước đi của tôi từng niềm hy vọng ở hạnh phúc tương lai, chưa có sinh vật nào thê thảm như tôi đây; trong lịch sử nhân loại trường hợp đáng sợ nhường này chỉ có một.

Nhưng tôi đi sâu làm gì vào những chuyện xảy ra sau sự kiện kinh hoàng cuối cùng như giọt nước làm tràn ly ấy. Câu chuyện của tôi đã toàn là kinh rợn, tôi đã nói tới đỉnh tột cùng, những gì tôi sắp kể với anh sau đây sẽ chỉ làm anh chán ngắt. Chỉ cần biết rằng, bạn bè thân thiết của tôi từng người một bị tước đi, tôi chỉ còn lại một mình tuyệt vọng. Tôi đã sức cùng lực kiệt rồi; còn vài lời nữa thôi, để tôi kể nốt cho anh nghe câu chuyện ghê tởm này.

Tôi về đến Geneva. Cha tôi và Ernest còn sống, nhưng cha tôi quỵ đi trước tin tức tôi mang về. Bây giờ tôi vẫn như nhìn thấy ông, ông già đáng trọng, tốt đến tuyệt vời! đôi mắt ông vô hồn nhìn ra xa xăm, không còn một chút nào là ánh vui tươi âu yếm vốn có - Elizabeth người ông quý hơn con gái ruột của mình, người ông say mê với tất cả tình cảm mà một người cha có được, ở cái tuổi mãn chiều xế bóng, khi người ta thiết tha hơn nữa với những đối tượng yêu thương ít ỏi còn lại. Đáng nguyền rủa thay cái con quỷ đã khiến mái đầu bạc của ông còn phải gánh chịu đau buồn, buộc ông tàn lụi đi trong u sầu khốn khổ! Ông không sống nổi sau những thảm họa cứ tích tụ dần quanh ông; sức sống đột ngột cạn khô; ông không dậy nổi khỏi giường nữa, và ít ngày sau ông mất trong vòng tay tôi.

Còn tôi thì trở nên thế nào? Tôi cũng không biết nữa; tôi mất hết cảm giác; xiềng xích, tối tăm là những thứ duy nhất tôi cảm thấy bóp nghẹt lấy mình. Cũng có lúc, thật vậy, tôi mơ thấy mình lang thang trên đồng cỏ đầy hoa, trong những thung lũng tươi đẹp cùng bạn bè hồi trẻ; để rồi tỉnh dậy lại thấy mình trong hầm ngục. Buồn đau tiếp diễn; tuy nhiên tôi dần dần ý thức được rõ ràng những thống khổ của mình cùng hoàn cảnh hiện tại, nhờ đó thoát khỏi tù ngục. Bởi họ đã cho là tôi điên, và trong nhiều tháng, theo như tôi sau này hiểu ra, một buồng giam riêng đã là nơi tôi trú ngụ.

Tuy vậy, tự do lẽ ra đã là một món quà vô dụng đối với tôi, nếu không phải cùng lúc lý trí tỉnh thức, trong tôi cũng tỉnh thức cả lòng căm thù. Và chính nhờ sự đè nặng của hồi ức quá khứ mà tôi bắt đầu nghĩ lại nguyên nhân của chúng: con quái vật tôi đã tạo ra, tên ác thần thảm hại mà tôi đã

thải ra ngoài thế giới để nhận về sự tàn diệt cho mình. Nghĩ về hắn, một cơn giận dữ điên cuồng lại chiếm trọn con người tôi, tôi khao khát và cầu nguyện cháy lòng có được hắn trong tầm tay để giáng đòn thù lớn lao có một không hai lên cái đầu đáng nguyền rủa của hắn.

Lòng căm tức của tôi không dừng lâu ở mong muốn vô ích; tôi bắt đầu cân nhắc cách nào tốt nhất tóm cổ được hắn; vì vậy khoảng một tháng sau khi được thả, tôi tìm đến một trong những vị thẩm phán chuyên trách hình sự của thị trấn tôi, nói rằng tôi có một lời cáo buộc với kẻ sát hại gia đình tôi, tôi biết hắn là ai, đồng thời đề nghị ông đem hết quyền lực trong tay ra truy bắt kẻ sát nhân.

Vị thẩm phán chú ý và thiện chí lắng nghe, ông nói: “Xin ngài an tâm, chúng tôi sẽ không tiếc công vất vả hay khổ nhục để tìm bắt phạm nhân.”

“Cảm ơn ông,” tôi đáp, “vậy xin hãy lắng nghe lời khai mà tôi buộc phải công bố sau. Quả thực đây là một câu chuyện vô cùng kỳ quặc, đến nỗi hẳn tôi đã sợ ông không thể công nhận nó, nếu không phải sự thực luôn có gì đó khiến, cho dù quái lạ, nó vẫn bắt người ta phải tin. Một giấc mơ không thể chặt chẽ đến thế, và tôi không có động cơ nào bịa đặt.” Lời lẽ tôi, khi nói với ông như thế, khá hùng hồn, nhưng bình tĩnh; lòng tôi đã quyết theo đuổi kẻ tàn hại tôi cho đến chết, mục đích ấy làm dịu đi nỗi thống khổ của tôi và trong chốc lát ấy còn trả lại tôi với cuộc đời. Tôi kể lại câu chuyện ngắn gọn nhưng chính xác và kiên quyết, với những ngày tháng chuẩn xác, và không hề rơi vào những cơn thóa mạ hay gào thét.

Lúc đầu vị thẩm phán tỏ ra hoàn toàn không tin tưởng, nhưng tôi càng kể ông càng có vẻ lưu tâm; thỉnh thoảng tôi thấy ông rùng mình vì khiếp sợ, có lúc mặt ông bày tỏ nỗi ngạc nhiên thật tình, không hề pha trộn vẻ ngờ vực.

Khi kể xong tôi kết luận: “Tôi buộc tội chính sinh vật này, và tôi kêu gọi ông sử dụng toàn bộ quyền lực của mình truy bắt và trừng phạt hắn. Đó là nhiệm vụ của quyền thẩm phán trong ông, và tôi hy vọng và tin tưởng rằng những tình cảm của con người trong ông không từ khước thi hành những biện pháp ấy trong trường hợp này.”

Lời kêu gọi này khiến nét mặt người đang lắng nghe thay đổi hẳn. Ông đã nghe chuyện tôi với vẻ bán tín bán nghi như nghe người ta kể chuyện

ma hay những hiện tượng siêu nhiên; tuy nhiên khi được đòi hỏi ra tay hành động một cách chính thức, toàn bộ lòng ngờ vực của ông ào trở lại. Tuy thế ông vẫn nhẹ nhàng đáp: "Tôi sẵn sàng giúp đỡ hỗ trợ ông trong cuộc truy đuổi, nhưng cái sinh vật ông nói đến này có vẻ như sở hữu những quyền năng sẽ biến mọi nỗ lực của tôi thành con số không. Ai đuổi theo được một con vật có thể đi được trên mặt biển băng, sống trong các hang động nơi người bình thường không ai dám mò vào? Hơn nữa từ lúc hắn phạm tội đến giờ đã mấy tháng trôi qua rồi, ai biết được hiện hắn đang lang thang nơi nào hay đang trú ngụ ở đâu?"

"Tôi tin rằng hắn chỉ lảng vảng quanh quất gần nơi tôi cư ngụ, còn nếu như hắn thực đã lẩn trốn trên dãy Alps, ta có thể săn lùng hắn như săn sơn dương và giết hắn như giết một con mồi. Nhưng tôi nắm được suy nghĩ của ông rồi: ông không tin chuyện tôi kể, và không định truy đuổi kẻ thù của tôi để dành cho hắn hình phạt tương xứng."

Giận dữ khiến mắt tôi lóe lửa khi nói những lời này; vị thẩm phán hơi hoảng sợ: "Ông nhầm rồi; tôi sẽ cố hết sức; nếu quyền lực tôi đủ bắt con quái vật này, hãy yên tâm rằng hắn sẽ chịu sự trừng phạt xứng đáng với tội của mình. Nhưng tôi sợ rằng, theo lời bản thân ông mô tả về những đặc điểm thể chất của hắn, thì điều này rồi cũng trở thành bất khả; vì vậy, trong khi mọi phương pháp cần thiết vẫn sẽ được tiến hành đúng cách, ông cũng nên tự chuẩn bị tinh thần nhận thất bại thì hơn."

"Điều đó không thể được; nhưng tôi có nói gì nữa cũng vô ích thôi. Việc trả thù của tôi không có ý nghĩa gì đối với ông; tuy nhiên, dù thừa nhận đó là một ý nghĩ xấu xa, tôi cũng phải thú nhận rằng đó là tình cảm mãnh liệt nhất và duy nhất trong hồn tôi. Tôi căm giận không biết đến đâu mà nói nữa khi nghĩ rằng kẻ giết người chính tay tôi đã thả ra trong xã hội vẫn đang tồn tại. Ông từ chối đòi hỏi chính đáng của tôi; tôi chỉ còn lại một nguồn trông cậy; tôi sẽ đem cả thân mình, sống hay là chết, hiến cho công cuộc tiêu diệt hắn."

Bị kích động quá mức tôi run bắn cả người lên khi phát biểu như vậy, thái độ tôi lúc ấy có gì đó điên cuồng, và cả vẻ gì đó, tôi tin chắc, giống vẻ dữ dằn cao ngạo mà người ta đồn các đấng tử vì đạo thời xưa thường có. Nhưng đối với một ông thẩm phán ở Geneva, đầu óc còn bận bịu với những suy nghĩ khác hoàn toàn xa lạ với lòng hy sinh và tính anh hùng mã thượng, thì cơn bốc đồng cao thượng ấy trông ra chỉ là điên dại. Ông ra sức xoa dịu

tôi như bà vú dỗ trẻ con, coi câu chuyện của tôi là dư chấn của cơn mê sảng.

"Con người!" tôi kêu lên, "mi mới dốt nát làm sao khi tự phụ về trí tuệ mình! Hãy dừng lời - mi không hiểu mi đang nói gì cả."

Tôi chạy ào ra khỏi tòa nhà, tức bực vô cùng, tâm thần xáo trộn, và chuyển sang suy nghĩ phương hướng hành động khác.

Chương 24

Trong tình trạng của tôi lúc này mọi suy nghĩ tự chủ đều bị thiêu hủy và tan biến. Tôi bị cuốn đi trong cơn cuồng nộ, giờ đây chỉ riêng ý chí trả thù mới đưa lại cho tôi sức mạnh và sự điềm tĩnh; nó nhào nặn những cảm xúc của tôi, cho phép tôi bình tâm suy tính trong những thời điểm mà lẽ ra mê sảng hay cái chết đã tìm đến với tôi.

Quyết định trước hết của tôi là vĩnh viễn rời bỏ quê hương Geneva, nơi xiết bao yêu dấu khi tôi sống hạnh phúc, được yêu thương, nay trở nên đáng ghét trong nghịch cảnh. Thế là thu thập một món tiền và vài đồ nữ của mẹ, tôi ra đi.

Và khi ấy bắt đầu chặng đường phiêu bạt của tôi mà rồi đây sẽ chỉ kết thúc khi cuộc đời kết thúc. Tôi đã đi qua một phần rộng lớn của trái đất, trải bao vất vả nhọc nhằn mà những người lữ hành lang thang qua các vùng hoang sơ man dã phải chịu đựng. Vì sao sống nổi tôi cũng không biết nữa; nhiều lần tôi đã duỗi dài đôi chân mệt mỏi trên đồng cát mênh mông, cầu cho cái chết đến với mình. Nhưng tâm nguyện trả thù đã giữ cho tôi sống; tôi không thể chết, để kẻ thù sống sót sau mình.

Rời Geneva, việc đầu tiên tôi muốn làm là kiếm chút manh mối để tìm ra dấu vết kẻ thù ma quỷ của mình. Tuy nhiên kế hoạch chưa được rõ ràng, tôi loanh quanh mãi ở ngoại vi thành phố, chưa biết nên theo con đường nào. Khi đêm đến, tôi thấy mình đang đứng bên cổng nghĩa trang nơi William, Elizabeth và cha tôi yên nghỉ. Tôi vào đó, tìm đến tấm bia đánh dấu ngôi mộ của người thân. Tất cả im phăng phắc ngoài lá cây lao xao trong gió nhẹ; đêm xuống tối đen, làm ai dù thờ ơ mấy cũng phải cảm thấy khung cảnh thật trang nghiêm và xúc động. Linh hồn của những người đã khuất hình như còn lẩn quất đâu đây, phủ xuống một cái bóng không nhìn được, nhưng cảm được, trên người viếng thăm đang thương khóc.

Cảm giác buồn thương sâu sắc ban đầu trước khung cảnh đó nhanh chóng nhường chỗ cho cơn giận dữ tuyệt vọng. Họ đã mất, tôi còn sống; kẻ sát nhân cũng vẫn còn sống, muốn tiêu diệt hắn, tôi phải kéo lê cuộc đời mệt mỏi của mình. Tôi quỳ xuống cỏ, hôn mặt đất, đôi môi run rẩy kêu lên: “Xin mặt đất linh thiêng nơi tôi quỳ đây, xin các vong hồn bay lượn quanh tôi, xin

nỗi đau vò xé đáy lòng tôi đến trọn đời mãn kiếp, và xin cả Bóng đêm nơi các thần linh ngự trị, hãy chứng giám cho tôi: Tôi xin thề theo đuổi đến cùng tên ác thần đã gây nên nỗi khổ này, tới chừng nào hắn hoặc tôi tàn lụi trong tử chiến. Vì mục đích này tôi phải bảo vệ gìn giữ cuộc sống; nhằm trả mối thù lớn lao này tôi sẽ lại nhìn mặt trời và giẫm lên cỏ xanh trên mặt đất, mà lẽ ra nên biến đi trước mắt tôi mãi mãi. Và tôi kêu gọi các người, vong hồn người đã khuất, và các vị chủ trì sự báo thù đang lang thang đây đó phù hộ tôi, dắt dẫn tôi hoàn thành sứ mạng. Hãy để cho con quái vật đáng nguyền rủa từ địa ngục ấy phải đau đớn đến tột cùng, phải thất vọng đến cay đắng như tôi đang bị hành hạ lúc này đây."

Tôi đã bắt đầu lời thệ của mình vô cùng trang trọng, với một niềm kính sợ khiến tôi gần như tin rằng vong linh các bạn bè bị ám sát của tôi cũng nghe thấy và đồng tình với thành tâm của tôi; nhưng các nữ thần báo thù đã nhập vào tôi khi kết thúc, và lòng căm hận đã làm tôi nghẹn lời.

Trả lời tôi qua màn đêm tĩnh lặng là một tràng cười ma quỷ. Nó vang lên trong tai tôi rất lâu và nặng nề; và núi non dội lại, khiến tôi cảm thấy như thể cả địa ngục đang vây lấy tôi mà cười cợt. Lẽ ra lúc đó tôi hẳn đã phát điên mà tự kết liễu cuộc đời khổ sở của mình, nếu không phải lời thề của tôi đã được nghe thấu, và tính mạng tôi được bảo toàn mà trả hận. Tiếng cười tắt lịm, khi một giọng nói ghê tởm quen thuộc, gần sát tai tôi, nói với tôi bằng tiếng thì thầm rành mạch: "Ta hài lòng lắm, kẻ khốn nạn kia! mi đã quyết sống, và ta hài lòng lắm!"

Tôi lao tới nơi phát ra tiếng nói, nhưng tên ác quỷ đã né tránh được cánh tay vươn ra của tôi. Bỗng nhiên mặt trăng tròn vành vạnh hiện ra, soi sáng trọn vẹn cái hình thù méo mó ma quái của hắn đang vọt đi, nhanh hơn nhiều so với tốc độ người bình thường.

Tôi đuổi theo hắn, và đó là công việc của tôi suốt nhiều tháng trời nay. Từ một đầu mối mong manh, tôi đi theo dòng sông Rhone uốn khúc, nhưng vô ích. Biển Địa Trung Hải xanh ngắt hiện ra và nhờ một sự tình cờ lạ lùng, tôi trông thấy con quỷ ban đêm lẻn vào trốn trong một con tàu chuẩn bị hướng tới Biển Đen. Tôi cũng lên con tàu đó luôn, nhưng không hiểu sao hắn thoát mất.

Giữa những vùng hoang mạc Tartary và nước Nga, mặc dầu hắn vẫn lẩn tránh tôi, tôi vẫn nhằm theo đúng dấu vết của hắn mà truy đuổi. Đôi khi nhờ những người nông dân, hoảng hồn vì sự xuất hiện khủng khiếp của hắn,

nên tôi biết đường đuổi theo; đôi khi chính hắn để lại dấu hiệu dẫn đường, sợ rằng nếu mất hết tung tích hắn, tôi sẽ thất vọng mà chết. Tuyết xuống, tôi nhìn thấy vết chân to tướng của hắn in trên miền đất trắng. Anh là người mới bước vào đời, chưa hiểu lo lắng là gì, chưa biết thế nào là đau khổ, anh làm sao hiểu được những gì tôi đã cảm thấy và giờ đây vẫn còn cảm thấy? Lạnh giá, ham muốn, mệt mỏi chỉ là những đau đớn thường tình nhất mà số mệnh bắt tôi phải chịu đựng; Quỷ vương đã rủa nguyền tôi, và tôi chứa cả địa ngục vĩnh hằng trong mình; thế nhưng một vị thần thiện vẫn đi theo tôi, chỉ dẫn cho tôi đường đi nước bước, và mỗi khi tôi suy sụp nhất, lại bất ngờ giải thoát cho tôi khỏi những khó khăn tưởng chừng không vượt qua được. Gặp lúc tôi đói lả đến kiệt sức, giữa nơi hoang vắng mênh mông lại có một bữa ăn để sẵn cho tôi, khiến tôi hồi phục cơ thể và phấn chấn tinh thần. Đồ ăn chẳng qua đạm bạc, như của nông dân địa phương; nhưng tôi không một phút nghi ngờ đó là do các thần linh mà tôi đã kêu gọi giúp đỡ. Gặp khi nắng hạn, trời khô rang không một gợn mây tôi khát cháy cả họng, sẽ có đám mây kéo đến, tuôn xuống vài hạt mưa cứu sống tôi, và biến mất.

Khi còn có thể, tôi xuôi theo dòng sông, nhưng nói chung tên ác thần tránh đường thủy vì đó thường là nơi tập trung đông dân cư. Những nơi khác thường vắng bóng người, chủ yếu tôi sống bằng thú vật gặp trên đường đi. Tôi có tiền trong túi, và phân phát đi để chiếm được cảm tình của dân làng; hoặc tôi đem theo chỗ thịt tôi săn được, và sau khi giữ lấy một phần, tôi biếu cho những ai đã cho tôi lửa và dụng cụ nấu nướng.

Cuộc đời tôi sống theo cách đó thật vô cùng kinh khủng, và chỉ đến đêm trong giấc ngủ tôi mới có được niềm vui. Ôi, giấc ngủ trời ban! Thường những lúc khổ sở nhất, tôi chìm vào giấc ngủ, và giấc mơ đưa tôi đến chỗ sung sướng mê ly. Các thần linh bảo vệ đã ban cho tôi những giây phút hạnh phúc ấy, có khi lâu hàng giờ, để tôi duy trì đủ sức mạnh cho cuộc hành hương. Không có những nghỉ ngơi chốc lát đó hẳn tôi đã quỵ dưới gian nan thử thách. Ban ngày tôi đứng vững và phấn chấn được để chờ đêm tới: trong mơ tôi thấy các bạn tôi, vợ tôi, quê hương xứ sở thân yêu; tôi trông thấy nét mặt nhân từ của cha tôi, nghe thấy giọng nói trong như bạc của Elizabeth, nhìn thấy Clerval trẻ trung khỏe mạnh. Thường khi quá mệt bởi hành trình vất vả, tôi tự thuyết phục mình rằng đây chỉ là giấc mơ, và khi đêm đến, sẽ lại được tỉnh dậy trong vòng tay bè bạn. Sao mà tôi yêu quý bạn bè tôi đến đớn đau khắc khoải! tôi đã bám lấy dáng hình thân yêu của họ, để họ đôi khi ám ảnh cả những giờ phút tôi còn tỉnh thức, và tự thuyết phục mình họ vẫn đang sống cùng tôi! Những lúc đó khát vọng trả thù cháy bỏng trong tôi

bỗng tắt ngấm, và tôi theo đuổi con đường hủy diệt tên ác thần như một nghĩa vụ trời trao, một thúc đẩy cơ giới từ một quyền lực nào đó tôi không hay biết, hơn là niềm ham muốn bùng cháy từ chính hồn tôi.

Tôi không biết cảm nghĩ của kẻ tôi đang theo đuổi ra sao. Đôi khi, thật vậy, hắn trắng trợn để lại dấu vết bằng cách viết trên thân cây hoặc khắc vào mặt đá, dẫn đường cho tôi, khiến tôi thêm điên tiết. "Uy quyền của ta chưa kết thúc đâu," (trên một điểm có thể đọc rõ những chữ này); "mi sống, và quyền lực của ta là trọn vẹn. Cứ đuổi theo đi, ta đang tìm đến những tảng băng Bắc cực vĩnh cửu, nơi sẽ làm mi khốn khổ vì lạnh và băng giá, những thứ ta hoàn toàn vô cảm. Nếu như không quá lề mề, mi sẽ thấy gần đây có một con thỏ rừng đã chết: ăn đi cho lại sức. Cứ tiến tới, hỡi kẻ thù của ta, chúng ta còn phải vật lộn lần cuối để tranh giành sự sống, nhưng từ nay đến lúc ấy, mi còn phải chịu đựng không biết cơ man nào là ngày giờ vất vả thảm thương."

Ác quỷ xấc xược kia! Một lần nữa, ta thề sẽ trả thù; một lần nữa, ta mong mi bị hành hạ cho đến chết, đồ quỷ dữ thảm hại! Tôi sẽ không bỏ cuộc cho đến khi hoặc tôi hoặc nó bị hủy diệt; và khi đó tôi sẽ sung sướng biết bao được gặp lại Elizabeth và bạn bè đã khuất của tôi, có lẽ ngay từ giờ phút này họ đã chuẩn bị phần thưởng cho những nhọc nhằn dai dẳng và cuộc hành hương kinh khủng của tôi rồi!

Trên đường tôi đuổi theo hắn lên phía Bắc, tuyết rơi ngày càng dày và cái lạnh càng khắc nghiệt hầu như không chịu đựng nổi. Nông dân đóng kín cửa ở trong nhà, trừ một số rất ít can đảm nhất dám ra ngoài bắt đám thú vật chết đói phải mò khỏi chốn nương thân để kiếm mồi. Sông ngòi đóng băng hết, cá cũng không có mà bắt; và tôi bị cắt nguồn cung cấp chính của mình.

Tôi càng vất vả khó khăn kẻ thù tôi càng vênh vang đắc thắng. Có một câu hắn để lại như sau: "Hãy sẵn sàng! gian khổ chỉ mới bắt đầu thôi: hãy mặc áo lông vào, và kiếm cho đủ thức ăn, bởi chúng ta sắp sửa bước vào cuộc hành trình sẽ đưa đến mi những khốn đốn đủ thỏa mãn lòng căm ghét vĩnh hằng của ta."

Những lời xấc xược này nâng cao thêm lòng can đảm và kiên trì; tôi quyết tâm không thể thất bại; và cầu Trời phù hộ, tôi tiếp tục với niềm hăng hái không nao núng, băng qua biết bao miền hoang vắng mênh mông cho tới khi đại dương hiện ra xa xa phía trước, tạo thành đường biên ở chân trời.

Thật xa lạ biết bao so với biển cả xanh ngắt phương Nam! Mặt biển phủ toàn băng đá, phân biệt được với đất liền chỉ vì hoang vu hơn và gồ ghề hơn hẳn. Người Hy Lạp đã khóc vì sung sướng khi từ trên những ngọn đồi châu Á nhìn thấy biển Địa Trung Hải và reo hò chào đón đoạn kết nỗi cực nhọc của mình[54]. Tôi không khóc, nhưng quỳ xuống và với cả tấm lòng, cảm ơn các thần linh đưa đường đã dắt dẫn tôi an toàn tới nơi hy vọng có thể, bất kể sự chế giễu của kẻ thù, gặp được và vật lộn với hắn.

Trước đó mấy tuần, tôi đã kiếm được chó và xe trượt, nhờ đó vượt được qua mặt tuyết với tốc độ kinh hồn. Tôi không biết con quỷ có kiếm được những phương tiện đó hay không, nhưng tôi đã phát hiện được rằng, nếu như trước đây trong cuộc đuổi bắt, tôi thường thường lạc hướng, thì nay tôi đã bắt kịp hắn khá nhanh: thậm chí ngày tôi lần đầu trông thấy đại dương hắn mới vượt trước tôi có một hôm, và tôi hy vọng mình sẽ tóm cổ hắn trước khi đến được bãi biển. Vì vậy với lòng can đảm mới nhen lại tôi càng vội vã dấn lên, chỉ hai ngày sau tới một căn lều nát trên bờ biển. Hỏi thăm tin tức những người sống gần đó về con quỷ, tôi thu được những thông tin chính xác. Họ nói, một con quái vật khổng lồ tới đó đêm hôm trước, trang bị cả súng trường lẫn rất nhiều súng lục; khiến cho những người sống trong ngôi nhà con con đơn độc gần đó chạy mất vì khiếp hãi dáng hình ghê rợn của hắn. Hắn đã cướp đi toàn bộ dự trữ lương thực mùa đông của họ, để vào một chiếc xe trượt, hắn còn bắt mất một đàn chó kéo xe đông đảo, thắng chúng vào xe trượt; và đêm đó, trước sự mừng rỡ của đám dân làng khiếp vía, hắn đã lên đường tiến thẳng qua đại dương về nơi không có đất liền; và họ đoán trước sau gì hắn cũng hết đời vì mặt băng sẽ tan, hay chết cóng giữa băng giá vĩnh cửu.

Nghe xong tôi thất vọng mất đôi chút. Hắn lại thoát khỏi tay tôi, còn tôi lại phải bắt đầu chuyến hành trình hủy diệt kéo dài tới vô tận vượt qua những tảng băng sừng sững trên mặt nước, giữa cái lạnh mà đến dân địa phương cũng ít người chịu nổi; và tôi, vốn sinh ra tại miền khí hậu ấm áp ôn hòa đầy ánh nắng, ắt sẽ không sống sót. Nhưng cứ nghĩ đến chuyện con quỷ sẽ sống và đắc thắng, tức giận và quyết tâm trả thù lại bừng lên như một cơn triều mạnh mẽ, nhấn chìm tất cả mọi cảm nghĩ khác. Nghỉ ngơi một chút - trong thời gian ngắn ngủi đó vong linh những người đã khuất cứ lơ lửng quanh tôi, thúc giục tôi phải chịu khổ cực mà báo thù cho bằng được - tôi lại chuẩn bị lên đường.

Tôi đổi cỗ xe trượt trên đất của mình để lấy loại thiết kế phù hợp với

thứ địa hình của Đại dương Băng giá, chất đầy lương thực mang theo và rời khỏi đất liền.

Tôi không đoán nổi từ đó đến nay đã bao lâu; nhưng tôi đã chịu đựng nỗi khổ cực mà chỉ riêng quyết tâm vĩnh cửu thực hiện sự trả thù chính đáng cháy bỏng trong tim mới giúp tôi kham nổi. Những ngọn núi băng hùng vĩ lởm chởm thường chắn ngang đường tôi đi, và tôi thường nghe thấy nước biển gầm gào bên dưới đe dọa tiêu diệt tôi. Thế nhưng nước đá lại nhanh chóng phủ dày nơi băng mỏng, đường đi trở lại an toàn.

Tôi đoán thời gian làm cuộc hành trình này mất độ ba tuần, căn cứ vào lượng lương thực đã tiêu thụ; và hy vọng bị kéo căng, trở đi trở lại trong tim, thường đưa đến bao giọt đắng cay vì nản lòng và đau đớn rơi xuống từ đôi mắt. Quả đã có lần nỗi tuyệt vọng suýt tóm được con mồi của mụ, và lẽ ra tôi đã sắp suy sụp hoàn toàn dưới nỗi đau này; một lần, sau khi những con vật đáng thương chở tôi đi đã dốc hết sức lực không ngờ lên được đỉnh một ngọn núi băng thoai thoải, một con sụm xuống dưới cơn mệt nhọc và chết hẳn; tôi nhìn cảnh mênh mông trước mắt mà đau đớn, thì bỗng nhiên chớp thấy một đốm đen trên mặt băng trong ánh hoàng hôn. Tôi căng mắt ra nhìn xem đó có thể là cái gì, và thốt lên một tiếng phấn khích điên dại khi nhìn ra một chiếc xe trượt trong có một hình thù méo mó quá quen thuộc. Trời ơi! hy vọng đã trở lại tim tôi cháy rực đến từng nào! nước mắt ấm giàn trên mặt, tôi vội vã quệt đi ngay, để chúng khỏi cản trở tầm quan sát con quỷ; nhưng mắt tôi vẫn mờ đi bởi những giọt nóng bỏng cho tới khi, buông thả mình cho những cảm xúc đang xâm chiếm, tôi khóc òa lên.

Nhưng giờ không phải lúc chậm trễ; tôi gỡ con chó đã chết ra khỏi dây cương, cho đám còn lại ăn uống no nê; và sau một giờ nghỉ ngơi bắt buộc, mà đối với tôi thật là phiền toái, tôi lại lên đường. Vẫn trông thấy chiếc xe trượt ở xa xa; tôi cũng không mất dấu nó thêm lần nữa, trừ đôi khi nó bị vài mỏm băng che khuất trong chốc lát. Tôi bắt kịp hắn rõ rệt, và chỉ sau gần hai ngày đeo đẳng, tôi nhìn thấy kẻ thù chỉ cách mình độ hơn một dặm, và tim tôi đập loạn trong lồng ngực.

Nhưng khi đó, lúc tôi đã tưởng như sắp tóm cổ được kẻ thù thì bỗng dưng mọi hy vọng của tôi tiêu tan: tôi mất hoàn toàn dấu vết hắn hơn cả những lần trước. Tôi nghe thấy tiếng sóng gầm bên dưới, nước ào lên từng cuộn, từng phút càng thêm dữ dội và khủng khiếp. Tôi cố vượt lên, nhưng không nổi. Gió dậy, biển gào thét, và rùng rùng chuyển động như một cơn địa chấn, mặt băng nứt toác ra với một tiếng động long trời lở đất. Công

cuộc ấy hoàn thành trong nháy mắt: chỉ sau vài phút mặt biển náo động đã ngăn giữa tôi với kẻ thù, tôi bị bỏ lại trôi nổi trên một tảng băng đang nhỏ dần lại, chuẩn bị cho tôi một cái chết kinh hoàng.

Cứ thế nhiều giờ khủng khiếp trôi qua; chó của tôi bỏ mạng gần hết, bản thân tôi sắp quỵ xuống dưới bao đau khổ chồng chất, thì bỗng tôi thấy tàu anh đang thả neo gần đó, trao lại cho tôi hy vọng được cứu sống. Tôi không hề biết rằng lại có tàu lên phương Bắc xa đến mức này, và hết sức sửng sốt khi nhìn thấy nó. Tôi vội vã phá xe trượt tuyết ra làm mấy mái chèo, và nhờ đó cố gắng di chuyển mảnh băng vỡ về phía tàu anh, mệt không sao tả xiết. Tôi đã quyết định, nếu tàu anh đi về phía Nam, thà liều thân mặc cho biển cả bắt sao chịu vậy còn hơn từ bỏ mục đích mình. Tôi hy vọng có thể thuyết phục anh cấp cho một chiếc thuyền con mà theo chân hắn. Nhưng tàu anh theo hướng Bắc. Anh đã vớt tôi lên đúng lúc tôi sức cùng lực kiệt, và chẳng mấy chốc nữa đã sắp lụi tàn sau muôn vàn khó khăn gian khổ, rơi vào cái chết mà tôi vẫn còn kinh sợ, bởi nhiệm vụ chưa được hoàn thành.

Ôi! Khi nào các vị thần linh mới dắt dẫn tôi tới chỗ tên ác thần, nhờ thế cho phép tôi yên nghỉ như hằng mong muốn; hay phận tôi là phải chết, còn hắn vẫn sống nguyên? Nếu tôi chết, anh Walton, hãy thề với tôi không để cho hắn thoát; hãy tìm hắn và hoàn thành sự trả thù của tôi bằng cái chết dành cho hắn. Và liệu tôi có dám đòi hỏi anh làm cuộc hành hương như tôi, chịu đựng những khó khăn gian khổ mà tôi đã từng trải qua không? Không; tôi đâu ích kỷ đến thế. Có điều, sau khi tôi chết, nếu hắn xuất hiện, nếu các vị thần chủ trì sự báo thù đưa hắn tới với anh, anh hãy thề với tôi không để cho hắn sống, hãy thề với tôi là hắn không thể đắc thắng trên những nỗi thương tâm chồng chất của tôi, sống sót mà kéo dài thêm bản tội ác xấu xa của hắn. Hắn hùng biện lắm, giọng hắn thuyết phục vô cùng, và có lần lời lẽ hắn đã từng thuyết phục được cả tôi kia mà, nhưng xin anh đừng tin hắn. Linh hồn hắn đen tối quỷ quyệt như hình thù của hắn vậy, đầy lừa đảo phản trắc, ma mãnh như quỷ dữ. Đừng nghe hắn; hãy viện tới vong hồn William, Justine, Clerval, Elizabeth, cha tôi và Victor khốn nạn này, và hãy xuyên ngọn kiếm qua tim hắn. Tôi sẽ quẩn quanh gần đó, để hướng lưỡi thép đâm trúng đích.

Walton, tiếp.

26 tháng Tám năm 17...

Margaret, vậy là chị đã đọc xong câu chuyện kỳ lạ và rùng rợn này, chị có thấy máu mình đông lại vì khủng khiếp như em lúc này đây hay không? Đôi khi nỗi thống khổ thình lình ập đến khiến anh không nói tiếp nổi; lúc khác giọng nói tắc nghẹn nhưng vẫn chói lòng của anh khó khăn bật ra từng chữ tràn ngập đớn đau. Đôi mắt đẹp đáng yêu của anh lúc thì sáng rực vì căm giận, lúc thì sụp xuống bởi nỗi buồn đau, hay tắt lịm đi vì khốn khổ cùng cực. Nhiều khi anh điều khiển được nét mặt và âm điệu, và kể lại những sự kiện kinh hoàng nhất bằng một giọng điềm tĩnh, trấn áp mọi biểu hiện bồn chồn nóng nảy; rồi như một ngọn núi lửa bùng ra, mặt anh đột ngột chuyển thành cả một cơn thịnh nộ điên cuồng, và anh rít lên những lời chửi rủa kẻ hành hạ mình.

Câu chuyện của anh mạch lạc, và mang dáng dấp sự thật giản đơn, tuy nhiên phải thừa nhận rằng những lá thư của Felix và Safie anh đưa ra cho em xem, cùng bóng thoáng qua của quái vật đó mà chúng em nhìn thấy từ tàu mình, khiến em tin vào câu chuyện hơn nhiều những lời đoan chắc của anh dù cho chúng khúc chiết và sốt sắng đến mấy. Vậy một quái vật như thế quả là có thực! Em không thể nghi ngờ điều đó; nhưng em vô cùng ngạc nhiên và khâm phục. Đôi lúc em cố gạn hỏi Frankenstein ít nhiều chi tiết về việc tạo ra cái sinh vật ấy, nhưng về điểm này thì cậy răng anh cũng không moi được gì.

“Bạn ơi, bạn điên chăng?” anh nói, “nếu không, sự tò mò vô ý thức của anh rồi sẽ dẫn đến đâu? Liệu anh có bắt chước tôi mà tạo cho chính mình và cho cả thế giới một kẻ thù ma quỷ? Thôi đi bạn ơi! Hãy học từ những khổ ải của tôi, đừng mua lấy chúng vào người.”

Frankenstein nhận thấy em có ghi lại câu chuyện của anh; anh đòi xem và tự mình sửa lại và thêm thắt rất nhiều chỗ, chủ yếu làm cho những đoạn đối thoại giữa mình với kẻ thù thêm linh hoạt, sinh động hơn. “Bởi anh đã giữ lại lời kể của tôi,” anh nói, “tôi không muốn một phiên bản què quặt sẽ ở lại với hậu thế.”

Một tuần lễ đã trôi qua trong suốt thời gian em nghe kể sản phẩm lạ lùng nhất trí tưởng tượng có thể tạo ra được ấy. Mọi ý nghĩ, mọi cảm xúc của tâm hồn em bị cuốn hút vào vị khách, nhờ câu chuyện của anh và phong thái dịu dàng cao quý của anh. Em những muốn làm dịu lòng anh, nhưng một con người khổ sở đến tột cùng như vậy, không còn chút hy vọng được an ủi như vậy, lẽ nào em khuyên anh sống tiếp? Ôi, không! niềm vui duy nhất anh còn có thể nếm trải bây giờ sẽ là khi anh gửi gắm linh hồn tàn tạ của mình vào bình yên trong cái chết. Nhưng anh vẫn có được một niềm khuây khỏa, kết quả của cô độc và mê sảng: khi trong mơ anh trò chuyện được với bạn bè, được an ủi đôi chút từ những trò chuyện đó, hoặc được thôi thúc trả thù, anh tin họ không phải do anh tưởng tượng ra, mà là bản thân những sinh linh đó, đến thăm anh từ những xứ sở thuộc đất nước xa xôi kia. Niềm tin ấy khiến những huyễn tưởng của anh nghiêm trang đến mức trước mắt em chúng cũng ấn tượng và lôi cuốn gần như sự thực.

Những cuộc chuyện trò của chúng em không phải chỉ bó gọn trong câu chuyện bất hạnh của riêng anh. Trong mỗi lĩnh vực kiến thức chung anh đều tỏ ra có hiểu biết rộng lớn vô hạn độ, nhận thức sắc sảo và nhanh nhạy. Tài hùng biện của anh đầy sức thuyết phục khiến người ta phải mủi lòng; lần nào nghe anh kể tới một sự kiện bi thương hoặc khi anh muốn truyền cảm tình yêu, lòng trắc ẩn, em đều phải khóc. Thời còn hiển đạt hẳn anh phải là một sinh linh huyền diệu biết chừng nào, nếu trong suy sụp mà anh còn cao quý và thần thánh đến như thế! Hình như anh cũng cảm thấy được giá trị của chính mình và tầm vóc sự sa ngã của bản thân.

“Hồi còn nhỏ,” anh nói, “tôi đã tin số phận dành cho mình một công nghiệp vĩ đại nào đó. Cảm xúc của tôi sâu sắc, nhưng tôi lại có óc phán đoán bình tĩnh có thể giúp tôi đạt tới những thành công vẻ vang. Cảm giác về giá trị của mình là điều nâng tôi rất nhiều trong hoàn cảnh mà người khác lẽ ra đã bị đè bẹp, bởi vì theo tôi, đem những tài năng có thể hữu dụng cho đồng loại vứt bỏ đi trong tiếc thương vô ích thật là một hành động tội lỗi. Khi nghĩ đến công trình mình đã hoàn thành - tạo nên một con vật có cảm xúc, có lý trí chứ có phải kém đâu - tôi không thể tự xếp mình vào cùng một loại với đám bác học khùng tầm thường. Nhưng ý nghĩ này, từng hỗ trợ tôi rất lớn khi bắt đầu sự nghiệp, giờ đây chỉ càng nhấn chìm tôi vào sâu trong cát bụi. Tất cả mọi dự tính và hoài vọng của tôi chẳng là cái gì hết, và giống như vị tổng thiên thần ham muốn quyền hạn vô biên, tôi đã bị xích vào địa ngục vĩnh cửu[55]. Trí tưởng tượng của tôi sống động, và khả năng phân tích ứng

dụng của tôi rất lớn: hai phẩm chất này kết hợp lại đã khiến tôi ấp ủ và thực hiện được việc sáng tạo ra một con người. Ngay cả lúc này đây tôi vẫn không thể nhớ lại những giấc mơ cũ mà không phấn khích, những giấc mơ trong thời kỳ chưa hoàn tất công trình. Trong tâm tưởng tôi đã đặt chân lên tận thiên đàng, khi hoan hỉ vì quyền năng mình có, khi cháy bỏng nghĩ về kết quả có thể đem lại. Từ khi còn nhỏ tôi đã thấm đẫm hy vọng lớn lao, khát khao cao cả; thế mà giờ đây tôi đã suy sụp biết bao! Ôi, bạn của tôi ơi! bạn mà biết xưa kia tôi thế nào thì chắc bạn không thể nhận ra tôi trong tình trạng tàn tạ thế này đâu. Trước kia rất hiếm khi tôi biết đến nản lòng; định mệnh đáng sợ dường như đã cuốn tôi đi, để rồi tôi rơi xuống, rơi xuống mãi không bao giờ còn gượng dậy."

Nghĩa là em sắp mất đi con người đáng khâm phục này sao? Em đã thiết tha mong sao có được một người bạn, đã tìm mỏi mắt một ai đó đồng cảm và mến yêu mình. Thì đó, không thể ngờ trên đại dương hoang vắng này em lại tìm ra được một người như thế; nhưng e rằng em đã có được anh chỉ để quý trọng anh, rồi lại mất anh. Em muốn giải hòa anh với cuộc sống nhưng anh đã gạt đi.

"Anh Walton," anh nói, "cảm ơn anh đã dành thiện ý cho một kẻ khốn nạn thảm hại tới mức này, tuy nhiên, khi anh nói đến mối quan hệ mới, tình yêu thương mới, chẳng lẽ anh nghĩ chúng thay thế được những người đã mất? Có người đàn ông nào bằng Clerval đối với tôi, hay người đàn bà nào làm Elizabeth thứ hai? Cứ cho rằng mối giao tình không được củng cố thêm bằng những sự kiện phi thường đi nữa, nhưng những bầu bạn từ thuở nhỏ luôn luôn chiếm hữu tâm hồn ta với một sức mạnh khó lòng có được ở bạn kết sau này. Họ hiểu rõ tâm tính ta từ hồi nhỏ, những điều cho dù về sau có thể khác đi nhưng không bao giờ mất hẳn; họ nhìn nhận những hành động của ta với những đoan quyết chắc chắn hơn về tính hợp đạo lý của các động cơ. Anh chị em ruột với nhau sẽ chẳng bao giờ nhìn ra ở người kia sự giả tạo hay lừa dối, trừ phi đã có những triệu chứng từ rất sớm; trong khi bạn hữu ta, dù gắn bó đến thế nào đi nữa, cũng có thể nghi ngờ, dù không chủ ý. Nhưng tôi yêu quý bạn bè không chỉ gắn bó vì thói quen và gần gũi, mà vì chính những đức tính của bạn mình; và ở đâu tôi cũng nghe thấy giọng nói dịu dàng của Elizabeth và chuyện trò của Clerval thì thầm bên tai. Họ đã qua đời, và chỉ một cảm giác duy nhất trong cõi cô đơn này còn bắt tôi bảo toàn cuộc sống. Giả sử tôi bị ràng buộc bởi một công trình hay dự án cao siêu nào đem lại lợi ích lớn cho đồng loại, thì tôi còn thiết sống để hoàn thành nó. Nhưng đó đâu phải số mệnh tôi: tôi phải đuổi theo để hủy diệt cái sinh vật do

tôi tạo ra đó; khi đó phần việc của tôi trên thế giới đã làm trọn, và tôi có thể nhắm mắt xuôi tay.”

2 tháng Chín

Chị yêu quý,

Em đang viết cho chị giữa vòng nguy hiểm bao quanh và lo sợ không biết có còn được nhìn lại nước Anh cùng bạn bè thân thiết sống ở đó nữa không. Chung quanh em toàn những núi băng không cho phép tàu đi qua, luôn đe dọa đâm nát tàu. Các thủy thủ can trường mà em đã thuyết phục làm bạn đường của em hướng về em cầu cứu, nhưng em chẳng thể làm gì. Hoàn cảnh chúng em có vẻ cực kỳ đáng sợ, tuy nhiên em vẫn không đánh mất hy vọng và can đảm. Thế nhưng thật kinh khủng khi nghĩ rằng tính mạng ngần này con người đang bị đe dọa do mình. Nếu có mệnh hệ gì, tất cả là vì cái kế hoạch điên cuồng của em mà ra.

Và chị nữa Margaret, tâm trí chị sẽ ra sao? Chị sẽ không được tin gì về kết cục của em, và sẽ sốt ruột trông ngóng hoài em trở về. Năm tháng qua đi, chị sẽ phải đối mặt với từng cơn thất vọng, mà vẫn day dứt vì hy vọng. Ôi, chị thân yêu của em, nghĩ đến lòng mong ngóng thắt lòng thắt ruột của chị cứ dần mỏi mòn đi, em còn thấy điều đó đáng khiếp hãi hơn cả cái chết của chính em. Tuy nhiên chị còn có một người chồng và những đứa con thân yêu; chị vẫn sẽ hạnh phúc thôi. Trời sẽ ban phước cho chị, phù hộ cho chị hạnh phúc!

Người khách bất hạnh của em đối đãi với em bằng tình thương cảm trìu mến nhất. Anh cố gắng mang lại cho em hy vọng, và ăn nói như thể sự sống là một báu vật anh trân trọng. Anh nhắc nhở em những nhà thám hiểm vùng này gặp những hiện tượng như vậy thường xuyên đến đâu, và dù không chủ ý em cũng phải thấy lạc quan và phấn chấn. Cả các thủy thủ cũng chịu ảnh hưởng tài hùng biện của anh: khi anh nói, họ không thất vọng nữa; anh khơi lên nhiệt tình của họ, chừng nào còn nghe giọng anh, họ còn tin rằng những núi băng đồ sộ kia chỉ là những gò đất nhỏ, sẽ biến mất trước quyết tâm của con người. Nhưng những cảm xúc đó chỉ tạm thời, thêm một ngày chờ đợi là thêm nỗi hãi hùng; em thậm chí sợ rằng nỗi tuyệt vọng này sẽ đưa đến nổi loạn.

5 tháng Chín

Một cảnh bất thường kỳ lạ vừa xảy ra chị ạ; tuy rằng nhiều khả năng thư này không bao giờ đến được tay chị, em không thể không ghi lại nó.

Tàu chúng em vẫn bị các núi băng bao quanh, vẫn trong nguy cơ sát sườn sẽ tan tành nếu va vào chúng. Lạnh không thể nào tả được, và một số lớn bạn đường bất hạnh của em đã tìm đến yên nghỉ giữa cảnh hoang vắng đìu hiu này. Frankenstein thì sức khỏe ngày một hao mòn; mắt vẫn long lanh tia lửa sốt, tuy nhiên anh đã kiệt sức rồi, và những khi đột ngột bị kích động mà cố sức, anh lại nhanh chóng thỉu đi như không còn sức sống.

Như đã nói trong thư trước, em đã sợ một cuộc nổi loạn sẽ diễn ra. Sáng hôm nay, trong khi đang ngắm nét mặt héo mòn của bạn mình - chân tay anh đờ ra, mắt đã hờ khép - thì em giật mình bởi nửa tá thủy thủ đang đòi vào cabin. Họ vào, và người cầm đầu nói chuyện với em. Anh ta nói anh ta cùng số thủy thủ đây được mọi người chọn lựa để thay mặt đưa ra với em một yêu cầu mà vì lẽ công bằng hẳn em không thể từ chối. Hiện tàu chúng em bị kẹt cứng trong băng, và có thể còn không bao giờ thoát ra được; nhưng họ sợ rằng nếu may mắn băng tan, bởi điều này cũng vẫn có khả năng, và mở một con đường, em sẽ lại liều lĩnh tiếp tục cuộc hành trình đưa họ tới hiểm họa mới sau khi thoát khỏi khốn nguy trước mắt. Vì vậy, họ yêu cầu em long trọng hứa với họ rằng con tàu mà thoát khỏi đây, em lập tức sẽ quay mũi tàu về hướng Nam.

Nghe họ nói em rất bối rối. Bản thân em chưa hề thất vọng, em cũng chưa nghĩ đến chuyện quay về, khi nào đường mở. Thế nhưng liệu em có thể từ chối không, điều đó có phải là hợp lý, thậm chí liệu điều đó có thể làm được? Em còn đang băn khoăn chưa trả lời, thì Frankenstein, nãy giờ vẫn yên lặng và, thực tế, trông như thể khó mà đủ sức theo dõi được câu chuyện, bỗng nhỏm lên; đôi mắt nảy lửa, hai má bừng đỏ một sức mạnh trong chốc lát. Hướng về tốp người, anh nói:

"Các anh nói vậy là nghĩa thế nào? Yêu cầu gì ở thuyền trưởng? Các anh dễ dàng từ bỏ ý định của mình đến thế ư? Chẳng phải các anh từng gọi đây là cuộc thám hiểm vinh quang hay sao? Mà vinh quang là vì sao? Đâu phải vì đường đi phẳng lặng êm ả như trên mặt biển phía Nam, mà bởi vì nó

đầy rẫy nguy hiểm và khiếp hãi; bởi vì mỗi sự kiện xảy ra đều đòi hỏi sức chịu đựng dẻo dai, là dịp thể hiện lòng dũng cảm can trường; bởi vì khốn nguy và thần chết luôn rình rập xung quanh, yêu cầu các anh gan góc mà vượt qua nó. Bởi vậy nó mới vẻ vang, bởi vậy nó mới trở thành một sự nghiệp vinh quang. Rồi đây các anh sẽ được ca tụng như những ân nhân của giống loài, tên tuổi các anh sẽ được tôn sùng bởi đó là tên tuổi của những con người dũng mãnh đi gặp cái chết vì danh dự, vì lợi ích của nhân loại. Thế mà giờ đây, xem kìa, vừa mới tưởng tượng thấy khó khăn, hoặc cứ cho là vừa mới gặp thử thách ác liệt và vĩ đại đầu tiên để chứng tỏ lòng can đảm đi, các anh đã rúm người lại và sẵn sàng chịu tiếng là những kẻ không có nổi sức mạnh để chịu giá lạnh và nguy nan; vậy là, các linh hồn tội nghiệp, chúng đã rét cóng lên và quay về bên lò sưởi ấm áp ở nhà. Trời, đâu cần chuẩn bị đến thế này cho việc ấy, các anh đâu phải đi tới tận đây, và lôi kéo thuyền trưởng của các anh vào thất bại nhục nhã, chỉ để chứng minh sự hèn nhát của mình. Ôi! Hãy tỏ ra là những con người xứng đáng, hay nếu cần hãy tỏ ra mình vượt cả con người. Hãy quyết tâm theo đuổi mục đích, hãy vững vàng như đá. Băng đâu có được tạo thành bởi thứ vật liệu như tim các anh; nó dễ đổi thay, và không chống cự nổi các anh, chỉ cần các anh bảo rằng nó không làm nổi. Đừng trở về gia đình với vết nhơ hổ thẹn trên trán. Hãy trở về như những anh hùng đã chiến đấu và chinh phục, những người chưa từng biết quay lưng chạy khỏi kẻ thù."

Giọng anh lúc trầm lúc bổng, tùy theo cảm xúc trong câu nói, ánh mắt anh đầy dũng khí và mục đích cao cả; liệu có cần băn khoăn nhóm thủy thủ có cảm động hay không? Họ nhìn nhau, và im lặng không trả lời được. Em bèn lên tiếng, bảo họ hãy cứ lui về, suy nghĩ về tất cả những điều đã nói, nếu quả thực họ tha thiết không muốn tàu đi xa nữa lên phía Bắc, em sẽ không trái ý họ đâu, nhưng hy vọng sau khi suy nghĩ, lòng can đảm của họ sẽ trở lại.

Họ rút lui, em quay lại nhìn bạn em, nhưng anh đã thỉu đi, hầu như không còn sức sống.

Tất cả những chuyện này rồi sẽ kết thúc thế nào, em chưa biết; dù em thà chết còn hơn trở về trong nhục nhã, không hoàn thành ý định. Tuy nhiên em sợ rằng phận em sẽ là vậy; các thủy thủ không được động viên bởi vinh quang và danh dự; họ làm sao có thể sẵn lòng tiếp tục chịu đựng khó khăn gian khổ.

7 tháng Chín

Số phận thế là đã quyết, em đã đồng ý nếu lần này thoát chết, sẽ quay về. Hy vọng của em bị thiêu trụi bởi hèn nhát và do dự như vậy đấy; em trở về, vẫn hoàn dốt nát và thất vọng. Em chưa đủ là một nhà hiền triết để nhẫn nại chịu đựng bất công này.

12 tháng Chín

Tất cả đã qua rồi; em đang trở về Anh. Em đã mất mọi hy vọng về sự hữu dụng của mình cũng như về vinh quang - em đã mất người bạn của em nữa. Nhưng em sẽ cố gắng kể chi tiết chị nghe những chuyện bi thảm đó, chị thân yêu ạ; và bởi đang theo dòng về nước Anh, về với chị, em sẽ không nản chí.

Ngày 9 tháng Chín

Băng bắt đầu tan, chúng em nghe thấy những tiếng gầm như sấm động ở xa xa, trong lúc các đảo băng nứt ra rồi vỡ tung ra tứ phía. Thời điểm này rất nguy hiểm; nhưng vì chẳng làm được gì ngoài thụ động chờ đợi, mối quan tâm lớn nhất của em lúc đó dành cho vị khách bất hạnh của em, nay đã yếu lả đi đến nỗi hoàn toàn liệt giường. Băng vỡ ở phía sau tàu chúng em và được đẩy mạnh lên phía Bắc; một làn gió từ phía Tây nổi lên, đến ngày 11 đường về phía Nam đã hoàn toàn rộng mở. Thủy thủ thấy thế, biết con đường trở về quê hương rõ ràng là đảm bảo, đều thét lên vui sướng ầm ĩ thật lâu. Frankenstein đang ngủ lơ mơ, tỉnh dậy, hỏi em lý do. Em đáp: "Họ reo vui vì sắp được trở về Anh quốc."

"Vậy là anh trở về thật ư?"

"Ôi chao, thật chứ còn gì nữa. Làm sao tôi chống lại được yêu cầu của họ? Tôi không thể dắt dẫn họ đến hiểm họa trong khi lòng họ không muốn, và tôi phải trở về."

"Cứ về đi nếu anh muốn, nhưng riêng tôi thì không đâu. Anh có thể từ bỏ mục đích của anh, nhưng nhiệm vụ tôi là do trời xanh quyết định, tôi đâu dám trái ý trời. Tôi yếu thật, nhưng các thần linh chủ trì sự báo thù sẽ đem lại cho tôi đầy đủ sức mạnh." Nói xong câu đó anh cố gắng ngồi lên, nhưng điều này tỏ ra quá sức, anh lại ngã xuống và ngất đi.

Mãi lâu sau anh mới tỉnh lại, và em mấy lần tưởng sự sống đã từ bỏ hẳn rồi. Cuối cùng anh mở mắt; thở nặng nhọc, không nói nổi. Bác sĩ trên tàu cho anh uống một ngụm thuốc an thần, lệnh cho chúng em ra ngoài hết để anh yên. Ông bảo riêng em, anh chỉ còn sống được vài giờ nữa.

Vậy là anh đã được tuyên án, em chỉ còn biết đau khổ và kiên nhẫn chờ đợi mà thôi. Em ngồi bên giường anh quan sát anh; đôi mắt anh nhắm nghiền, em cứ tưởng anh ngủ; nhưng kìa, anh thều thào gọi em đến gần, nói: "Chao ôi! sức mạnh mà tôi dựa vào đã từ bỏ tôi mà đi; tôi cảm thấy mình sắp chết, trong khi hắn, kẻ thù của tôi, có thể vẫn còn đang sống. Walton ạ, đừng nghĩ trong những giây phút cuối cùng của đời mình, tôi lại có cảm giác cháy bỏng căm hờn và khát khao trả thù mãnh liệt trước đây từng bày tỏ; nhưng

tôi cho là mình đúng khi mong muốn cái chết cho kẻ thù. Trong những ngày cuối cùng này tôi luôn bận tâm suy ngẫm về những hành vi của mình trong quá khứ; tôi không cho rằng mình đáng trách. Một cơn hăng say điên cuồng đã đưa tôi đến chỗ tạo ra một sinh vật có lý trí, và bị ràng buộc vào nó với trách nhiệm, trong chừng mực tôi làm được, bảo đảm cho nó sống yên vui hạnh phúc. Đó là bổn phận của tôi; nhưng còn có thứ cao hơn thế. Bổn phận với những sinh thể thuộc chính giống nòi tôi còn đòi hỏi tôi quan tâm đến hơn nhiều, vì nó liên quan tới hạnh phúc và khổ đau của một số người lớn gấp nhiều lần. Quan điểm này thôi thúc tôi phải từ chối tạo ra bạn đời cho sinh vật đầu tiên, và tôi làm thế là đúng. Hắn đã cho thấy lòng ích kỷ, xấu bụng và ác độc không gì sánh nổi; hắn đã tiêu diệt các bạn tôi; hắn còn quyết tâm tiêu diệt những sinh linh có tình cảm cao quý, khôn ngoan, hạnh phúc; mà tôi cũng không hiểu khát vọng trả thù đó đến đâu là cùng nữa. Bản thân hắn khổ sở, nhưng để không còn khiến ai thêm khốn khổ nữa, hắn đáng phải chết. Giết hắn là nhiệm vụ của tôi, nhưng tôi đã thất bại. Lúc còn mang những động cơ xấu xa ích kỷ, tôi đã yêu cầu anh tiếp tục nhiệm vụ dang dở của mình; và giờ tôi nhắc lại lời đề nghị ấy, khi chỉ còn đức độ và lý trí dắt dẫn tôi.

“Nhưng tôi không thể đòi hỏi anh rời bỏ đất nước, bạn bè, để hoàn thành nghĩa vụ của tôi; và giờ đang trở về Anh quốc, anh sẽ chẳng còn mấy cơ hội mà gặp hắn. Tôi sẽ để anh tự suy nghĩ kỹ những điều trên, và cân nhắc cho chính xác nên làm gì anh coi là bổn phận; suy nghĩ, đánh giá của tôi giờ đã rối loạn bởi cái chết đang gần đến. Tôi chẳng dám yêu cầu anh làm những việc tôi cho là phải, bởi rất có thể cảm xúc vẫn còn đánh lạc hướng tôi.

“Điều chủ yếu làm tôi băn khoăn là con quỷ ấy còn sống tiếp làm công cụ hại người; về mọi điều khác, lúc này đây, giờ phút ngắn ngủi tôi đợi chờ được giải thoát này, là giờ phút hạnh phúc duy nhất mà vài năm nay tôi mới được hưởng. Kìa dáng dấp những người thân thương đã khuất đang tới quanh tôi, tôi phải mau đến với vòng tay họ. Vĩnh biệt Walton! Hãy tìm hạnh phúc trong an bình, tránh tham vọng cao xa cho dù chỉ là thứ tham vọng tưởng như trong sáng về những thành tích lớn trong khoa học và khám phá. Nhưng sao tôi phải nói như vậy chứ? Tôi đã tan nát vì hy vọng ấy, nhưng biết đâu người khác lại thành công.”

Giọng anh càng nói càng yếu đi; cuối cùng, kiệt quệ vì cố gắng này, anh chìm vào im lặng. Khoảng nửa tiếng sau anh lại ráng sức định nói, nhưng không nổi; anh yếu ớt nắm lấy tay tôi, đôi mắt nhắm nghiền vĩnh

viễn, trong khi ánh rạng rỡ của nụ cười hiền dịu tắt trên môi.

Chị Margaret, em biết nói sao đây về sự tàn lụi quá sớm của linh hồn tuyệt vời này? Em làm thế nào cho chị hiểu lòng em đau đớn sâu sắc đến đâu? Những gì nói được ra lời đều quá nông cạn, quá yếu ớt. Nước mắt em chảy dài, tâm trí em phủ bóng mây mù thất vọng. Nhưng em đang trở về Anh, và có thể sẽ tìm được chút an ủi.

Em bị ngắt quãng rồi. Mấy âm thanh kia báo hiệu gì đây? Nửa đêm rồi, gió đêm thổi rất nhẹ, thủy thủ canh trên boong không động tĩnh. Lại nữa; có tiếng gì đó như tiếng người nói, nhưng khàn hơn, vẳng ra từ cabin nơi xác Frankenstein còn nằm đó. Em phải dậy ra xem thế nào đây. Chúc chị ngủ ngon.

Trời đất ơi! chị nghĩ xem có chuyện gì mới xảy ra? Chỉ nhớ lại thôi em vẫn còn choáng váng. Không biết em có đủ sức miêu tả lại tỉ mỉ không; nhưng câu chuyện mà em ghi lại đây làm sao hoàn chỉnh được nếu không có đoạn kết bi thảm này.

Em bước vào cabin, nơi thi thể người bạn tuyệt diệu nhưng bất hạnh của em đang yên nghỉ. Cúi xuống bên anh là một hình thù mà em không tìm nổi lời để mô tả: vóc dáng khổng lồ, nhưng hoang dã, và méo mó. Từng món tóc bù xù rũ xuống che lấp mặt; nhưng một bàn tay to tướng giơ ra, màu sắc và nước da nhìn không khác gì xác ướp. Nghe thấy tiếng chân em lại gần, hắn ngưng ngay những tiếng gào nửa đau thương nửa kinh sợ và nhảy vọt ra phía cửa sổ. Chưa bao giờ em nhìn thấy cái gì kinh khủng như khuôn mặt hắn, chưa bao giờ có gì ghê tởm mà lại đáng sợ như vậy. Bất giác em nhắm mắt lại, và phải cố gắng nhớ lại bổn phận mình đối với kẻ hủy diệt này. Em gọi hắn ở lại.

Hắn dừng lại, kinh ngạc nhìn em, rồi sau đó lại nhìn về phía hình thù bất động của người sáng tạo ra hắn, hắn hầu như quên hẳn sự có mặt của em, mỗi nét mặt mỗi cử động của hắn đều như thể xuất phát từ cơn giận dữ điên cuồng của một niềm xúc cảm mạnh mẽ không kiềm chế nổi.“Đây lại một nạn nhân nữa của ta!” hắn kêu lên, “với vụ án mạng này mọi tội lỗi của ta thế là hoàn tất; sự tồn tại khổ sở liên tiếp của ta sắp đến tận cùng! Ôi, Frankenstein, kẻ vừa rộng lượng vừa đắm đuối yêu mình! giờ đây xin ngài tha thứ cho tôi thì phỏng còn ích gì? Tôi, kẻ đã hủy diệt ngài đến tàn lụi bằng

cách hủy diệt hết những gì ngài thương quý. Hỡi ôi! ngài đã lạnh ngắt rồi, ngài không thể trả lời ta.”

Giọng hắn dường như nghẹn lại, những thôi thúc đầu tiên của em, đã định xui khiến em thực hiện cái bổn phận là tuân theo trăng trối của bạn, tiêu diệt hắn đi, lúc này đã lặng xuống dưới lẫn lộn tò mò và thương cảm. Em lại gần cái sinh vật khủng khiếp đó; em không dám ngước lên nhìn hắn, vẻ xấu xí của hắn có gì đó rất ghê hãi và phi tự nhiên. Em định cất lời nhưng thốt không ra tiếng. Quái vật vẫn tiếp tục xổ ra hàng tràng những lời trách móc bản thân không đầu không đuôi. Cuối cùng em thu đủ quyết tâm để nói với hắn nhân lúc hắn dịu đi một chút: “Sự ăn năn hối hận của mi,” em nói, “giờ chỉ là thừa. Giả như mi đã nghe tiếng nói của lương tâm, chú ý đến những cắn rứt của lòng hối hận, trước khi đẩy cuộc trả thù ma quỷ đến tận mức này, thì hắn Frankenstein vẫn còn đang sống.”

“Vậy chẳng lẽ ngươi tưởng rằng,” ác thần đáp, “chẳng lẽ ngươi nghĩ rằng đau khổ và ân hận trong ta đã chết hẳn từ lúc đó hay sao? - Người ấy,” hắn nói tiếp, trỏ vào thi thể, “người ấy đâu có đớn đau gì khi công cuộc đến hồi kết thúc; không hề! không được đến một phần vạn nỗi khổ não ta chịu đựng suốt từng bước thực thi nó. Một tình cảm ích kỷ thúc ta tiến tới trong khi trái tim ta co rút vì nọc độc của sự ăn năn[56]. Ngươi nghĩ tiếng rên rỉ của Clerval đối với tai ta là âm nhạc sao? Tim ta được cấu tạo để đón nhận tình yêu và thương cảm; và khi bị nỗi khốn khổ biến thành ác độc và thù hận, nó không qua nổi sự thay đổi tàn bạo đó mà không chịu đựng tra tấn tới mức mi không tài nào hình dung nổi.

“Sau khi giết chết Clerval, ta trở về Thụy Sĩ, lòng tan nát, mất hết tinh thần. Ta thương hại Frankenstein; lòng thương biến thành kinh hoảng, ta ghê tởm chính mình. Nhưng khi ta phát hiện ra người ấy, kẻ trong một lúc đã ban cho ta sự sống và mọi vò xé tâm can không tả nổi, lại dám hy vọng về hạnh phúc, trong khi đổ lên đầu ta bao khốn nạn và tuyệt vọng, người ấy lại tìm kiếm nguồn vui từ lạc thú đam mê mà ta bị ngăn cấm vĩnh viễn, thì nỗi ganh tị bất lực và giận hờn cay đắng lại đưa ta đến khao khát trả thù[57]. Đã bị đưa đến nước này, ta không còn chọn lựa nào khác là khiến mình thích nghi với cái yếu tố mà mình đã tự tâm lựa chọn.[58] Việc hoàn tất mục đích ma quỷ của mình đã trở thành một thứ xúc cảm không dập nổi. Và bây giờ đã hết, đây là nạn nhân cuối cùng của ta!”

Thoạt tiên những lời giãi bày khổ sở của hắn làm em cảm động, nhưng khi nhớ lại Frankenstein đã nói về tài hùng biện và thuyết phục của miệng lưỡi hắn như thế nào, và khi nhìn lại thi thể đã cạn kiệt sức sống của bạn em, em lần nữa nổi giận. “Tên khốn nạn!” em bảo, “mi khá thật, đến đây mà than vãn cảnh tan hoang do chính tay mi tạo ra. Mi ném ngọn đuốc vào giữa khối nhà, và khi tất cả đã cháy rụi hết, mi ngồi trên đống tro tàn mà thương khóc cho cảnh sa ngã. Đồ quỷ sứ giả nhân giả nghĩa! Giả sử người mà mi tiếc than còn sống, hẳn anh ấy vẫn là đối tượng, lần nữa lại là mồi ngon cho sự báo thù đáng nguyền rủa của mi rồi. Mi đâu biết thương xót là gì, mi than vãn chỉ vì nạn nhân sự ác độc của mi đã bị giật khỏi mi.”

“Ôi, không phải thế đâu, không phải,” sinh vật kia ngắt lời, “thế nhưng hẳn đó phải là cảm giác của ngươi khi chứng kiến cái vẻ như là toan tính của ta. Thế nhưng ta không định tìm ai chia sẻ nỗi bất hạnh của mình. Không bao giờ tìm được mối đồng cảm nào hết. Hồi đầu đi tìm nó, ta nhằm vào tình yêu đức hạnh, những cảm xúc hạnh phúc và thương mến tràn trề trong ta, ta những muốn dự phần trong đó. Nhưng nay, đối với ta, đạo đức chỉ còn là một cái bóng, hạnh phúc yêu thương đã trở thành nỗi tuyệt vọng ngán ngẩm và đắng cay, vậy ta đi tìm đồng cảm về chuyện gì đây? Ta cam tâm đau khổ một mình, trong khi những nỗi đau còn đó: khi chết đi, ta hài lòng vì căm ghét và ruồng bỏ sẽ nhanh chóng làm mờ những ký ức về ta. Một thời ta đã tưởng đến những giấc mơ đạo đức, tiếng tăm hay tình yêu cuộc sống. Một thời ta đã sai lầm mà hy vọng gặp được những sinh vật, bỏ qua hình dáng bên ngoài của mình, sẽ yêu mình vì những phẩm chất xuất sắc mình có thể bộc lộ. Ta đã được nuôi dưỡng bởi những ý nghĩ cao cả về danh dự và tận tụy hy sinh. Nhưng giờ thì tội ác đã dìm ta xuống thấp hơn cả con vật đê tiện nhất. Không tội ác nào, hiểm họa nào, mưu đồ nào, khổ sở nào so sánh được với những thứ ta đã trải qua. Nhìn lại toàn bộ danh mục đáng sợ những tội mình đã phạm, ta không tin nổi mình chính là kẻ trước kia tâm trí tràn đầy những mộng tưởng siêu trần và cao thượng về lòng thiện biết bao đẹp đẽ và tráng lệ[59]. Nhưng sự đời vốn thế: thiên thần sa ngã trở thành ác quỷ. Thế nhưng kẻ thù lớn nhất của Chúa và người đó cũng có bạn và đồng bọn trong cảnh tuyệt vọng; ta chỉ một mình.

“Ngươi tự xưng là bạn Frankenstein, và có vẻ biết về các tội ác của ta cũng như mọi bất hạnh của người ấy. Nhưng khi tỉ mỉ kể ra tất cả, người ấy đâu có nhắc được lời nào đến những ngày tháng khốn khổ ta phải trải qua trong những đam mê bất lực. Bởi dù tiêu diệt các hy vọng của người ấy, ta cũng không thỏa mãn được những dục vọng của mình. Chúng đời đời nóng

bỏng và cào xé; đến nay ta vẫn mong mỏi có tình yêu, có bạn bè, nhưng vẫn bị hắt hủi như cũ. Như thế mà không phải bất công sao? Chẳng lẽ ta bị coi là kẻ phạm tội duy nhất, khi toàn thể loài người có tội đối với ta? Sao ngươi không ghét Felix kẻ đã hỗn xược đuổi bạn mình ra khỏi cửa? Sao ngươi không kết tội tay nông dân định giết kẻ đã cứu con mình? Đời nào, họ là những sinh linh tốt đẹp không hề vấy bẩn! Ta đây, kẻ bị bỏ rơi thảm hại, lại là đứa trẻ bị vứt bỏ cho người ta hắt hủi, đá bạt đi, giẫm đạp lên. Lúc này đây nhớ lại những bất công ấy, ruột gan ta còn sôi lên sùng sục.

"Nhưng đúng ta là một kẻ khốn nạn. Ta đã sát hại những con người đáng yêu, những kẻ không ai giúp đỡ, ta đã bóp cổ kẻ ngây ngô trong lúc người ta đang ngủ, đã in hằn vết tay trên họng những người chưa hề bao giờ phạm đến ta hay bất kỳ vật nào đang sống. Ta đã đưa người sáng tạo ra mình, mẫu hình ưu việt xứng đáng với tình yêu và sự kính trọng của người đời, đến chỗ khổ sở tột cùng; ta đã truy đuổi người đó tới tận cảnh suy sụp không cứu nổi ấy. Người đó đang nằm kia, trắng nhợt và lạnh giá trong cái chết. Ngươi ghét ta, nhưng nỗi ghê tởm ấy cũng không sánh nổi với lòng ta tự ghê hãi mình. Ta nhìn vào đôi bàn tay đã thực hiện hành động ấy; ta nghĩ đến trái tim đã hình dung ra nó; ta mong mỏi mãi tới lúc đôi tay này sẽ vuốt lên mắt ta, và hình dung ấy không còn ám ảnh tâm trí ta nữa.

"Ngươi đừng sợ ta sẽ còn thực hiện những ác họa trong tương lai. Công việc của ta đã gần kết thúc. Không cần đến cái chết của ngươi hay của bất kỳ ai khác nữa để kết thúc những ngày tồn tại của ta và hoàn tất việc phải làm; chỉ cần duy nhất ta thôi. Ngươi cũng đừng nghĩ ta sẽ trì hoãn sự hy sinh. Ta sẽ rời tàu ngươi trên mảnh băng đã đưa ta tới đây, tìm đến tận đỉnh phía Bắc của địa cầu; ta sẽ thu thập nhiên liệu cho đám ma mình, thiêu thành tro cái hình hài thảm hại này, để không còn lại mảnh xác nào mà cung cấp ánh sáng cho bất kỳ kẻ khốn nạn tò mò phạm thánh nào có thể tạo ra một sinh vật giống như ta nữa. Ta sẽ chết. Sẽ không còn cảm thấy nỗi đau đớn giờ đây đang thiêu đốt, hoặc làm mồi cho những xúc cảm không được thỏa mãn và cũng không bao giờ nguôi ngoai. Người đưa ta đến cuộc đời này đã chết; và khi ta không còn nữa, những gì liên quan tới cả hai ta sẽ mau chóng biến đi. Ta sẽ không còn trông thấy mặt trời và các vì sao, cảm nhận làn gió nhẹ đùa trên hai má. Ánh sáng, tình cảm, mọi cảm giác sẽ không còn, và trạng thái đó sẽ khiến ta sung sướng. Vài năm trước đây, khi quang cảnh thế giới lần đầu mở ra trước mắt ta, khi ta cảm nhận được sự ấm áp vui tươi của mùa hè, nghe tiếng xào xạc của lá cây, tiếng chim hót líu lo trên cành, và những thứ đó là tất cả đối với ta, lúc ấy phải chết chắc ta đã khóc; giờ đây đó

là niềm an ủi duy nhất của ta. Nhơ bẩn vì tội lỗi, day dứt vì ân hận chua cay, ta còn tìm thấy nơi đâu an bình hơn cái chết?

"Vĩnh biệt! Ta rời bỏ ngươi, và cũng là rời bỏ con người cuối cùng đôi mắt này còn được thấy. Vĩnh biệt Frankenstein! Giả sử ngài còn sống và vẫn thiết tha trả mối hận thù đối với tôi, ngài sẽ thỏa mãn khi thấy tôi còn tồn tại hơn là hủy diệt. Nhưng không phải vậy; ngài quả đã muốn diệt tôi bằng được, để tôi không còn gây cảnh khốn khổ lớn hơn; và nếu không phải tư duy và cảm xúc của ngài đã chấm dứt vĩnh viễn, qua một quá trình còn bí hiểm đối với tôi, ngài cũng không thể khao khát trả thù tôi bằng nỗi khát khao của chính tôi. Ngài đã bị quật tan tành đến thế, nhưng nỗi thống khổ của tôi còn lớn hơn nhiều, bởi niềm ân hận xót xa sẽ còn chà xát vào vết thương tôi cho đến khi chúng khép lại vĩnh viễn trong cái chết.

"Nhưng điều đó sẽ nhanh thôi," hắn kêu lên nồng nhiệt một cách buồn rầu và trang trọng, "và cảm xúc của tôi lúc này sẽ không còn nữa. Chẳng mấy chốc những khổ sở cháy bỏng này sẽ tắt lịm. Tôi sẽ đắc thắng mà trèo lên đống củi giàn thiêu, và hân hoan trong đau đớn giữa lưỡi lửa cực hình. Ánh sáng đám cháy rồi sẽ tắt, nắm tro tàn sẽ được gió đưa xuống biển khơi. Linh hồn tôi sẽ ngủ yên bình, hoặc nếu như nó còn biết suy nghĩ, chắc chắn nó sẽ không nghĩ như giờ đây. Vĩnh biệt."

Hắn lao qua cửa sổ cabin khi nói câu này, rơi xuống mảnh băng trôi cạnh con tàu. Chẳng mấy chốc hắn đã được con sóng đưa đi, mất hút trong bóng đêm xa thẳm.

HẾT

---

[a] *Người thủy thủ già* của Coleridge [Chú thích của Mary Shelley trong nguyên bản].

[b] Mặt trăng [Chú thích của Mary Shelley trong nguyên bản].

[c] *Rimini* của Leigh Hunt [Chú thích của Mary Shelley trong bản in năm 1818].

[d] *Tu viện Tintern* của Wordsworth [Chú thích của Mary Shelley trong nguyên bản].

---

[1] Standard Novels (Tiểu thuyết bản chuẩn): tủ sách do Henry Colburn và Richard Bentley thực hiện từ năm 1831 đến 1836, nhằm cung cấp một văn bản chuẩn hóa và thống nhất, cũng như một ấn bản không đắt tiền cho những tác phẩm văn xuôi cần cho công chúng. Mary Shelley đã sử dụng cơ hội này để sửa lại khá nhiều điểm của *Frankenstein*.

[2] Huân tước George Gordon Byron (1788-1824): một trong những thủ lĩnh của thơ Lãng mạn Anh; nổi tiếng nhất với hai bài thơ tự sự dài *Childe Harold's Pilgrimage* (*Hành trình du lãng của Childe Harold*) (sáng tác từ 1809-1818) và *Don Juan* (chưa hoàn thành khi mất). Bản thân cổ động cho luyến ái tự do với nhiều cuộc tình khá phóng túng và tai tiếng, Byron rời Anh vĩnh viễn sau cuộc hôn nhân đổ vỡ vào năm 1816 và chu du châu Âu, trong giai đoạn đó gặp gỡ và làm bạn với gia đình Shelley, cũng là tín đồ của tự do luyến ái, bên hồ Geneva. Giai đoạn sau ông tham gia cuộc đấu tranh giành độc lập của Ý rồi Hy Lạp, thỏa mãn những lý tưởng xã hội của mình, và được người Hy Lạp tôn vinh như một anh hùng sau khi mất.

[3] *Fantasmagoriana, ou Recueil d'Histoires d'Apparitions de Spectres, Revenants, Fantômes, etc.* (*Fantasmagoriana, hay Tập truyện về những vong hồn, ma mị, yêu quỷ*) là một tập truyện ma xuất bản bằng tiếng Pháp năm 1812, tuyển dịch từ một bộ tổng tập truyện ma Đức gồm 5 cuốn. Tập truyện này lại được tuyển dịch lần nữa sang tiếng Anh, *Tales of the Dead* (*Chuyện kể về kẻ chết*) năm 1813, chỉ có 5 truyện, nhưng không có vẻ là Mary Shelley đã tiếp cận với ấn bản này. Hai truyện được nhắc đến ở đây là *"Nàng hôn thê ma"* và *"Những bức chân dung dòng họ"*. Đối với giới văn học Anh, bộ sách này được biết đến chủ yếu với tư cách là cảm hứng cho Frankenstein, và năm 2005, bộ *Fantasmagoriana* lần đầu tiên được dịch ra tiếng Anh trọn vẹn.

[4] John William Polidori (1795-1821): bác sĩ và nhà văn người Anh gốc Ý, được coi là người khai sinh ra thể loại ma cà rồng trong văn học lãng mạn và hình mẫu ma cà rồng "sang trọng và quý tộc" hiện đại với tác phẩm *The Vampyre* (*Ma cà rồng*), 1819, dựa trên phần truyện mà Byron đã viết ra trong dịp này.

[5] *Tom vùng Coventry*: một truyền thuyết của thành phố Coventry ở vùng West Midlands, Anh. Chuyện kể rằng vào thế kỷ 11, bá tước phu nhân Godiva, vì muốn thuyết phục chồng mình là bá tước Leofric giảm những khoản thuế ngặt nghèo cho dân chúng Coventry, đã chấp nhận lời thách thức của ông, để thân trần cưỡi ngựa đi qua suốt thành phố, chỉ có mái tóc dài che phủ. Trước đó dân chúng đã được thông báo rộng rãi điều này và được yêu cầu ở yên trong nhà, đóng chặt mọi cửa và cửa sổ. Hành động này dĩ nhiên đã đạt được mục đích từ thiện của nó. Đến những thế kỷ sau, truyền thuyết được bổ sung thêm một nhân vật nữa, được cố định lại và trở thành phổ biến từ sau bài thơ *Godiva* của Tennyson: gã Tom đã nhìn lén Godiva qua cửa sổ và bị trời đánh mù cả hai mắt.

[6] *đưa vào nhà mồ của gia đình Capulet*: thành ngữ ám chỉ "bị quên lãng, bị bỏ rơi hoàn toàn". Nhà mồ gia đình Capulet là nơi Romeo và Juliet kết liễu cuộc đời họ.

[7] Sancho Panza, giám mã của Don Quixote. *"Mọi chuyện đều có một khởi đầu"* là nhận xét của Sancho khi đối đáp với hai vợ chồng công tước về khả năng mình làm thống đốc một hòn đảo (phần 2, chương 33). Ở đây Mary Shelley nhại cách nói của văn chương bác học khi trích dẫn các tác gia kinh điển.

[8] Christopher Columbus (1451-1506): nhà thám hiểm châu Âu có ảnh hưởng lớn trong lịch sử khám phá châu Mỹ. Câu chuyện Columbus và quả trứng là một giai thoại nổi tiếng, theo đó trong một bữa yến tiệc, các nhà quý tộc Tây Ban Nha gièm pha Columbus, cho rằng công trạng tìm ra hải trình tới Mỹ châu của ông chẳng có gì to tát, và rằng nếu không phải ông, ắt một người Tây Ban Nha sẽ tìm được con đường đó. Columbus liền yêu cầu mang tới một quả trứng và thách tất cả mọi người trong tiệc khiến nó đứng được trên bàn mà không cần dụng cụ nào. Sau khi cả bàn thúc thủ, Columbus khẽ đập một đầu quả trứng xuống bàn, và nó dễ dàng đứng được trên một đầu đã dập. Giai thoại này được lấy làm minh họa cho những lời giải hoặc phát kiến trở thành hiển nhiên chỉ sau khi nó đã được giải thích ra. Trong danh mục sách đã đọc của Mary Shelley, cuốn *Life and Adventures of Christopher Columbus* (Sinh thời và hành trình của Christopher Columbus) của Washington Irving có sử dụng giai thoại này.

[9] Erasmus Darwin (1731-1802): nhà thực vật học, tự nhiên học, phẫu thuật gia người Anh, ông nội của Charles Darwin. Ông nghiên cứu về bệnh lý học và đưa ra những ý tưởng gần với thuyết tiến hóa sau này; trung tâm là tư tưởng có một chất sống duy nhất làm căn bản cho cả muôn loài. Trong phần ghi chú bổ sung cho *The Temple of Nature, or the Origin of Society* (*Đền Tự nhiên, hay nguồn gốc của xã hội*), bài trường ca về tiến hóa sinh học cuối đời, tên *"Spontaneous Vitality of Microscopic Animals"* (*Sự sống tự phát của những động vật vi sinh*), Darwin có mô tả một số thực nghiệm mà dường như kết quả quan sát được cho thấy vi sinh động vật, cũng như vi sinh thực vật, dường như có thể tự hình thành từ vật chất vô sinh. Tuy nhiên ông đã dựa trên những bằng cứ khoa học để giải thích cho kết luận sai lầm đó.

[10] phép sốc điện (galvanism): thuật ngữ đã lỗi thời, đặt theo tên Luigi Galvani, nhà vật lý và phẫu thuật gia Ý đã tìm ra năng lượng hóa điện có trong cơ thể sinh vật, mà ông đặt tên là "điện động vật" vào thập kỷ 1780-90; nay được gọi là ngành điện sinh lý học. Thí nghiệm của Galvani cho thấy khi chạm con dao kim loại vào chân một con ếch đã mổ sẽ gây ra phản ứng co giật của các cơ, và ở thời Victoria, nhiều người tin rằng cho dòng điện thích hợp chạy vào một cơ thể vừa chết có thể mang sự sống trở lại.

[11] Archangel (Arkhangelsk): thủ phủ của vùng Arkhangelsk, nằm hai bên bờ sông Dvina Bắc đoạn đổ ra Bạch Hải, suốt một khoảng thời gian dài trong thời trung đại là hải cảng duy nhất của đế quốc Nga. Đầu thế kỷ 18, khi Pyotr Đại đế xây dựng St. Petersburgh, Arkhangelsk có kém phồn vinh hơn chút ít, nhưng tới cuối thế kỷ 19, khi đường sắt nối Moskva được xây dựng qua đây, thành phố dần dần khôi phục lại sự náo nhiệt của mình.

[12] Lão thủy thủ già: nhân vật trong *The Rime of the Ancient Mariner* (*Bài ca của lão thủy thủ già*) của Samuel Coleridge, vì bắn chết một con chim hải âu ở giữa vùng biển "ngự trị tuyết và

sương mù" mà chịu một lời nguyền đeo đẳng.

[13] Geneva (Genève): thủ phủ của bang Geneva, là thành phố lớn nhất trong vùng lãnh thổ nói tiếng Pháp của Thụy Sĩ trên bờ sông Rhone ở đầu phía Tây hồ Geneva, nơi dòng Arve từ đỉnh Mont Blanc đổ xuống Rhone.

[14] Lucerne (Luzern): thủ phủ bang Lucerne, nằm trên sông Reuss và hồ Lucerne thuộc vùng trung Thụy Sĩ, sử dụng tiếng Đức.

[15] *schiavi ognor frementi*: *"những vong quốc nô muôn đời căm phẫn"*. Trước khi nước Ý được thống nhất vào đầu thế kỷ 19, vùng Lombardy suốt nhiều thế kỷ là đối tượng của những thế lực khác nhau xâu xé và những cuộc chiến giành quyền tự trị. Tới thế kỷ 15, khi tình hình tạm ổn định, công quốc Milan đã có được thời kỳ phát triển thịnh vượng của mình. Sau trận Pavia (1525), công quốc Milan về tay nước Áo, cho tới khi lại có được độc lập nhất định khi đế quốc Napoleon lan ra khắp châu Âu vào cuối thế kỷ 18.

[16] Đây là lần đầu tiên cái tên Victor xuất hiện trong tác phẩm; trong bản 1818, cái tên này sẽ không xuất hiện mãi cho đến sau "Cornelius Agrippa". Trong *Thiên đàng đánh mất*, chữ "Victor" - kẻ thắng - được dùng lặp đi lặp lại để chỉ Chúa trời và luôn xuất hiện trong phát ngôn của Satan.

[17] triết học tự nhiên: thuật ngữ chỉ tổng thể các ngành khoa học tự nhiên, được dùng tới tận giữa thế kỷ 19.

[18] Cornelius Agrippa: nhân vật thuộc thế kỷ 15, nhà thần bí học và giả kim học người Đức, nghiên cứu thiên văn học, ma thuật và Kabbalah. Được biết đến như một điển hình theo đuổi phép chế tạo vàng. Tên tuổi ông càng được đồn thổi sau khi chết, tạo ra nhiều huyền thoại, có người còn đồn ông là ma cà rồng hiện thế.

[19] Paracelsus: một nhà thần bí học, giả kim học khác, sống ở Thụy Sĩ thế kỷ 16, tin rằng có thể tạo ra sự sống qua phép giả kim (tương truyền đã tạo ra cái gọi là *homunculus* - hình nhân tí hon), nghiên cứu độc dược học và bỏ nhiều công sức tìm hiểu về *elixir* (thần dược trường sinh).

[20] Albertus Magnus: tu sĩ, nhà giả kim người Đức thế kỷ 13, giáo sư thần học ở Paris và là thầy học của thánh Thomas Aquinas. Sau khi mất, tên ông được gán cho rất nhiều tài liệu viết về ma thuật.

[21] hòn đá phù thủy và trường sinh dược: hai báu vật mà các nhà giả kim tìm kiếm. Hòn đá phù thủy có khả năng biến mọi kim loại thành vàng, còn thuốc trường sinh có thể trị được bách bệnh hoặc theo một số thuyết, giúp cho người uống được bất tử. Đây cũng là hai mô-típ phổ biến trong sách vở và văn chương viết về thần bí học cổ cũng như hiện đại.

[22] Ingodstadt: thành phố thuộc bang Bayern (Bavaria) bên bờ Danube. Trường Đại học Ingodstadt thành lập vào nửa sau thế kỷ 15, là một trong những thành trì vững chắc của Cơ đốc giáo chính thống trong thời kỳ phản Cải cách thế kỷ 16, nhưng đến thế kỷ 18 lại là cái nôi nuôi dưỡng một phong trào tìm cách cải tổ hoàn toàn cơ cấu xã hội châu Âu, dù chỉ chủ yếu ở mức lý thuyết. Khoa y học của trường này đặc biệt phát triển, ở nửa sau thế kỷ 18 còn xây thêm một nhà giải phẫu tử thi lớn với đầy đủ trang bị dành cho học tập và thí nghiệm.

[23] *"những khuôn mặt thân thuộc cũ"*: một bài thơ của Charles Lamb, *The Old Familiar Faces* (1798), nói về sự mất mát của những người thân và bằng hữu quanh mình, với điệp khúc lặp đi lặp lại: *"Tất cả, tất cả đã xa rồi, những khuôn mặt thân thuộc cũ."*

[24] anh chàng Ả Rập: chi tiết này lấy từ cuộc phiêu lưu thứ tư của Sinbad trong *Ngàn lẻ một đêm*.

[25] So sánh *Thiên đàng đánh mất*, VIII.167-174, lời thiên thần Raphael nói với Adam:

"Đừng bận tâm trí ngươi với những vấn đề còn ẩn giấu; hãy nhường lại chuyện đó cho Chúa trên trời cao… hãy biết vui lòng với những gì đã được ban cho, Lạc viên này và Eve xinh đẹp; Thiên đàng quá xa vời để ngươi biết được chuyện gì đang xảy ra ở đó; hãy khôn ngoan mà cúi thấp đầu: hãy chỉ nghĩ tới những điều liên quan trực tiếp tới ngươi và bản chất sự tồn tại của ngươi."

[26] So sánh *Thiên đàng đánh mất*, VII, 154-160, khi Chúa trời tuyên bố ý định của mình, để đền bù lại khoảng trống do một phần ba quân đoàn thiên thần đã bị trục xuất theo Satan khỏi Thiên đàng, "trong nháy mắt ta sẽ tạo ra một Thế giới mới, và từ một con người tạo một Dòng giống mới của những con người đông đảo không kể xiết, để cư ngụ nơi đó, không phải nơi đây, tới khi nhờ đức hạnh được tôn cao rốt cuộc chúng tự mở lối lên tới nơi này, sau khi thử thách qua sự vâng chịu dài lâu, và Đất biến thành Trời, và Trời thành Đất."

[27] Dante Alighieri (1265-1321): nhà thơ Ý, tác giả *Thần khúc*. Trong phần đầu của *Thần khúc*, *"Địa ngục"*, Dante có miêu tả những tội nhân đang chịu trừng phạt, hình thể bị méo mó đi tương ứng với những tội lỗi trong tâm hồn họ lúc còn ở trên cõi trần.

[28] *The Vicar of Wakefield*: tiểu thuyết của Oliver Goldsth, 1766. Chương 20, khi George, con trai của viên cha sở chu du khắp châu Âu và đang đói việc, anh đến gặp hiệu trưởng một trường đại học Hà Lan đề nghị đem vốn tiếng Hy Lạp đào tạo tại Oxford của mình làm một chân giảng viên ở trường đó và được trả lời như trên.

[29] Angelica: nhân vật nữ trong *Orlando Furioso* (*Orlando cuồng nộ*) của Ludivico Ariosto, cô công chúa Đông phương đã làm cho các hiệp sĩ của triều vua Charlemagne mê mẩn.

[30] *"những tòa lâu đài của thiên nhiên"*: cụm từ của Byron dùng mô tả dãy Alps trong *Childe Harold's Pilgrimage*, III, 591.

[31] Mont Blanc: một trong những ngọn núi của dãy Alps, đỉnh Mont Blanc cao nhất châu Âu (4808m), nằm giữa thung lũng Aosta của Ý và vùng Thượng Savoie của Pháp.

[32] So sánh *Thiên đàng đánh mất*, VI, 339-341, khi Satan vừa thua trận đấu với các thiên thần và được đồng bọn đưa về: "Nơi này chúng đặt hắn nằm, răng nghiến chặt, thống khổ, căm hờn và hổ thẹn, khi thấy mình không phải là vô địch." "Nghiến răng" cũng là một lối diễn đạt quen thuộc trong Kinh thánh khi miêu tả kẻ ác; Địa ngục thường được miêu tả là "nơi có khóc lóc nghiến răng".

[33] So sánh *Thiên đàng đánh mất*, IV, 19-21, khi Satan mới tới Lạc viên: "từ đáy sâu Địa ngục xao động bên trong hắn, bởi hắn chứa cả Địa ngục trong mình."

[34] Mer de Glace (Biển băng): nằm trên sườn phía Bắc đỉnh Mont Blanc trên độ cao 3900m, dòng sông băng bắt nguồn từ đó chảy suốt 5,6km xuống tới độ cao 1400m, là con sông băng dài thứ nhì châu Âu.

[35] Trích trong *Mutability* (Biến động) của Percy Shelley.

[36] So sánh *Thiên đàng đánh mất*, VIII, 250-1, lời Adam nói với Raphael: "Đối với Con người kể lại khởi thủy của Đời người thật khó, bởi có kẻ nào biết được khởi đầu của chính mình?"

[37] So sánh *Thiên đàng đánh mất*, VIII, 273-4, những lời Adam nói khi đặt tên cho muôn vật quanh mình: "Ngươi là Mặt trời, tôi nói, hỡi Nguồn sáng tươi đẹp, ngươi chiếu sáng toàn trái đất, tươi mới và hân hoan."

[38] Pandmonium: thủ phủ của Địa ngục, nơi Satan triệu tập hội đồng của các thiên thần sa ngã sau khi bị đuổi khỏi Thiên đình trong *Thiên đàng đánh mất*. Bản thân từ ngữ này là một sáng tạo của Milton từ gốc từ Latin, có nghĩa là "Tổng thể các tiểu thiên thần".

[39] *Con lừa và chú chó cưng*: một truyện ngụ ngôn của Aesop, được La Fontaine kể lại: con lừa thấy chú chó cưng được nằm trên lòng chủ, âu yếm vỗ về, ghen tị và bắt chước toan dùng

móng mơn trớn, dùng giọng rống của mình mua lòng chủ, nhưng chỉ chuốc lấy gậy gộc.

[40] *Les Ruines, ou méditations sur les révolutions des empires* (*Những tàn tích, hay suy ngẫm về sự lật đổ các đế chế*) của Constantin Franois Chasseboeuf, bá tước de Volney, viết năm 17 với hai bản dịch ra tiếng Anh năm 1792 và 1802. Cuốn sách chỉ trích khắc nghiệt tất cả những hệ tư tưởng đang thống trị trên thế giới và vẽ ra hình mẫu cho một con người cách mạng mới mẻ.

[41] So sánh *Thiên đàng đánh mất*, IV, 505-510, khi Satan nấp trên cây Trí tuệ chứng kiến cảnh Adam và Eve âu yếm nhau: "Cảnh tượng đáng căm hờn, cảnh tượng bao tra tấn! Hai kẻ kia trong vòng tay nhau đắm vào thiên đàng cao hơn cả Lạc viên, hưởng thụ ơn phước ban cho nhau vô tận, trong khi ta chìm trong Địa ngục, nơi chẳng tình yêu cũng chẳng niềm vui, mà chỉ có khát khao rực bỏng, giữa những tra tấn của ta chẳng phải là nhẹ nhất."

[42] So sánh *Thiên đàng đánh mất*, VIII, 361-3… 389-91, Adam thuật lại với Raphael lời mình cầu khẩn Chúa trời: "Để con người được sống trong sung túc, Người đã vung tay rộng lượng đến vậy, ban cho tôi mọi thứ: Nhưng bên mình tôi chẳng thấy ai để sẻ chia… Tôi muốn tìm được bạn bầu thích hợp để cùng dự phần trong niềm lạc thú đầy trí tuệ."

[43] So sánh *Thiên đàng đánh mất*, IV, 73-75, tâm trạng Satan khi vừa tìm được đường tới Lạc viên: "Thảm hại thân ta! biết chạy đường nào khỏi nỗi điên giận vô chừng, niềm tuyệt vọng vô chừng? Chạy đường nào cũng là Địa ngục, chính ta là Địa ngục."

[44] So sánh *Thiên đàng đánh mất*, I, 120-124, lời Satan nói với quân đoàn của mình dưới địa ngục: "Chúng ta có thể thêm hy vọng mà quyết tâm theo đuổi, bằng sức mạnh hay mưu mẹo, cuộc chiến vĩnh cửu này, không dàn xếp nổi với Cừu nhân vĩ đại trên cao, kẻ vừa chiến thắng, và giờ đây trong mừng vui tột bực mà nắm giữ quyền toàn trị của Thiên đàng."

[45] So sánh đoạn kết *Thiên đàng đánh mất*, XII, 646-649, Adam và Eve rời khỏi Lạc viên vĩnh viễn, hoàn tất việc "đánh mất thiên đàng": "Cả thế giới trải ra trước mặt, họ nên chọn chốn nghỉ nào, có Thiên mệnh làm hướng đạo: Tay nắm tay, bước chân vô định và chậm chạp, cả hai bước con đường đơn độc ra khỏi Lạc viên."

[46] So sánh *Thiên đàng đánh mất*, V, 17-19, khi Adam đánh thức Eve dậy: "Tỉnh dậy đi, người xinh đẹp nhất, bạn đời của ta, báu vật cuối cùng ta tìm được, món quà cuối cùng tuyệt diệu nhất của Trời, niềm hân hoan dành cho ta luôn luôn tươi mới."

[47] "kẻ thù tối cao": từ ngữ thường dùng để chỉ Satan.

[48] Gió Sirocco: gió khô nóng từ châu Phi thổi qua Địa Trung Hải vào vùng Nam Âu.

[49] Giai thoại này được Mary Shelley thuật lại trong *History of a Six Weeks' Tour* (*Lịch sử một cuộc dạo chơi sáu tuần*), 1817: "Vài ngọn núi bao bọc lấy hồ về phía Nam đỉnh phủ tuyết băng vĩnh cửu; một trong số đó, ngay đối diện Brunen, có một truyền thuyết về một tu sĩ và người tình của ông ta, chạy trốn khỏi sự trừng phạt, đã ẩn trong một nếp nhà nhỏ ở dưới chân những lớp núi. Một đêm mùa đông cơn tuyết lở xuống đã lấp trùm lên họ, nhưng giọng nói yếu ớt của họ vẫn còn nghe thấy được trong những đêm bão tố, van xin những người nông dân cứu giúp."

[50] So sánh *Thiên đàng đánh mất*, IV, 37-40, khi Satan mới tới Lạc viên: "Ôi vầng Thái dương! ta gọi mi để nói rằng ta căm ghét những tia nắng của mi đến mức nào, đã gợi nhắc trong ta mình rơi xuống khỏi địa vị cao quý ra sao, nhắc ta trước kia đã huy hoàng bao nhiêu bên trên tinh cầu của mi, trước khi kiêu ngạo và tham vọng dìm ta xuống trong cuộc chiến với vì Vua vô địch của Thiên đàng."

[51] Nguyên bản: *"a devouring maladie du pays"*. Đây là lần duy nhất Victor Frankenstein dùng tiếng Pháp, tiếng mẹ đẻ của anh ta, trong toàn bộ lời kể bằng tiếng Anh với Robert Walton.

[52] Quả táo đã cắn rồi… hy vọng: ám chỉ tới việc Adam bị đuổi khỏi Lạc viên.

[53] Ám chỉ cuộc xâm lược của Napoleon vào Thụy Sĩ năm 1798.

[54] Người Hy Lạp…: gợi lại sự kiện miêu tả trong *Abanasis* (*Chuyến viễn chinh*) của Xenophon, nhà sử học Athens vào thế kỷ 5 trCN, khi đội quân người Hy Lạp đánh thuê cho hoàng tử Cyrus người Ba Tư thất trận bị kẹt lại trong lãnh thổ Ba Tư thù nghịch, phải tìm đường ra Biển Đen để rút về quê hương Hy Lạp của mình.

[55] Vị tổng thiên thần ham muốn quyền hạn vô biên: Lucifer, tức Satan, vì muốn tranh ngang bằng với Chúa mà đã bị tống vào địa ngục.

[56] So sánh *Thiên đàng đánh mất*, IX, 171-172, Satan khi mới tới Lạc viên: "Sự trả thù, ban đầu ngọt dịu, chỉ ít lâu đã trở thành cay đắng phản lại chính mình."

[57] So sánh *Thiên đàng đánh mất*, IX, 467-471, khi Satan đi tìm Eve sáng hôm đó, và thoạt nhìn nàng bỗng cảm thấy mình "tốt đẹp một cách ngu ngốc" mà dịu đi những ý định độc ác trước kia, "nhưng Địa ngục nóng bỏng nằm sẵn trong hắn ta bùng cháy, dù đang ở giữa Thiên đàng, nhanh chóng dập tắt niềm vui, và giờ hành hạ hắn nhiều hơn nữa, khi hắn càng nhìn thấy niềm lạc thú chẳng phải cho mình: nhanh chóng quay lại cơn thù hằn rực cháy cùng mọi ý nghĩ xấu xa."

[58] So sánh *Thiên đàng đánh mất*, IV, 108-110, sau khi Satan ở vườn Lạc viên cân nhắc về kế hoạch chống lại Chúa và loài người, trải qua đủ thứ cảm xúc ngờ vực, sợ hãi, tỵ nạnh và tuyệt vọng, cuối cùng đi đến quyết tâm thực hiện kế hoạch của mình: "Nay vĩnh biệt Hy vọng, và từ đó vĩnh biệt luôn Sợ hãi, vĩnh biệt cả Ăn năn: mọi cái Thiện bỏ rồi, Hỡi cái ác, mi với ta từ nay thành thiện."

[59] So sánh *Thiên đàng đánh mất*, IV, 23-26, Satan ở vườn Lạc viên: "Giờ lương tâm đánh thức niềm tuyệt vọng trước vẫn ngủ yên, đánh thức ký ức xót xa về ngày xưa, hiện tại, và tương lai tàn tệ hơn sắp tới."